

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Hà Nội, tháng 4/2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1

PHẦN I. KHÁI QUÁT 1

1.1. Đặt vấn đề 1

1.2. Tổng quan chung 7

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo **Error!**

Bookmark not defined.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. 25

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo 38

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai **Error!**

Bookmark not defined.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo 54

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật 55

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật 65

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận 72

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 77

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra 77

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng. 93

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp 101

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học 109

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan 110

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra 115

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học 120

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 145

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Error! Bookmark not defined.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/Người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai. 145

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá 145

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. 164

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng 170

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 174

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. 182

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai 187

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá 190

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó. **Error!**

Bookmark not defined.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học **Error! Bookmark not defined.**

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật 200

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá 199

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH 204

Tiêu chí 8.4. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng làm việc của NH

206

- Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH 210
- Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị 221
- Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 221
- Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động học tập và nghiên cứu 221
- Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 225
- Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu 228
- Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật 236
- Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến. **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra 250
- Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 11.4. Loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng **Error! Bookmark not defined.**
- Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng 304
- PHẦN III. KẾT LUẬN 25
- 3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT 318
- 3.2. Một số điểm tồn tại 321
- 3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT: 325
- 3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016 333
- PHẦN IV. PHỤ LỤC **Error! Bookmark not defined.**

4.1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT 333

4.2. Các tư liệu, tài liệu liên quan **Error! Bookmark not defined.**

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

TT	CHỮ CÁI VIẾT TẮT	TÊN ĐẦY ĐỦ
	BCNK	Ban chủ nhiệm khoa
	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
	CNTT	Công nghệ thông tin
	CSGD	Cơ sở giáo dục
	CTDH	Chương trình dạy học
	CTĐT	Chương trình đào tạo
	CĐR	Chuẩn đầu ra
	ĐHSPHN	Đại học Sư phạm Hà Nội
	GDCT	Giáo dục chính trị
	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
	GV	Giảng viên
	LLCT - GDGD	Lý luận chính trị - Giáo dục công dân
	LVTN	Luận văn tốt nghiệp
	NCKH	Nghiên cứu khoa học
	NH	Người học
	NCS	Nghiên cứu sinh
	NV	Nhân viên
	NVSP	Nghiệp vụ sư phạm
	PCCC	Phòng cháy chữa cháy

	PGS	Phó Giáo sư
	PPDH	Phương pháp dạy học
	SV	Sinh viên
	ThS	Thạc sĩ
	TS	Tiến sĩ
	TC	Tín chỉ
	TTSP	Thực tập sư phạm
	VHVL	Vừa học vừa làm
	TTĐBCL	Trung tâm Đảm bảo Chất lượng

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị (GDCT) được Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) phê duyệt với mục tiêu là đào tạo và cung cấp cho xã hội các cử nhân sư phạm GDCT có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Năm học 1976, Trường bắt đầu tuyển sinh và thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) cho hệ Cử nhân GDCT, đến nay đã có 44 khóa tốt nghiệp. Trong quá trình triển khai đào tạo, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội và khoa LLCT – GDCD luôn quan tâm đến công tác đào tạo và đổi mới chương trình để nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân GDCT. Để phục vụ cho hoạt động kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng theo “Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo” ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng BGD&ĐT, khoa LLCT – GDCD tiến hành quá trình tự đánh giá CTĐT ngành GDCT.

* Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá gồm có 4 phần chính là:

Phần I: Khái quát;

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí;

Phần III: Kết luận;

Phần IV: Phụ lục.

Cụ thể các phần như sau:

Phần I: Khái quát

Trình bày tổng quan về cấu trúc và nội dung cơ bản của báo cáo tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành GDCT theo các tiêu chuẩn; giải thích cách mã hoá các minh chứng trong báo cáo tự đánh giá. Đồng

thời, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách chất lượng và hoạt động đảm bảo chất lượng của khoa LLCT – GDCT, Trường ĐHSPHN.

Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí

Phần Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí trình bày báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDCT theo 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí ban hành kèm thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Cụ thể, đó là nội dung tự đánh giá về: (TC1) Mục tiêu và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT; (TC2) Bản mô tả CTĐT; (TC3) Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học; (TC4) Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; (TC5) Đánh giá kết quả học tập của người học; (TC6) Đội ngũ giảng viên (GV), nghiên cứu viên (NCV); (TC7) Đội ngũ nhân viên (NV); (TC8) Người học và hoạt động hỗ trợ người học; (TC9) Cơ sở vật chất và trang thiết bị; (TC10) Nâng cao chất lượng; (TC11) Kết quả đầu ra.

Các tiêu chí của mỗi tiêu chuẩn được mô tả chi tiết nhằm nêu ra những điểm mạnh và những tồn tại thông qua đó lên kế hoạch hành động và các giải pháp cải tiến. Các tiêu chí sau khi phân tích được tự đánh giá một cách khách quan theo 7 mức quy định.

- Phần III: Kết luận

Mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT; đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng. Cuối phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT của Trường ĐHSPHN.

Phần IV Phụ lục: Bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ trưởng Bộ

GD&ĐT; Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về Tài liệu đánh giá chất lượng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

* Cách mã hoá minh chứng trong báo cáo

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết
(trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15, ...)

Ví dụ:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất tiêu chí 1 của tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1

H3.03.02.15: là MC thứ 15 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3

H4.04.03.25: là MC thứ 25 tiêu chí 03 của tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4

H8.10.02.04: là MC thứ 4 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 8

H10.10.02.04: là MC thứ 4 tiêu chí 2 của tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10

1.1.2. Mục đích, quy trình, phạm vi, phương pháp, công cụ và các bên tham gia đánh giá

- Mục đích tự đánh giá:

Mục đích của việc tự đánh giá CTĐT ngành GDCT là nhằm nhìn nhận lại toàn diện các mặt hoạt động của Khoa LLCT – GDCD trong 5 năm qua (2019 - 2024). Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Khoa LLCT – GDCD xác định rõ những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại và đề ra kế hoạch hành động để duy trì, phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa.

Kết quả tự đánh giá góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT. Thông qua việc tự rà soát và đánh giá thực trạng của chương trình tại thời điểm tự đánh giá, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến và hoàn thiện hơn chất lượng CTĐT; đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch.

Tự đánh giá CTĐT là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài, là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng của CTĐT, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Đồng thời, hoạt động tự đánh giá còn giúp Nhà trường, Khoa LLCT – GDCD và mỗi cán bộ viên chức trong khoa biết rõ các điểm mạnh cũng như các vấn đề còn tồn tại của CTĐT; từ đó có hướng giải quyết nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình, để đào tạo ra các cử nhân GDCT có năng lực, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Quy trình tự đánh giá: Quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

+ Bước 1: Thành lập hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách. Để triển khai công tác tự đánh giá, Khoa đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá, thành lập Ban Thư kí và 5 nhóm công tác chuyên trách. Mười một tiêu chuẩn tự đánh giá được phân công cụ thể cho 5 nhóm chuyên trách chịu trách nhiệm, dưới sự hỗ trợ trực tiếp của trưởng ban thư ký là Giám đốc của TT ĐBCL.

+ Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm chuyên trách. Các nhóm chuyên trách được giao nhiệm vụ cụ thể và tiến hành công việc theo lịch trình và kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt.

+ Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Các nhóm chuyên trách đã tổ chức nhiều cuộc họp để phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Chuyên gia tư vấn của TT ĐBCL đã hướng dẫn các kỹ thuật thu thập minh chứng, kỹ thuật viết báo cáo tiêu chí cho tất cả các thành viên tham gia nhóm chuyên trách.

+ Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được. Quá trình xử lý, phân tích thông tin của các nhóm được thực hiện và tổ chức báo cáo trước hội đồng tự đánh giá của khoa để các nhóm cùng nắm thông tin, đồng bộ minh chứng, tránh được sự chông chéo trong việc xử lý thông tin và minh chứng.

+ Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá. Trên cơ sở các thông tin và minh chứng thu được, dưới sự hỗ trợ trực tiếp của trưởng ban thư ký là giám đốc của TT ĐBCL, các nhóm chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá từng tiêu chuẩn, tiêu chí đã được phân công; đồng thời mã hóa tất cả các minh chứng theo đúng hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Từ việc thu thập minh chứng theo các tiêu chuẩn đã được đặt ra từ các câu hỏi của nhóm về vấn đề cần trả lời cho từng tiêu chí, Thư ký các nhóm tiến hành tổng hợp và biên tập thành báo cáo tự đánh giá tổng thể cấp Khoa để trình bày tại Khoa. Các nhóm chuyên trách báo cáo các kết quả viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.

Ban thư ký và các nhóm công tác hợp với TT Đảm bảo chất lượng của Trường để hoàn thiện các báo cáo tiêu chí tiêu chuẩn. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của TT ĐBCL, Khoa tiến hành hoàn thiện báo cáo tự đánh giá. Công bố báo cáo cho các bên liên quan trong trường đọc và góp ý kiến, hoàn thiện lần cuối báo cáo tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành GDCT và đăng ký đánh giá ngoài.

- Phạm vi tự đánh giá: Trường ĐHSPHN thực hiện tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT dưới sự chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng, ban chức năng trong Trường qua các thông tin và minh chứng trong 5 năm từ 2019 - 2024.

- Phương pháp tự đánh giá: Để thực hiện hoạt động tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành GDCT, khoa LLCT – GDCD đã sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh, đối chiếu, phân tích... để tự đánh giá.

- Công cụ tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT được đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TTBGDDT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn của cục Quản lý chất lượng: Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về việc hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh

giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Sự tham gia của các bên liên quan:

Để có được báo cáo tự đánh giá CTĐT hoàn chỉnh cần có sự phối hợp của nhiều bên liên quan bao gồm: Đại diện Ban Giám hiệu trường ĐHSPHN, các phòng, ban chức năng, trung tâm của Nhà trường, cán bộ giảng viên của LLCT – GDCD. Mỗi bên liên quan thực hiện đúng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp các minh chứng phục vụ quá trình tự đánh giá CTĐT ngành GDCT.

Trong quá trình tiến hành tự đánh giá, khoa LLCT – GDCD còn lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, sự phản hồi của sinh viên (SV), các cựu SV để phục vụ cho việc tự đánh giá.

1.2. Tổng quan chung

1.2.1. Thông tin chung về Trường ĐHSPHN

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (tên tiếng Anh: Hanoi National University of Education, viết tắt là HNUE) được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục. Tháng 12 năm 1993, trường trở thành một trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội và đến tháng 10 năm 1999, theo quyết định số 201/ QĐTTg của Thủ tướng Chính phủ, trường tách khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội và chính thức lấy tên là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Đến năm 2021, Trường đã có 70 năm xây dựng và phát triển với bề dày truyền thống và những thành tựu quan trọng, giữ vị trí trong top 10 bảng xếp hạng QS Châu Á của các trường đại học Việt Nam.

Về triết lý giáo dục: Ngày 6/5/2020, Quyết định số 930/QĐ-ĐHSPHN đã ban hành nội dung triết lý giáo dục của Trường là “đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng”, hướng tới mục tiêu đào tạo ra những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu thương con người, ý thức bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới có ích, có năng lực phản biện khoa học; xác định việc học đi đôi với việc hành, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và đất nước; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại.

Về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSPHN) là trường trọng điểm, đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm, là trung tâm lớn nhất về đào tạo giáo viên, nghiên cứu khoa học, bao gồm cả khoa học giáo dục, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, nhân văn. Với việc xác định giá trị cốt lõi của Nhà trường là “Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong”, mục tiêu, sứ mạng xây dựng Trường ĐHSPHN là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao; phấn đấu đến năm 2030, Trường sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.

Chức năng của Nhà trường được xác định là thực hiện đào tạo giáo viên chất lượng cao, chuyên gia xuất sắc; nghiên cứu khoa học đạt trình độ tiên tiến; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế của đất nước.

Tính đến năm học 2023-2024, mô hình cơ cấu tổ chức của Trường gồm 3 cấp: cấp trường - cấp khoa, phòng, phân hiệu, viện - cấp bộ môn. Cơ cấu tổ chức của Trường gồm Đảng uỷ; Hội đồng Trường; Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và đào tạo; Các đơn vị chức năng giúp Hiệu trưởng quản lý; Các khoa, viện và các bộ môn trực thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo (24 Khoa, 1 Viện), bao gồm: các khoa: Toán - Tin, Công nghệ Thông tin, Công tác xã hội, Việt Nam học, Triết học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Lý luận chính trị - Giáo dục công dân, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng, Giáo dục Đặc biệt, Nghệ thuật, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Sư phạm Kỹ thuật, Giáo dục mầm non, Giáo dục Tiểu học, Quản lý giáo dục, Ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc và Viện Giáo dục và Đào tạo quốc tế; Các tổ chức khoa học và công nghệ gồm: Viện Khoa học xã hội, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển nghiệp vụ sư phạm, các Trung tâm nghiên cứu khoa học khác; Các đơn vị phục vụ đào tạo; Trường THPT chuyên ĐHSP và các trường thực hành; phân hiệu Trường ĐHSPHN tại tỉnh Hà Nam; các đoàn thể và tổ chức xã hội gồm Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên. Mô hình cơ cấu tổ chức của Trường gồm 3 cấp: cấp trường - cấp khoa, phòng, phân hiệu, viện - cấp bộ môn.

Về đào tạo bậc đại học, cho đến nay trường có 40 chương trình đào tạo chính quy, trong đó có phải kể đến các chương trình chất lượng cao, chương trình dạy học bằng tiếng Anh và liên kết quốc tế. Đến nay, trường đã đào tạo được hàng vạn cử nhân cho ngành, cho đất nước.

Về đào tạo sau đại học, tính đến năm 2024, trường có 55 chương trình đào tạo thạc sĩ, 43 chương trình đào tạo tiến sĩ và một số chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ liên kết với nước ngoài. Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ từ năm 1976, thạc sĩ từ năm 1991. Đến nay, Trường đã đào tạo được hơn 1.650 tiến sĩ và hơn 22.000 thạc sĩ, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước, đặc biệt cho ngành giáo dục. Nhiều nhà khoa học, cán bộ quản lý, nhà giáo, đông đảo trí thức, văn nghệ

sĩ, các nhà hoạt động xã hội trưởng thành từ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã và đang phát huy tốt vai trò của mình trong các lĩnh vực công tác khác nhau.

Về đội ngũ nhân sự, tính đến nay, Trường là một trong những cơ sở giáo dục đại học tập trung đội ngũ chuyên môn, nhà khoa học đầu ngành với 3 GS.TSKH, 14 GS.TS, 141 PGS.TS, 276 TS và hàng trăm cán bộ, giảng viên đang theo học nghiên cứu sinh tại các cơ sở giáo dục uy tín ở trong và ngoài nước như Pháp, Mỹ, Trung Quốc, Úc, Nhật Bản... Với đội ngũ giảng viên, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao, Trường không chỉ tham gia hoạt động đào tạo nguồn nhân lực đại học, sau đại học, đào tạo cán bộ khoa học cho các đơn vị nghiên cứu trong toàn quốc, cung cấp các dịch vụ giáo dục theo nhu cầu của xã hội mà còn chủ trì, tham gia xây dựng chương trình, nội dung, giáo trình, sách giáo khoa, sách phục vụ đổi mới phương pháp dạy học cho hệ thống các trường sư phạm, bậc giáo dục phổ thông trong cả nước. Nhiều nhà khoa học, cán bộ, giảng viên là thành viên chủ chốt trong xây dựng, biên soạn các bộ sách cho chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Không chỉ là một trung tâm đào tạo uy tín hàng đầu, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội còn là một trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là đơn vị trọng điểm trong nghiên cứu khoa học và ứng dụng khoa học giáo dục của ngành.

Nhiều cán bộ của trường đã trở thành những nhà khoa học tầm cỡ quốc gia, quốc tế, nhiều người đã vinh dự được nhận các giải thưởng lớn của Nhà nước và quốc tế: 16 Giải thưởng Hồ Chí Minh, 15 Giải thưởng khoa học Nhà nước, 1 giải thưởng quốc tế Cosmos, 1 giải thưởng Nhân tài đất Việt, 1 giải thưởng tập thể Sáng tạo KH-CN Việt Nam VIFOTEC 2014...

Tạp chí khoa học ĐHSPHN (Journal of Science, HNUE) là một tạp chí khoa học có uy tín, phát hành 12 số 1 năm, trong đó có 4 số bằng tiếng Anh. Với sự đóng góp của đông đảo đội ngũ nhà khoa học của trường. Tạp chí khoa

học của trường đang được đánh giá là một tạp chí có uy tín, là một địa chỉ tin cậy cho các nhà khoa học trong cả nước công bố các công trình nghiên cứu của mình thuộc các lĩnh vực khoa học.

Trường ĐHSP Hà Nội còn có nhiệm vụ đào tạo học sinh chuyên cấp trung học phổ thông; phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài; thử nghiệm các mô hình trường học, chương trình giáo dục mới. Do đó, Trường còn là một trong những trường có thành tích cao trong đào tạo tài năng trẻ cho đất nước... Học sinh Trường THPT Chuyên đã tham gia nhiều kỳ thi Học sinh giỏi và đạt thành tích cao; 20 học sinh Trường THPT Chuyên ĐHSP đã đạt học bổng từ 75% đến 100% của các trường Đại học uy tín ở nước ngoài; nhiều học sinh được nhận học bổng của chương trình trọng điểm phát triển Toán học giai đoạn 2010 – 2020, học bổng Odon Vale, của các quỹ và các tổ chức xã hội.

Trường ĐHSPHN cũng là trường có thành tích cao trong phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Đây là hoạt động luôn được diễn ra sôi nổi và thực hiện theo đúng kế hoạch của Bộ GD-ĐT. Qua các năm học, trường đều có sinh viên đạt giải cao. Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ghi nhận là một trong những đơn vị đạt thành tích xuất sắc trong phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học. Trong 10 năm trở lại đây, trường có 3 Giải Nhất, 8 Giải Nhì, 4 Giải Ba, 5 Giải Khuyến khích cấp bộ của sinh viên nghiên cứu khoa học và 6 giải thưởng EUREKA. Trường là một trong số các trường đại học có thành tích sinh viên nghiên cứu khoa học cao nhất cả nước.

Về hợp tác quốc tế, Trường ĐHSPHN có quan hệ hợp tác với hơn 100 trường đại học và các tổ chức giáo dục thuộc 34 quốc gia trên thế giới, trong đó có nhiều trường nổi tiếng của Nga, Trung Quốc, Pháp, Nhật Bản, Đức, Australia, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Bỉ... Trường có các chương trình liên kết đào tạo quốc tế từ Cử nhân đến Thạc sĩ, Tiến sĩ và trực tiếp tham gia nhiều dự án giáo dục lớn do quốc tế tài trợ. Trong những năm gần đây, hàng ngàn lượt cán

bộ của trường đã đi trao đổi đào tạo, NCKH ở nước ngoài và hàng nghìn lượt các nhà khoa học, chuyên gia, học sinh, sinh viên các nước đến công tác và học tập tại trường.

Trường đã tham gia tổ chức tốt nhiều hoạt động quốc tế lớn như Olympic Vật lý quốc tế, Olympic Hoá học quốc tế, Olympic Sinh học quốc tế. Trường ĐHSPHN là một trong những đơn vị dẫn đầu toàn ngành về hoạt động hợp tác quốc tế và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiều năm liền tặng Bằng khen.

Trường ĐHSPHN là một trong những trường đại học có tiềm năng cơ sở vật chất và thiết bị lớn nhất trong hệ thống các trường đại học, đặc biệt là các trường sư phạm cả nước. Với hệ thống giảng đường phòng thí nghiệm, thực hành phòng nghiệp vụ, thư viện, sân vận động, nhà thi đấu đa năng, trường Chuyên, trường Thực hành, các phương tiện kỹ thuật ngày càng hiện đại, phục vụ cho việc dạy và học. Ký túc xá sinh viên được mở rộng và nâng cấp, cảnh quan và môi trường sư phạm ngày càng đổi mới, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Trường sư phạm đầu ngành và trọng điểm. Từ năm 2015 đến nay, Nhà trường đã có khá nhiều các dự án đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học từ Ngân sách nhà nước, vốn ODA. Các dự án đầu tư thiết bị đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường, thể hiện ở kết quả công bố quốc tế của Trường hiện đứng thứ ba cả nước, thứ hạng của Trường gia tăng trong bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới.

Với những thành tích nổi bật về mọi mặt, Trường ĐHSPHN đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động hạng Ba năm 1961, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1962, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 1981, Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 1986, Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 1996, Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001, danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới năm 2004.

Năm 2010, Trường ĐHSPHN đã được đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.

1.2.2. Thông tin về Khoa LLCT – GDCD

Đơn vị thực hiện CTĐT ngành GDCT là Khoa LLCT – GDCD, một Khoa với sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Lý luận chính trị và Giáo dục công dân. Lịch sử ra đời, xây dựng và phát triển của khoa LLCT – GDCD (khoa Giáo dục chính trị trước đây) gắn liền với bề dày truyền thống lịch sử trường ĐHSP Hà Nội, gắn liền với lịch sử của nền giáo dục Việt Nam mới. Ngay từ khi trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập, các môn khoa học Mác – Lênin đã được đưa vào giảng dạy với tên tuổi các nhà giáo danh tiếng như: Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... tiếp theo là các thầy, cô giáo của các tổ chức tiền thân của Khoa LLCT – GDCD ngày nay như: Tổ Chính trị (1956 – 1966), Tổ Bộ môn Mác – Lênin (1967 – 1976).

Từ các tổ chức tiền thân, Khoa Giáo dục chính trị chính thức được thành lập ngày 9/11/1976 theo Quyết định số 2332/QĐ của Bộ Giáo dục về việc thành lập khoa Giáo dục Chính trị ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội I. Đến năm 2013, để đáp ứng những đòi hỏi về thực tiễn giáo dục của đất nước, thực hiện Nghị quyết 29 của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, Khoa Giáo dục chính trị đã có một quyết định quan trọng là đổi tên khoa Giáo dục chính trị thành Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân theo Quyết định số 3046/QĐ-ĐHSPHN, ngày 17 tháng 6 năm 2013 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội. Đến năm 2024, Khoa đã có truyền thống 48 năm xây dựng và phát triển, trở thành cơ sở đào tạo, nghiên cứu uy tín, dẫn đầu khối các trường sư phạm trong cả nước về đào tạo giảng viên lý luận chính trị, giáo dục công dân và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho ngành giáo dục, hệ thống chính trị và đất nước.

Về triết lý giáo dục, mục tiêu, sứ mệnh lịch sử và tầm nhìn: Sứ mệnh lịch sử của khoa LLCT- GDCD gắn với sứ mệnh lịch sử của Trường ĐHSP Hà Nội

qua các thời kỳ lịch sử. Ngay từ khi mới thành lập, Khoa không chỉ đảm nhiệm vai trò giảng dạy cho sinh viên các khoa cơ bản trong toàn trường mà còn được giảng dạy chuyên sâu cho sinh viên thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị. Vị thế và tầm quan trọng của các bộ môn khoa học Mác - Lênin đã được nâng lên tầm cao mới, sánh vai cùng các bộ môn khoa học khác trong trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Với phương châm: Ổn định - Cầu thị - Phát triển, cho đến nay, sứ mệnh lịch sử của Khoa là đào tạo nhà giáo, các cử nhân xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, Chính trị học; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành, cho đất nước ở các bậc cao học, tiến sĩ, đồng thời trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng giáo viên uy tín trên cả nước. Khoa LLCT- GDCD, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được xem là cơ sở đào tạo đầu ngành trong hệ thống các trường sư phạm, là trung tâm lớn nhất về đào tạo giảng viên các môn khoa học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo viên GDCD trên cả nước hiện nay.

Mục tiêu giáo dục của Khoa là đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực tư duy, sáng tạo, phản biện xã hội, năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế.

Trong chu kỳ tự đánh giá kể từ sau kiểm định cơ sở giáo dục của Trường năm 2018 và các CTĐT năm 2021, Khoa đã có những thay đổi, cải tiến chất lượng, thể hiện rõ sứ mạng, tầm nhìn riêng. Theo đó, Khoa có Sứ mạng là đào tạo trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng giáo viên Giáo dục Công dân, Giáo dục chính trị; nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học Lý luận chính trị, Chính trị học; chuyển giao tri thức phục vụ sự nghiệp giáo dục và phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

Tầm nhìn đến năm 2030, Khoa LLCT – GDCD trở thành đơn vị đào tạo giáo viên Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, cử nhân Chính trị học có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội, có đủ năng lực hội nhập với các nước trong khu vực Đông Nam Á về đào tạo giáo viên Giáo dục công dân.

Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ: Tính đến năm học 2023-2024, cơ cấu tổ chức của khoa bao gồm 6 tổ bộ môn là: Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo dục công dân, Phương pháp dạy học và tổ văn phòng. Tổng số cán bộ của khoa hiện nay bao gồm 32 cán bộ, giảng viên với trình độ học vấn, chức danh, chuyên môn nghiệp vụ cao, trong đó có 03 Phó Giáo sư, GVCC, 15 Tiến sĩ, GVC còn lại là nghiên cứu sinh và thạc sĩ có năng lực chuyên môn và ngoại ngữ sẵn sàng đáp ứng với các yêu cầu đổi mới, hội nhập của Nhà trường và khoa. Tính đến nay, Khoa LLCT-GDCD đã xây dựng được đội ngũ các giảng viên, nhà khoa học có uy tín, thương hiệu về chuyên môn và năng lực nghiên cứu, tham gia vào nhiều hoạt động chủ chốt của chương trình giáo dục phổ thông mới, đào tạo bồi dưỡng giáo viên cốt cán, đào tạo cử nhân, sau đại học cho Khoa, Nhà trường và các cơ sở đại học uy tín khác trên cả nước, tương xứng với giá trị cốt lõi của Nhà trường là “Chuẩn mực - Sáng tạo - Tiên phong”.

Về hình thức đào tạo, Khoa đang đào tạo 2 hệ là đại học (chính quy và vừa làm, vừa học), sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ). Về đào tạo đại học: Đối với đào tạo chuyên ngành, tính đến năm học 2023-2024, ở bậc cử nhân, Khoa LLCT-GDCD đảm nhiệm đào tạo sinh viên 3 chuyên ngành: Chính trị học, Giáo dục Công dân và Giáo dục chính trị. Tính từ khóa sinh viên đầu tiên có 78 sinh viên, sau 48 năm xây dựng và phát triển cho đến nay, Khoa đã đào tạo được 44 khoá với hàng nghìn sinh viên đã tốt nghiệp.

Đối với đào tạo cử nhân ở ngoài trường, từ thập niên 90 của thế kỷ 20, Khoa Giáo dục chính trị mở hệ đào tạo phi chính quy sớm với 2 chuyên ngành

Giáo dục chính trị và Công tác xã hội, đặc biệt là ngành Giáo dục chính trị trên khắp cả nước như Hà Giang, Phú Thọ, Phú Yên, Kiên Giang, An Giang..., đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho các tỉnh. Tính đến nay, Khoa đã mở được hàng trăm lớp với hàng chục nghìn học viên, trong đó đa số đã tốt nghiệp ra trường và giữ các chức vụ quan trọng trong hệ thống chính trị, trong ngành giáo dục địa phương.

Một nhiệm vụ quan trọng của Khoa gắn với lịch sử 70 năm truyền thống của Trường ĐHSP Hà Nội là đảm nhận giảng dạy các học phần các môn khoa học Mác – Lênin cho sinh viên các khoa cơ bản trong toàn trường bao gồm cả hệ đào tạo chính quy và phi chính quy. Vượt qua khó khăn, thử thách, Khoa LLCT – GDCD đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao phó. Mỗi một khoá sinh viên, học viên tốt nghiệp của Nhà trường đều có sự đóng góp của tập thể cán bộ, giảng viên Khoa LLCT – GDCD.

Đối với đào tạo sau đại học chuyên ngành của khoa, năm 2004, Khoa chính thức được Bộ Giáo dục và Nhà trường cho phép đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Giáo dục chính trị. Tính đến năm học 2023-2024, Khoa đã đào tạo được 20 khoá cao học chuyên ngành với tổng số trên 600 học viên cao học đã tốt nghiệp. Không những vậy, theo kế hoạch đào tạo sau đại học của Nhà trường, Khoa đã mở các lớp cao học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương như Cần Thơ, Phú Yên, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

Về đào tạo nghiên cứu sinh chuyên ngành của khoa: nghiên cứu sinh của Khoa LLCT – GDCD bắt đầu được đào tạo từ năm 2008 với mã ngành Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị. Cho đến năm học 2023-2024, Khoa đã đào tạo 13 khoá nghiên cứu sinh (tính theo khoá đào tạo nghiên cứu sinh của trường từ K29 đến K42), trong đó với tổng số là 43 học viên, nghiên cứu sinh

đã bảo vệ thành công luận án, được nhận học vị tiến sĩ là 8 nghiên cứu sinh (giai đoạn 2009-2015), số nghiên cứu sinh tuyển mới từ năm 2016 đến 2020 là 10 nghiên cứu sinh, số nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công và nhận bằng tiến sĩ là 16.

Về nghiên cứu khoa học: Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, Khoa LLCT – GDCD là một đơn vị có đội ngũ các nhà khoa học uy tín trong nghiên cứu và giảng dạy lý luận chính trị. Các công bố khoa học của cán bộ, giảng viên trong khoa về các bài báo trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế (theo quy định hội đồng chức danh giáo sư nhà nước), các sách giáo trình, sách tham khảo, sách giáo khoa... phục vụ đào tạo bậc phổ thông, đại học và sau đại học, các bài nghiên cứu tham gia các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế ...không ngừng gia tăng chứng tỏ sự lớn mạnh, tiềm lực và khả năng sẵn sàng đảm đương các lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu mới của khoa LLCT – GDCD trong bối cảnh đổi mới, hội nhập.

Theo thống kê khoa học, từ 1976 - 2009, các cán bộ, giảng viên của khoa đã biên soạn 194 giáo trình, sách giáo khoa, sách tham khảo và trên 27 đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, gần 50 đề tài cấp Trường, gần 300 bài báo. Trong giai đoạn từ 2011-2015, Khoa có tổng số gần 200 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, hội thảo quốc tế trong và ngoài nước. Trong những năm trở lại đây với mục tiêu trở thành đơn vị đào tạo đồng thời là đơn vị nghiên cứu khoa học lý luận chính trị uy tín, Đảng uỷ, Ban Chủ nhiệm Khoa đã xây dựng chiến lược phát triển đơn vị hướng tới các công bố trong nước và quốc tế chất lượng. Kết quả thống kê từ 2019 đến 2024, Khoa có 250 bài báo nghiên cứu của cán bộ, giảng viên công bố trên các tạp chí, hội thảo quốc tế, trong đó có những công bố trên các tạp chí uy tín trong danh mục Scopus (9 bài); 108 sách chuyên khảo, tham khảo, sách hướng dẫn và sách giáo khoa phục vụ đào tạo và bồi dưỡng ở các bậc học.

Trong hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học, thực hiện các kế hoạch triển khai của trường ĐHSP Hà Nội, phong trào sinh viên nghiên cứu khoa học ngày càng được nâng cao về số lượng và chất lượng. Hàng năm, khoa đều tổ chức hội nghị khoa học sinh viên, số lượng báo cáo có năm lên tới gần 100 công trình. Chỉ tính riêng năm 2015 – 2016 có 74 đề tài được sinh viên tìm hiểu nghiên cứu và có 3 đề tài được giải cấp trường. Trong các năm học từ 2019 đến 2024, Khoa đều có các báo cáo tham dự hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường và giành giải Ba, giải Khuyến khích. Đặc biệt, trong năm học 2019-2020, Khoa có 3 đề tài tranh giải cấp Trường (1 đề tài giành giải Nhì, 2 đề tài giành giải Ba) trong đó 1 đề tài được cử tham dự sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ.

Về tập huấn, bồi dưỡng, tham gia đổi mới giáo dục phổ thông: Khoa còn liên kết với các cơ sở giáo dục và đào tạo khác mở nhiều lớp bồi dưỡng, tập huấn cho giảng viên các môn Lý luận chính trị, giáo viên môn Giáo dục công dân về phương pháp dạy học, phát triển chương trình, giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh... Một số cán bộ, giảng viên, nhà khoa học có uy tín của Khoa được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng định hướng chương trình môn Giáo dục công dân trong chương trình giáo dục phổ thông và trở thành chuyên gia của Bộ trên các lĩnh vực lý luận chính trị, giáo dục công dân, chính trị học.

Về hợp tác quốc tế: Từ khi thành lập đến năm 2011, khoa đã đào tạo được 46 sinh viên Lào và 30 sinh viên Campuchia, chuyên ngành Giáo dục chính trị. Khoa còn cử các chuyên gia sang Lào, Campuchia, Ănggôla, ... và tham gia dự án TRIG tại Mỹ, Pháp. Những năm gần đây, cán bộ giảng dạy của Khoa còn tham gia giảng dạy cho học viên Cao học, nghiên cứu sinh nước ngoài tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Đan Mạch, Trung Quốc).

Khoa còn mời các chuyên gia, tình nguyện viên người nước ngoài đến từ Anh, Hà Lan, Trung Quốc tham gia đào tạo và nâng cao trình độ ngoại ngữ, chuyên môn cho cán bộ giảng dạy, học viên cao học, nghiên cứu sinh và sinh viên của Khoa. Trong năm học 2008 - 2009, Khoa đã tổ chức mời đoàn chuyên gia gồm 6 giáo sư của trường đại học Trung Sơn - Quảng Châu - Trung Quốc sang giảng dạy môn “Các nguyên lí của chủ nghĩa Mác” cho cán bộ giảng dạy của Khoa và học viên cao học K18. Khoa còn tham gia hội thảo quốc tế ở Quảng Châu - Trung Quốc vào tháng 3/2009 và thảo luận về hợp tác đào tạo với đoàn giáo sư của Đại học Viên Chấn - Lào. Nhiều chuyên gia, giáo sư của các trường Đại học của Hoa Kỳ và Cộng hòa Pháp đã trực tiếp giảng dạy tại khoa như: GS. Olirzor Francozame - giảng viên trường ĐH Picardie Jules Verus (Pháp), GS. Trần Đình Tuấn, TS. Nguyễn Ngọc Hương - giảng viên ĐH San Jose State (Hoa Kỳ), Giảng viên Trish Summerfield - người New Zealand sang dạy kỹ năng sống cho giảng viên trong Khoa... Từ năm 2016 đến nay, hàng năm, nhóm nghiên cứu về Trung Quốc của khoa (do PGS.TS Phạm Việt Thắng đại diện) đã báo cáo tham luận tại Hội thảo khoa học Quốc tế thường niên “Dương Minh học Đông Á với các phái Dương Minh học khu vực” tổ chức tại Trung Quốc. Đầu năm 2024, Khoa đã cùng với Trường mời đoàn đại biểu khoa Triết học Mác của Đại học Cát Lâm, Đại học Quảng Tây (Trung Quốc) sang toạ đàm, trao đổi về giảng dạy và nghiên cứu lý luận chính trị.

Về cơ sở vật chất, Khoa LLCT- GDCD có cơ sở vật chất tốt, đáp ứng được yêu cầu trong đào tạo cử nhân và sau đại học: phòng học, phòng làm việc được trang bị hiện đại, 1 phòng tư liệu, 1 phòng nghiệp vụ và một số trang thiết bị dạy học hiện đại. 100% cán bộ, giảng viên có đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học trong môi trường trực tiếp và trực tuyến.

Như vậy, trải qua lịch sử hơn 45 năm và với các cơ sở về đội ngũ, thành tựu đào tạo đại học, sau đại học, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế và cơ sở

vật chất, Khoa LLCT- GDCT có cơ sở nguồn lực vững vàng và sẵn sàng đảm đương các sứ mệnh đào tạo ở các chuyên ngành bậc cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.

CTĐT đại học ngành GDCT theo hệ thống tín chỉ được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ GD & ĐT ban hành với các quy định, hướng dẫn của trường ĐHSPHN. Mục tiêu và CDR của CTĐT cũng nhận được sự đồng thuận và nhất trí cao của trường và khoa. Khoa luôn chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV có trình độ, tận tâm, sẵn sàng cập nhật kiến thức mới tham gia giảng dạy và hướng dẫn SV NCKH. SV cử nhân, cao học đều có cơ hội tham dự các hội nghị quốc tế hàng năm của khoa và các hoạt động bồi dưỡng của chuyên gia nước ngoài hàng năm.

Năm 2017, căn cứ vào công văn số 271/ ĐHSPHN – ĐT, ngày 5 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội về việc Rà soát lại chương trình đào tạo về đáp ứng chương trình phổ thông mới, Khoa LLCT – GDCT đã chủ động đề nghị các Tổ bộ môn thực hiện rà soát và điều chỉnh nội dung giảng dạy đáp ứng nhu cầu của chương trình phổ thông mới theo tiếp cận năng lực.

Năm 2019, CTĐT mới được xây dựng theo tiếp cận chuẩn năng lực. Mục tiêu của chương trình là đào tạo cử nhân khoa học ngành GDCT có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.

Tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm GDCT là cơ sở để Trường ĐHSPHN và khoa LLCT – GDCT cải tiến chất lượng của chương trình đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của đơn vị

trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội; tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, đảm bảo tính khoa học cho việc điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch nâng cao chất lượng và triển khai thực hiện kế hoạch, đồng thời là căn cứ để triển khai công tác đánh giá ngoài CTĐT của Nhà trường.

Trước thách thức về nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao về lĩnh vực GDCT trong cả nước, đòi hỏi Nhà trường phải quyết tâm trong việc nâng cao chất lượng của các ngành đào tạo đặc biệt là đối với CTĐT đại học ngành GDCT.

Hoạt động đảm bảo chất lượng đã và đang được thực hiện một cách hiệu quả tại khoa LLCT – GDCD, Trường ĐHSPhn. Khoa đã có những chiến lược và kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế như sau:

- Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ: Khuyến khích và tạo điều kiện cho CB không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng các yêu cầu công việc được giao ở từng vị trí việc làm. Khoa cũng chủ động trong khuyến khích cán bộ nâng cao trình độ tiến sĩ. Các cán bộ, GV của khoa đều có khả năng sử dụng tin học và ngoại ngữ thành thạo.

- Về quản lý đào tạo: Thực hiện đúng các quy trình quản lý đào tạo; triển khai thực hiện Quy định về tổ chức và quản lý học lại đối với SV các hệ đại học chính quy, VHVL; Hướng dẫn SV thực hiện đào tạo đại học hệ chính quy học cùng lúc hai chương trình theo hệ thống tín chỉ;

- Công tác ra đề, chấm bài và đánh giá thi tuyển sinh và tốt nghiệp: Quản lý nghiêm túc đề thi, chấm bài, thực hiện nghiêm túc thi tuyển sinh và tốt nghiệp. Công tác đánh giá kết quả rèn luyện của SV, phân loại SV, lớp SV được thực hiện đúng quy định.

- Về giảng dạy: Thường xuyên áp dụng đổi mới và đa dạng giảng dạy tích cực và đa dạng hình thức thi cho tất cả các học phần của chuyên ngành đào tạo hệ chính quy. Các kỳ thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công tác hỗ trợ, quản lý SV: Quy định nhiệm vụ với công tác cố vấn học tập, các cố vấn học tập thường xuyên hỗ trợ SV. Khuyến khích SV tích cực tham gia các hoạt động và các hoạt động của Đoàn Trường. Thực hiện tốt công tác khen thưởng cho SV đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

- Về công tác thực hành, TTSP: Đảm bảo mạng lưới các trường thực hành về GDCT có chất lượng. Tăng cường sự kết hợp có hiệu quả thực hành trên lớp với việc triển khai, thực hành tại các trường.

- Công tác NCKH: Tăng cường NCKH, thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn, semina tổ bộ môn về những nội dung khoa học, các nghiên cứu cập nhật về lĩnh vực GDCT. Các đề tài NCKH và hướng dẫn SV NCKH có nội dung gắn với các học phần, tạo điều kiện cho SV tham gia theo hướng các nghiên cứu của các chuyên ngành đào tạo, tạo môi trường NCKH sôi động, hiệu quả.

Việc tự đánh giá của Khoa và đánh giá ngoài của Trường đã có tác động tích cực đến các hoạt động của Nhà trường, đặc biệt đến Khoa LLCT – GDCT:

- Mọi cá nhân, đơn vị trong toàn Trường, Khoa ý thức được vai trò và trách nhiệm cũng như dẫn dắt cách thực hiện các hoạt động dạy, học, NCKH và các công tác khác. Các hoạt động trong Trường, Khoa đều được thực hiện theo đúng quy trình, quy định chuẩn, được ghi lại ở dạng văn bản để tiện đối chiếu, so sánh và đánh giá kết quả thực hiện.

- Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho SV, đặc biệt coi trọng các phẩm chất đạo đức giáo viên GDCT. SV được cán bộ cố vấn học tập hỗ trợ kịp

thời trong việc đăng ký tín chỉ, tư vấn và giải quyết tức thì vướng mắc của SV trong quá trình đăng kí, hướng dẫn; được động viên tham gia các hoạt động tập thể cấp khoa và cấp trường, những vấn đề khó khăn vướng mắc trong cuộc sống, tình cảm của SV được chia sẻ, giải quyết đúng lúc. Ban chủ nhiệm khoa, các GV nắm bắt và chấn chỉnh kịp thời ý thức học tập, rèn luyện của các SV.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học, tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động tập thể, tăng cường sử dụng các hình thức dạy học trên cơ sở ứng dụng CNTT và truyền thông.

- Cơ sở vật chất được đầu tư, các phòng học được trang bị điều hoà, máy chiếu giúp tăng chất lượng dạy và học.

- Môi trường cảnh quan thay đổi theo hướng tích cực: Kí túc xá SV được xây dựng lại với chất lượng tốt hơn, SV có nhiều hơn không gian để học tập và vui chơi.

- Có những cải tiến rõ nét trong chế độ lương thưởng: Thu nhập theo hoạt động, đóng góp của từng người, từng đơn vị nhằm động viên khuyến khích sự đóng góp tương xứng với thành quả và sự cố gắng của mỗi cá nhân và tập thể.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường ĐHSPHN mở mã ngành sư phạm Giáo dục chính trị theo quyết định số 693/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/2/2010 [H1.01.01.01]. Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị được xây dựng trên cơ sở khung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định, hướng dẫn về đào tạo theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN, ban hành theo quyết định số 122//QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 9/1/2015 và quyết định số 3980/QĐ-ĐHSPHN ngày 21/9/2021[H1.01.01.02].

Mục tiêu đào tạo ngành GDCT được xác định rõ ràng trong CTĐT đại học ngành GDCT năm 2020 và 2022. Trong CTĐT ngành GDCT phiên bản năm 2020 ban hành theo quyết định số 6154/QĐ- ĐHSPHN ngày 11/12/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN là: “ Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực giảng dạy và nghiên cứu các môn lí luận chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lí luận chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kĩ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.” [H1.01.01.03]. Trong CTĐT đại học ngành GDCT phiên bản năm 2022 ban hành theo quyết định số 6104/QĐ-ĐHSPHN ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN xác định, mục

tiêu đào tạo là “Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực dạy học, nghiên cứu, làm việc, quản lí trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức chính trị - xã hội; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” [H1.01.01.03]. .

So với mục tiêu của CTĐT cử nhân Giáo dục chính trị được xác định trong CTĐT đại học ngành GDCT năm 2015 thì mục tiêu của CTĐT đại học ngành GDCT phiên bản 2020 ban hành theo quyết định số 6154/QĐ- ĐHSPHN ngày 11/12/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN, CTĐT đại học ngành GDCT phiên bản năm 2022 ban hành theo quyết định số 6104/QĐ- ĐHSPHN ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPHN và trong bản mô tả CTĐT, ma trận kỹ năng [H1.01.01.03, H1.01.01.04, H1.01.01.05] được nêu rõ ràng, cụ thể hơn. Các mục tiêu này thể hiện người học sau khi tốt nghiệp ngoài việc đáp ứng công việc giảng dạy ở các cơ quan tổ chức thuộc hệ thống chính trị; Là giảng viên tại học viện, ĐH, CĐ, trung cấp; Là nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu về KHXHNV; - Làm việc tại các cơ quan thông tấn báo chí;- Có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục như: Lý luận và phương pháp dạy học GDCT [H1.01.01.03, H1.01.01.04, H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT cũng được xây dựng dựa trên Khung trình độ quốc gia Việt Nam và mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục Việt Nam, Luật Giáo dục đại học [H1.01.01.06, H1.01.01.07, H1.01.01.08].

Mục tiêu cụ thể hướng tới phẩm chất và năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT cử nhân ngành GDCT bao gồm:

- *Về phẩm chất:* Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người GV trong thời đại mới: thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, năng động, tích cực, sáng tạo, có phong cách mẫu mực của người GV (phiên bản 2020). Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân GDCT, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng; có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời (phiên bản 2022).

- *Về năng lực:* Trong phiên bản CTĐT năm 2020, tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị, giúp người học hình thành và phát triển các năng lực, bao gồm các năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực ngành. Đáng chú ý là hình thành các năng lực ngành cốt lõi bao gồm:

- + Năng lực Giáo dục chính trị;
- + Năng lực hiểu và giải thích được chương trình các môn lí luận chính trị tại các cơ sở đào tạo;
- + Năng lực hiểu và vận dụng các tri thức Giáo dục chính trị và khoa học liên ngành vào thực tiễn;
- + Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục chính trị;
- + Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn;
- + Năng lực sử dụng tin học trong hoạt động chuyên môn [H1.01.01.03].

Trong phiên bản CTĐT năm 2022, các năng lực ngành cốt lõi được tu chỉnh rõ ràng hơn, bao gồm:

- + Có năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành GDCT.
- + Có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực GDCT.

+ Có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế.

+ Có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng mềm; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp [H1.01.01.03].

Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật giáo dục đại học [H1.01.01.07] và Luật giáo dục [H1.01.01.08]. Luật giáo dục đại học nêu rõ mục tiêu của giáo dục đại học là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo [H1.01.01.07]. Luật Giáo dục năm 2019 cũng đã xác định mục tiêu GDĐH là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế [H1.01.01.08].

Bảng 1.1.1. So sánh mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2015, 2020 và CTĐT phiên bản năm 2022

Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2015	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2020	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2022	Lí do thay đổi
“Đào tạo giảng viên GDCT cho các trường cao đẳng, đại học, đảm bảo thực	“Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực giảng dạy và	Mục tiêu chung: “Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng	Diễn đạt lại cho tường minh, chuyên tải được đầy đủ sứ

Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2015	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2020	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2022	Lí do thay đổi
<p>hiện tốt nhất Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị BCHTW Đảng (Khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đảm bảo đào tạo đội ngũ GV GDCT có năng lực dạy học theo định hướng gắn liền với cấu trúc và định hướng nội dung của môn GDCT; thể hiện bản sắc sư phạm của trường ĐHSP Hà Nội” (Tóm lược từ CTĐT 2015).</p>	<p> nghiên cứu các môn lí luận chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực lí luận chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kĩ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của</p>	<p>lực dạy học, nghiên cứu, làm việc, quản lí trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức chính trị - xã hội; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị</p>	<p>mạng, tầm nhìn của Nhà trường.</p>

Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2015	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2020	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2022	Lí do thay đổi
	Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.”	trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”	
Mục tiêu cụ thể:	Mục tiêu cụ thể:	Mục tiêu cụ thể:	
<i>Kiến thức:</i>	<i>Về phẩm chất:</i>	<i>Về phẩm chất:</i>	
<p><i>Tập trung vào những kiến thức cơ bản, hiện đại về các môn khoa học Mác - Lênin, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Đường lối cách mạng của ĐCSVN, Tư tưởng Hồ Chí Minh; những kiến thức cơ bản, cập nhật và thiết thực về khoa học giáo dục, nghiệp vụ sư phạm; kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội</i></p>	<p>Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời</p>	<p>Tốt nghiệp chương trình đào tạo cử nhân GDCT, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên trong thời đại mới: Có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng; có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời.</p>	

Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2015	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2020	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2022	Lí do thay đổi
<i>trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế ở Việt Nam.</i>			
<i>Kỹ năng</i>	<i>Về năng lực</i>	<i>Về năng lực</i>	
Coi trọng công tác hình thành và rèn luyện các năng lực sư phạm, nghiệp vụ sư phạm;	Có năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành GDCT, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực GDCT; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm.	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành GDCT. - Có năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực GDCT. - Có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế. - Có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng 	

Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2015	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2020	Mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2022	Lí do thay đổi
		mềm; có ý thức phục vụ cộng đồng và tinh thần khởi nghiệp.	
<i>Thái độ</i>			
Coi trọng phát triển phẩm chất của người học, hài hòa đức, trí, thể mỹ, dạy chữ, dạy người và dạy nghề.			

Như vậy, mục tiêu của CTĐT ngành GDCT phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục Việt Nam và mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam. Cụ thể, CTĐT ngành GDCT nhằm cung cấp, trang bị cho SV một hệ thống kiến thức chuyên môn toàn diện về các nội dung khác nhau của ngành GDCT, có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, thực hành giảng dạy, giáo dục SV, học sinh, từ đó SV sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực GDCT.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và kế hoạch phát triển của Trường ĐHSPHN được công bố năm 2016 và năm 2019 [H1.01.01.09, H1.01.01.10, H1.01.01.11]. Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT góp phần thực hiện sứ mạng của trường ĐH Sư phạm Hà Nội là “đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học có chất lượng cao” và tầm nhìn được Trường ĐHSPHN xác định “đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả

vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế” [H1.01.01.10]. Triết lý giáo dục của trường ĐHSPHN xác định “Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển cộng đồng” [H1.01.01.11].

Dưới đây là bảng so sánh:

Bảng 1.1.2. Sự phù hợp giữa mục tiêu của CTĐT ngành GDCT với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và kế hoạch phát triển của Trường ĐHSPHN

Sứ mạng của trường ĐHSPHN	Tầm nhìn của trường ĐHSPHN	Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, đào tạo các chuyên gia xuất sắc có đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội thông qua các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học	Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sẽ có những kết quả vượt trội trong NCKH công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.	Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng,

Sứ mạng của trường ĐHSPHN	Tầm nhìn của trường ĐHSPHN	Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT
và sau đại học có chất lượng cao		<p>có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời (phiên bản năm 2020)</p> <p>- Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực dạy học, nghiên cứu, làm việc, quản lí trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức chính trị - xã hội; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (phiên bản năm 2022)</p>

Qua đó cho thấy, mục tiêu của CTĐT ngành GDCT đã đáp ứng phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn phát triển của trường ĐHSPHN ở chỗ đã thể hiện rõ mục tiêu đào tạo đội ngũ giáo viên, nguồn nhân lực giảng dạy, nghiên cứu và phát triển ngành nghề Giáo dục chính trị. Đội ngũ giáo viên Giáo dục chính trị được đào tạo sẽ đóng góp đặc biệt quan trọng cho hệ thống giáo dục và xã hội.

Bên cạnh đó, mục tiêu CTĐT còn đáp ứng thay đổi của chương trình các

môn Lý luận chính trị từ 2019 theo Quyết định 4891/QĐ-BGDĐT ngày 23/12/2019 của Bộ Giáo dục và đào tạo [H1.01.01.12]. Trong chương trình các môn Lý luận chính trị, môn GDCT ở trường cao đẳng, đại học có những thay đổi. Nội dung chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành chuyên về lý luận chính trị Giáo dục chính trị có những thay đổi. Do đó, trong mục tiêu CTĐT “*Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế...*” đã bám sát những thay đổi trong chương trình các môn Lý luận chính trị mới.

Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT cũng đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động. Trong quá trình xây dựng mục tiêu và nội dung CTĐT ngành GDCT, khoa LLCT- GDCT đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến của các bên liên quan, trong đó cụ thể là ý kiến của cựu sinh viên tốt nghiệp ngành GDCT và nhà tuyển dụng về yêu cầu của thị trường lao động đối với người tốt nghiệp chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục chính trị [H1.01.01.13]. Dựa trên những ý kiến này, mục tiêu đào tạo nhấn mạnh tới những năng lực mà sinh viên ngành GDCT cần có để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của ngành giáo dục và của xã hội, đặc biệt hệ thống các trường đại học, cao đẳng, học viện, trường chính trị, các trường phổ thông.... đó là:

- Về năng lực chung: Cần chú trọng hình thành, phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác: Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp su phạm, kỹ năng hợp tác; Chú trọng rèn luyện năng lực nhận thức về văn hóa – xã hội và năng lực tư duy phản biện.

- Về năng lực su phạm: Nâng cao năng lực về ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong giảng dạy, giao tiếp để truyền tải kiến thức và ý tưởng cho người học; Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp su phạm.

- Về năng lực ngành: Hình thành năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy và học tập GDCT; Sử dụng tương đối thành thạo các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H1.01.01.13].

Quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT ngành GDCT của khoa luôn có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Qua mỗi lần điều chỉnh, nội dung chương trình đào tạo đã có sự tích hợp, cải tiến cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới [H1.01.01.03]. Từ năm 2019, thực hiện chủ trương chuyển đổi phương thức sang đào tạo với mục tiêu hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất cho sinh viên, đáp ứng chương trình lý luận chính trị mới và hội nhập quốc tế, khoa LLCT- GDCT đã tiếp tục tiến hành đổi mới thông qua việc lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo GDCT, nhằm xây dựng mục tiêu CTĐT phiên bản năm 2020 và 2022 [H1.01.01.14]. Đây cũng chính là sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐHSPHN đã được nêu ở trên, đó là *“cơ sở đào tạo giáo viên có chất lượng tốt nhất của cả nước; cung cấp dịch vụ giáo dục và khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế”*.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bên, chương trình đào tạo ngành GDCT đã được điều chỉnh, ban hành với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSPHN, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học, ý kiến của các bên liên quan, nhu cầu của thị trường lao động. CTĐT mới từ năm 2020 và 2022 đã được Trường ĐHSPHN kí quyết định ban hành, đã được công khai trên website của trường để người học [H1.01.01.15] và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, từ đó khoa có thể lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CTĐT. Như vậy, trải qua quá trình xây dựng và điều chỉnh mục tiêu của CTĐT ngành GDCT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHSPHN, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định

trong Luật giáo dục, phù hợp với chương trình LLCT 2019 và phản ánh mục tiêu, triết lý đặc thù của ngành GDCT.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDCT được xác định rõ ràng, thể hiện được sứ mạng của trường ĐHSPHN, đáp ứng đòi hỏi đổi mới thực tiễn, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học, yêu cầu đổi mới chương trình Lý luận Chính trị của Bộ Giáo dục và đào tạo. Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh phẩm chất và năng lực của sinh viên, hướng tới việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và phát triển toàn diện sinh viên ngành GDCT.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan để xem xét điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa được thực hiện trên phạm vi rộng; các nhà tuyển dụng chưa tích cực trong việc phản hồi về mục tiêu của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát để điều chỉnh mục tiêu đào tạo cho phù hợp hơn với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong lần điều chỉnh tiếp theo	Khoa LLCT - GDCT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu đào tạo và CDR đáp ứng hơn nữa nhu cầu xã hội và xu hướng phát triển của khu vực và thế giới.	Khoa LLCT - GDCT	Từ năm học 2024 - 2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Đánh dấu (x) vào một trong các ô dưới đây:

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo

1. Mô tả

Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo cử nhân GDCT được xác định rõ ràng qua Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần năm 2020 và năm 2022, đặc biệt là bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần năm 2020, đã bao quát, phản ánh được các yêu cầu chung và chuyên biệt của CTĐT ngành Giáo dục chính trị [H1.01.02.01].

Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT cử nhân ngành GDCT - Trường ĐHSP Hà Nội năm 2015 bao gồm 2 tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H1.01.02.01]. Cụ thể: Nhóm tiêu chuẩn 1 nêu lên các phẩm chất mà người học cần đạt được: Có phẩm chất của người giáo viên lý luận chính trị: thấm nhuần thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Có phẩm chất của người giáo viên: yêu nghề và có trách nhiệm cao với nghề, có đạo đức tốt, lối sống và tác phong mẫu mực, có tinh thần học tập suốt đời. Nhóm tiêu chuẩn 2 nêu lên các năng lực khoa học chuyên ngành và năng lực sư phạm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành GDCT. Năng lực khoa học

chuyên ngành: Nắm vững các kiến thức cơ bản, hiện đại về các môn khoa học Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; Có năng lực vận dụng kiến thức lý luận để giải quyết tốt các vấn đề của đời sống thực tiễn; Có tư duy phân tích, sáng tạo và phê phán trong nghiên cứu các vấn đề lý luận chính trị, bảo vệ học thuyết Mác, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và vận dụng lý luận chính trị vào thực tiễn. Năng lực sư phạm: Năng lực dạy học; Năng lực giáo dục; Năng lực định hướng sự phát triển của học sinh; Năng lực phát triển cộng đồng; Năng lực phát triển cá nhân [H1.01.02.01].

Như vậy, CDR của chương trình đào tạo 2015 được xác định rõ ràng, bao quát được những CDR về phẩm chất và năng lực của sinh viên ngành GDCT, vừa bao quát được những yêu cầu chung của sinh viên sư phạm và yêu cầu chuyên biệt của sinh viên ngành GDCT. Mô hình và chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục chính trị của trường Đại học Sư phạm Hà Nội phải thể hiện được *bản sắc sư phạm* của trường Đại học Sư phạm Hà Nội là: coi trọng giáo dục đạo đức nghề nghiệp; coi trọng công tác hình thành và rèn luyện các năng lực sư phạm, nghiệp vụ sư phạm; chú trọng đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích và rèn luyện năng lực tự học, tạo cơ sở để người học cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực, tạo cơ sở để học tập suốt đời, chuyển từ cách học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý đến các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý, phù hợp với nội dung, đối tượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học [H1.01.02.01].

Chuẩn đầu ra (CDR) của CTĐT cử nhân GDCT năm 2020 – Trường ĐHSP Hà Nội gồm 4 tiêu chuẩn (23 tiêu chí), được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, bảo đảm hình thành được cho người học những phẩm chất, năng lực chung, năng lực sư phạm và năng lực chuyên ngành Giáo dục chính trị [H1.01.02.01]. Cụ thể:

Bảng 1.2.1. Các tiêu chuẩn, tiêu chí của CDR CTĐT ngành GDCT được thể hiện trong bản mô tả CTĐT năm 2020 và 2022

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Số chỉ báo
Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất	Tiêu chí 1: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	3
	Tiêu chí 2: Yêu thương học sinh và có niềm tin vào học sinh	3
	Tiêu chí 3: Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học	3
	Tiêu chí 4: Trung thực và đáng tin cậy	3
	Tiêu chí 5: Trách nhiệm và tận tâm	5
	Tiêu chí 6: Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời	3
Tiêu chuẩn 2: Năng lực chung	Tiêu chí 1: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi	5
	Tiêu chí 2: Năng lực giao tiếp và hợp tác	8
	Tiêu chí 3: Năng lực lãnh đạo	3
	Tiêu chí 4: Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	6
	Tiêu chí 5: Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội	3
	Tiêu chí 6: Năng lực phản biện	3
Tiêu chuẩn 3:	Tiêu chí 1: Năng lực dạy học	9
	Tiêu chí 2: Năng lực giáo dục	9
	Tiêu chí 3: Năng lực định hướng sự phát triển học sinh	3
	Tiêu chí 4: Năng lực hoạt động xã hội	3

Tiêu chuẩn	Tiêu chí	Số chỉ báo
Năng lực sư phạm	Tiêu chí 5: Năng lực phát triển nghề nghiệp	4
Tiêu chuẩn 4: Năng lực khoa học ngành GDCT	Tiêu chí 1: Năng lực Giáo dục chính trị	3
	Tiêu chí 2: Năng lực hiểu và giải thích được chương trình các môn lí luận chính trị tại các cơ sở đào tạo;	3
	Tiêu chí 3: Năng lực hiểu và vận dụng các tri thức GDCT và khoa học liên ngành vào thực tiễn.	4
	Tiêu chí 4: Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục chính trị	2
	Tiêu chí 5: Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn	2
	Tiêu chí 6: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn	3

Phân tích các tiêu chuẩn trên có thể thấy rõ, so với CDR của CTĐT năm 2015 thì CDR của Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm GDCT năm 2020 và 2022 với tiêu chuẩn 1,2,3 đã bao quát được yêu cầu chung của ngành học sư phạm nói chung và ngành GDCT nói riêng. Tiêu chuẩn 4 với 06 tiêu chí về năng lực khoa học ngành GDCT và các chỉ báo cụ thể đã bao quát được yêu cầu chuyên biệt của ngành GDCT.

CDR của CTĐT ngành GDCT năm 2020 và năm 2022 đã tiếp cận kỹ hơn về các nhóm năng lực, xác định các nhóm năng lực chung của SV sư phạm và năng lực chuyên biệt của SV ngành GDCT, đáp ứng mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. Có thể thấy rằng, với các tiêu chí cụ thể, CDR của CTĐT ngành GDCT bao quát được các yêu cầu chung mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

“Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực dạy học, nghiên cứu, làm việc, quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục chính trị tại các cơ sở giáo dục, trung tâm nghiên cứu, các tổ chức chính trị- xã hội; có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời; đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.” (phiên bản năm 2022) [H1.01.02.01]. CĐR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để họ thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CĐR của CTĐT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

Bảng ma trận kỹ năng ngành GDCT cũng đã thể hiện rõ nét đảm bảo rằng tất cả CĐR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.02]. Bốn nhóm tiêu chuẩn với 23 tiêu chí/ CĐR của sinh viên ngành GDCT được mô tả chi tiết qua từng khối học vấn và từng học phần (bắt buộc và tự chọn) được xây dựng chi tiết, rõ ràng mức độ đóng góp của các CĐR đối với từng học phần.

Ngoài ra, CĐR của CTĐT phù hợp với mục tiêu của CTĐT. Các mục tiêu về phẩm chất được cụ thể hoá ở 6 CĐR của tiêu chuẩn 1. Các mục tiêu về năng lực được cụ thể hoá ở các CĐR của các tiêu chuẩn 2, 3, 4.

Bảng 1.2.2. Bảng mô tả về sự phù hợp giữa giữa mục tiêu với CĐR của CTĐT

năm 2020 và năm 2022

Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT	CĐR ngành GDCT
<p><i>Mục tiêu về phẩm chất</i></p> <p>Tốt nghiệp CTĐT ngành GDCT, sinh viên có các phẩm chất cơ bản của người giáo viên GDCT trong thời đại mới: có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nwoocs, trung thành với mục tiêu, lí tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp, hình thành và phát triển các phẩm chất: Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; Yêu thương và có niềm tin vào HS; Yêu nghề và tự hào về nghề dạy học; Trung thực và đáng tin cậy; Trách nhiệm và tận tâm; Ý thức tự học, tự nghiên cứu suốt đời.</p>	CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6
<p><i>Mục tiêu về năng lực:</i></p> <p>Tốt nghiệp CTĐT ngành GDCT, sinh viên có những năng lực sau: “Năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế”. Cụ thể, các nhóm năng lực sinh viên đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành GDCT sẽ hình thành được các nhóm năng lực sau đây:</p> <p>- Năng lực chung: Năng lực tự chủ và thích ứng với những thay đổi; Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực lãnh đạo; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Năng lực nhận thức về văn hoá – xã hội; Năng lực phản biện</p>	<p>CĐR 7, 8,9,10, 11,12</p> <p>CĐR 13, 14, 15, 16,</p>

Mục tiêu của CTĐT ngành GDCT	CĐR ngành GDCT
<p>- Năng lực sư phạm: Năng lực dạy học; Năng lực giáo dục; Năng lực định hướng sự phát triển học sinh; Năng lực hoạt động xã hội; Năng lực phát triển nghề nghiệp.</p> <p>- Năng lực khoa học ngành GDCT: Năng lực Giáo dục chính trị; Năng lực hiểu và giải thích được chương trình các môn lí luận chính trị tại các cơ sở đào tạo; Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học GDCT vào thực tiễn; Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục chính trị; Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn.</p>	<p>17</p> <p>CĐR 18, 19, 20, 21, 22, 23</p>

Việc xây dựng CĐR với 3 cấp độ, cấp độ nhỏ nhất là các chỉ báo (đặc biệt tiêu chuẩn 4 còn cụ thể thành các biểu hiện) cho thấy CĐR của CTĐT các năm 2020 và chỉnh sửa năm 2022 được thiết kế rõ ràng đảm bảo có thể dễ dàng quan sát cũng như đo lường và đánh giá được. Điều này được thể hiện cụ thể trong bảng ma trận kĩ năng, đảm bảo rằng tất cả CĐR được đánh giá trong từng học phần thông qua các phương pháp kiểm tra, đánh giá [H1.01.02.02]. CĐR cũng đã nêu rõ những yêu cầu chung (6 tiêu chí về phẩm chất và 6 tiêu chí về các năng lực chung) cho sinh viên và các yêu cầu chuyên biệt (5 tiêu chí về năng lực sư phạm và 6 tiêu chí về năng lực ngành đặc thù) để sau khi hoàn thành CTĐT ngành GDCT, sinh viên thể hiện được các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của mình. CĐR của CTĐT ngành GDCT được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công

bằng cũng như khả năng phát triển học vấn cho SV, qua đó khuyến khích tinh thần nghiên cứu và học tập có trách nhiệm và khả năng học tập suốt đời.

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo, CĐR được lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan như: GV, cựu SV, nhà tuyển dụng...[H1.01.01.03] và CĐR được công khai trên trang thông tin của Khoa và Nhà trường [H1.01.02.04] để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, bao gồm Ban chủ nhiệm Khoa LLCT - GDCT, chuyên gia, đại diện giảng viên các khoa LLCT các trường đại học, cao đẳng, học viện, giáo viên trường phổ thông, đại diện cán bộ quản lý các cấp và toàn thể giảng viên trong khoa, từ đó Hội đồng khoa học khoa và khoa có thể lấy ý kiến đóng góp khách quan, khoa học, kịp thời như: cần bắt tay ngay vào việc hoàn thiện, chỉnh sửa chuẩn đầu ra; Rà soát các học phần bắt buộc, tự chọn ở các khối kiến thức. Cập nhật, điều chỉnh nội dung các môn học/học phần trong chương trình; Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình thành, nội dung học phần, Tài liệu tham khảo; Kế hoạch để định kỳ khảo sát nhu cầu, đánh giá của sinh viên, cựu học viên, các bên có liên quan để phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn [H1.01.02.03].

Có thể thấy rằng, CĐR của CTĐT ngành GDCT đã đáp ứng được yêu cầu về khung trình độ quốc gia ứng với bậc đào tạo đại học [H1.01.02.05] và mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHSP Hà Nội [H1.01.02.06]. CĐR năm 2020 và năm 2022 được xây dựng chi tiết, rõ ràng, có thể đo lường và đánh giá qua 4 nhóm tiêu chuẩn và 23 tiêu chí mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR vừa đáp ứng được yêu cầu chung của sư phạm vừa đáp ứng yêu cầu chuyên biệt của ngành GDCT, đáp ứng mức tự chủ và trách nhiệm đối với sinh viên tốt nghiệp ngành GDCT và triển vọng việc làm trong tương lai.

CĐR của CTĐT ngành GDCT đã khẳng định năng lực và các vị trí việc làm của sinh viên có thể đảm nhiệm được sau khi tốt nghiệp, bao gồm: Làm

việc tại các cơ quan tổ chức thuộc hệ thống chính trị; Là giảng viên tại học viện, ĐH, CĐ, trung cấp; Là nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu về KHXHNV; Làm việc tại các cơ quan thông tấn báo chí; Có đủ khả năng tiếp tục phát triển chuyên môn ở trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ chuyên ngành khoa học giáo dục như: Lý luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị.

2. Điểm mạnh

CĐR của chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị được xác định rõ ràng, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, đáp ứng được yêu cầu chung về CĐR của đào tạo đại học và yêu cầu chuyên biệt của ngành Giáo dục chính trị. CĐR đáp ứng được yêu cầu của thị trường việc làm và các nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Trong quá trình xây dựng CTĐT, CĐR CTĐT ngành GDCT được lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khoá học, tuy nhiên sự phản hồi của các bên liên quan chưa tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất những phương án hợp lý khảo sát CĐR, lấy ý kiến các bên liên quan (nhà tuyển dụng, cựu SV, GV) về yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khoá học.	Khoa LLCT-GDCT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR của CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, điều chỉnh	Khoa LLCT-GDCT	Từ năm học 2024-2025	

		theo theo hướng dẫn, quy định bổ sung của trường ĐHSPHN (nếu có) và xu hướng Giáo dục chính trị của khu vực, thế giới.			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
				X		

Tiêu chí 1.3: Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được các yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT cử nhân ngành GDCT được nêu trong Bản mô tả CTĐT phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan: Việc lấy ý kiến của các bên liên quan được thực hiện thường xuyên trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR và CTĐT. Ngoài thông tin khảo sát chung của TTĐBCL Trường ĐHSPHN từ phía các bên liên quan [H1.01.03.01], CĐR của CTĐT ngành GDCT [H1.01.03.02] được xây dựng với sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan bao gồm ý kiến Hội đồng khoa học khoa, các giảng viên, nhà khoa học, các chuyên gia giáo dục và Giáo dục chính trị, đại diện các sở, trường phổ thông, các cựu sinh viên, sinh viên năm cuối và các nhà sử dụng lao động [H1.01.03.03] [H1.01.03.04], [H1.01.03.05]. Cụ thể:

Việc lấy ý kiến các bên liên quan trong đó có cựu sinh viên (48 cựu SV) và các cơ sở tuyển dụng nhân lực (40 đơn vị sử dụng lao động) [H1.01.03.03]

là căn cứ giúp Khoa và Nhà trường nắm bắt và điều chỉnh tốt các vấn đề trong CTĐT để có thể đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường lao động, việc làm hiện nay. Từ kết quả khảo sát ý kiến Cựu sinh viên mức độ cần thiết về phẩm chất và năng lực mà người tốt nghiệp CTĐT Cử nhân Giáo dục chính trị cần đạt được cho thấy, cựu sinh viên đánh giá cao mức độ cần thiết và mức độ mong đợi về phẩm chất và năng lực mà người tốt nghiệp cần đạt được, thể hiện ở mức độ cần thiết (đạt được) rất cao. Hội đồng khoa học đào tạo cũng đã tiếp thu các ý kiến góp ý cần bổ sung từ phía cựu sinh viên trong xây dựng CĐR về phẩm chất, năng lực ngành GDCT năm 2020 và năm 2022 gồm: Đáp ứng yêu cầu mới của công nghệ 4.0 trong giảng dạy; Kỹ năng công nghệ thông tin, đặc biệt là dạy học trực tuyến; năng lực NVSP; năng lực GDCT [H1.01.03.03].

Về phía nhà tuyển dụng, trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo và CĐR ngành GDCT, Hội đồng khoa học đào tạo của khoa LLCT- GDCT cũng đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến đóng góp từ phía các nhà tuyển dụng (40 đơn vị sử dụng lao động) [H1.01.03.03]. Kết quả đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về mức độ cần thiết và mức độ mong đợi được thể hiện cho thấy họ đánh giá cao sự cần thiết của tất cả các chuẩn đầu ra của CTĐT, trong đó: Đơn vị sử dụng lao động đánh giá tất cả các CĐR đều cần thiết; Đơn vị sử dụng lao động đánh giá mạnh nhất về mức độ mong đợi của các CĐR 4- Năng lực khoa học ngành Giáo dục chính trị. Những ý kiến của nhà tuyển dụng đã được ghi nhận trong CĐR như sinh viên tốt nghiệp cần có những năng lực chung và năng lực chuyên môn chuyên biệt (6 tiêu chí về NL chung và 6 tiêu chí về năng lực chuyên biệt) để từ đó thực hiện được các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm bổ trợ. Sinh viên cần có năng lực tự học, năng lực phát triển nghề nghiệp và các năng lực liên quan đến ngoại ngữ và tin học trong công tác chuyên môn [H1.01.03.03]. Bên cạnh đó, CĐR cũng thể hiện rõ mong đợi của nhà tuyển dụng trong việc sinh viên cần có phẩm chất, thái độ tích cực và đạo đức nghề nghiệp. Các ý kiến đóng góp về xây dựng CĐR của các nhà tuyển dụng cũng

được Hội đồng khoa học và đào tạo tiếp thu đề xây dựng CTĐT ngành GDCT, cụ thể:

Về năng lực chung: Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng hợp tác. Chú trọng rèn luyện năng lực nhận thức về văn hóa – xã hội và năng lực tư duy phản biện.

Về năng lực sư phạm: Cần củng cố thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp sư phạm.

Về năng lực ngành: Chú trọng năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy và học tập. Sử dụng tương đối thành thạo các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh [H1.01.03.03]. Các phản hồi tích cực từ phía cựu sinh viên và nhà tuyển dụng của trường và khoa là một kênh thông tin quan trọng để Hội đồng khoa học đào tạo Khoa tiếp thu và có những điều chỉnh phù hợp.

Bên cạnh đó, trong những năm qua, Hội đồng khoa học đào tạo cũng tích cực tiếp thu đến ý kiến của các bên liên quan, bao gồm giảng viên, nhà khoa học Khoa LLCT - GDCT, đại diện giáo viên trường phổ thông, đại diện CBQL cấp cơ sở, cấp Sở và toàn thể giảng viên trong khoa [H1.01.03.04]. Từ năm 2019 đến nay, Hội đồng khoa học đào tạo của khoa LLCT- GDCT đã tiến hành rất nhiều các cuộc họp để thống nhất xây dựng nội dung [H1.01.03.05]. Năm 2019, các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan đã được ghi nhận: Khoa cần bắt tay ngay vào việc hoàn thiện, chỉnh sửa chuẩn đầu ra. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra và nội dung chương trình; Rà soát các học phần bắt buộc, tự chọn ở các khối kiến thức. Cập nhật, điều chỉnh nội dung các môn học/học phần trong chương trình. Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình thành, nội dung học phần, Tài liệu tham khảo; Vấn đề kiểm tra, đánh giá của học phần; Khoa sẽ lên kế hoạch để định kỳ khảo sát nhu cầu, đánh giá của sinh viên, cựu học viên, các bên có liên quan để phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Năm 2019

và năm 2022, trong cuộc họp bàn về xây dựng CDR chương trình đào tạo ngành GDCT mới với các chuyên gia, đại diện giáo viên trường phổ thông, đại diện cán bộ quản lý các cấp và toàn thể giảng viên trong khoa, Hội đồng khoa học đào tạo đã tiếp tục tiếp thu các ý kiến góp ý, thể hiện ở việc Khoa cần bắt tay ngay vào việc hoàn thiện, chỉnh sửa chuẩn đầu ra, tập trung vào tiêu chuẩn 4. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra và nội dung chương trình. Đối với các nhóm chuyên môn, tập trung xem xét, rà soát, điều chỉnh: Mục tiêu/chuẩn năng lực cần hình thành, nội dung học phần, Tài liệu tham khảo; Vấn đề kiểm tra, đánh giá của học phần. Những đề xuất thay đổi trên đã được tiếp thu và đưa vào trong xây dựng CDR của CTĐT ngành GDCT năm 2020 và năm 2022 [H1.01.03.04], [H1.01.03.05].

Không những vậy, trong quá trình triển khai xây dựng CDR ngành GDCT, Hội đồng khoa học và đào tạo đã thực hiện báo cáo đối sánh với CDR, CTĐT của các cơ sở liên quan tới đào tạo ngành GDCT trong nước [H1.01.03.06], cụ thể là thực hiện đối sánh với CTĐT ngành GDCT của Trường Đại học Sư phạm-Đại học Thái Nguyên (đại diện phía Bắc), trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (đại diện phía Nam), Trường ĐH Sư phạm Huế (đại diện miền Trung). Do đặc thù của ngành GDCT nên phần đối sánh chỉ tập trung các cơ sở đào tạo GDCT ở Việt Nam. Kết quả đối sánh cho thấy chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành GDCT của Trường ĐHSPT Hà Nội nhìn chung phù hợp, tiếp cận được với chuẩn chung. Thậm chí, một số tiêu chí còn được tiếp cận sâu hơn, lĩnh vực đa dạng hơn [H1.01.03.06]. Báo cáo đối sánh cũng là nguồn thông tin tốt cho quá trình xây dựng, điều chỉnh CDR của CTĐT ngành GDCT.

Ngoài ra, các khảo sát về tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp [H1.01.03.07] là căn cứ để Hội đồng Khoa học khoa đề xuất với Nhà trường các điều chỉnh kịp thời nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu của nhà tuyển dụng.

Với việc tìm hiểu nhu cầu của các bên liên quan như vậy, các cuộc họp hoàn thiện CĐR chương trình đào tạo GDCT đã được khoa triển khai thường xuyên, nghiêm túc trong những năm từ 2019 đến nay, nhằm chỉnh sửa CĐR và CTĐT theo yêu cầu của Nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học. Kết quả cho thấy, CĐR của CTĐT ngành GDCT những năm 2020, CĐR của CTĐT năm 2022 đã phản ánh các yêu cầu của các bên liên quan. Với các nội dung bao gồm năng lực chung và các năng lực chuyên ngành, người học sau khi hoàn thành CTĐT đáp ứng được những yêu cầu của CTĐT và ma trận kỹ năng [H1.01.03.08], có khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu công việc trong thực tiễn, và đơn vị sử dụng lao động không phải mất quá nhiều thời gian để hướng dẫn sinh viên ra trường bắt nhịp được với công việc của cơ sở sử dụng lao động là các sinh viên tốt nghiệp ngành GDCT.

CĐR của chương trình đào tạo ngành GDCT đã được định kỳ rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện qua các năm. CĐR của CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh 2 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường, cụ thể là Căn cứ vào công văn số 271/ ĐHSPHN – ĐT, ngày 5 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội về việc Rà soát CTĐT đáp ứng chương trình phổ thông mới, Công văn về khảo sát chất lượng CTĐT, Công văn triệu tập toạ đàm về CTĐT và CĐR năm 2019 [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11]. Trong quá trình chỉnh sửa, khoa LLCT- GDCT đã chủ động đề nghị các Tổ bộ môn rà soát và điều chỉnh đề cương các môn học và nội dung giảng dạy đáp ứng yêu cầu mới của chương trình LLCT, đáp ứng CĐR [H1.01.03.05]. Đến năm 2020 và năm 2022, CĐR của CTĐT ngành GDCT được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của nhà tuyển dụng. CĐR của CTĐT ngành GDCT được thể hiện rõ nét qua Bản mô tả/ Đề cương CTĐT và bản mô tả/ đề cương học phần và Ma trận các kỹ năng ngành GDCT, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và công bố công khai trên trang thông tin của trường ĐHSPHN và khoa LLCT- GDCT.

CDR của CTĐT ngành GDCT được công khai rộng rãi, cập nhật trên các kênh thông tin. CDR được thể hiện trong bản mô tả CTĐT, trong khung chương trình do Nhà trường phát hành; được thông tin trên trang website của khoa LLCT- GDCT, trang website của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tài liệu quảng bá các ngành tuyển sinh, các khoá học của khoa và trường [H1.01.03.12], [H1.01.03.13], [H1.01.03.14]. Với việc công bố bằng các phương tiện nêu trên, những tập thể, cá nhân quan tâm có thể dễ dàng tiếp cận phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của mình. CDR cũng là cơ sở để đội ngũ cán bộ, giáo viên xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết môn học.

Bảng 1.3.1. Các hình thức công khai CDR đến các bên liên quan

Đối tượng	Kênh thông tin/Phương tiện	Thời gian/Tần suất
Nhà tuyển dụng lao động, cựu SV	Website	Online
	Tra cứu tại phòng Tư liệu Khoa	Hàng ngày
	Hội nghị, Hội thảo	Trong thời điểm xây dựng, rà soát CTĐT
Sinh viên	Website	Online
	Gặp mặt tân sinh	Đầu khóa học
	Tra cứu tại phòng Tư liệu Khoa	Hàng ngày
	Sổ tay sinh viên	Đầu khóa học
	Từ cố vấn học tập, đội ngũ tư vấn tuyển sinh	Thường xuyên
Giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia các trường đại học, cao đẳng, học	Website	Online
	Hội nghị, Hội thảo	Trong thời điểm xây dựng, rà soát chương trình

viện, trường chính trị, cán bộ phụ trách môn GDCT các phòng/ sở GDĐT	Tra cứu tại phòng Tư liệu Khoa	Hàng ngày
	Gửi trực tiếp hoặc qua email trong các lần rà soát, điều chỉnh CTĐT	2 năm/ 1 lần

Như vậy, chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDCT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai, ngày càng đáp ứng tốt nhu cầu của đào tạo giáo viên GDCT và phù hợp với sự phát triển xã hội.

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT cử nhân GDCT đã phản ánh được yêu cầu các bên liên quan trong quá trình đào tạo và đáp ứng của thị trường lao động. CĐR được công bố công khai trên các kênh thông tin, giúp sinh viên và các bên liên quan có thể tiếp cận và tìm hiểu về ngành đào tạo. CĐR của Chương trình đào tạo ngành GDCT được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên sự tham vấn của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR chưa đa dạng, tập trung nhiều vào khảo sát định lượng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức định kỳ lấy ý kiến của các bên liên quan góp ý cho CĐR của CTĐT và rà soát	Khoa LLCT-GDCT TTĐBCL	Từ năm học 2024-2025	

		CDR bằng hình thức đa dạng hơn.			
2	Phát huy điểm mạnh	Công bố trên website chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết môn học để NH và các đơn vị sử dụng lao động có thể nắm bắt, phản hồi góp ý; tăng cường quảng bá qua các kênh truyền thông và mạng xã hội về CTĐT của Khoa	Khoa LLCT-GDCT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Thang đánh giá						
Chưa đạt			Đạt			
❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼
				X		

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT ngành GDCT được xây dựng đã cung cấp đầy đủ các thông tin về CSGD; tên gọi của văn bằng; tên CTĐT; thời gian đào tạo; mục tiêu, CDR của CTĐT; tiêu chí tuyển sinh; cấu trúc CTDH; ma trận học phần/ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR); đề cương các môn học/học phần; thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT. Bản mô tả CTĐT cũng thể hiện rõ sự cập nhật và tiếp cận so sánh với CDR các cơ sở đào tạo trong nước có đào tạo trình độ cử nhân ngành GDCT, đồng thời được rà soát, cập nhật thường xuyên cho phù hợp với xu thế thực tiễn GDCT ở Việt Nam.

Các đề cương môn học trong CTĐT ngành GDCT có đầy đủ thông tin về GV, số tín chỉ, mục tiêu, chuẩn đầu ra của môn học, các yêu cầu của môn

học, phương pháp dạy học, phương thức kiểm tra, đánh giá, tài liệu phục vụ môn học. Các đề cương môn học được cập nhật và định kỳ rà soát vào năm 2017, điều chỉnh vào năm 2019 nhằm xây dựng bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần ngành GDCT năm 2020 và rà soát năm 2022.

Bản mô tả, đề cương các môn học trong CTĐT ngành GDCT được công bố công khai bằng nhiều kênh thông tin khác nhau, có thể tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện. Bản mô tả được sự góp ý của các bên liên quan gồm các cấp quản lí, nhà sử dụng lao động, các nhà chuyên môn... Các bên liên quan đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành GDCT được xây dựng theo các quy định của Bộ GD&ĐT về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và công văn hướng dẫn của Trường ĐHSPHN về rà soát chương trình đào tạo [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT 2020, 2022 của ngành GDCT có đầy đủ các thông tin cơ bản về CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành GDCT [H2.02.01.04] đã có đủ các nội dung, bao gồm:

- (1) Tên Cơ sở giáo dục;
- (2) Tên gọi của văn bằng;
- (3) Tên CTĐT;
- (4) Thời gian đào tạo;
- (5) Mục tiêu, CDR của CTĐT;
- (6) Tiêu chí tuyển sinh;

(7) Cấu trúc CTDH;

(8) Ma trận kỹ năng (thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR);

(9) Đề cương các môn học/học phần;

(10) Thời điểm thiết kế hoặc điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

(11) Mô tả cách đánh giá, phương pháp dạy học xuyên suốt. SV sau khi tốt nghiệp CTĐT ngành GDCT được cấp bằng tốt nghiệp đại học ngành GDCT.

Trong bản mô tả chương trình đào tạo ngành GDCT 2020, 2022, phần thông tin về các yêu cầu của CTĐT, thông tin CDR, vị trí việc làm được trình bày cụ thể cũng thường xuyên được cập nhật cho phù hợp với các thông tin tuyển sinh, tài liệu quảng bá về ngành như các công văn về xét tuyển, thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật cho phù hợp với các đề án tuyển sinh đại học, với các thông tin tuyển sinh đại học, quy định xét tuyển sinh và trên các kênh thông tin của trường và khoa [H2.02.01.04]. Các quy định về tuyển sinh rõ ràng và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và trong các tài liệu quảng bá về CTĐT, poster tuyển sinh hàng năm [H2.02.01.06], [H2.02.01.07].

Bản mô tả CTĐT ngành GDCT được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo hướng dẫn của Trường ĐHSPhN [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03] và các đợt lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CTĐT, đặc biệt ý kiến của lãnh đạo khoa LLCT- GDCT, đại diện CBQL cấp cơ sở, cấp Sở và toàn thể giảng viên trong khoa [H2.02.01.08]. Bản mô tả CTĐT cũng được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa họp xét đưa các ý kiến góp ý và có kế hoạch điều chỉnh chương trình [H2.02.01.09], [H2.02.01.10]. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành GDCT, cùng với chuẩn đầu ra cũng được rà soát, cập nhật từ các kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp 2019 - 2024 [H2.01.01.11], báo cáo kết quả khảo sát về hiệu quả, chất lượng đào tạo - sinh

viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN 2019-2024 [H2.01.01.12]. Dựa trên các căn cứ khoa học đó, bản mô tả chương trình đã đầy đủ các thông tin và đáp ứng được yêu cầu cập nhật được các nội dung có tính thời sự, hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng của thực tiễn.

Bên cạnh đó, bản mô tả CTĐT năm 2020 còn tiếp tục được cập nhật thay đổi chương trình theo xu thế đào tạo giảng viên để xác định các môn học đáp ứng các chuẩn đầu ra về phẩm chất, năng lực được mô tả, chi tiết, rõ ràng hơn, đặc biệt các tiêu chuẩn về năng lực được xoay theo ba nhóm: năng lực chung, năng lực nghiệp vụ sư phạm và năng lực khoa học chuyên ngành GDCT. Chuẩn đầu ra: của CTĐT ngành GDCT năm 2020 đã được điều chỉnh để vừa có những CĐR bao quát, nền tảng của khối ngành sư phạm (gồm 3 tiêu chuẩn cơ bản của khối ngành sư phạm) vừa bao gồm những CĐR riêng của ngành GDCT (gồm 1 tiêu chuẩn và 6 tiêu chí). Nhóm tiêu chuẩn về năng lực ngành GDCT đã được cụ thể hóa thành 6 tiêu chí, là các năng lực cụ thể của khoa học chuyên ngành GDCT mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT [H2.02.01.04]. Việc xác định CĐR như này giúp sinh viên theo học chuyên ngành GDCT sau khi hoàn thành CTĐT vừa có những năng lực chung làm nền tảng cho những năng lực chuyên ngành, vừa có năng lực nghiệp vụ sư phạm và năng lực giảng dạy, nghiên cứu GDCT để đáp ứng yêu cầu việc làm và theo đuổi tiếp việc học trong tương lai của người học ở những ngành GDCT và những ngành có liên quan.

Về cấu trúc CTĐT: Cấu trúc CTĐT ngành GDCT có sự thay đổi so với cấu trúc CTĐT theo xu hướng tập trung vào 3 khối học vấn: chung, ngành và chuyên ngành [H2.02.01.04]. Cụ thể: Cấu trúc lại các khối học vấn thành khối học vấn chung của khối ngành đại học, khối học vấn đào tạo năng lực sư phạm, khối học vấn đào tạo năng lực chuyên môn GDCT. Việc cấu trúc lại CTĐT như vậy nhằm mục đích giúp cho người học có nhiều cơ hội thuận lợi có thể đạt nhiều bằng cử nhân và đào tạo giáo viên dạy môn tích hợp. Đồng

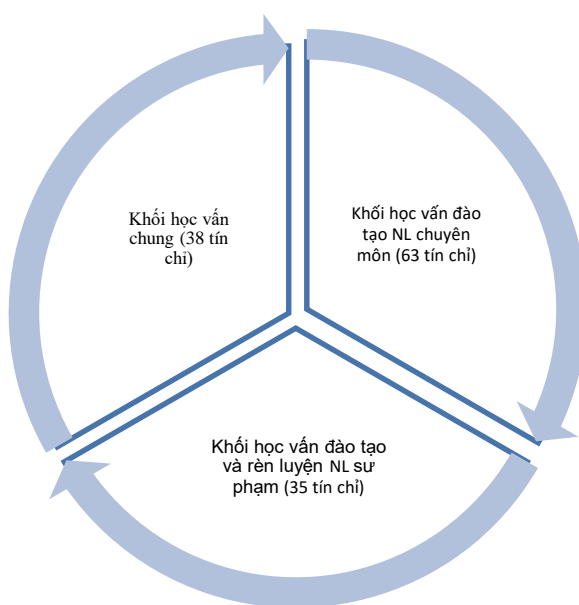
thời, việc tăng số tín chỉ ở khối kiến thức nhóm ngành, chuyên ngành để đào tạo chuyên sâu, giúp hình thành các năng lực, hoàn thành chuẩn đầu ra đã đổi mới, vừa hoàn thành các CĐR chung, vừa giúp người học tập trung vào CĐR 4 - hình thành, phát triển năng lực khoa học chuyên ngành GDCT. Tổng số tín chỉ người học cần hoàn thành để tốt nghiệp CTĐT ngành GDCT bao gồm: 136 tín chỉ, trong đó:

Khối học vấn chung (Không tính GDTC và GDQP): 38 tín chỉ

Khối học vấn đào tạo năng lực chuyên môn: 63 tín chỉ, trong đó Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 6 tín chỉ.

Khối học vấn đào tạo năng lực sư phạm: 35 tín chỉ

Sơ đồ 2.1.1. Biểu đồ thể hiện sự phân bố các khối học vấn của CTĐT ngành GDCT



Bảng:

Cấu trúc		m 2020	
Khối học		20	17 học phần
			Trong đó: - Khối học vấn chung của trường: 25 TC

			- Khối học vấn chung của nhóm ngành: 13 TC	
Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34 TC	12 học phần	35 TC	13 học phần
Khối học vấn của ngành	81 TC	30 học phần	63 TC Trong đó: - Khối học vấn chung của ngành: 11 TC; - Khối học vấn chuyên ngành: 28 TC; - Khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành: 19 TC.	23 học phần
Tổng số TC	135		136	

Bản mô tả CTĐT ngành GDCT cũng cập nhật thông tin về tiến trình đào tạo chương trình cử nhân ngành GDCT thông qua liệt kê rõ ràng sự phân bổ các học phần theo từng học kì cụ thể, theo từng năm học. Các đề cương học phần được mô tả chi tiết, rõ ràng từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, kiểm tra, đánh giá đáp ứng CDR của học phần [H2.02.01.04], [H2.02.01.05].

Ngoài ra, CTĐT ngành GDCT năm 2020, điều chỉnh năm 2022 cũng có một số điểm mới đó là việc xây dựng các ma trận gồm Ma trận chương trình dạy học thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần với CDR, mục tiêu đào tạo được thể hiện rất rõ ở mục số 4 và 5 của Bản mô tả CTĐT ngành GDCT và Đề

cương chi tiết các học phần [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Đây là điểm rất mới trong Bản mô tả CTĐT cập nhật vì có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CDR của CTĐT và ma trận tích hợp giữa CDR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR. Các ma trận này đã mô tả rõ hơn mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra của từng học phần, gắn liền mục tiêu đào tạo và CDR với những yêu cầu về phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp giảng dạy, điều được xem như công cụ để thực hiện mục tiêu đào tạo và CDR. Điều này giúp giảng viên nhìn thấy rõ mối quan hệ của mục tiêu đào tạo, CDR với từng nội dung, phương pháp giảng dạy – phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn học mình đảm nhận, giúp cho người dạy có thể xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá học phần, góp phần hình thành, phát triển những CDR cho người học ở học phần đó.

Các nội dung đối sánh và tham chiếu bên ngoài: Hội đồng khoa học đào tạo khoa LLCT- GDCT đã tiến hành cập nhật các nội dung đối sánh và tham chiếu với các chương trình đào tạo chuyên ngành GDCT của các trường đại học uy tín ở Việt Nam như ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên; ĐHSP TP Hồ Chí Minh; Đại học Sư phạm, Đại học Huế [H2.02.01.13].

Bảng 2.1.2. So sánh CTĐT ngành GDCT của Trường ĐHSHPN với một số cơ sở đào tạo khác

Tên cơ sở đào tạo	Cấu trúc CTĐT			
ĐHSP Hà Nội (136 TC)	Khối học văn chung: 38 TC	Khối học văn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35 TC	Khối học văn ngành GDCT: 63 TC	

ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên (133 TC)	Kiến thức chung: 29 TC (17 học phần)	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 38 TC (bắt buộc: 36, tự chọn: 2) (19 học phần)	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 61 TC (35 học phần) Trong đó: -Khối kiến thức chung của khối ngành: 23 TC. -Khối kiến thức chung của nhóm ngành: 36 TC	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp: 7TC (6 học phần)
ĐHSP TP Hồ Chí Minh (135 TC)	Khối học phần chung: 27 TC	Khối học phần nghề nghiệp: 35 TC. Trong đó: -Học phần cơ	Khối học phần chuyên môn: 67 TC. Trong đó: -Cơ sở ngành: 9TC. -Chuyên ngành: 58 TC	Khóa luận, tiểu luận hoặc học phần thay thế: 6 TC

		sở chung: 9TC. -Học phần nghề nghiệp chuyên ngành: 16 TC. -Thực hành nghề nghiệp: 10 TC.		
Đại học Sư phạm, Đại học Huế (130 TC, không tính phần kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).	Kiến thức đại cương: 48 TC	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 71 TC. Trong đó: - Kiến thức cơ sở chuyên ngành: 39 TC. - Kiến thức	Thực tập, kiến tập: 6 TC	Khóa luận, tiêu luận hoặc học phần thay thế: 5 TC

		chuyên ngành: 32 TC		
--	--	---------------------------	--	--

CTĐT của ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên; ĐHSP TP Hồ Chí Minh; Đại học Sư phạm, Đại học Huế có sự tương đồng với CTĐT ngành GDCT của Trường ĐHSPHN. Như vậy CTĐT ngành GDCT của Trường ĐHSPHN đảm bảo cho việc đào tạo SV về kiến thức nền tảng cơ bản và năng lực chuyên môn. Bản mô tả CTĐT ngành GDCT được cập nhật, bổ sung năm 2020 không những có ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần cho CDR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CDR của học phần với CDR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CDR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR đã giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT ngành GDCT đã cung cấp đầy đủ những thông tin cơ bản, cần thiết nhất của một CTĐT theo đúng quy định. Bản mô tả CTĐT cũng được cập nhật thường xuyên để bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu đào tạo, điều chỉnh các CDR, bổ sung những ma trận đánh giá sự đóng góp của từng học phần với CDR của CTĐT mà còn có ma trận tích hợp giữa CDR của học phần với CDR của CTĐT, ma trận giữa mục tiêu học phần và CDR, ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR.

Bản mô tả CTĐT được cập nhật thường xuyên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục đào tạo và Nhà trường, được điều chỉnh thường xuyên dựa trên tiếp thu ý kiến của các bên liên quan, đáp ứng các yêu cầu xã hội đặt ra về hoạt động đào tạo nguồn nhân lực giáo viên GDCT cho đất nước. Các quy định về tuyển

sinh rõ ràng và được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, Khoa và trong các tài liệu quảng bá về CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Hình thức trình bày bản mô tả CTĐT chưa thực sự đa dạng, thu hút người đọc.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<p>Phối hợp với Phòng đào tạo, Phòng Công tác chính trị học sinh – SV, phối hợp với giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên của khoa tăng cường các hình thức truyền thông, quảng bá đa dạng, cung cấp thông tin đến rộng rãi các bên liên quan về ngành GDCT.</p> <p>Phối hợp với TTĐBCL có kế hoạch mở rộng ý kiến góp ý của các bên liên quan định kỳ theo năm học.</p>	<p>Khoa LLCT-GDCT, Phòng CTCT-HSSV</p> <p>Trung tâm ĐBCL</p>	Từ năm học 2024-2025	

2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng khoa học đào tạo, BCN Khoa, các tổ bộ môn và giảng viên tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các môn học thuộc các khối kiến thức chung, ngành và chuyên ngành. Các đề xuất điều chỉnh, thay đổi mới được thông qua sẽ được đưa vào bản mô tả .	Hội đồng khoa học đào tạo BCN Khoa Các tổ bộ môn Tất cả GV của khoa	Thực hiện trong các năm học	
---	--------------------	---	--	-----------------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Toàn bộ đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành GDCT được điều chỉnh, bổ năm 2020, 2022 có đầy đủ các thông tin gồm: Tên học phần, tên đơn vị/ giảng viên đảm nhận giảng dạy, mã học phần, số tín chỉ, mục tiêu học phần, CDR học phần, ma trận liên kết nội dung với CDR các yêu cầu của môn học, cấu trúc các chương của môn học, phương pháp dạy - học, phương thức kiểm tra/ đánh giá, tài liệu chính và tham khảo [H2.02.02.01].

Đề cương chi tiết của mỗi học phần được các giảng viên rà soát và cập nhật thường xuyên theo các hoạt động sinh hoạt chuyên môn của các tổ bộ môn dưới sự tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa: Rà soát về mục tiêu học phần, cập nhật, điều chỉnh các nội dung học phần, rà soát, bổ sung tài liệu tham khảo, phương thức kiểm tra đánh giá học phần [H2.02.02.02], [H2.02.02.03].

Đề cương học phần của CTĐT ngành GDCT được xây dựng theo mẫu chung của Nhà trường. Đề cương chi tiết mỗi học phần của chương trình đào tạo ngành GDCT thực hiện trên cơ sở quyết định, hướng dẫn của Trường ĐHSPHN. Năm 2019, thực hiện kế hoạch xây dựng CTĐT của Trường ĐHSPHN, Nhà trường đã tổ chức toạ đàm về mô hình đào tạo và chuẩn đầu ra [H2.02.02.04]; toạ đàm về xây dựng chuẩn đầu ra và CTĐT [H2.02.02.05] để điều chỉnh, rà soát CTĐT và bản mô tả nội dung các đề cương chi tiết có điều chỉnh theo định kỳ. Năm 2021, Nhà trường tổ chức rà soát, điều chỉnh CTĐT dựa trên khung chuẩn đầu ra của Trường và phù hợp với đặc trưng của ngành đào tạo; rà soát, điều chỉnh bản mô tả chương trình, khung chương trình và cây chương trình đào tạo, đảm bảo CDR của CTĐT được phân bổ, truyền tải đầy đủ thành CDR của học phần và đảm bảo sự mạch lạc, gắn kết của các khối học vấn; rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần, đảm bảo nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần và đảm bảo giáo trình, tài liệu tham khảo chính của học phần [H2.02.02.06]. Năm 2022, TTĐBCL của Nhà trường đã tiến hành khảo sát các bên liên quan về CTĐT [H2.02.02.07]; tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, cụ thể là ý kiến của giảng viên, nhà sử dụng lao động và cựu SV về các CTĐT hiện hành [H2.02.03.08]. Trên cơ sở đó, khoa LLCT – GDCT đã điều chỉnh CTĐT và đề cương chi tiết học phần theo hướng dẫn của Nhà trường. Căn cứ hướng dẫn của Nhà trường, Khoa đã tổ chức thực hiện xây dựng đề cương học phần theo các bước sau:

Bước 1: Trưởng khoa phân công cho Tổ bộ môn hoặc các nhóm chuyên trách.

Bước 2: Trưởng bộ môn phân công cho các GV xây dựng đề cương học phần.

Bước 3: Giảng viên xây dựng dự thảo đề cương học phần.

Bước 4: Bộ môn tổ chức thảo luận, góp ý cho dự thảo đề cương học phần.

Bước 5: GV biên soạn đề cương học phần chỉnh sửa và hoàn thiện sau thảo luận cấp bộ môn.

Bước 6: Khoa tổ chức thẩm định đề cương học phần.

Bước 7: GV chỉnh sửa theo kết quả thẩm định cấp Khoa; Khoa trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành đề cương học phần.

Trong bản cập nhật Đề cương chi tiết học phần ngành GDCT được bổ sung năm 2020 bao gồm các nội dung [H2.02.02.01]

1) Thông tin chung gồm: tên học phần tiếng Việt và tiếng Anh; mã số học phần; số TC; điều kiện tiên quyết của học phần; bộ môn phụ trách; thông tin của GV giảng dạy.

2) Học liệu: tài liệu tham khảo bắt buộc và tài liệu tham khảo tự chọn (sách, bài báo/tạp chí, bài hội thảo/hội nghị, đề tài khoa học, luận văn, luận án, kỷ yếu hội nghị,); website tham khảo nếu có.

3) Mô tả mục tiêu của học phần.

4) CDR của học phần (về kiến thức, kỹ năng, về năng lực tự chủ và trách nhiệm).

5) Nội dung, phương pháp giảng dạy (PPGD), phương pháp kiểm tra, đánh giá:

5.1. Nội dung của học phần:

Buổi/Bài	Nội dung giảng dạy	Số TC	Phân bổ thời gian		
			Số tiết trên lớp		Tự học có hướng
			Lý	Thực hành,	

			thuyết	thảo luận	dẫn
Tổng cộng (tiết)					

Ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR của CTĐT

Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần

Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần

5.2. Nội dung chi tiết, PPGD:

Tuần n 1	Bài 1:						
	CDR CTĐT	CDR Học phần	Nội dung giảng g	Phương pháp KT, ĐG	PPG D	Phương pháp học tập	Yêu cầu SV chuẩn bị (tự học có hướng dẫn)

5.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Hình thức, tỷ trọng đánh giá

Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, PPGD, học tập.

Tiêu chí đánh giá: yêu cầu chung đối với các bài tập, bài tập nhóm, bài tập lớp, thi kết thúc học phần.

6) Chính sách đối với học phần.

Đề cương chi tiết tất cả các môn học được rà soát hàng năm tại các tổ bộ môn, có kiểm tra, giám sát từ Hội đồng Khoa học của khoa LLCT – GDCT.

Bản đề cương chi tiết được cập nhật theo kết quả của các đợt lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về CDR, CTĐT, về nội dung, chất lượng đào tạo [H2.02.02.08]; các bản đề cương môn học chi tiết cũng luôn được các giảng viên rà soát, cập nhật về mục tiêu, nội dung đào tạo, các phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá từ các kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp 2019 – 2024 [H2.02.02.09], kết quả khảo sát về hiệu quả, chất lượng đào tạo - sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN 2019-2024, trong đó có sinh viên ngành GDCT, khoa LLCT- GDCT [H2. 02.02.10].

Đặc biệt, bên cạnh 1) Bổ sung, điều chỉnh một số học phần mới đáp ứng yêu cầu mới của CDR năm 2019. Trong cuộc họp tháng 9 năm 2019 về điều chỉnh bản mô tả CTĐT cử nhân ngành GDCT của khoa LLCT- GDCT, đã có những đề xuất, chỉnh sửa bản mô tả CTĐT, điều chỉnh chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo, đề cương chi tiết các học phần cũng được điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng các yêu cầu mới [H2.02.02.03]. Cụ thể:

- Về chuẩn đầu ra: Sẽ rà soát lại các CDR, điều chỉnh lại cách trình bày và một số nội dung cho phù hợp với cách tiếp cận phẩm chất và năng lực của người học.

- Về phân phối các học phần trong chương trình đào tạo: Sẽ rà soát và điều chỉnh các khối kiến thức, học phần trong chương trình khung ngành GDCT.

- Về đề cương các học phần: Sẽ điều chỉnh mục tiêu học phần (từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phẩm chất và năng lực người học), cách trình bày và nội dung giảng dạy trong một số học phần; điều chỉnh lại nội dung về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá.

- Về phân công, phối hợp triển khai công việc: Các bộ môn tiếp nhận bản mô tả chương trình đào tạo hiện hành, triển khai rà soát, điều chỉnh các học phần do bộ môn mình phụ trách; Thống nhất cách trình bày bản mô tả, thư kí hội đồng tổng hợp ý kiến, nội dung điều chỉnh, tổng hợp lại bản mô tả chương trình đào tạo.

Điểm mới nổi bật của đề cương chi tiết là các ma trận này đã mô tả rõ hơn mối quan hệ giữa mục tiêu đào tạo với chuẩn đầu ra của từng học phần, gắn liền mục tiêu đào tạo và CĐR với những yêu cầu về phương pháp kiểm tra đánh giá và phương pháp giảng dạy, điều được xem như công cụ để thực hiện mục tiêu đào tạo và CĐR. Điều này giúp giảng viên nhìn thấy rõ mối quan hệ của mục tiêu đào tạo, CĐR với từng nội dung, phương pháp giảng dạy – phương pháp kiểm tra đánh giá trong môn học mình đảm nhận, góp phần quan trọng để giảng viên nâng cao ý thức thực hiện mục tiêu chương trình và CĐR. Đồng thời, thông qua nhìn nhận các ma trận CĐR tích hợp trong khung CTĐT ngành GDCT, sinh viên cũng có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT cử nhân sư phạm GDCT, nhận thức rõ các yêu cầu về mức độ năng lực và phẩm chất của mỗi học phần và toàn bộ chương trình cần đạt được [H2.02.02.11].

2. Điểm mạnh

Các đề cương môn học chương trình đào tạo ngành GDCT, đặc biệt đề cương môn học năm 2020 đã phản ánh đầy đủ thông tin, cập nhật nội dung cơ bản một cách rõ ràng, chi tiết các thông số của một đề cương học phần tích hợp ma trận CĐR.

Các đề cương môn học liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay và được xây dựng trên cơ sở khoa học: nhu cầu thực tiễn, sự chỉ đạo từ Nhà trường, ý kiến của các bên liên quan, thực trạng tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp...

Trong mỗi đề cương chi tiết học phần đều có ma trận tích hợp giữa CDR học phần với CDR của CTĐT; ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và CDR của học phần; ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR học phần; ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập. Sự đầy đủ, chi tiết của đề cương học phần là căn cứ quan trọng giúp người học có kế hoạch kế hoạch, lộ trình, phương pháp học tập của bản thân phù hợp và hiệu quả nhất.

3. Điểm tồn tại

Do đặc thù của ngành GDCT nên các đề cương chi tiết học phần còn gặp nhiều khó khăn khi so sánh, tham chiếu với chương trình quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung việc tìm kiếm tham khảo các CTĐT liên quan đến ngành GDCT trên thế giới để cập nhật vào đề cương chi tiết học phần và mời các chuyên gia tọa đàm, trao đổi về chương trình GDCT ở khu vực và thế giới.	Khoa phối hợp với Nhà trường	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy	- Hội đồng KH&ĐT Khoa tiếp tục và thường xuyên chỉ đạo GV toàn khoa và tổ	Hội đồng KH&ĐT Khoa, các tổ	Năm học 2024-2025	

	điểm mạnh	bộ môn rà soát đề cương chi tiết, cập nhật và điều chỉnh các nội dung đào tạo theo CTĐT mới. - GV tham gia đào tạo cử nhân ngành GDCT thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung mới liên quan tới học phần giảng dạy. Nếu thấy hợp lý, cần thiết thì đề xuất chỉnh sửa học phần.	bộ môn và toàn thể GV của khoa LLCT-GDCT		
--	--------------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 2.3: Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

Bản mô tả chương trình đào tạo cử nhân ngành GDCT đã phê duyệt và được công khai tới các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau như công khai trong đề án tuyển sinh đại học các năm, trang thông tin công bố CĐR của ngành, thông tin tuyển sinh trên website của trường và khoa, [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04]; [H2.02.03.05], [H2.02.03.06]. SV được giới thiệu về Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần vào tuần sinh hoạt công dân và ngày gặp mặt tân SV với Ban chủ nhiệm khoa, Trợ lý đào tạo và cố vấn học tập sau khi sinh viên nhập học. Việc giới thiệu CTĐT một cách tổng quát vào thời điểm này giúp cho SV có cái nhìn tổng thể về ngành đào tạo và khung chương trình để xây dựng một kế hoạch học tập tốt nhất cho bản thân và hoàn thành các điều kiện tốt nghiệp ngành cử nhân GDCT. Ngoài

ra, sinh viên còn có thể tìm kiếm thông tin và sự trợ giúp từ các nhóm chính thức do Liên chi Đoàn Khoa thành lập thuộc trang mạng xã hội Facebook của sinh viên khoa LLCT - GDCT, kèm theo sổ tay sinh viên nơi các em có thể ghi chép những thông tin hữu ích để có thể tra cứu các thông tin quan trọng liên quan tới quá trình đào tạo [H2.02.03.07] [H2.02.03.08].

Tất cả các đề cương chi tiết các học phần của CTĐT cử nhân ngành GDCT đã phê duyệt và được công khai bằng nhiều hình thức khác nhau tới các bên liên quan [H2.02.03.02]. Việc công bố các đề cương môn học bằng nhiều hình thức trên đã giúp cho SV nắm được các học phần có thể đăng ký học trong một kỳ học, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong năm học và khóa học. Trong buổi gặp gỡ đầu năm, Khoa LLCT - GDCT cũng có các hình thức giới thiệu, phổ biến, hướng dẫn NH sử dụng các đề cương môn học: Đầu năm học SV được nghe và trao đổi về chương trình học, đề cương các môn học của học kỳ đó để nắm bắt khối lượng, nội dung kiến thức sẽ học trong kỳ đó. Đối với mỗi học phần, đề cương chi tiết của từng học phần một lần nữa được giảng viên cung cấp cho các SV trong tiết đầu tiên của mỗi môn học để các em có cái nhìn tổng thể về môn học sắp diễn ra, qua đó SV nắm rõ thông tin từng học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong nội dung học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.02].

Đặc biệt, trong giai đoạn triển khai hoạt động đào tạo trực tuyến thích ứng với bối cảnh đại dịch Covid -19 ở Việt Nam, đề cương các học phần đã được công bố công khai tới sinh viên trên hệ thống học tập trực tuyến của Trường ĐHSPT Hà Nội [H2.02.03.09]. Do bối cảnh giãn cách xã hội, việc cung cấp đề cương chi tiết các học phần cùng với bản mềm các giáo trình và tài liệu tham khảo có ý nghĩa vô cùng quan trọng giúp sinh viên khắc phục khó khăn trong học tập trực tuyến, lập được kế hoạch học tập, ôn tập phù hợp cho từng học phần.

Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, sinh viên, sinh viên đã tốt nghiệp... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và các thông tin tuyển sinh một cách dễ dàng và thuận tiện nhất thông qua các kênh thông tin như website của Trường, Khoa, đề án, thông tin tuyển sinh của khoa đối với ngành GDCT [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần với mục tiêu, nội dung rõ ràng, chi tiết đã được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, khai giúp cho giảng viên, sinh viên trong Khoa cũng như trong Trường và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận một cách dễ dàng, thuận tiện nhất.

Bản đề cương chi tiết các học phần cung cấp nguồn thông tin về mọi mặt cho giảng viên và sinh viên về chương trình đào tạo xuyên suốt 4 năm, đặc biệt giúp sinh viên tiếp cận dễ dàng hiểu để có khả năng chủ động và tư chủ trong quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Hình thức công bố CTĐT ngành GDCT tới các bên liên quan chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng đa dạng hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đề cương chi tiết học	Khoa LLCT-GDCT và toàn thể giảng viên của khoa	Từ năm học 2024-2025	

		phần, trung cầu ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc học phần.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục công bố, phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương học phần đến những bên liên quan, với hình thức đa dạng. Tham gia chương trình tư vấn tuyển sinh, ngày hội việc làm, giới thiệu quảng bá về Khoa và CTĐT cho những học sinh và các bên liên quan.	Tất cả cán bộ, GV trong Khoa	Thực hiện trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được dày công biên soạn, đã có đầy đủ thông tin cần thiết theo đúng tiêu chuẩn đào tạo; được rà soát và cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan đến CTĐT hiện nay. Đề cương chi tiết các học phần đã thể hiện được đầy đủ các thông tin cần thiết cho các bên liên quan tiếp cận, đã công khai để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng. Với bản mô tả này, người đọc có thể dễ dàng hình dung được một cách khái quát về CTĐT cử nhân ngành GDCT của khoa LLCT – GDCT, các CDR chung và đặc thù của ngành. Bản mô tả chi tiết các đề cương học phần có mô tả tiếp cận theo hướng năng lực một cách cụ thể thông qua các ma trận liên

hệ giữa CĐT, mục tiêu đào tạo với từng mục tiêu, nội dung trong học phần. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết học phần được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, hình thức công bố về CTĐT ngành GDCT đã được triển khai nhưng chưa phong phú, đa dạng.

Để phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại, khoa LLCT – GDCT đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần bằng những giải pháp sau: Phối hợp với Phòng đào tạo, Phòng Công tác chính trị HS – SV, phối hợp với giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên của khoa tăng cường các hình thức truyền thông, quảng bá đa dạng, cung cấp thông tin đến rộng rãi các bên liên quan về ngành GDCT; Phối hợp với TTĐBCL có kế hoạch mở rộng ý kiến góp ý của các bên liên quan định kỳ theo năm học. Hội đồng khoa học đào tạo, BCN Khoa, các tổ bộ môn và giảng viên tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các môn học thuộc các khối kiến thức chung, ngành và chuyên ngành. Các đề xuất điều chỉnh, thay đổi mới được thông qua sẽ được đưa vào bản mô tả; Bổ sung việc tìm kiếm tham khảo các CTĐT ngành GDCT trên thế giới để cập nhật vào đề cương chi tiết học phần và mời các chuyên gia tọa đàm, trao đổi về chương trình GDCT ở khu vực và thế giới; Hội đồng KH&ĐT Khoa tiếp tục và thường xuyên chỉ đạo GV toàn khoa và tổ bộ môn rà soát đề cương chi tiết, cập nhật và điều chỉnh các nội dung đào tạo theo CTĐT mới. Mở rộng đa dạng hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần, trưng cầu ý kiến phản hồi của sinh viên sau sau khi kết thúc học phần; Tiếp tục công bố, phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương học phần đến những bên liên quan, với hình thức đa dạng. Tham gia chương trình tư vấn tuyển sinh, ngày hội việc làm, giới thiệu quảng bá về Khoa và CTĐT cho những học sinh và các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2:

Tiêu chuẩn 2	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 2.1					5		
Tiêu chí 2.2					5		
Tiêu chí 2.3					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**Mở đầu**

Chương trình dạy học (CTDH) đại học ngành GDCT được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT ngành GDCT. Mỗi học phần trong CTDH cử nhân sư phạm GDCT đều thể hiện được các yêu cầu của CĐR rất rõ ràng. CTDH được xây dựng theo cấu trúc nhất quán, hợp lý, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Đồng thời, CTDH cũng đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTDH của Trường ĐHSPHN và Bộ GD&ĐT.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

CTDH trình độ đại học ngành GDCT được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CDR về phẩm chất và các năng lực chung cũng như năng lực nghề nghiệp. Điều này đã thể hiện rõ nét trong bản mô tả CTDH và bản mô tả CTĐT ngành GDCT năm 2020 và năm 2022. [H3.03.01.01].

CDR bao gồm 4 nhóm tiêu chuẩn và 23 tiêu chí tương ứng với các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung, năng lực sư phạm, năng lực ngành mà người học cần đạt được trong quá trình đào tạo.

Phân tích các tiêu chuẩn trong CTDH ngành GDCT có thể thấy rõ, CDR của Chương trình dạy học cử nhân sư phạm ngành GDCT năm 2020 đã bao quát được yêu cầu chung của ngành học sư phạm của Trường ĐHSP Hà Nội nói chung và ngành GDCT nói riêng. Đặc biệt, tiêu chuẩn 4 - Năng lực khoa học ngành GDCT với 06 tiêu chí cụ thể là: Năng lực Giáo dục chính trị; Năng lực giải thích Chương trình môn Giáo dục chính trị trong Chương trình giáo dục phổ thông; Năng lực sử dụng các học vấn giáo dục tổng quát và học vấn Giáo dục chính trị vào thực tiễn; Năng lực nghiên cứu khoa học Giáo dục chính trị; Năng lực sử dụng ngoại ngữ trong hoạt động chuyên môn; Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động chuyên môn. Có thể khẳng định việc xác định năng lực khoa học ngành GDCT và các chỉ báo cụ thể đã bao quát được yêu cầu chuyên biệt chương trình DH cũng như CTĐT của ngành GDCT [H3.03.01.02].

Căn cứ vào Bản mô tả CTDH và bản mô tả CTĐT ngành GDCT có thể thấy, cấu trúc CTDH được thiết kế bao gồm 3 khối học vấn: Khối học vấn chung; khối học vấn ngành Giáo dục chính trị; Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm.

Các học phần ở các khối kiến thức này đảm bảo đáp ứng yêu cầu về kiến thức của CDR, được thể hiện cụ thể ở Bảng 3.1.1. Bảng này cho thấy cấu trúc các học phần trong CTDH có thể hiện tỷ lệ cân đối, logic với cấu phần của

CDR (CDR chung, CDR chuyên ngành, kiến thức, kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, thái độ, tự chủ và nghề nghiệp).

Bảng 3.1.1. Học phần trong CTDH tương ứng yêu cầu về CDR

Học phần trong CTDH	Yêu cầu về CDR
<p>- Các học phần thuộc khối kiến thức chung (38 TC) chiếm gần 28%.</p> <p>+ Triết học Mác - Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tâm lý giáo dục; Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng; Tiếng Việt thực hành/Nghệ thuật đại cương; Tin học đại cương; Cơ sở văn hoá Việt Nam; Thống kê xã hội học; Nhập môn KHXH và nhân văn; Nhân học đại cương; Xã hội học đại cương; Nhân học đại cương; Lịch sử văn minh thế giới</p> <p>+ Ngoại ngữ</p>	<p>+ Có hiểu biết cơ bản về Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>+ Có hiểu biết cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với tiêu chuẩn đào tạo người giáo viên trong Nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>+ Bước đầu có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu các tài liệu tham khảo chuyên ngành</p>
<p>- Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm gồm 35 tín chỉ chiếm gần 26%.</p> <p>Gồm các học phần như: Giáo dục học; Lí luận dạy học; Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; Xây</p>	<p>- Có đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo dạy thành thạo các môn Lí luận chính trị ở các cơ sở đào tạo và có đủ năng lực học tập ở bậc cao hơn.</p> <p>- Có đủ kiến thức để giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy</p>

<p>dụng kế hoạch dạy học Giáo dục chính trị; Giao tiếp sư phạm; Tổ chức dạy học Giáo dục chính trị; Đánh giá trong giáo dục; Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong Nhà trường/ Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong Nhà trường; Thực hành tại trường sư phạm/ Trải nghiệm hoạt động dạy học; Thực tập sư phạm 1; Thực tập sư phạm 2.</p>	<p>học, giáo dục bằng con đường tổng kết kinh nghiệm, NCKH. Biết xây dựng các giả thuyết khoa học, soạn đề cương nghiên cứu, triển khai nghiên cứu, viết báo cáo khoa học và triển khai ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có tiềm lực để tự hoàn thiện trình độ của mình, đáp ứng những yêu cầu mới của giáo dục.</p>
<p>Khối học văn ngành Giáo dục chính trị gồm 63 TC chiếm 46%, gồm khối học văn chung của ngành, khối học văn chuyên ngành, khối học văn bổ trợ của chuyên ngành.</p>	<p>- Có khả năng đáp ứng các yêu cầu về đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học; kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục các môn Lí luận chính trị.</p>
<p>Khối học văn chung của ngành gồm các môn bắt buộc như: Pháp luật đại cương; Logic học; Lịch sử triết học; Lịch sử các học thuyết kinh tế; Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội hiện thực và các môn tự chọn (6/12) là Lịch sử tư tưởng Việt Nam; Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Phương pháp luận nghiên cứu khoa học.</p>	<p>- Có năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục ở các cơ sở đào tạo. Có khả năng vận dụng những kiến thức khoa học đã được đào tạo để đáp ứng mục tiêu giáo dục.</p>

<p>Khối học vấn chuyên ngành gồm các môn bắt buộc như: Chính trị học đại cương; Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông; Kinh tế học đại cương; Chuyên đề tôn giáo và dân tộc; Xây dựng Đảng và các môn tự chọn (6/9) là Giáo dục dân số và môi trường; Những vấn đề của thời đại; Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam và cặp môn (2/4) là Giới và bình đẳng giới ở Việt Nam; Quan hệ chính trị quốc tế.</p> <p>Khối học vấn chuyên ngành và bổ trợ gồm các học phần: Tác phẩm kinh điển triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, Thực tế chuyên môn và các môn theo 4 chuyên ban Triết học; Kinh tế; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh.</p>	
--	--

Việc thiết kế các học phần trong CTDH là chặt chẽ và khoa học, được thể hiện ở việc lựa chọn các học phần đáp ứng CĐR tương ứng. Đây là điểm mới là cũng là bước tiến trong quá trình xây dựng CTDH ngành GDCT năm 2020, 2022 khi mà toàn bộ CTDH cũng như đề cương mỗi học phần đều hướng đến đạt CĐR cho người học [H3.03.01.01]; [H3.03.01.02].

Mỗi học phần trong CTDH trình độ ĐH ngành GDCT thể hiện đầy đủ điều kiện tiên quyết, mục tiêu, nội dung đào tạo, thời lượng đối ở mỗi nội dung, ma trận tích hợp CĐR, phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh

giá, giáo trình, tài liệu tham khảo [H3.03.01.01]. Mục tiêu ở mỗi học phần trong CTDH cử nhân ngành GDCT được trình bày rõ ràng, thể hiện những yêu cầu về phẩm chất, năng lực, kiến thức và kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm mà người học sẽ có được sau khi kết thúc học phần và đều góp phần hình thành các năng lực cần thiết trong 4 nhóm tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực theo yêu cầu của CĐR thể hiện ở ma trận kỹ năng [H3.03.01.03].

Các PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá được xây dựng dựa trên CĐR và nội dung học tập. Toàn bộ các môn học/ học phần trong CTDH đã xác định được rõ ràng tổ hợp PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá người học một cách phù hợp, góp phần đạt được CĐR và ma trận kỹ năng [H3.03.01.01], [H3.03.01.03], [H3.03.01.04]. Trong ma trận các PPDH và KTĐG, CTDH ngành GDCT sử dụng 12 phương pháp dạy học và 12 phương pháp kiểm tra đánh giá.

Mỗi môn học đều sử dụng kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, trong đó nhấn mạnh sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của người học như: Thảo luận nhóm, tình huống, dạy học theo dự án, động não, đóng vai, thực hành trải nghiệm. Những nội dung lý thuyết sẽ sử dụng các PPDH như: thuyết trình, vấn đáp; các phương pháp học tập như: nghe giảng và ghi chép, nêu vấn đề, làm báo cáo và thuyết trình; các phương pháp kiểm tra đánh giá như trắc nghiệm với câu hỏi đúng/sai, câu hỏi ngắn. Những nội dung thực hành sẽ sử dụng các PPDH như: dạy học dự án, tình huống, đóng vai; các phương pháp học tập như: thực hành, làm tiểu luận, làm báo cáo và thuyết trình. Sự đa dạng phương pháp dạy học giúp tăng khả năng tiếp thu kiến thức, cải thiện về kỹ năng và hình thành mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV trong quá trình học tập, qua đó SV đạt được CĐR của CTĐT. Các phương pháp học tập của người học cũng được xác định rõ ràng, các phương pháp học tập thúc đẩy

sự chủ động của người học như: tự đọc và nghiên cứu tài liệu, làm báo cáo, tiểu luận, thảo luận, thực hiện dự án nghiên cứu....

Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng khá phong phú và đa dạng, không chỉ tập trung vào đánh giá kết quả cuối cùng mà bao gồm cả đánh giá trong suốt quá trình học tập của người học [H3.03.01.04]. Đánh giá quá trình học tập gồm các phương pháp kiểm tra đánh giá như: làm bài tập về nhà, thuyết trình, báo cáo, các bài trắc nghiệm với câu hỏi đúng/sai hoặc câu hỏi ngắn. Đánh giá giữa kì và cuối kì sử dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá như: thi tự luận, thi tự luận kết hợp trắc nghiệm [H3.03.01.01]. Tuy nhiên, trong thực tiễn vận dụng và đặc thù tri thức môn học, hình thức đánh giá chủ yếu ở các môn chuyên ngành GDCT vẫn thiên về phương pháp tự luận. Nhìn chung các phương pháp đánh giá, kiểm tra và công cụ được sử dụng là phù hợp với CĐR, đảm bảo đánh giá được đầy đủ và chính xác về ý thức thái độ học tập trên lớp, khả năng lĩnh hội kiến thức để liên hệ và giải quyết các vấn đề trong thực tế, khả năng tự học và sáng tạo, khả năng tư duy vận dụng các vấn đề lý luận vào các tình huống thực tế, kỹ năng trình bày, thuyết trình, phản biện, kỹ năng phối hợp và làm việc nhóm của SV. Sự phối hợp nhiều hình thức đánh giá góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR của CTĐT ngành GDCT. Đồng thời, các hình thức, cách thức KTĐG như trên đòi hỏi SV phải tích cực, chủ động, tự giác trong việc chuẩn bị, chiếm lĩnh kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong quá trình học tập hướng đến đạt CĐR.

Như vậy có thể thấy, các PPDH và kiểm tra đánh giá tương thích với CĐR của học phần và CTĐT. Điều này được thể hiện trong ma trận PPDH và phương pháp kiểm tra đánh giá [H3.03.01.04]. Các PPDH và kiểm tra đánh giá nhằm hình thành cho người học các phẩm chất và năng lực cần thiết như: yêu nghề, ý thức tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng các tri thức giáo dục tổng quát và tri thức khoa học ngành (hoặc liên ngành) vào thực tiễn.

Trong giai đoạn 2019 -2024, để thực hiện CTDH ngành GDCT đáp ứng CDR, trong mỗi năm học, khoa LLCT- GDCT đã tiến hành xây dựng kế hoạch chi tiết về thời khoá biểu và phân công giảng dạy [H3.03.01.05], công khai kinh phí chi thường xuyên phục vụ đào tạo, [H3.03.01.06]. Đặc biệt, để thực hiện CTDH, đội ngũ GV của khoa với trình độ cao về chuyên môn, năng lực, phẩm chất cũng được lựa chọn dựa trên sự phù hợp chuyên môn của GV và với yêu cầu CDR. Hồ sơ và lí lịch khoa học của đội ngũ giảng viên được công khai trên website của khoa để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng (link: <http://fpe.hnue.edu.vn/NCKH/p/ly-lich-khoa-hoc-cua-giang-vien-292>) [H3.03.01.07].

Không những vậy, trong quá trình xây dựng CTDH đáp ứng CDR ngành GDCT, năm 2021 khoa LLCT- GDCT cũng đã tiến hành lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cung cấp thêm các ý kiến đánh giá khách quan đối với CTDH 2020, để có sự điều chỉnh bổ sung cho CTDH 2022 [H3.03.01.08]:

Bảng 3.1.1. Đánh giá của cựu sinh viên về nội dung và cấu trúc của CTDH

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTĐT	Mức độ đánh giá (%)				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
8	CTDH đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0	0	12.5	41.7	45.8
9	Cấu trúc CTDH cân đối giữa các khối học vấn chung, học vấn ngành và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành	0	0	16.7	50	33.3

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTĐT	Mức độ đánh giá (%)				
		<i>Hoàn toàn không đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Hoàn toàn đồng ý</i>
10	Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0	4.2	8.3	54.2	33.3
11	Các chuyên đề được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống	0	0	16.7	45.8	37.5
12	Mỗi chuyên đề đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH	0	0	12.5	41.7	45.8
13	CTDH đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc	0	0	12.5	45.8	41.7
14	CTDH có tính mềm dẻo và thuận lợi	0	0	12.5	37.5	50
15	CTDH phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông	0	0	12.5	33.3	54.2
16	CTDH chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho sinh viên	0	0	16.7	33.3	50

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTDH	Mức độ đánh giá (%)				
		<i>Hoàn toàn không đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Hoàn toàn đồng ý</i>
17	CTDH chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên	0	0	12.5	33.3	54.2
18	Đề cương học phần cung cấp đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	0	0	12.5	45.8	41.7

Từ số liệu cho thấy, cựu sinh viên có phản hồi tích cực về nội dung, cấu trúc, tổ chức và thực hiện CTDH, thể hiện ở khoảng 80% sinh viên phản hồi đồng ý và hoàn toàn đồng ý về nội dung và cấu trúc CTDH. Riêng câu số 10 “Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học”, có 4,2% sinh viên không đồng ý với nội dung này, đây chính là một trong những căn cứ quan trọng để khoa LLCT – GDCT tiếp tục hoàn thiện về cấu trúc và nội dung dạy học.

Bảng 3.1.2. Đánh giá của giảng viên về nội dung và cấu trúc của CTDH

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTĐT	Mức độ đánh giá (%)				
		<i>Hoàn toàn không đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Hoàn toàn đồng ý</i>
8	CTDH đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0	0	10.0	46.7	43.3
9	Cấu trúc CTDH cân đối giữa các khối học vấn chung, học vấn ngành và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành	0	0	10.0	66.7	23.3
10	Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0	0	10.0	46.7	43.3
11	Các chuyên đề được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống	0	0	10.0	46.7	43.3
12	Mỗi chuyên đề đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH	0	0	10.0	46.7	43.3
13	CTDH đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc	0	0	20.0	56.7	23.3
14	CTDH có tính mềm dẻo và thuận lợi	0	0	20.0	56.7	23.3

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTDH	Mức độ đánh giá (%)				
		<i>Hoàn toàn không đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Hoàn toàn đồng ý</i>
15	CTDH phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông	0	0	10.0	56.7	33.3
16	CTDH chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho sinh viên	0	0	10.0	66.7	23.3
17	CTDH chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên	0	0	10.0	33.3	56.7
18	Đề cương học phần cung cấp đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	0	0	10.0	46.7	43.3

Từ số liệu cho thấy, giảng viên có phản hồi tích cực về nội dung, cấu trúc, tổ chức và thực hiện CTDH, thể hiện ở khoảng 80% giảng viên phản hồi đồng ý và hoàn toàn đồng ý về nội dung và cấu trúc CTDH. Kết quả khảo sát là sự phản ánh tích cực về nội dung và cấu trúc của CTDH ngành GDCT. Riêng câu số 13,14 (CTDH đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc; CTDH có tính mềm dẻo và thuận lợi) có khoảng 20% giảng viên phân vân với nội dung này, đây chính là một trong những căn cứ quan trọng, để khoa tiếp tục hoàn thiện thêm.

Bảng 3.1.3. Đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về Kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của Cựu sinh viên

T T	Kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ	Mức độ đạt được (%)					Điểm TB	Xếp loại
		<i>Hoàn toàn không đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Hoàn toàn đồng ý</i>		
1	Kiến thức ngành/ chuyên ngành được đào tạo	0	0	0	35	65	4.65	2
2	Kiến thức nền tảng xã hội liên quan	0	0	0	35	65	4.65	2
3	Khả năng người lao động giải quyết công việc tốt	0	0	0	35	65	4.65	2
4	Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc	0	0	0	35	65	4.65	2
5	Năng lực tự học/tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng	0	0	0	30	70	4.7	1

T T	Kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ	Mức độ đạt được (%)					Điểm TB	Xếp loại
		<i>Hoàn toàn không đồng ý</i>	<i>Không đồng ý</i>	<i>Phân vân</i>	<i>Đồng ý</i>	<i>Hoàn toàn đồng ý</i>		
6	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	0	0	5	40	55	4.5	5
7	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	0	0	0	40	60	4.6	3
8	Kỹ năng nghiệp vụ	0	0	0	35	65	4.65	2
9	Năng lực tư duy logic	0	0	0	35	65	4.65	2
10	Kỹ năng khai thác, phân loại, xử lý dữ liệu/thông tin	0	0	0	35	65	4.65	2
11	Kỹ năng giảng dạy và phổ biến kiến thức kỹ năng GDCT ở các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác.	0	0	0	30	70	4.7	1

Từ số liệu cho thấy, đơn vị sử dụng lao động có nhận xét tích cực về kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cựu sinh viên, trong đó năng lực tự học/tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng và kỹ năng giảng dạy và phổ biến kiến thức kỹ năng GDCT ở các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác được đánh giá cao nhất. Năng lực mà các đơn vị sử dụng lao động đánh giá thấp nhất là năng lực sử dụng ngoại ngữ của sinh viên, đây là một trong những thách thức và yêu cầu được đặt ra trong việc đổi mới CTDH ngành GDCT.

Bảng 3.1.4. Đánh giá sự phù hợp của CTDH so với yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị

TT	Mức độ đánh giá	Tỉ lệ (%)
1	Hoàn toàn không phù hợp	0
2	Không phù hợp	0
3	Phân vân	0
4	Phù hợp	52.4
5	Rất phù hợp	47.6

Kết quả cho thấy, đơn vị sử dụng lao động có phản hồi rất tích cực về sự phù hợp của CTDH so với yêu cầu vị trí việc làm của đơn vị, thể hiện ở đánh giá phù hợp (52%) và rất phù hợp chiếm (47.6%). Qua đây có thể thấy, CTDH ngành GDCT đã đáp ứng tốt yêu cầu của CDR [H3.03.01.02; H3.03.01.08].

2. Điểm mạnh

CTDH ngành GDCT được thiết kế dựa trên các yêu cầu về CDR của ngành sư phạm và đặc thù ngành GDCT có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng

lực. Toàn bộ các học phần trong CTDH ở các khối học vẫn đều đã xác định được tổ hợp nội dung của CTDH, các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với yêu cầu đặt ra, góp phần đạt được CDR cho người học trong quá trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như cơ sở giáo dục đào tạo, đơn vị tuyển dụng về CTDH chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH bằng nhiều hình thức hơn.	Khoa LLCT – GDCT, TTĐBCL	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CDR tốt hơn nữa	Tất cả GV của khoa LLCT-GDCT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả

Tất cả các môn học/học phần trong CTDH đã có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp rõ ràng của mỗi môn học/học phần nhằm đạt được CĐR [H3.03.02.01]; [H3.03.02.02]. Mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra trong chương trình được thể hiện rõ qua Ma trận đóng góp của các học phần cho CĐR [H3.03.02.03]. Cụ thể như sau:

- Với nhóm tiêu chuẩn 1/ nhóm CĐR 1- Về phẩm chất với 6 tiêu chí, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 45 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), có 20 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), có 01 môn đóng góp ít (điểm trung bình dưới 1), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 1.

- Với nhóm tiêu chuẩn 2/ nhóm CĐR 2- Về năng lực chung, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 13 môn đóng góp nhiều, các môn còn lại có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), không có môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 2.

- Với nhóm tiêu chuẩn 3/ nhóm CĐR 3- Về năng lực sự phạm, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 13 môn đóng góp nhiều, có 54 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), có 1 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), có 1 môn không có đóng góp cho nhóm CĐR 3.

- Với nhóm tiêu chuẩn 4/ nhóm CĐR 4 - Về năng lực khoa học ngành GDCT, hầu hết các môn học có đóng góp từ mức trung bình trở lên, trong đó có 12 môn đóng góp nhiều, có 44 môn có đóng góp từ trung bình đến nhiều (điểm trung bình từ 2.0-3.0), có 2 môn có đóng góp từ ít đến trung bình (điểm trung bình từ 1.0-2.0), không có môn nào không có đóng góp cho nhóm CĐR 4 [H3.03.02.02].

- Khối học văn ngành Giáo dục chính trị gồm 63 TC chiếm 46%, gồm khối học văn chung của ngành, khối học văn chuyên ngành, khối học văn bổ trợ của chuyên ngành. Khối học văn chung của ngành gồm các môn bắt buộc như: Pháp luật đại cương; Logic học; Lịch sử triết học; Lịch sử các học thuyết kinh tế; Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội hiện thực và các môn tự chọn (6/12) là Lịch sử tư tưởng Việt Nam; Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Khối học văn chuyên ngành gồm các môn bắt buộc như: Chính trị học đại cương; Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông; Kinh tế học đại cương; Chuyên đề tôn giáo và dân tộc; Xây dựng Đảng và các môn tự chọn (6/9) là Giáo dục dân số và môi trường; Những vấn đề của thời đại; Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam và cặp môn (2/4) là Giới và bình đẳng giới ở Việt Nam; Quan hệ chính trị quốc tế. Khối học văn chuyên ngành và bổ trợ gồm các học phần: Tác phẩm kinh điển triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, Thực tế chuyên môn và các môn theo 4 chuyên ban Triết học; Kinh tế; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh. [H3.03.02.01]. Mỗi học phần trong khối các học phần trên đều được xây dựng để chuyển tải rõ ràng về phẩm chất, năng lực trong CĐR hoặc một số thành phần của CĐR và đều gắn liền với việc nâng cao năng lực thực hiện các hoạt động giáo dục và dạy học môn Giáo dục chính trị, chú trọng khả năng vận dụng thực tiễn và đạt được CĐR [H3.03.02.01]. Có thể minh họa sự đóng góp của

học phần với CDR qua ma trận liên kết nội dung giảng dạy của 1 học phần cụ thể với CDR dưới đây:

Bảng 3.2.1. Ma trận liên kết nội dung giảng dạy với CDR

Học phần Lí luận và phương pháp dạy học giáo dục chính trị

Nội dung giảng dạy		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5
Chương	Mục					
1	1.1	1	2	1	3	3
	1.2	1	2	1	3	3
	1.3	1	2	1	2	1
	1.4.	1	2	1	2	1
2	2.1	1	2	2	2	2
	2.2	1	2	2	2	2
3	3.1	1	3	3	3	3
	3.2	1	3	3	3	3
	3.3	1	3	3	3	3
4	4.1	1	3	3	3	3
	4.2	1	3	3	3	3
5	5.1	1	3	3	3	3
	5.2	1	3	3	3	3

Ba bậc đóng góp: nhiều (3), trung bình (2), ít (1) và không đóng góp: (0)

Trong chương trình dạy học ngành GDCT, các học phần như: Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Thống kê xã hội học, Nhân

học đại cương, Xã hội học đại cương, Cơ sở văn hoá Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới... trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng nền tảng cần thiết về khoa học xã hội. Các học phần như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học, Lí luận dạy học, Đánh giá trong giáo dục, Thực hành kỹ năng giáo dục; Giao tiếp sư phạm, Phát triển mối quan hệ Nhà trường, Phát triển chương trình Nhà trường, Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị, Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục chính trị, Xây dựng kế hoạch dạy học Giáo dục chính trị, Triển khai chương trình giáo dục phổ thông trong Nhà trường, Thực hành tại trường sư phạm, Trải nghiệm hoạt động dạy học góp phần lớn trong việc rèn luyện các năng lực thuộc nhóm năng lực sư phạm (như năng lực chuyên ngành, năng lực định hướng phát triển của người học, năng lực dạy học và giáo dục) và các năng lực thuộc nhóm năng lực phát triển cộng đồng nghề và xã hội.

Những học phần trong Khối học vấn ngành Giáo dục chính trị gồm 63 TC chiếm 46%, gồm khối học vấn chung của ngành, khối học vấn chuyên ngành, khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành. Khối học vấn chung của ngành gồm các môn bắt buộc như: Pháp luật đại cương; Logic học; Lịch sử triết học; Lịch sử các học thuyết kinh tế; Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội hiện thực và các môn tự chọn (6/12) là Lịch sử tư tưởng Việt Nam; Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Khối học vấn chuyên ngành gồm các môn bắt buộc như: Chính trị học đại cương; Đạo đức học và giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông; Kinh tế học đại cương; Chuyên đề tôn giáo và dân tộc; Xây dựng Đảng và các môn tự chọn (6/9) là Giáo dục dân số và môi trường; Những vấn đề của thời đại; Hiến pháp và định chế chính trị ở Việt Nam và cặp môn (2/4) là Giới và bình đẳng giới ở Việt Nam; Quan hệ chính trị quốc tế. Khối học vấn chuyên ngành và bổ trợ gồm các học phần: Tác phẩm kinh điển triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, Thực tế chuyên môn và các môn theo

4 chuyên ban Triết học; Kinh tế; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh đóng góp lớn cho rèn luyện năng lực năng lực tự học, năng lực chuyên ngành, năng lực NCKH và năng lực phát triển nghề nghiệp.

Không chỉ tương thích về nội dung, tất cả các học phần trong GDCT đều xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. Mỗi học phần đều xác định các phương pháp dạy học theo hướng kết hợp giữa các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại. Tùy đặc thù mỗi môn học mà phương pháp dạy và học ưu thế ở mỗi học phần là khác nhau, nhưng nhìn chung, các phương pháp dạy học của tất cả các học phần đều được xây dựng đáp ứng phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực NCKH của người học, phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân người học và phù hợp đáp ứng CĐR [H3.03.02.04]. Các học phần trong CTDH cũng xác định được các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau nhằm đạt được CĐR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá khá đa dạng và phong phú, không chỉ đánh giá kết quả cuối cùng mà còn đánh giá thường xuyên quá trình học tập của người học. Các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng tương thích với nội dung dạy học nhằm đạt được tối đa CĐR học phần. [H3.03.02.04]. Phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần được nêu trong Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả CTDH và được thông tin tới người học vào đầu mỗi học phần [H3.03.01.01]. Bảng 3.2.2 là ví dụ minh họa cho ma trận tích hợp CĐR với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập của học phần LLDH phát triển năng lực môn GDCT.

Bảng 3.2.2. Ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra, đánh giá, phương pháp giảng dạy, học tập

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Tỉ trọng (%)		
CDR1	Đánh giá thường xuyên	100	Trao đổi, thảo luận	Nghiên cứu cá nhân
CDR2	Đánh giá chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống (Thuyết trình, giảng giải minh họa, thực hành luyện tập...) với các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực (nêu và giải quyết vấn đề...), tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tự nghiên cứu, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.
	Bài tập	10		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
	Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60		
CDR3	Đánh chuyên cần	10	Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống (Thuyết	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân
	Bài tập	10		

CDR học phần	Phương pháp kiểm tra, đánh giá và tỉ trọng		Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập
	<i>Phương pháp kiểm tra, đánh giá</i>	<i>Tỉ trọng (%)</i>		
	Kiểm tra giữa kì (tự luận)	20		
Kiểm tra cuối kì (tự luận)	60			
CDR4	Đánh giá chuyên cần	50	Vận dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học truyền thống (Thuyết trình, giảng giải minh hoạ, thực hành luyện tập...) với các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực (nêu và giải quyết vấn đề...), tổ chức các hoạt động vận dụng học vấn vào thực tiễn.	Kết hợp giữa phương pháp học tập cá nhân (nghe giảng, ghi chép, làm bài, tự học, tự nghiên cứu, tương tác với giảng viên) với phương pháp học theo nhóm.

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH ngành GDCT thể hiện việc đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan (30 giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ngành GDCT; 48 cựu sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành GDCT; 40 đơn vị sử dụng lao động là sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành GDCT) năm 2021 về nội dung môn học do Khoa LLCT - GDCT thực hiện đã thu được những phản hồi tích cực cho quá trình xây dựng CTDH và các học phần [H3.03.02.05], [H3.03.02.06]. Cụ thể:

Về nội dung khảo sát “Mỗi học phần đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH” được đánh giá nhiều nhất ở mức hoàn toàn đồng ý. Trong đó, ý kiến của giảng viên hoàn toàn đồng ý là 43.3 %, đồng ý là 46.7 %. Ý kiến của cựu SV hoàn toàn đồng ý là 45.8 %, đồng ý là 41.7 %, không đồng ý là 0%. Đơn vị sử dụng lao động đơn vị sử dụng lao động có phản hồi rất tích cực về sự hữu ích của các kiến thức, kỹ năng học việc được đào tạo đối với công việc của đơn vị, thể hiện ở đánh giá hữu ích và rất hữu ích chiếm tuyệt đối [H3.03.02.05].

Trên cơ sở đó, CTDH và đề cương học phần đã được rà soát, chỉnh sửa, phù hợp với yêu cầu của CTĐT và ý kiến của các bên liên quan, được nghiệm thu và đưa vào tổ chức dạy học [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

2. Điểm mạnh

CTDH đã thể hiện rõ sự đóng góp rõ ràng, chi tiết của mỗi học phần trong việc đạt được CDR. Phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá mỗi học phần được thiết kế phù hợp với CDR và đã được định kỳ lấy ý kiến từ các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Nội dung các môn học/học phần trong CTDH đạt được CĐR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng sự phản hồi của các bên liên quan còn chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường liên hệ, đổi mới hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung học phần trong CTDH.	Khoa LLCT – GDCT và toàn thể giảng viên	Năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy đóng góp của các môn học/ học phần đáp ứng yêu cầu CĐR.	Khoa LLCT – GDCT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Các học phần trong CTDH có cấu trúc, trình tự logic, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. CTDH ngành sư phạm GDCT được thiết kế có cấu trúc chặt, các học phần được sắp xếp logic, đảm

bảo cho SV có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả từ năm thứ nhất đến năm thứ tư. Cụ thể là: các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, đi từ đơn giản đến phức tạp, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu, chặt chẽ theo một trình tự logic. [H3.03.03.01]; [H3.03.03.02]; Trong đó khối kiến thức chung bao gồm các môn học như: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng Hồ Chí Minh.... Những môn học này cung cấp cho người học những phẩm chất và năng lực chung. Khối kiến thức chung của nhóm ngành gồm khối học vấn chung và khối học vấn ngành với các môn học như: Giáo dục học, Lí luận dạy học, Lí luận và phương pháp dạy học Giáo dục chính trị, Lí luận dạy học phát triển năng lực môn Giáo dục chính trị, Giao tiếp sư phạm... Những môn học này cung cấp cho người học những năng lực dạy học và giáo dục chung của ngành. Khối kiến thức chuyên ngành được chia ra thành các học phần theo khối học vấn chung của ngành, khối học vấn chuyên ngành và khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành.

CTDH có được bố trí với hợp lý về cấu trúc, trình tự các khối học vấn. [H3.03.03.02]. Trong đó: Khối học vấn chung: 38 tín (chiếm 28%); Khối học vấn ngành Giáo dục chính trị: 63 tín (chiếm 46%); Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm: 35 tín (chiếm 26%). Tất cả các học phần đều hướng tới giúp người học đạt được CĐR của ngành GDCT với 4 tiêu chuẩn và 23 tiêu chí. Khối kiến thức chung được bố trí bắt đầu từ kì 1 đến kì 3; khối học vấn nghiệp vụ sư phạm bắt đầu ở kì 3; khối học vấn ngành thì được bắt đầu với tỉ lệ nhất định ngay từ học kì 1 để sinh viên làm quen một phần; các khối học vấn cơ sở ngành GDCT thì người học được bố trí học trong kì 6 và kỳ 7. Thời lượng của môn học phân từ 2 đến 3 tín chỉ phụ thuộc vào sự đóng góp của học phần đó trong việc đạt được CĐR.

Tổng số tín chỉ của CTDH là 136 tín chỉ (số tín chỉ bắt buộc là 113 tín chỉ/số tín chỉ tự chọn là 23). Tỷ lệ này cho thấy sự cân đối và logic trong thiết

kế nhóm học phần bắt buộc và tự chọn. Các học phần bắt buộc và tự chọn trong CTĐT được phân bố hợp lý, khoa học, gắn với CĐR của CTĐT phân nhiệm cho các học phần. Cơ cấu các khối kiến thức trong CTĐT hợp lý, đáp ứng triết lý trong đào tạo cử nhân GDCT, phục vụ nhu cầu xã hội ngày càng cao. Việc thiết kế các học phần trong CTĐT khá chặt chẽ và khoa học, có sự lựa chọn phù hợp trong các học phần để đáp ứng với CĐR tương ứng. Về phân bố các học phần như: Các học phần bắt buộc/tự chọn, chung/cơ sở/chuyên ngành/tiên quyết được phân bố hợp lý nhằm giúp SV chủ động trong việc lựa chọn các học phần theo kế hoạch. Các học phần trong chương trình được phân bố hợp lý và gắn kết hỗ trợ lẫn nhau. [H3.03.03.02].

Bên cạnh đó, CTDH thể hiện tính tích hợp, sự thay đổi trong khung chương trình và chi tiết các môn học năm 2020, 2022 thể hiện tính tích hợp cao. Ví dụ trong CTDH 2020, 2022 học phần “Chuyên đề dân tộc và tôn giáo” (3 tín chỉ) là sự lồng ghép, kết hợp của hai học phần “Dân tộc và vấn đề dân tộc ở Việt Nam” và “Tôn giáo học và vấn đề tôn giáo ở Việt Nam”. Hay môn Giáo dục dân số và môi trường trong CTDH 2020,2022 là sự kết hợp nội dung của 2 học phần trong chương trình 2015 là Giáo dục dân số và Giáo dục môi trường. [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Điều chỉnh một số tự chọn và bắt buộc như Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ; lịch sử tư tưởng Việt Nam, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trở thành môn tự chọn. Điều chỉnh một số học phần tốt nghiệp của các chuyên ban như Lịch sử Đảng, Triết học để phù hợp hơn với sự thay đổi của chương trình. Sự thay đổi này một phần do sự thay đổi mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHSP Hà Nội, mục tiêu của giáo dục đại học Việt Nam, mặt khác là sự đáp ứng với thay đổi của Chương trình các môn Lí luận chính trị, đòi hỏi việc đào tạo giáo viên LLCT đáp ứng được các CĐR về phẩm chất, năng lực chung, năng lực NVSP và năng lực khoa học ngành GDCT mới có thể đảm nhận tốt việc dạy học chương trình Lí luận chính trị ở các cơ sở đào tạo.

CTDH được khoa LLCT - GDCT trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Nhà trường, tiến hành rà soát định kỳ trên cơ sở lấy ý kiến các bên liên quan, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật công khai [H3.03.03.03], [H3.03.03.04], [H3.03.03.05], [H3.03.03.06]. Trong các năm từ 2019 - 2024, việc rà soát chương trình dạy học được Hội đồng Khoa học đào tạo khoa LLCT- GDCT tiến hành thường xuyên cùng với việc rà soát đối với toàn bộ CTĐT và CTDH ngành GDCT [H3.03.03.03] [H3.03.03.05].

Từ năm 2019, thực hiện hướng dẫn của trường nhằm xây dựng CTĐT và CTDH đáp ứng CĐR, Hội đồng Khoa học đào tạo tiếp tục rà soát, chỉnh sửa xây dựng CTDH và đề cương các học phần tích hợp ma trận CĐR [H3.03.03.03] [H3.03.03.05]. Theo đó, toàn bộ các học phần sẽ được cấu trúc lại theo kết cấu đáp ứng CĐR của chương trình, Đổi tên một số học phần; Giảm khối kiến thức chuyên ngành xuống còn 63 tín chỉ; Tăng 10 tín chỉ khối kiến thức nghiệp vụ; Xác định khối học vấn cốt lõi của ngành [H3.03.03.03].

Bảng 3.3.1. So sánh các học phần trong CTĐT năm 2020 so với bản chương trình năm 2015

CTĐT	Năm 2015		Năm 2020	
Khối học vấn chung	26 TC Trong đó: - Khoa học Mác – Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 TC; - Ngoại ngữ: 10 TC.	12 học phần	38 TC Trong đó: - Khối học vấn chung của trường: 28 TC - Khối học vấn chung của nhóm ngành: 10 TC	17 học phần

Khối học vấn đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm	34 TC, Trong đó: - Khối kiến thức cơ sở chung: 14 TC; - Kiến thức, kỹ năng và NLDH chuyên ngành: 8 TC; - Thực hành sư phạm: 12 TC.	12 học phần	35 TC	13 học phần
Khối học vấn của ngành	75 TC Trong đó: - Bắt buộc là 53 TC; - Tự chọn là 22 TC; - Khoá luận tốt nghiệp hoặc tương đương: 6 TC.	30 học phần	63 TC Trong đó: - Khối học vấn chung của ngành: 19 TC; - Khối học vấn chuyên ngành: 23 TC; - Khối học vấn bổ trợ của chuyên ngành: 19 TC.	23 học phần
Tổng số TC	135		136	

Đồng thời, với việc tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan [H3.03.03.04], bao gồm 30 giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ngành

GDCT; 48 cựu sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành GDCT và 40 đơn vị sử dụng lao động là sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành GDCT do Khoa LLCT – GDCD thực hiện năm 2021 cho thấy, về cơ bản các bên liên quan đồng ý rằng nội dung chương trình dạy học cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học, CTDH có cấu trúc, trình tự logic, các môn học được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống; Các học phần trong CTDH mang tính tích hợp. [H3.03.03.03]. Kết quả này cũng chỉ cho Khoa và GV thấy được cần phải tiếp tục chỉnh sửa để các môn học trong CTDH mang tính hệ thống và logic hơn. Bản thân mỗi GV cần liên tục cập nhật và bổ sung các nội dung mới và cập nhật liên quan đến nội dung môn học mình phụ trách [H3.03.03.05]. Trên cơ sở đó, CTDH và đề cương các học phần ngành GDCT được tiếp tục chỉnh sửa, điều chỉnh phù hợp, được nghiệm thu và được Nhà trường ra quyết định triển khai thực hiện dạy học ngành GDCT theo Bản mô tả CTDH mới năm 2022 [H3.03.03.06], [H3.03.03.02]. CTDH ngành GDCT điều chỉnh năm 2022 vì vậy có một số điểm mới đó là việc xây dựng các ma trận gồm Ma trận chương trình dạy học thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, Ma trận tích hợp phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần với CDR, mục tiêu đào tạo được thể hiện rất rõ ở mục số 4 và 5 của Bản mô tả CTDH ngành GDCT và Đề cương chi tiết các học phần. Cấu trúc CTDH và đề cương các học phần được đảm bảo theo đúng hướng dẫn của Nhà trường [H3.03.03.07] và công bố công khai vào buổi gặp gỡ giữa khoa và tân sinh viên hoặc trao đổi giữa cố vấn học tập với sinh viên. Trên cơ sở đó, bản mô tả CTĐT ngành GDCT năm đã được Nhà trường phê duyệt năm 2022. Đồng thời, bản mô tả CTDH phục vụ cho CTĐT mới đối với ngành GDCT cũng đã được Hội đồng khoa học đào tạo khoa xây dựng, công bố rõ ràng hơn những vấn đề tập trung đến CTDH ngành GDCT trong bối cảnh mới [H3.03.03.01]. Mặc dù CTDH đã được thể hiện tương đối rõ ràng trong bản mô tả CTĐT, song việc rà soát, xây dựng một bản mô tả CTDH ngành GDCT riêng giúp cho người dạy và người học có thể tập

trung tốt hơn vào quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR đối với ngành GDCT.

Quá trình xây dựng, rà soát, điều chỉnh CTDH ngành GDCT, khoa LLCT- GDCT cũng đã tiến hành đối sánh, tham khảo các CTĐT ở các cơ sở giáo dục đào tạo ngành GDCT có uy tín trong cả nước [H3.03.03.08]. Bản mô tả CTDH ngành GDCT thể hiện rõ ràng, đầy đủ thông tin còn ở các nội dung đối sánh và tham chiếu với bên ngoài. Hội đồng khoa học đào tạo khoa LLCT- GDCT đã tiến hành cập nhật các nội dung đối sánh và tham chiếu với các chương trình đào tạo chuyên ngành GDCT của các trường đại học uy tín ở Việt Nam như ĐH Sư phạm, ĐH Thái Nguyên; ĐHSP TP Hồ Chí Minh; Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Trên cơ sở đó, khẳng định điểm tương đồng và thế mạnh đặc trưng của CTDH của ngành GDCT, Trường ĐHSP Hà Nội.

2. Điểm mạnh

CTDH ngành GDCT được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp cao và đáp ứng các yêu cầu đặt ra và mong muốn của các bên liên quan với việc đổi mới giảng dạy môn Giáo dục chính trị. CTDH đáp ứng được năng lực của SV tốt nghiệp, SV có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc.

Cấu trúc CTDH và các học phần trong CTDH đáp ứng các chuẩn đầu ra, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất, gắn kết lẫn nhau giữa các khối học vấn. Các cán bộ GV của khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được kết quả đầu ra.

Quá trình xây dựng CTDH có tham khảo một số CTĐT của một số cơ sở giáo dục đại học khác như chương trình GDCT CTĐT ngành GDCT của Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên (đại diện phía Bắc), trường Đại học Sư

phạm Tp. Hồ Chí Minh (đại diện phía Nam), Trường ĐH Sư phạm Huế (đại diện miền Trung) nhằm có sự đối sánh, soi chiếu điểm mạnh và khác biệt trong cùng hệ thống các cơ sở có đào tạo ngành GDCT.

3. Điểm tồn tại

Chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tham khảo thêm các chương trình dạy học trong nước để có những bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.	Khoa LLCT - GDCT	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH hợp lí, liên mạch và tham chiếu với các cơ sở giáo dục khác.	Tất cả GV của khoa LLCT- GDCT	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận chung về tiêu chuẩn 3:

CTDH trình độ Đại học ngành GDCT được xây dựng, thiết kế dựa trên CĐR, đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất và năng lực, CĐR của ngành GDCT. Mỗi học phần trong CTDH đều đóng góp để đạt được CĐR. Tất cả các học phần trong CTDH ngành GDCT có sự tương thích về nội dung và thể hiện trong sự đóng góp cụ thể của mỗi môn học nhằm đạt được các CĐR, các tổ hợp các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra/ đánh giá cũng phù hợp và hỗ trợ

tốt cho việc đạt được CDR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp, được rà soát định kỳ và có sự điều chỉnh trên cơ sở góp ý của các bên liên quan và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học uy tín có đào tạo ngành GDCT.

Tuy nhiên, chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học ngành GDCT.

Để khắc phục các tồn tại và phát huy điểm thế mạnh đang có về chương trình dạy học, trong thời gian tới, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CDR tốt hơn nữa, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thực tiễn đổi mới giáo dục hiện nay.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3:

Tiêu chuẩn 3	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.1					5		
Tiêu chí 3.2					5		
Tiêu chí 3.3					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học là yếu tố quy định cách thức tổ chức hoạt động dạy học. Tiếp cận dạy học nội dung sẽ đưa đến dạy học hướng tới nội dung, với trọng tâm kiến thức, tiếp cận dạy học theo năng lực sẽ hướng

tới dạy học phát triển năng lực. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học hiện nay của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói chung và Khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân nói riêng là phương pháp tiếp cận theo chuẩn đầu ra là năng lực và phẩm chất. Đây là hướng tiếp cận gắn chặt với yêu cầu của đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Tiếp cận Chuẩn đầu ra theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực sẽ quy định việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp, quy định các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học hơn hết sẽ được quy định và công bố trong triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường, của khoa.

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thống nhất với phương pháp tiếp cận trong dạy và học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã nhất quán triển khai phương pháp tiếp cận này đến tất cả các khoa, các đơn vị đào tạo trong đó có Khoa LLCT – GDGD. Phương pháp tiếp cận này là định hướng xuyên suốt toàn bộ hoạt động đào tạo của khoa từ xây dựng chương trình, tổ chức hoạt động dạy học cho đến kiểm tra đánh giá và các hoạt động hỗ trợ khác.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có những văn bản tuyên bố chính thức về triết lý và mục tiêu giáo dục.

Về mục tiêu giáo dục, Nhà trường đã phê duyệt, ban hành Đề án Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHSPTN trọng điểm đến năm 2015 tuyên bố rõ ràng về mục tiêu giáo dục “*Xây dựng trường ĐHSPTN trở thành trường đại học trọng điểm của cả nước, để đào tạo đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ đại học và sau đại học CLC,*

đạt chuẩn trình độ giáo dục đại học của các nước trong khu vực và trên thế giới; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo, NCKH và sản xuất; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, các nhiệm vụ ưu tiên, trọng điểm của nhà nước, đặc biệt là khoa học giáo dục, làm nòng cốt thúc đẩy sự phát triển của hệ thống sư phạm trong hệ thống giáo dục quốc dân, góp phần tích cực phát triển sự nghiệp giáo dục, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.”[H4.04.01.01].

Về triết lí giáo dục, sau khi đưa đến từng đơn vị lấy ý kiến, tổ chức hội nghị trao đổi cụ thể, triết lí giáo dục của nhà trường đã được công bố theo Quyết định số 930/QĐ-ĐHSPHN ngày 6 tháng 5 năm 2020 với nội dung “Đào tạo nhà giáo xuất sắc có tinh thần nhân văn, tư duy hiện đại, hành động tích cực vì sự phát triển của cộng đồng hướng tới mục tiêu đào tạo những nhà giáo có lòng nhân ái, tình yêu con người, có ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc; có tư duy độc lập, có khả năng cập nhật, sáng tạo cái mới, có năng lực phản biện khoa học; sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng; hành động tích cực vì sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc và nhân loại [H4.04.01.02].[H4.04.01.03], [H4.04.01.04],

Triết lí và mục tiêu giáo dục được hầu hết cán bộ, giảng viên, người học của nhà Trường, của Khoa hiểu rõ và thực hiện. Mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong Chương trình đào tạo của khoa, cụ thể trong từng môn học của ngành GDCT [MC Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra học phần. Về mục tiêu, Chương trình đào tạo cử nhân sư phạm GDCT (2020, sửa đổi bổ sung năm 2022) hướng tới: Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị có phẩm chất và năng lực dạy học và nghiên cứu chuyên ngành Giáo dục chính trị, năng lực phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề trong thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực Giáo dục chính trị; có tư duy sáng tạo, phản biện, khả năng thích ứng với hoàn cảnh và hội nhập quốc tế; có kỹ năng nghiệp vụ sư phạm; hiểu rõ quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với chủ nghĩa Mác – Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh; yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời. [H4.04.01.05]. Triết lý giáo dục được truyền tải tới người học thông qua chương trình đào tạo. “Triết lý giáo dục là các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục” của nhà trường và của khoa (xem Bảng 4.1).

Bảng 4.1.1. Sự thống nhất giữa triết lý giáo dục với CDR của chương trình, CTĐT và các hoạt động

Triết lý giáo dục		CDR	Chương trình/hoạt động
Nhà giáo xuất sắc	Giỏi về chuyên môn, sáng tạo trong nghề nghiệp, mẫu mực về phẩm chất và lối sống	TC1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/dạy học giải quyết vấn đề/dạy học tình huống; tự học/làm việc nhóm - Các hoạt động ngoại khóa: câu lạc bộ (câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm, câu lạc bộ NCKH ...); hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên - Thực hành nghề: thực tập tại trường phổ thông
Có Tinh thần nhân văn	Xây dựng một xã hội học tập bình đẳng	TC1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/dạy học giải quyết vấn đề/dạy học tình huống; tự học/làm việc nhóm

Triết lí giáo dục		CDR	Chương trình/hoạt động
			<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động ngoại khóa: câu lạc bộ (câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm, câu lạc bộ NCKH ...); hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên - Các hoạt động xã hội: hoạt động tình nguyện (dạy học, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi...)
Có Tư duy hiện đại	Tư duy mở, cập nhật và sáng tạo		<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/dạy học giải quyết vấn đề; dạy học tình huống; tự học/làm việc nhóm - Các hoạt động ngoại khóa: câu lạc bộ (câu lạc bộ nghiệp vụ sư phạm, câu lạc bộ NCKH...); hoạt động của hội sinh viên, đoàn thanh niên
Vì sự phát triển cộng đồng	Cống hiến cho đất nước và nhận loại	TC1-4	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp dạy và học: dạy học theo dự án/dạy học giải quyết vấn đề; tự học/làm việc nhóm; dạy học tình huống - Các hoạt động xã hội: hoạt động tình nguyện (dạy học, hiến máu nhân đạo, tiếp sức mùa thi, đổi rác thải nhựa lấy cây xanh...)

Triết lí và mục tiêu giáo dục của Trường được giới thiệu, phổ biến tới các bên liên quan như cán bộ, GV, SV của nhà trường, phổ biến tới các đơn vị sử dụng lao động trong các Hội nghị của Trường, hội nghị của các khoa; đăng trên trang web của Trường, đăng trên tường của Hội trường nhà K, trên trang web của Khoa, phổ biến tới SV trong sổ tay SV [H4.04.01.06][H4.04.01.07]; Mục tiêu giáo dục được phổ biến cho SV học tập tại trường ĐHSPTN, SV được giới thiệu, cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu giáo dục cũng như CTĐT ngay từ khi nhập học. Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” để giới thiệu, phổ biến cho SV về mục tiêu đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết cho người học hiểu rõ và thực hiện [H4.04.01.08].

Tóm lại, về cơ bản, triết lí giáo dục và mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng đến các bên liên quan, cụ thể trong các chương trình được đào tạo được xây dựng năm 2017, năm 2020. Chương trình đào tạo sư phạm GDCT năm 2020 đã trình bày mục tiêu dạy học một cách cụ thể hơn trong đề cương từng học phần. Ngoài ra, triết lí và mục tiêu giáo dục cũng được phổ biến rõ ràng đến các bên liên quan qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

2. Điểm mạnh

Trường có văn bản tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục và triết lí giáo dục của Trường; Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các CTĐT của các ngành, trong đó có CTĐT CNSP GDCT. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng, với xã hội.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội bao gồm cả phụ huynh, cựu người học một cách thường xuyên.	Phòng Hành chính – Đối ngoại và Khoa	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Ban hành và tuyên truyền văn bản về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan một cách rõ ràng.	Nhà trường, Khoa, Bộ môn, toàn thể GV và SV	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Khoa, bộ môn và GV chủ động trong việc xây dựng hoạt động dạy học, phương pháp dạy học đa dạng phù hợp để đạt được CDR.

Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN [H4.04.02.01], khoa LLCT – GDCD xây dựng chương trình đào tạo, trong đó đề cương từng học phần đều được trình bày chi tiết bao gồm mục tiêu học phần; chuẩn đầu ra học phần; nội dung, phương pháp giảng dạy chi tiết theo từng giờ học H4.04.02.02], [H4.04.02.03].

Việc thiết kế các hoạt động dạy học đều hướng đến đạt Chuẩn đầu ra thể hiện ở Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) và Ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra học phần [H4.04.02.03]. Các ma trận này cho thấy sự thống nhất từ thiết kế của các học phần. Việc thiết kế đề cương môn học được thực hiện chi tiết để hướng đến việc đạt được chuẩn đầu ra. Các phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế trong các học phần thuộc chương trình đào tạo đều đảm bảo tính tương thích và hướng tới đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Ví dụ đề cương học phần Tôn giáo và chính sách tôn giáo, trong đó thể hiện sự tương thích giữa ma trận chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; ma trận tích hợp giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra học phần, ma trận liên kết giữa nội dung giảng dạy và chuẩn đầu ra học phần, ma trận tích hợp CDR học phần với phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp giảng dạy học tập [H4.04.02.03]. Nhiệm vụ xây dựng tổ hợp PPGD cho mỗi học phần được chú trọng đảm bảo các PPDH đa dạng, hiệu quả trong các hoạt động dạy học để đạt được CDR, các PPDH được xây dựng đáp ứng phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực NCKH và đều được rà soát, chỉnh sửa hàng năm, Các PPDH thường được GV sử dụng trong dạy học là: dạy học trực quan, dạy học thực hành, dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác... SV được hướng dẫn các phương pháp tự học, thảo luận nhóm, NCKH [H4.04.02.04], [H4.04.02.05], [H4.04.02.06], [H4.04.02.07] [H4.04.02.08] [H4.04.02.09].

Hàng năm, Khoa và các bộ môn đều họp, rà soát, trao đổi đánh giá, hoàn thiện, bổ sung kế hoạch dạy học của các học phần trong đó đặt trọng tâm vào đổi mới phương pháp [[H4.04.02.10].

Để nâng cao chất lượng dạy học, hàng năm các bộ môn tổ chức seminar cùng thảo luận về PPDH các nội dung dạy học, tổ chức dự giờ và rút kinh nghiệm giờ giảng nhằm xây dựng được tổ hợp các PPDH phù hợp cho từng nội

dung, học phần trong CTĐT [H4.04.02.11] [H4.04.02.12] [H4.04.02.13]. Đồng thời, khoa tổ chức các hội thảo giúp giảng viên nâng cao kỹ thuật, phương pháp giảng dạy để đạt chuẩn đầu ra, [H4.04.02.14], tổ chức các buổi tọa đàm giao lưu với các chuyên gia nước ngoài về phương pháp giảng dạy [H4.04.02.15], các buổi họp tổng kết năm học để đúc rút kinh nghiệm, triển khai hoạt động giảng dạy cho năm học mới [H4.04.02.16],

Khoa và bộ môn, GV đều có hướng dẫn cho SV sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp SV chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR, cụ thể:

Về kiến thức chuyên ngành, khi triển khai học tập, các GV bộ môn thường hướng dẫn SV các hoạt động học tập như hoạt động tự học, tìm kiếm tài liệu, thảo luận nhóm, làm powerpoint, làm các bài thực hành... Các GV hướng dẫn SV chủ động tự học, tự nghiên cứu, tự lựa chọn phương pháp học tập phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân người học và phù hợp đáp ứng CDR. Từ đó, SV tự học, tự thiết kế các sản phẩm học tập như các powerpoint, thiết kế các đồ dùng học tập phục vụ việc dạy học... [H4.04.02.05], [H4.04.02.06]. [H4.04.02.07]. [H4.04.02.08]. [H4.04.02.09].

Bên cạnh đào tạo kiến thức chuyên ngành, việc đào tạo NVSP là nội dung quan trọng đối với SV CTĐT CNSP GDCT với số TC chiếm tỷ lệ cao trong CTĐT ([H4.04.02.01], được quán triệt trọng hội nghị tổng kết năm học [H4.04.02.16], được xây dựng qua các chương trình kế hoạch rèn luyện của tuần nghiệp vụ sư phạm theo định hướng của trường, khoa [H4.04.02.17] đảm bảo theo quy chế thực tập sư phạm [H4.04.02.18]. Sau mỗi đợt thực tập sư phạm, Khoa đều có kế hoạch tổng kết để chia sẻ và định hướng tốt hơn cho SV [H4.04.02.19] [H4.04.02.20]

NCKH của SV cũng là những hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo mục tiêu của CTĐT CNSP GDCT. Hằng năm, khoa tổ chức Hội nghị NCKH SV

vào khoảng tháng 4 nhằm lựa chọn những báo cáo tốt gửi lên Trường để tham gia Hội nghị NCKH SV Trường [H4.04.02.21].

Để SV chủ động trong các hoạt động học và NCKH, Cố vấn học tập thường xuyên thông qua các buổi họp giữa cố vấn với SV và trong các giờ học đầu năm của mỗi học phần, từ đó giúp SV xây dựng kế hoạch học tập, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H04.04.02.22].

Để đánh giá sự hài lòng của GV, sinh viên với các hoạt động dạy và học cũng như phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT, khoa phối hợp với trường đã tiến hành các khảo sát với kết quả như sau:

Thông qua các báo cáo khảo sát SV định kỳ hàng năm và SV năm cuối sắp tốt nghiệp cho thấy hầu hết GV và người học hài lòng với các PPDH được sử dụng trong CTĐT cử nhân Sư phạm GDCT. Kết quả là hầu hết SV khoa LLCT – GDCT có khả năng tự học tốt, chủ động với việc học tập ở lớp cũng như ở nhà, thực hiện các bài tập lớn đúng tiến độ và đạt kết quả cao... , các học phần này giúp SV phát triển năng lực chuyên môn và nghề nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng [H4.04.02.23], [H4.04.02.24], [H4.04.02.24].

SV ngành GDCT tốt nghiệp năm 2021 đánh giá tích cực về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của giảng viên (trên 90%). Nội dung được đánh giá cao nhất là Người học được khuyến khích thảo luận. Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của giảng viên đạt điểm số 12.86 về mức độ hài lòng chung của SV; mức độ hài lòng về kỹ năng, năng lực cơ bản của SVTN 47.53 [H4.04.02.23]. [H4.04.02.24] [H4.04.02.25].

Khảo sát năm học 2020-2021 yêu cầu sinh viên toàn trường đánh giá về phương pháp giảng dạy của giảng viên khi giảng dạy học phần. Cụ thể với khoa LLCT – GDCT, kết quả khảo sát từ 438 SV tham gia khảo sát đánh giá 24 Giảng viên Khoa LLCT – GDCT năm học 2020 – 2021 cho thấy SV đánh giá cao phương pháp giảng dạy của giảng viên. Cụ thể, trong báo cáo *Kết quả đánh*

giá chất lượng giảng dạy học phần Trường Đại học Sư phạm Hà Nội học kỳ II năm học 2020-2021, kết quả khảo sát cho thấy có 2/24 giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức "Xuất sắc". Có 18/24 giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức "Tốt". Có 4/24 giảng viên được sinh viên đánh giá ở mức "Khá" [H4.04.02.23]. [H4.04.02.24]. Điểm trung bình của các giảng viên khoa LLCT – GDCD đều từ 67,40 đến 81,20 nằm trong mức Khá, Tốt và Xuất sắc trên thang đánh giá [H4.04.02.23]. [H4.04.02.24].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học trong CTĐT được thiết kế khoa học, logic để đáp ứng chuẩn đầu ra. Các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các PPDH đa dạng, tập trung vào các PPDH tích cực, phù hợp để đạt được các chuẩn đầu ra học phần từ đó góp phần đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa thiết kế được các hoạt động gắn với phương pháp dạy học đa dạng, tích cực.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường trao đổi, thảo luận đổi mới phương pháp dạy học. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các phương pháp dạy học đảm bảo tính đa dạng,	Lãnh đạo Khoa, Bộ môn, Giảng viên	Từ năm học 2024-2025	

		phong phú, tích cực đối với những học phần còn hạn chế.			
2	Phát huy điểm mạnh	Cách thức thiết kế khoa học, logic các học phần nhằm hướng đến CLO, từ đó góp phần đạt được PLO Xây dựng các tổ hợp PPDH tích cực, đa dạng.	Bộ môn, Giảng viên	Hàng năm.	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Đề cương chi tiết các môn học/ học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp dạy/ học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, cụ thể như:

Trong CTĐT đã xác định rõ các CDR, trong đó, đối với SV CNSP GDCT, bên cạnh năng lực dạy học, một số các kỹ năng quan trọng cần đạt được như kỹ năng tự học, kỹ năng NCKH, giải quyết vấn đề, kỹ năng thực hành [H4.04.03.01], ... Các đề cương chi tiết các học phần đều được xây dựng hướng tới các năng lực và kỹ năng này. Các đề cương chi tiết học phần đã mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Các kỹ năng thiết yếu, các kỹ năng mềm của SV sư phạm bao gồm: kỹ năng giảng dạy, thuyết trình, xây dựng giáo án, sử dụng CNTT, làm việc nhóm... [H4.04.03.02], [H4.04.03.03], [H4.04.03.04]. CTĐT trình độ đại học ngành GDCT có các học phần về PPDH và NVSP chiếm thời lượng lớn trong tổng số các học phần.

100% đề cương chi tiết các môn học/học phần trong CTĐT 2020 mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập thể hiện qua tổ hợp các phương pháp dạy học trong các học phần của CTĐT được GV xây dựng một cách đa dạng, bao gồm: phương pháp trực quan (sử dụng tranh hình, video), dạy học thực hành (tập viết bảng, thiết kế kế hoạch bài học, tổ chức dạy học...), dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác.... Các hoạt động dạy học trong CTĐT đảm bảo cho SV rèn luyện được các kỹ năng như kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng NCKH... [H4.04.03.03], [H4.04.03.04] [H4.04.03.05] [H4.04.03.06] [H4.04.03.07] Các đơn vị sử dụng lao động SV tốt nghiệp của Khoa có những phản hồi tích cực về kiến thức và kỹ năng sư phạm của SV khi tốt nghiệp, hầu hết các em có thể tự đứng lớp ngay năm đầu tiên sau khi ra trường.

Về kỹ năng dạy học và rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, CTĐT dành nhiều sự quan tâm cho các hoạt động thực hành để rèn luyện NVSP với 50% thời lượng ở trường đại học và 50% thời lượng ở cơ sở thực hành thường xuyên. SV năm thứ 3 và 4 tham gia vào hai đợt thực tập sư phạm ở trường THCS, THPT [H4.04.03.08], [H4.04.03.09]. Nhờ được thực hành nghề thường xuyên nên sau khi ra trường SV tiếp cận nhanh, thích ứng nhanh với thực tiễn giáo dục, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục nói chung trong đó có CT GDCT... trong CTĐT năm 2015 có 8 TC về PPDH và phần thực tập sư phạm vào năm thứ 4, CTĐT năm 2020 có 13 TC đã hình thành và phát triển cho SV các kỹ năng này [H4.04.03.08] [H4.04.03.09] [H4.04.03.10] [H4.04.03.11] [H4.04.03.12] Ngoài ra, mỗi năm Trường và Khoa tổ chức tuần lễ NVSP vào dịp 20/11 nhằm rèn luyện cho SV kỹ năng nghề nghiệp, ở Tuần lễ này Trường và Khoa thường tổ chức các buổi nói chuyện với SV về NVSP, tổ chức thi các kỹ năng viết bảng, biểu diễn thí nghiệm, sáng chế đồ dùng dạy học, thi tình huống sư phạm, thi thiết kế video, thi giảng... [H4.04.03.13].

Bên cạnh các hoạt động dạy và học, NCKH là một hoạt động được Khoa chú trọng để phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Việc quản lý và tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được tiến hành như sau: trên cơ sở kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của Trường, Khoa sẽ đưa ra thông báo, kế hoạch tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học của Khoa tới các cố vấn học tập và sinh viên thông qua website của Khoa. Sinh viên sẽ đề xuất đề tài nghiên cứu khoa học theo kế hoạch của Khoa. Khoa phân công giáo viên hướng dẫn, định hướng hoạt động nghiên cứu của sinh viên đồng thời tổ chức các hoạt động hỗ trợ kiến thức, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho sinh viên thông qua các buổi tọa đàm. Sinh viên thực hiện đề tài sau khi được phê duyệt. Hết thời gian thực hiện đề tài theo kế hoạch, Khoa sẽ tổ chức thu các bản toàn văn nghiên cứu khoa học của sinh viên và tổ chức hội đồng đánh giá nghiên cứu khoa học của sinh viên, đồng thời lựa chọn các nghiên cứu có thành tích tốt để báo cáo tại Hội nghị khoa học và công nghệ của Khoa. Hội nghị khoa học và công nghệ của Khoa đánh giá kết quả và tôn vinh các kết quả nghiên cứu nổi bật của sinh viên, công bố và trao giải thưởng cho tập thể, cá nhân có kết quả nghiên cứu tiêu biểu, xuất sắc. Sau Hội nghị khoa học công nghệ cấp Khoa, Khoa sẽ giới thiệu kết quả xuất sắc tham dự Hội nghị khoa học công nghệ cấp trường. Đồng thời, Khoa sẽ quản lý, lưu giữ và tổ chức khai thác hiệu quả các kết quả nghiên cứu của sinh viên. Khoa công bố các kết quả nghiên cứu của sinh viên trên trang thông tin điện tử [H4.04.03.14]. Việc các SV được tham gia vào hoạt động NCKH như vậy nhằm nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV, là cơ sở của việc học tập suốt đời.

Cùng với sự chú trọng về kỹ năng dạy học, kỹ năng nghề nghiệp, Khoa còn quan tâm phát triển kỹ năng xã hội, kỹ năng hoạt động cộng đồng của SV. Khoa tổ chức sinh viên tham gia thực tế chuyên môn, đến với các địa chỉ đỏ như: Nghĩa trang Trường Sơn, Ngã Ba Đồng Lộc, Thành cổ Quảng Trị, Quê nội, quê

ngoại của Bác Hồ... để sinh viên tích lũy kiến thức thực tế, kiến thức về lịch sử... làm phong phú kiến thức cũng như kỹ năng tổ chức hoạt động, kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Đây là một trong những hoạt động có giá trị với công việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp. [H4.04.03.16] [H4.04.03.17].

100% đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT đều nhấn mạnh đến hoạt động tự học, mỗi tiết dạy học lí thuyết tương ứng sẽ có 2 tiết tự học, tự nghiên cứu của SV. Thông qua các hoạt động tự học (đọc tài liệu, làm thực hành trên PTN, quan sát tranh ảnh, mô hình khám phá kiến thức...), tự thiết kế sản phẩm dự án, sản phẩm NCKH, tự lập kế hoạch học tập và rèn luyện, SV được rèn luyện kỹ năng tự học và nâng cao khả năng tự học suốt đời [H4.04.03.04], [H4.04.03.05] [H4.04.03.06].

GV sử dụng các hoạt động dạy học/PPGD phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Thông qua việc yêu cầu HS thực hiện các bài tập lớn, các dự án học tập, xây dựng các sản phẩm học tập...SV được rèn luyện và phát triển năng lực tự học cũng như các năng lực hợp tác, giao tiếp, năng lực sư phạm... [H4.04.03.06]. Ngoài ra, nguồn tư liệu đặc biệt là sách chuyên ngành, sách chuyên khảo phục vụ các hoạt động dạy và học được quản lý và sử dụng hiệu quả thông qua các hoạt động thư viện của các bộ môn và của khoa [H4.04.03.07]. Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng các cơ sở sử dụng lao động của SV sau khi tốt nghiệp rất đa dạng [[H4.04.03.18] [H4.04.03.19] đồng thời SV tốt nghiệp các năm học đào tạo theo học chế tín chỉ tự đánh giá bản thân mạnh nhất ở các năng lực như làm việc độc lập; tự học, tự nghiên cứu, học suốt đời; sử dụng tốt vi tính, công nghệ; tự tin trong môi trường làm việc có cạnh tranh thể hiện qua kết quả khảo sát SVTN năm 2019 về năng lực, mức độ đạt được các năng lực của SVTN năm 2019 sau 4 năm học của 156 SV khoa LLCT – GDCD với ĐTB 67.17; về mức độ đạt được các kỹ năng, năng lực cơ bản của SVTN năm 2021 của 49 SV khoa năm 2021 với ĐTB là 47.53. [H4.04.03.20]

Kết quả khảo sát SV cuối khóa định kì hàng năm về CTĐT, trong đó có khả năng rèn luyện các kỹ năng và khả năng học tập suốt đời của người học cho kết quả hầu hết SV hài lòng với các PPDH trong CTĐT CNSP GDCT. Kết quả khảo sát SVTN năm 2021, sinh viên ngành Giáo dục chính trị với tỉ lệ SV tham gia khảo sát là 49 Sv đã cho kết quả về mức độ hài lòng chung của SV sau 4 năm học với điểm trung bình 12.86, với mức độ đạt được các kỹ năng, năng lực cơ bản của SVTN điểm trung bình là 47.53. [H4.04.03.20] [H4.04.03.21].

Kết quả khảo sát GV về mức độ làm chủ các kỹ năng cơ bản của 4 năm học của SV cho thấy: GV đánh giá 16 kỹ năng cơ bản của SV sau 4 năm học theo 4 mức độ đạt được: yếu, trung bình, khá, tốt, trong đó GV đánh giá cao các kỹ năng: Kỹ năng nghe, ghi và hiểu bài giảng tại lớp; kỹ năng sử dụng máy tính; kỹ năng thuyết trình các vấn đề; kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm; kỹ năng phân tích và tổng hợp vấn đề. Các kỹ năng của SV mà GV đánh giá chưa cao là kỹ năng tư vấn cho học sinh và phụ huynh; kỹ năng ra quyết định; kỹ năng vận dụng vào thực tế; kỹ năng quản lý lớp học [H4.04.03.22]. Kết quả khảo sát GV về các năng lực cơ bản của SV sau 4 năm học cho thấy: GV đánh giá SV yếu nhất ở các năng lực: ngoại ngữ, sự tự tin trong môi trường làm việc có cạnh tranh; đồng thời SV mạnh nhất ở các năng lực: sử dụng công nghệ thông tin; Nắm vững kiến thức chuyên ngành. Kết quả khảo sát này là căn cứ để Khoa điều chỉnh và tăng cường các học phần về kỹ năng và thực hành giảng dạy trong chương trình đào tạo.

2. Điểm mạnh

Các PPDH được sử dụng đa dạng và tích cực, các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của người học, đồng thời nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các nguồn tư liệu nhằm phục vụ cho các hoạt động dạy và học được quản lý và khuyến khích người dạy, người học sử

dụng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học thông qua các hoạt động thư viện của khoa.

3. Điểm tồn tại

Các bộ môn trong Khoa đã có thư viện tuy nhiên việc người học tiếp cận và sử dụng các thư viện này chưa hiệu quả. Ngoài ra, các thư viện trong khoa chủ yếu được xây dựng theo nguồn từ Nhà trường, Giảng viên mà chưa khai thác được các nguồn lực khác như cựu người học và các đơn vị tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Giới thiệu, quảng bá thư viện bộ môn tới người học và khai thác được các nguồn lực cho thư viện bộ môn	Khoa và các bộ môn	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng và thực hiện các PPDH tích cực và đa dạng	Các GV	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận chung về tiêu chuẩn 4:

Nhà trường đã có những văn bản tuyên bố về mục tiêu và giáo dục của Trường. Triết lí giáo dục và mục tiêu giáo dục đã được áp dụng trong việc xây dựng CTĐT nhằm hướng đến CĐR cho SV. Triết lí giáo dục, mục tiêu giáo dục áp dụng vào xây dựng chương trình đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục chính trị đã được thể hiện rõ trong các văn bản của Trường. Triết lí, mục tiêu giáo dục được triển khai xuống Khoa theo quy định. Khoa LLCT – GDCT đã chú trọng và có những đổi mới trong xây dựng CT ngành GDCT gắn với tiếp cận chuẩn đầu ra. Mục tiêu giáo dục được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu từng học phần. Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, GV, người học hiểu rõ và được cụ thể hóa trong các học phần cụ thể. Mục tiêu giáo dục của nhà trường đã được phổ biến tới GV, SV và các bên liên quan.

Các hoạt động dạy-học được thiết kế phù hợp với CĐR. Các hoạt động dạy và học trong CTĐT, các kế hoạch dạy học, các bài giảng của GV đã sử dụng các PPDH đa dạng, tập trung vào các PPDH tích cực, phù hợp để đạt được CĐR, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Các bộ môn thường xuyên tổ chức những tiết dạy dự giờ, rút kinh nghiệm và kịp thời có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy nhiên, việc tuyên truyền phổ biến triết lí, mục tiêu giáo dục của Trường chưa được thực hiện thường xuyên và rộng rãi tới các bên liên quan bên ngoài trường. Các bộ môn trong Khoa đã có thư viện tuy nhiên việc người học tiếp cận và sử dụng các thư viện này chưa hiệu quả.

Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Giáo dục chính trị tự đánh giá tiêu chuẩn 4 đạt 3/3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí này đều đạt 5/7 điểm.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4:

Tiêu chuẩn 4	Thang đánh giá	
	Chưa đạt	Đạt

	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 4.1					5		
Tiêu chí 4.2					5		
Tiêu chí 4.3					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học là khâu quan trọng trong quá trình dạy và học. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp góp phần đo lường được chuẩn đầu ra (CDR) của học phần. Việc đánh giá kết quả học tập của người học (NH) chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục chính trị được thiết kế để đo lường mức độ đạt được của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Căn cứ vào các văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Nhà trường đã xây dựng Quy trình đánh giá và các quy định về khiếu nại, phúc khảo và thông báo công khai tới người học thông qua sổ tay sinh viên, tuần sinh hoạt công dân khi nhập học, đồng thời thông qua thông báo của giảng viên khi bắt đầu giảng dạy.

Thời điểm đánh giá được tiến hành từ tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập (bao gồm cả đánh giá quá trình và đánh giá cuối học phần, cuối khóa). Công tác đánh giá kết quả người học chương trình đào tạo cử nhân sư phạm Giáo dục chính trị được thiết kế nhằm đảm bảo việc phù hợp với mức độ cần đạt được của chuẩn đầu ra người học (Tiêu chí 5.1), Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí,

trọng số, cơ chế phản hồi và nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học (Tiêu chí 5.2), Khoa cũng xây dựng và cố gắng vận dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng (Tiêu chí 5.3), việc thông báo và phản hồi thông tin kết quả học tập tới người học cũng được xây dựng trên tinh thần: Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập (Tiêu chí 5.4), Các quy trình giải quyết khiếu nại học tập của sinh viên cũng được xây dựng trên hướng tới mục tiêu: Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập (Tiêu chí 5.5).

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Nhà trường có các quy trình rõ ràng trong việc đánh giá kết quả học tập của người học.

Nhà trường và Khoa đã ban hành và xây dựng cụ thể các văn bản/tài liệu hướng dẫn về quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học bao gồm cả đánh giá trong quá trình đào tạo, thi và chấm thi tốt nghiệp.

Đối với việc đánh giá người học trong quá trình học tập, Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế liên quan tới kiểm tra đánh người học để đảm bảo người học đạt được CDR của chương trình. Cụ thể, nhà trường đã ban hành Quyết định số 9779/QĐ-ĐHSPHN-ĐT về việc ban hành *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC của Trường ĐHSPHN* [H5.05.01.01] và Quyết định số 1067/QĐ-ĐHSPH về việc ban hành *Quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN* [H5.05.01.02]. Trong các quy chế, quy định này đã quy

định rõ về đánh giá học phần; tổ chức kì thi kết thúc học phần; ra đề thi, hình thức thi, chấm thi; cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần; cách tính điểm trung bình chung; Xét và công nhận tốt nghiệp. Tỉ trọng đánh giá là chuyên cần 10%, thường xuyên 30% và cuối kì 60%

Căn cứ vào các Quyết định nêu trên của Trường ĐHSP Hà Nội, BCN Khoa LLCT – GDCD đã họp, lấy ý kiến và xây dựng các Quy trình tổ chức thực hiện các hoạt động thi, kiểm tra, đánh giá như: *Quy trình tổ chức thi hết học phần của khoa* [H5.05.01.03], *Biên bản về quy trình tổ chức kiểm tra giữa kì của khoa* [H5.05.01.04]. Quy trình này được BCN Khoa công bố rộng rãi tới Văn phòng Khoa, các trợ lý đào tạo, các cán bộ giảng viên và người học trong các cuộc họp đầu năm, đầu kì; giảng viên thông báo tới sinh viên ở đầu và cuối khi dạy mỗi học phần.

Khoa đã xây dựng các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với mục đích/ mục tiêu cần đánh giá tương ứng với các mức độ đạt được CDR.

Các quy định, quy định về kiểm tra đánh giá đặc biệt là kiểm tra đánh giá thi kết thúc học phần trong các bản mô tả học phần trong *chương trình đào tạo Ngành Cử nhân sư phạm GDCT* [H5.05.01.05] về yêu cầu đối với chuyên cần (tỉ lệ % thời gian có mặt tương ứng với điểm số), yêu cầu với kiểm tra giữa kì, cuối kì và xây dựng các hình thức thi, tổ hợp phương pháp (viết, vấn đáp, thực hành...), công cụ đánh giá (trắc nghiệm, tự luận, phiếu đánh giá..) được mô tả trong *chương trình đào tạo Ngành Cử nhân sư phạm GDCT* [H5.05.01.05]. Trên cơ sở các quy định, quy chế của Nhà trường, các học phần được thiết kế phải đảm bảo đạt được các chuẩn đầu ra của chương trình. Cơ sở để GV thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra, đánh giá cho từng học phần chính là *Ma trận PP dạy học và PP kiểm tra đánh giá* [H5.05.01.10]. Từ ma trận này, GV xác định các nội dung dạy học, phương pháp dạy học và các hình

thức kiểm tra đánh giá phù hợp; dự kiến các tài liệu học tập và công cụ hỗ trợ; xây dựng kế hoạch dạy và học chi tiết, được mô tả chi tiết trong đề cương chi tiết từng học phần. Đây là cơ sở quan trọng để giảng viên xây dựng các ma trận đề, ngân hàng câu hỏi và các công cụ kiểm tra đánh giá khác để có thể đo lường các CDR cần có của ngành học.

Khoa cũng triển khai các tài liệu hướng dẫn tới các GV để phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá: *Tài liệu hướng dẫn kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra* [H5.05.01.11], *Tài liệu hướng dẫn các nhóm phương pháp đánh giá nhằm đạt chuẩn đầu ra*[H5.05.01.12]. Với các hướng dẫn nêu trên, GV có thể căn cứ vào đó từ đó thiết kế các công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp và đáp ứng được yêu cầu về đo lường các mức độ đạt được CDR như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần của mình.

Các hoạt động/phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường các mức độ đạt CDR.

Dựa trên các quy định chung về kiểm tra đánh giá và để thuận lợi, thống nhất trong các khâu kiểm tra đánh giá cũng như để có thể đo lường được các mức độ đạt được CDR, Khoa cũng xây dựng và công khai các biểu mẫu: *mẫu phiếu đánh giá học phần lý thuyết; Đề thi, đáp án và mẫu phiếu đánh giá học phần thực hành* [H5.05.01.06] [H5.05.01.07]. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các biểu mẫu này còn đơn giản. Với các hoạt động học tập và giảng dạy ngày càng phong phú để đo được các mức độ đạt CDR cần có thêm các công cụ đo lường đa dạng hơn, tập trung cả vào việc đánh giá quá trình.

Đối với việc kiểm tra, đánh giá sinh viên năm cuối, căn cứ vào kết quả học tập, Khoa sẽ thông báo tới người học danh sách sinh viên đủ điều kiện làm Khóa luận TN và Kế hoạch làm KLTN và các biểu mẫu phục vụ công tác Bảo vệ Khóa luận được thiết kế đảm bảo đo lường được các CDR của CT đào tạo *Kế hoạch, Quyết định Hội đồng, phiếu chấm, biên bản chấm Khóa luận Tốt*

nghiệp [H5.05.01.08]. Những sinh viên không đủ điều kiện làm KLTN sẽ được học các học phần thay thế. Việc đánh giá kết quả học tập các học phần này được Khoa đặc biệt chú trọng, GV phụ trách các học phần sẽ xây dựng *Đề thi, đáp án có thang điểm cụ thể và mẫu phiếu đánh giá bài thi cuối khóa* [H5.05.01.09].

Công tác đánh giá kỹ năng thực hành nghề nghiệp của SV được đánh giá thông qua quá trình thực hành, thực tập sư phạm, cũng được Khoa và Nhà trường thiết kế phù hợp, cụ thể chi tiết đảm bảo đo lường được các CDR của các hoạt động thực hành, thực tập. Dựa trên Chương trình đào tạo của nhà trường, Khoa xây dựng và thông báo tới sinh viên *Chương trình thực hành sư phạm thường xuyên* [H5.05.01.12] Giáo viên hướng dẫn tại cơ sở thực tập là người trực tiếp đánh giá SV dựa trên những tiêu chí cụ thể đã được quy định trong *Quy chế TTSP* [H5.05.01.14]. Trước mỗi đợt TTSP, các Cố vấn học tập và các GV trưởng đoàn thông báo tới người học quy chế TTSP, hướng dẫn người học về các tiêu chí đánh giá TTSP được thể hiện cụ thể thông qua *Phiếu đánh giá TTSP* [H5.05.01.13]

Để đảm bảo việc kiểm tra đánh giá là phù hợp để đo lường các CDR, các quy trình kiểm tra đánh giá người học được Khoa luôn rà soát sau mỗi kì học, năm học để rút kinh nghiệm đồng thời đưa ra các phương án tối ưu phù hợp với điều kiện thực tế như: *Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần của Khoa LLCT - GDCD* [H5.05.01.03], *Quy trình tổ chức kiểm tra giữa kì của Khoa LLCT - GDCD* [H5.05.01.04]. Điều này cũng giúp cho quá trình tổ chức kiểm tra đánh giá người học của Khoa LLCT – GDCD diễn ra đảm bảo quy chế, an toàn, chất lượng, phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra ngay cả trong điều kiện dịch bệnh phải tổ chức kiểm tra đánh giá online.

Tuy nhiên, kiểm tra cuối học phần các phương pháp và công cụ kiểm tra đánh giá ít đa dạng hơn, chủ yếu tập trung vào kiểm tra viết, vấn đáp, thực hành.

Những học phần có kiến thức lí thuyết nhiều thì các bộ môn sử dụng phương pháp đánh giá là kiểm tra viết, còn ở một số học phần khác thiên về thực hành thì bộ môn xây dựng phương pháp đánh giá thông qua vấn đáp hoặc thực hành

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả người học được quy định cụ thể, rõ ràng và thống nhất trong toàn trường.

Các phương pháp, nội dung, tiêu chí đánh giá của từng học phần được xây dựng phù hợp với CDR của chương trình.

3. Điểm tồn tại

Một số học phần chưa có sự đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá, chưa chú trọng nhiều vào đánh giá quá trình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Cần thiết kế đa dạng về phương pháp đánh giá người học ở tất cả các học phần, phối hợp ít nhất 2 phương pháp kiểm tra đánh giá - Khảo sát ý kiến NH về các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần 	- Khoa LLCT - GDGD.	Từ năm học 2022 - 2023	

			- Khoa LLCT - GDCD		
2.	Phát huy điểm mạnh	Các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR	Khoa và các bộ môn	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học

1. Mô tả

Nhà trường có các tài liệu/hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi. Cụ thể:

Với tuyển sinh đầu vào, trong Đề án Tuyển sinh, thông báo rõ thời gian (nộp hồ sơ, xét tuyển, gửi giấy báo nhập học, nhập học), hình thức xét tuyển (Tuyển thẳng, xét tuyển thẳng, sử dụng kết quả thi THPT với các tỉ lệ cụ thể) thông qua Thông tin tuyển sinh [H5.05.02.04]

Đối với đánh giá trong quá trình học tập, trong quy chế đào tạo của Nhà trường có các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học, bao gồm: quy chế thi, thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi được cụ thể hóa bằng các văn bản, quyết định: *Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN Quyết định số 9779/QĐ-ĐHSPHN ngày 07/12/2017 [H5.05.02.03]; Quyết định*

Ban hành quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN Quyết định số 1067/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/5/2020 [H5.05.01.04]... Quy chế của Trường được cụ thể mà mô tả chi tiết trong đề cương học phần. Trong đề cương chi tiết mỗi học phần [H5.05.02.01], các tiêu chí đánh giá, trọng số điểm, hình thức kiểm tra, đánh giá... được mô tả cụ thể, rõ ràng; Tỷ trọng đánh giá là chuyên cần 10%, thường xuyên 30% và cuối kì 60%. Từ đó GV xây dựng ma trận đề và ngân hàng câu hỏi KTĐG cuối học phần [H5.05.02.02]

Để thuận lợi cho công tác đánh giá này, Khoa cũng đã xây dựng các mẫu phiếu đánh giá (Mẫu phiếu đánh giá học phần lí thuyết [H5.05.01.06], Mẫu phiếu đánh giá học phần thực hành [H5.05.01.07], Mẫu phiếu đánh giá Khóa luận tốt nghiệp [H5.05.01.08], Mẫu phiếu đánh giá TTSP, Phiếu theo dõi chuyên cần) [H5.05.02.06] với các tiêu chí đánh giá cụ thể.

Các tài liệu/ hướng dẫn quy định cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của người học được công bố công khai tới người học trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

Các văn bản quy định của nhà trường như: *Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN Quyết định số 9779/QĐ-ĐHSPHN ngày 07/12/2017 [H5.05.01.03]; Quyết định Ban hành quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN - Quyết định số 1067/QĐ-ĐHSPHN ngày 14/5/2020 [H5.05.01.04]* luôn được công khai trên *Trang thông tin điện tử của CSGD <https://hnue.edu.vn> [H5.05.02.07]*, và được thông báo tới sinh viên trên trang cá nhân của sinh viên trên *Phần mềm quản lý Unisoft [H5.05.02.08]* và *Sổ tay sinh viên [H5.05.01.02]*.

Người học được phổ biến các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

Trong quá trình học tập, GV trực tiếp cung cấp thông tin, *đề cương chi tiết môn học* [H5.05.01.05] tới người học vào buổi học đầu tiên, trong quá trình học tập công tác điểm danh, theo dõi mức độ tham gia các hoạt động học tập để đánh giá mức độ chuyên cần và công bố công khai trước toàn thể sinh viên vào mỗi học và cuối kì học, cập nhật thường xuyên và tổng hợp cập nhật vào *Phiếu theo dõi chuyên cần* [H5.05.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường có các tài liệu/hướng dẫn về đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm tuyển sinh đầu vào, đánh giá thường xuyên, thi hết học phần, thi tốt nghiệp cuối khóa và công bố công khai tới người học.

Một số biểu mẫu đánh giá (đánh giá khoá luận, đánh giá rèn luyện) được sử dụng thống nhất trong toàn trường.

Khoa đã xây dựng được các mẫu đánh giá chung cho các học phần.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù các quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học là hết sức rõ ràng và được công bố công khai tới người học nhưng vẫn còn một số sinh viên chưa hiểu đúng, chưa hiểu rõ các cách thức đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1.	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến của SV hàng năm về quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	Khoa LLCT - GDCD và TT ĐBCL	Từ năm học 2019-2024, Hàng năm và định kì	
2.	Phát huy điểm mạnh	Kiểm tra rà soát và cập nhật về đánh giá kết quả học tập người học	Khoa LLCT – GDCD	Cập nhật hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Khoa LLCT – GDCD và các GV trực tiếp giảng dạy đã bước đầu sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

Căn cứ vào *Đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.05]* và *Ma trận kiểm tra đánh giá [H5.05.01.10]*, các GV xây dựng các kế hoạch kiểm tra đánh giá với các phương pháp đánh giá khác nhau tùy theo tính chất và đặc điểm của các học phần. Để đánh giá quá trình GV đã bước đầu sử dụng đa dạng các công cụ đánh giá. Tuy nhiên, hiện nay việc đánh giá kết quả cuối kì thông qua bài thi cuối kì về cơ bản các học phần của chuyên ngành GDCT vẫn sử dụng hình thức thi viết.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá được sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu CDR, đảm bảo độ tin cậy và có tiêu chí đánh giá rõ ràng.

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập, căn cứ vào các quy định chung, Khoa LLCT – GDCD trên cơ sở các quy định của nhà trường về công tác kiểm

tra, đánh giá: *Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN*[H5.05.01.03], *Quyết định Ban hành quy định tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kì thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPHN* [H5.05.01.04], Khoa đã họp xây dựng cả tổ chức ra đề thi, tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H5.05.03.04]

Sau khi tiến hành tổ chức và chấm thi, các dữ liệu kết quả chấm thi [H5.05.03.08] hoặc phúc tra bài thi được Ban Chủ nhiệm khoa và các trợ lý xem xét, kiểm tra lần cuối trước khi công bố tới người học.

Để đánh giá định kì công tác kiểm tra đánh giá, BCN Khoa thường xuyên tiến hành các cuộc sơ kết công tác KTĐG: ra đề thi, tổ chức thi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên định kì theo học kì và rút kinh nghiệm ngay kì tiếp theo [H5.05.03.05] đồng thời tiến hành các khảo sát khảo sát các bên liên quan về sự phù hợp của PP KTĐG trong việc đạt được CDR [H5.05.03.04]

2. Điểm mạnh

Quy trình kiểm tra đánh giá rõ ràng, khách quan đảm bảo công bằng, minh bạch.

Kết quả thu được đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy, phản ánh đúng năng lực người học.

3. Điểm tồn tại

Hầu hết các học phần vẫn sử dụng phương pháp đánh giá là bài thi viết với các công cụ đánh giá là các câu hỏi tự luận...

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung		Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực	Ghi chú

					hiện hoặc hoàn thành	
1.	Khắc phục tồn tại	Tăng cường phối hợp đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với các học phần chung.		BCN Khoa, giảng viên	Từ năm học 2019-2024	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì quy trình đánh giá đảm bảo sự tin cậy, công bằng		Khoa LLCT – GDCD và giảng viên	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Có các quy định về phản hồi kết quả đánh giá người học và được công bố công khai, kịp thời đến người học.

Các quy định của nhà trường về *Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN [H5.05.04.01]*, căn cứ

theo các *quy trình tổ chức kì thi kết thúc học phần của Khoa* [H5.05.03.06], chỉ rõ các quy định về phản hồi kết quả người học: công bố kết quả, phúc tra, phúc khảo bài thi được phổ biến tới sinh viên ngay từ đầu năm học thứ 1, được công bố trên *Sổ tay sinh viên*[H5.05.01.02], *trên phần mềm quản lý Unisoft và trang cá nhân của sinh viên* [H5.05.02.08].

Người học được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời.

Các kết quả đánh giá được giáo vụ khoa cập nhật ngay sau khi kết thúc quá trình chấm thi kết thúc học phần thông qua *hệ thống quản lí học tập (TC Unisoft)* để quản lí kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao [H5.05.02.08]. Mỗi SV đều có tài khoản để truy cập thông tin và tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập của mình dễ dàng, nhanh chóng. Hệ thống phần mềm quản lí kết quả người học tính toán, xử lí kết quả người học theo các quy định chung của Trường. Do đó, NH nhanh chóng biết được mình đủ/không đủ dự thi học kì của mình và ý kiến phản hồi về kết quả kiểm tra định kỳ, cuối kỳ để được giải quyết kịp thời.

Thực hiện *Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường ĐHSPHN Quyết định số 9779/QĐ-ĐHSPHN ngày 07/12/2017* [H5.05.04.03], phòng đào tạo căn cứ vào điểm học tập và điểm rèn luyện của từng sẽ đưa ra quyết định cảnh báo học tập hàng kỳ thông qua *hệ thống quản lí học tập (TC Unisoft)*, giáo vụ, cố vấn học tập để sinh viên lập phương án học tập phù hợp tránh tình trạng bị cảnh báo học tập, đình chỉ học tập và buộc thôi học [H5.05.04.06]. *Danh sách sinh viên bị cảnh báo học tập* [H5.05.04.05], *thống kê số lượng sinh viên học lại, thi lại* [H5.05.04.03] được thông báo tới sinh viên qua hệ thống học tập cố vấn học tập để người học biết được và có những phản hồi cần thiết (nếu có).

Sau mỗi kì học, Khoa họp sơ kết công tác KTĐG trong đó có rút kinh nghiệm về công tác phản hồi kết quả đánh giá người học. Công tác lấy ý kiến

người học đã tốt nghiệp cũng được Khoa và Nhà trường coi là kênh thông tin quan trọng để tìm hiểu *ý kiến người học về mức độ phản hồi các kết quả học tập* [H5.05.04.07].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sử dụng để cải thiện việc học tập.

Thông qua việc công bố *kết quả học tập* [H5.05.04.06] tới người học và cố vấn học tập, người học và cố vấn học tập có thể biết được tỉ lệ sinh viên các khoá đạt kết quả học tập theo từng mức để đánh giá sự tiến bộ của sinh viên sau các năm học và có kế hoạch tư vấn, hỗ trợ sinh viên cải thiện kết quả học tập

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sử dụng phần mềm quản lí đào tạo UniSoft, hệ thống thông báo trực tiếp khá hiệu quả. Đã sử dụng đa dạng các kênh thông tin để phản hồi về kết quả học tập đến NH giúp việc cải thiện kết quả học tập của người học đạt hiệu quả.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu người học về công tác phản hồi kết quả chưa được thực hiện đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc	Ghi chú

				hoàn thành	
1.	Khắc phục tồn tại	Tiến hành lấy ý kiến người học về công tác phản hồi kết quả đánh giá	Trung tâm đảm bảo chất lượng, phòng Công tác HSSV, GV khoa	Từ năm học 2019-2024	
2.	Phát huy điểm mạnh	Sử dụng hiệu quả hơn nữa hệ thống quản lý đào tạo để kịp thời phản hồi kết quả tới người học	Trường, Khoa, Giáo vụ	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi kì học/ khóa học/ học phần.

Trong quá trình học tập, NH được quyền phúc tra, khiếu nại kết quả học tập. Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.04.04], Quy định v/v tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả trong kỳ thi kết thúc học phần của Trường ĐHSPTHN [H5.05.05.01] , cũng như các quy trình cụ thể về tổ chức thi hết học phần của khoa, [H5.05.03.06] sau khi công bố điểm thi các học phần trên phần mềm quản lý Unisoft [H5.05.02.08], sinh viên có thể tham khảo các hướng dẫn về phúc khảo điểm thi qua hướng dẫn trên trang cá nhân hoặc trong sổ tay sinh viên [H5.05.01.02]. Sau khi giáo vụ Khoa nhận đơn xin phúc khảo điểm thi [H5.05.05.02] Đơn xin phúc khảo của sinh viên từ sinh viên, thời gian chấm phúc khảo không quá 07

ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn. Nếu điểm phúc tra sai khác từ 0,5 trở lên thì lãnh đạo TT ĐBCL, lãnh đạo khoa đề nghị cấp chấm thi và bộ môn đối chất và thống nhất kết quả, ký xác nhận mới công bố tới người học. Điểm sau khi phúc khảo là điểm cuối cùng của môn học. Quy trình này được thực hiện theo đúng quy định về quy trình chấm phúc khảo bài thi được ban hành [H5.05.05.03]

Quy định này được CVHT và GV phổ biến cho SV từ khi bắt đầu vào học năm thứ nhất và trước mỗi kì thi học phần. SV muốn khiếu nại hoặc phúc khảo đều có thể tiếp cận thông tin về thời gian, quy trình, thủ tục khiếu nại, phúc khảo kết quả bài thi trên cổng thông tin điện tử và hệ thống quản lý học tập của Nhà trường. Các biểu mẫu khiếu nại, phúc khảo được giáo vụ khoa cũng như cán bộ của phòng đào tạo hướng dẫn dẫn đến các sinh viên có nhu cầu.

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

Quá trình giải quyết khiếu nại của sinh viên được thực hiện theo đúng quy trình và được bộ phận cố vấn học tập, Văn phòng khoa hướng dẫn chi tiết, cụ thể. Khi có các khiếu nại liên quan đến kết quả học tập, giáo vụ khoa ghi chép và *Sổ theo dõi việc khiếu nại/ kết quả trả lời khiếu nại về kết quả học tập của người học* [H5.05.05.04]. Những năm gần đây tỉ lệ sinh viên ngành GDCT có khiếu nại về kết quả học tập là rất thấp nhưng công tác giải quyết khiếu nại vẫn được thực hiện đúng theo quy trình, quy định của Khoa và Nhà trường. Tuy nhiên vẫn còn một số người học gửi đơn khiếu nại không đúng quy trình như quá thời gian khiếu nại, gửi nhầm bộ phận liên quan.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa có các quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập rõ ràng, cụ thể. Người học được phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần.

3. Điểm tồn tại

Chưa lấy ý kiến phản hồi của SV về tiếp nhận đơn khiếu nại về kết quả học tập.

Đa dạng các kênh thông tin tới người học các quy định liên quan tới khiếu nại kết quả học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Chưa lấy ý kiến phản hồi của SV về tiếp nhận đơn khiếu nại về kết quả học tập. Đa dạng các kênh thông tin tới người học các quy định liên quan tới khiếu nại kết quả học tập.	TT ĐBCL, Khoa LLCT - GDCD, cố vấn học tập, đoàn thanh niên	Định kì hàng năm	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo các quy định về thời gian, kết quả khiếu nại để đảm bảo công bằng với người học.	TT ĐBCL, khoa, giảng viên.	Đầu năm học và trước các kỳ kiểm tra.	

5. Tự đánh giá: 5/7

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập người học theo chương trình đào tạo cử nhân sư phạm GDCT tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thực hiện đúng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường. Trong CTĐT, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của Nhà trường đã được xây dựng cụ thể, rõ ràng và được công bố công khai tới người học. Nhà trường đã áp dụng các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Với những nội dung đánh giá chung, nhà trường đã xây dựng được bộ tiêu chí, mẫu phiếu đánh giá sử dụng thống nhất trong toàn trường. Quy trình đánh giá khách quan, công bằng, minh bạch, tổ chức thi cử nghiêm minh đã tạo ra được nề nếp dạy và học tích cực. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời tới sinh viên, vừa đảm bảo tính cá nhân vừa hỗ trợ người học cải thiện việc học tập. Quy trình khiếu nại về kết quả học tập được phổ biến đầy đủ, kịp thời tới sinh viên mỗi khóa học/kỳ học. Tuy nhiên, việc sơ kết, tổng kết, khảo sát, đánh giá hiệu quả tổ hợp các phương pháp đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên. Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo cử nhân sư phạm GDCT tự đánh giá tiêu chí 5 có 5/5 tiêu chí đạt.

Đánh giá tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn 5	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 5.1					X		
Tiêu chí 5.2					X		
Tiêu chí 5.3				X			
Tiêu chí 5.4				X			
Tiêu chí 5.5					X		

Điểm chuẩn	tiêu	4.6
-----------------------	-------------	------------

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Khoa LLCT-GDCD không có đội ngũ NCV. Đội ngũ GV thực hiện CTĐT trình độ đại học ngành GDCT được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ này rất tích cực tham gia vào các nhiệm vụ NCKH khác nhau, ở các cấp (cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Viện, cấp Trường) và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định, theo định hướng chung của Nhà trường và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật của các ứng viên, cũng như đáp ứng sự thay đổi và phát triển của ngành GDCT. Khoa luôn có sự phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên cũng như các hoạt động đánh giá, quản trị chất lượng thực hiện công việc của đội ngũ này. Những thành tích, đóng góp về NCKH, hoạt động chuyên môn, hoạt động đoàn thể và các hoạt động phục vụ cộng đồng của CTĐT trình độ ĐH ngành GDCT và các cá nhân luôn được ghi nhận, đánh giá cao, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Việc quy hoạch phát triển đội ngũ GV thực hiện chương trình (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu)

được khoa thực hiện có kế hoạch, dựa theo nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Từ nhu cầu thực tiễn về nhu cầu phát triển lĩnh vực nhân lực trong lĩnh vực giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật (giáo dục công dân), dựa trên chiến lược phát triển Nhà trường, nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu, phục vụ cộng đồng của Khoa ở hiện tại và tương lai, Khoa LLCT-GDCD đã có chiến lược quy hoạch đội ngũ GV phù hợp với nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong Nghị quyết Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động của Khoa hàng năm đã luôn đánh giá và định hướng cho công tác quy hoạch cán bộ đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với nhiệm vụ phát triển của Khoa và Nhà trường [H6.06.01.01], [H6.06.01.02], [H6.06.01.03], [H6.06.01.04]. Dựa trên các kế hoạch chiến lược đó, cùng với hệ thống các văn bản về chính sách nhân sự của Trường, Khoa LLCT – GDCD đã xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên của Khoa giai đoạn 2019-2024: [H6.06.01.05], [H6.06.01.06], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09], [H6.06.01.10], [H6.06.01.11].

Cho đến tháng 5/2024, về quy mô tổ chức, khoa Lý luận chính trị - Giáo dục công dân có tất cả 5 tổ bộ môn và tổ văn phòng. Là: Tổ bộ môn Kinh tế chính trị, Tổ bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tổ bộ môn Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh, Tổ bộ môn Giáo dục công dân, Tổ bộ môn Phương pháp dạy học và 1 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ của khoa hiện nay là 33 người, trong đó có 04 Phó Giáo sư (PGS.TS. Đào Đức Doãn, PGS.TS. Phạm Việt Thắng, PGS.TS. Nguyễn Thị Thương, PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Tùng); 16 Tiến sĩ, 7 nghiên cứu sinh, 3 Thạc sĩ và 01 Cử nhân. Số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn nên sẽ có những khó khăn ở những thời điểm nhất định.

Thông tin về cơ cấu, độ tuổi, giới tính, trình độ chuyên môn của giảng viên thực hiện CTĐT Cử nhân GDCT được thể hiện đầy đủ qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 6.1.1. Bảng thống kê Số lượng giảng viên giảng dạy CTĐT ngành Cử nhân Giáo dục chính trị năm học 2023-2024

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30 - 40	41 - 50	51 - 60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ									
2	Phó Giáo sư	4	12,12	2	2			2	1	1
3	Tiến sĩ khoa học									
4	Tiến sĩ	16	48,48	2	14		9	7		
5	Nghiên cứu sinh	7	21,21	1	6		6	1		
6	Thạc sĩ	3	9,09		3		1	1	1	
7	Đại học	1	3,03	1		1				

Khoa cũng đã có kế hoạch chỉ tiêu bồi dưỡng động viên các TS đủ điều kiện tích cực hoạt động tự bồi dưỡng để tham gia xét phong hàm PGS trong thời gian tới [H6.06.01.12], [H6.06.01.13].

Trong giai đoạn trên, khoa có cử cán đi học NCS, bảo vệ luận án TS căn cứ theo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của khoa LLCT-GDCD, cũng là theo quy định của trường về trình độ theo độ tuổi, cụ thể được thống kê tại phụ lục từ năm 2018 – 2023 là 10 người học NCS, trong đó 03 người đã bảo vệ thành công luận án TS [H6.06.01.14], [H6.06.01.15].

Từ việc xem xét đánh giá nhu cầu giảng dạy và NCKH của Khoa, sức khỏe và sự tự nguyện của GV cũng như kết quả thực hiện nhiệm vụ để quyết định việc tiếp tục hoặc không tiếp tục kéo dài thời gian làm việc của GV. Quy trình tiếp nhận chuyển PGS về Khoa cũng được xuất phát từ đề xuất Tổ bộ môn và họp tập thể lãnh đạo của Khoa để đưa ra đề xuất với trường. Các quy trình và tiêu chí kéo dài thời gian công tác với cán bộ GV là PGS ở Khoa được thực hiện rõ ràng, công khai và minh bạch qua các bước như họp nhận xét ở Tổ bộ môn, nhận xét góp ý của Tập thể lãnh đạo Khoa trước khi gửi đề xuất nhà trường kéo dài thời gian công tác [H6.06.01.16], [H6.06.01.17]. Tuy nhiên, các PGS cũng đã lần lượt hết thời hạn kéo dài theo quy định, vì vậy, từ năm học 2022-2023, khoa chỉ còn 2 PGS, và 1 PGS chuyển từ đơn vị khác đến trong diện kéo dài, đến năm học 2022 - 2023 thì tăng lên 3 PGS trong độ tuổi lao động và 1 PGS diện kéo dài [H6.06.01.18], [H6.06.01.19].

Với số lượng, cơ cấu GV hiện tại, về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đào tạo của khoa. Tuy nhiên, số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng vẫn còn chưa đáp ứng so với quy định của trường về trình độ của giảng viên theo độ tuổi, nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn tuy vẫn bố trí được công việc nhưng sẽ có thời điểm có sự quá tải.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ GV, nghiên cứu viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ GV tham gia thực hiện CTĐT GDCT có năng lực tốt trong giảng

dạy và nghiên cứu, được quy hoạch theo kế hoạch và chiến lược phát triển của Trường, của Khoa, đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch, bổ nhiệm đã thực hiện theo các quy trình, tiêu chí để thu hút tuyển dụng, bổ nhiệm cũng như bố trí công việc rõ ràng, công khai, minh bạch, được phổ biến đến các GV và cá nhân có liên quan.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn nên sẽ có những khó khăn ở những thời điểm nhất định.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ưu tiên tuyển dụng GV nam, tạo điều kiện số GV là Ths tiếp tục đào tạo NCS	Trường, Khoa, Tổ bộ môn	05 năm (2024-2029)	Ít nhất 2 GV
		Tạo điều kiện tăng số lượng TS đủ tiêu chuẩn làm PGS	Trường, Khoa, Tổ bộ môn	05 năm (2024-2029)	Ít nhất 01 GV đạt đủ tiêu chuẩn
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy hoạch đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng	Trường, Khoa, Tổ bộ môn, cá nhân liên quan	05 năm (2024-2029)	Ít nhất 2 PGS

		đồng. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ trẻ nâng cao trình độ			
--	--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/Người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Căn cứ theo Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/2/2018 về việc xác định chỉ tiêu tuyển trình độ đại học của Bộ GD&ĐT, tỉ lệ GV/SV sau quy đổi dao động từ 2,4 đến 4,1 đáp ứng tốt Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT, đáp ứng đúng theo quy định hiện hành [H6.06.02.01].

**Bảng 6.2.1. Tỷ lệ giảng viên/người học của CTĐT ngành GDCR
giai đoạn 2019 – 2024**

Năm học	Tổng số sinh viên	Tổng số GV	Tổng số GV quy đổi	Tỷ lệ giảng viên/người học
2018 – 2019	87	32	64	1.4
2019 – 2020	98	32	64	1.5
2020 – 2021	136	32	54	2.5
2021 – 2022	152	32	68	2.2
2022 – 2023	142	32	70	2.0
2023-2024	148	33	71	2.1

Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về việc quy định số giờ giảng/khối lượng công việc tiêu chuẩn/tối thiểu quy đổi đối với đội ngũ GV, cũng như hướng dẫn chi tiết và triển khai việc quy đổi khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn, tiêu biểu là Quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHSHN ngày 11/3/2022; Website Hệ thống quản lý giờ giảng, giờ NCKH và các nhiệm vụ khác, mẫu phiếu tự đánh giá xếp loại cuối năm. Theo đó, GV hạng 1 có định mức giờ chuẩn trong một năm học là 270 giờ giảng dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ nhiệm vụ khác. Đối với GV hạng 2, định mức giờ chuẩn tương ứng là 290 giờ giảng dạy, 250 giờ NCKH và 47 giờ nhiệm vụ khác. Đối với GV hạng 3 thì số giờ chuẩn bằng là 310 giờ giảng dạy, 200 giờ NCKH và 77 giờ nhiệm vụ khác. Đối với tập sự thì qui định số giờ chuẩn bằng 50% của GV hạng 3. Trong quy định, có công thức tính giờ chuẩn giảng dạy được quy đổi từ giờ dạy lý thuyết; giảng dạy thực hành, thí nghiệm, bài tập thảo luận; hướng dẫn thực tế, thực địa, nghiệp vụ sư phạm. Giờ chuẩn NCKH được quy đổi từ các hoạt động chủ trì, tham gia đề tài, dự án; công bố các bài báo; biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; tham gia hội đồng các cấp. Các nhiệm vụ khác được quy đổi từ việc coi thi, chấm thi, ra đề; hướng dẫn, tham gia hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp; một số hoạt động văn nghệ, thể thao, dân quân tự vệ, phòng cháy [H6.06.02.02].

Để giám sát và đảm bảo số lượng và chất lượng giảng dạy và NCKH của mỗi cán bộ, GV, cuối mỗi học kì, các GV đều được thống kê và quy đổi theo giờ chuẩn và đo lường được, được thể hiện trong phần mềm Quản lý giờ giảng, cụ thể của từng cán bộ [H6.06.02.03]. Ngoài ra, trong các buổi họp Tổ cuối năm và Báo cáo tổng kết năm học của Khoa cũng thực hiện tổng kết khối lượng công việc thực hiện của GV [H6.06.02.07], [H6.06.02.08]. Thực tế cho thấy, giai đoạn 2018 - 2023, nhiều GV trong Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT đã thực hiện vượt giờ so với số giờ quy định, được Nhà trường

thanh toán kinh phí dạy vượt giờ, chuyển khoản trực tiếp tới từng GV, [H6.06.02.06].

Theo quy định về quy đổi giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu và giờ chuẩn nhiệm vụ khác trong Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc đối với GV trường ĐH Sư phạm Hà Nội, nhà trường đã chỉ đạo xây dựng hệ thống quản lý nhà trường để quản lý số giờ chuẩn của GV. Sau mỗi học kỳ trong năm học, theo hướng dẫn các bên liên quan như Phòng đào tạo, Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên, Phòng Sau đại học, Phòng Khoa học công nghệ và Phòng tổ chức cán bộ, BCN Khoa và GV thực hiện theo công văn hướng dẫn về thống kê giờ chuẩn. Sau khi nhập dữ liệu về giảng dạy, NCKH và nhiệm vụ khác, hệ thống quản lý sẽ cho tổng hợp số giờ chuẩn được quy đổi của từng GV. Theo số liệu thống kê hàng năm từ hệ thống, 100% GV của Khoa LLCT – GDGD đều vượt giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn NCKH và giờ chuẩn nhiệm vụ khác. Khoa có đảm nhận giảng dạy cho mã ngành Giáo dục chính trị và học phần Tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Triết học Mác - Lênin, Cơ sở văn hoá VN, Xã hội học đại cương, Nghiệp vụ sư phạm cho toàn trường, một số GV phải đảm nhận khối lượng giờ dạy rất lớn. Tổng số giờ giảng dạy vượt chuẩn của khoa khoảng từ 10.000 đến 19.000 giờ tùy theo năm học. Cụ thể như năm học 2021 – 2022 cả khoa vượt 19982,17 giờ, GV thừa giờ ít nhất là 150 giờ, GV thừa giờ nhiều nhất là 1326 giờ. Năm học 2021 – 2022, cả khoa vượt 13566,66 giờ, GV thừa ít nhất là 62,5 giờ, GV thừa nhiều nhất là 989,05 giờ [H6.06.02.07].

Về NCKH, GV trong Khoa tham gia tích cực và có hiệu quả trong NCKH, thể hiện ở việc thường niên các cán bộ Khoa đều có các công trình NCKH được công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước, trong các hội thảo chuyên ngành [H6.06.02.08: H6.06.02.09]. Bên cạnh việc giảng dạy và NCKH, GV của Khoa còn tham gia đóng góp các hoạt động phục vụ cộng đồng. Những hoạt động này được Nhà trường quy định ở mục

“Nhiệm vụ khác” trong thống kê giờ giảng hàng năm, từng học kì. Nhiệm vụ khác này được xác định bao gồm những hoạt động đoàn thể, tham gia dự giờ, hội nghị, hội thảo,... Đây là một trong những tiêu chí để Trường và Khoa đánh giá được mức độ đóng góp của GV vào các hoạt động phục vụ cộng đồng. Lực lượng cán bộ của Khoa cũng tham gia nhiều dự án NCKH, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho cộng đồng về lĩnh vực GDCT [H6.06.02.08]. Ngoài ra, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của đội ngũ GV, Khoa cũng tổng hợp các nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của các GV dựa trên hoạt động phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV để tạo cơ hội và điều kiện cho các cá nhân được tham gia các hoạt động một cách tốt nhất [H6.06.01.09].

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá năng lực thực hiện nhiệm vụ đào tạo của GV ở một số môn học trong năm thông qua phiếu đánh giá của SV. Đây là một kênh thông tin phản hồi từ người học để giúp Nhà trường, Khoa giám sát được chất lượng giảng dạy (bao gồm nội dung, phương pháp giảng dạy của GV), là cơ sở để đưa ra chiến lược đào tạo cho cán bộ, GV cho Khoa, góp phần cải tiến chất lượng đào tạo. Thực tế cho thấy đại đa số SV (khoảng trên 80%) hài lòng về chất lượng giảng dạy của GV trong khoa [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/người học của CTĐT trình độ ĐH ngành GDCT đáp ứng tốt so với yêu cầu theo quy định hiện hành. Việc đánh giá, đo lường khối lượng công việc của đội ngũ GV được thực hiện bài bản, đúng quy trình, khách quan, với các phương thức đánh giá khả thi, đa dạng, thực chất. Kết quả đánh giá thường niên cuối năm cũng là cơ sở cho Khoa và Nhà trường đánh giá, bình xét và ghi nhận sự nỗ lực phấn đấu của mỗi GV.

3. Điểm tồn tại

Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng ở trong và ngoài Trường vẫn còn một số chỗ chưa hợp lý

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, sửa đổi cách tính giờ dạy, giờ nghiên cứu và công việc khác phục vụ tập thể, đơn vị phù hợp để phát huy năng lực và động viên kịp thời từng cá nhân GV	Trường, Khoa,	Giai đoạn 2024-2029	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy năng lực phục vụ, cống hiến của GV từ tỷ lệ GV/NH để góp phần làm tốt vấn đề vị trí việc làm, tinh giản biên chế đang đặt ra hiện nay, nâng cao hơn nữa hiệu suất làm việc và	Trường, Khoa,	Từ năm 2024	

		chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.			
--	--	--	--	--	--

Tự đánh giá: 5/7

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực bám sát với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược. Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ thực hiện theo quy trình, có tiêu chí rõ ràng được quy định trong “Quy chế tuyển dụng viên chức” dựa trên quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H6.06.03.01] cũng như xét tuyển đặc cách [H6.06.03.02]. Theo đó, ngoài các điều kiện chung, điều kiện riêng đối với ngạch GV cần có trình độ từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên ngành/chuyên ngành dự tuyển; Đối với ứng viên tạo nguồn: tốt nghiệp đại học từ loại Giỏi trở lên; Tuổi đời dự tuyển không quá 35 đối với thạc sĩ và không quá 45 tuổi đối với người có trình độ tiến sĩ. Tiêu chuẩn tuyển dụng GV, NCV của Khoa LLCT - GDCT, ngành đào tạo GDCT đảm bảo thực hiện theo Quy chế tuyển dụng viên chức của Trường [H6.06.03.01], Quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc của GV Trường [H6.06.03.03] và phù hợp với Đề án vị trí việc làm được xây dựng phù hợp với yêu cầu thực tiễn đặt ra [H6.06.03.04].

Từ năm 2019 đến nay, Khoa LLCT - GDCT đã điều chuyển thêm 1 GV là PGS.TS. Nguyễn Thị Thường [H6.06.03.05].

Bảng 6.3.1. Danh sách GV được điều chuyển giai đoạn 2019-2024

TT	Họ và tên	Quyết định	Nơi chuyển đi...nơi	Trình	Chức
----	-----------	------------	---------------------	-------	------

		chuyển công tác	chuyển đến	độ đào tạo	danh KH
1	Nguyễn Thị Thường	1571/QĐ-ĐHSPHN, ngày 7/5/2021	Từ khoa Triết học trường ĐHSPHN chuyển sang khoa LLCT – GDCD trường ĐHSPHN	Tiến sĩ	PGS.TS

Căn cứ theo Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo của Nhà trường, khoa LLCT - GDCD luôn tuân thủ chặt chẽ công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý về tiêu chuẩn bổ nhiệm Trưởng, phó Khoa và Trưởng/Phó Bộ môn cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GVC, PGS), trong đó nhấn mạnh đến các tiêu chuẩn, tiêu chí về công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu của Bộ môn, Khoa đề xuất số lượng nhân sự cần tuyển dụng trình BGH phê duyệt. Trong giai đoạn 2019-2024, khoa LLCT - GDCD có 8 cán bộ quản lý được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại [H6.06.03.05]. Quy trình lựa chọn ứng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) cho các chức vụ lãnh đạo, quản lý được thực hiện công khai, thông báo đến toàn Khoa; xét và bầu trực tiếp ở Tổ bộ môn và trong tập thể lãnh đạo Khoa, trước khi trình lên Lãnh đạo Trường [H6.06.03.06].

Bảng 6.3.2. Danh sách bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý của khoa LLCT - GDCD từ 2019 – 2024

STT	Họ và tên	Quyết định bổ nhiệm	Vị trí bổ nhiệm	Nhiệm kỳ
1	PGS.TS Phạm Việt Thắng	-2018 -2023 tái bổ nhiệm	Trưởng khoa LLCT – GDCD	2018 – 2023

				2023 - 2028
2	TS Tiêu Thị Mỹ Hồng	-9034/QĐ-ĐHSPHN, ngày 10/11/2017 - 2022 tái bổ nhiệm	Phó trưởng khoa LLCT - GDCD	2017 – 2022 2022 - 2027
3	TS Trần Thị Thu Huyền	-8824/QĐ-ĐHSPHN, ngày 19/8/2019 -3691/ QĐ-ĐHSPHN, ngày 31/8/2023	-Trưởng bộ môn Chủ nghĩa xã hội khoa học - Phó trưởng khoa	2019 – 2024 2023 - 2028
4	TS Dương Văn Khoa	8825/QĐ-ĐHSPHN, ngày 19/8/2019	Trưởng bộ môn Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh	2019 - 2024
5	TS Nguyễn Lê Thu	5720/ QĐ-ĐHSPHN, ngày 21/12/2023	Trưởng Bộ môn CNHXKH	2023 - 2028
6	TS Ngô Thái Hà	-8300/ QĐ-ĐHSPHN, ngày 11/10/2017 -2022 tái bổ nhiệm	Trưởng Bộ môn Kinh tế chính trị	2017 – 2022 2022 - 2027
7	ThS. GVC Đào Thị Hà	330/QĐ-ĐHSPHN, ngày 25/1/2021	Trưởng bộ môn Phương pháp dạy học	2020 - 2025

8	TS Lê Hoàng Nam	3634/ QĐ- ĐHSPHN, ngày 28/8/2023	Trưởng bộ môn Giáo dục công dân	2023 - 2028
---	-----------------	--	---------------------------------------	-------------

Thông tin về các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp cho GV được Nhà trường triển khai đến toàn bộ GV qua hệ thống công văn và thực hiện đúng theo quy định. Căn cứ vào Quyết định về tiêu chuẩn nâng bậc lương trước thời hạn cho công chức, viên chức Trường ĐHSPHN, Khoa LLCT - GDGD đã triển khai hồ sơ theo quy định của Nhà trường cho các GV trong Khoa. Giai đoạn 2019 – 2024, khoa có 02 GV được nâng lương trước thời hạn là TS. Tiêu Thị Mỹ Hồng và TS. Ngô Thái Hà [H6.06.03.07]. Dựa theo Thông tư liên tịch Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập [H6.06.03.08]; Công văn bổ nhiệm CDNN GV cao cấp của Bộ nội vụ [H6.06.03.09]; Công văn và kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ GV (Hạng III) lên GV chính (hạng II) của Bộ GDĐT [H6.06.03.10], trong giai đoạn 2019-2024, Khoa LLCT - GDGD có 2 GV được bổ nhiệm PGS-GVCC và 15 GV được bổ nhiệm GVC.

Bảng 6.3.3. Danh sách GV được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giảng viên cao cấp (hạng I) và giảng viên chính (hạng II) (2019 – 2024)

Năm bổ nhiệm	Giảng viên cao cấp (hạng I)	Giảng viên chính (hạng II)
2019	PGS.TS Phạm Việt Thắng	
2020		TS Ngô Thái Hà
		TS Dương Văn Khoa
		TS Mai Thị Tuyết
		TS Phan Thị Lệ Dung
		TS Nguyễn Thị Thanh Tùng
		TS Nguyễn Lệ Thu

Năm bổ nhiệm	Giảng viên cao cấp (hạng I)	Giảng viên chính (hạng II)
		TS Nguyễn Thị Nga
		TS Hoàng Thị Thuận
		ThS Bùi Xuân Anh
		ThS Trần Trung Dũng
		ThS Đào Thị Hà
		ThS Vũ Thị Thanh Nga
2023	PGS TS Nguyễn Thị Thanh Tùng	

2. Điểm mạnh

Quy trình lựa chọn tuyển dụng và bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý của Khoa được thực hiện công khai theo đúng các quy chế của Trường đã được phổ biến đến cán bộ và GV, phù hợp với định hướng cũng như quy hoạch nhân sự của đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được xác định và phổ biến công khai, rộng rãi nhưng chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về hệ các tiêu chí này.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở thêm các diễn đàn trao đổi thông tin phản hồi về chỉ tuyển dụng và lựa	Trường, Khoa,	Giai đoạn 2024-2029	Thông tin phản hồi về các tiêu chí được ghi nhận qua các

		chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển			cuộc họp quy hoạch, và/hoặc trên diễn đàn mở tại website của Trường, Khoa
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác định các tiêu chí tuyển dụng và thực hiện lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển minh bạch, công khai	Trường, Khoa,	Hàng năm	

Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN xác định chất lượng của đội ngũ GV quyết định chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo. Vì vậy, trường có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng đối với đội ngũ GV. Các ứng viên được tuyển làm GV của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội nói chung và GV khoa LLCT – GDGD nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, năng lực ngoại ngữ, năng lực NCKH, năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH, năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CDR, năng lực ứng dụng và sử dụng CNTT trong dạy học, năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc..., đáp ứng các chức năng nhiệm vụ

quy định trong Đề án vị trí việc làm của Trường [H6.06.04.01], đề án vị trí việc làm của Khoa [H6.06.04.02]. Nhà trường ban hành quy định cụ thể về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và chế độ làm việc cụ thể đối với GV [H6.06.04.03]. Sau khi trúng tuyển, GV tiếp tục được bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức. 100% GV của Khoa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm và chứng chỉ CNTT đạt chuẩn theo quy định của Bộ GD&ĐT [H6.06.04.04]. Đối với chuẩn ngoại ngữ, GV đạt chuẩn C1 và có bằng ĐH về ngoại ngữ [H6.06.04.04]. Nhà trường có quy định rõ ràng về trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV; các tiêu chí xác định năng lực; quy trình và phương pháp đánh giá năng lực của GV được trường quy định cụ thể và được thông báo công khai tới từng GV [H6.06.04.05], [H6.06.04.06].

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc sau một năm học với sự hỗ trợ của Hệ thống quản lý giờ giảng (*qlnt.edu.vn*) và xây dựng kế hoạch năm học tới cho GV của Khoa, đồng thời có những kế hoạch và định hướng cho cán bộ GV được cử đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ để đảm bảo năng lực của GV trong thời đại mới, đáp ứng được nhu cầu của giáo dục. Về giảng dạy, tất cả GV tham gia giảng dạy đều được đánh giá. Hàng năm, tổng số giờ giảng của GV ở khoa được thống kê trên hệ thống quản lý giờ giảng [H6.06.04.07]. Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần được Trung tâm Đảm bảo chất lượng tiến hành khảo sát, tổng hợp và viết báo cáo trình Ban Giám hiệu Nhà trường và phản hồi tới Khoa. Việc này được thực hiện định kỳ theo học kỳ và mỗi GV phụ trách giảng dạy các học phần ở mỗi học kỳ đều được đánh giá. Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần năm học 2019 - 2024 cho thấy tỉ lệ người học phản hồi thỏa mãn với công tác giảng dạy của GV thường xuyên đạt mức trên 80% [H6.06.04.08]. Về NCKH, đội ngũ GV được đánh giá dựa trên việc tham gia NCKH và có các công trình nghiên cứu chất lượng. Hàng năm, tất cả các tổ bộ môn đều tổ chức các seminar

khoa học, nhiều GV đăng kí tham dự các hội thảo chuyên ngành, viết bài hoặc làm báo cáo viên tại các hội thảo trong và ngoài nước. Từ năm 2019 đến năm 2024 nhiều ấn phẩm, sách, bài báo khoa học được công bố ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước (358 ấn phẩm); Chủ biên hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp trường đến cấp Nhà nước (23 đề tài). Về mặt số lượng và chất lượng, các sản phẩm hoạt động NCKH của GV là đáp ứng yêu cầu, đồng thời cho thấy Khoa đang có đội ngũ GV có năng lực chuyên môn vững vàng, chuyên sâu. Giai đoạn 2019 - 2024, số lượng bài báo có chỉ số quốc tế là 27 bài, trong đó riêng năm 2023 - 2024 có 13 bài báo quốc tế. Việc đăng tải bài báo có chỉ số quốc tế cần được tiếp tục phát huy trong những năm tới [H6.06.04.09]

Cuối mỗi năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết để đánh giá xếp loại từng cán bộ GV. Sau khi lấy phiếu bình chọn của các cán bộ, GV, tổ bộ môn lập biên bản và gửi lên Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu: lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở, chiến sĩ thi đua cấp Bộ theo tỉ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua của Nhà trường quyết định [H6.06.04.10], [H6.06.04.11]. Công tác bình xét thi đua - khen thưởng hằng năm được triển khai căn cứ trên Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của trường Đại học Sư phạm Hà Nội giúp các cá nhân tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, giúp cho các cấp quản lý ghi nhận những thành tích đóng góp của cán bộ và có tổng quan về tình hình giảng dạy, nghiên cứu trong toàn Khoa [H6.06.04.05]. Quyết định thi đua-khen thưởng và kết quả bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được Nhà trường thông báo và gửi về Khoa cuối mỗi năm học [H6.06.04.12]. Về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV luôn được xác định rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu của công việc của Khoa và của trường.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ GV được xác định và được đánh giá. Các GV thực hiện Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT đều hoàn thành tốt nhiệm vụ các năm học và có kết quả đánh giá về công tác giảng dạy ở mức cao. Bên cạnh đó, nhiều ấn phẩm, bài báo khoa học của GV được công bố ở các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các NCKH được công bố trên các tạp chí uy tín (có chỉ số ISI, Scopus...) chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tạo điều kiện và động lực cho các GV tham gia học hỏi nhiều khóa đào tạo	Trường, Khoa,	Giai đoạn 2024-2029	Ít nhất 2 GV/năm được đào tạo ở tập huấn quốc tế trong và ngoài nước (2024) nước ngoài, 05 GV/năm được đào tạo trong nước
		Đăng tải bài báo khoa học có chỉ số ISI	Khoa, Tổ bộ môn, cá nhân liên quan	05 năm (2024-2029)	Ít nhất có 01 bài báo đạt chỉ số ISI, 02 bài đạt chỉ số ISBN/ISSN

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện xác định và đánh giá năng lực đội ngũ GV phát huy năng lực trong giảng dạy, vận dụng các PP dạy học hiện đại trong công tác giảng dạy của GV	Trường, Khoa, Tổ bộ môn, cá nhân liên quan	05 năm	
---	--------------------	---	--	--------	--

1. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Việc đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV luôn được Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Khoa LLCT – GDGD xác định là nhiệm vụ nòng cốt và ưu tiên hàng đầu.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, nhân viên của Khoa được xác định dựa trên các căn cứ: 1) CV lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các đơn vị 2017-2022 (Số 174/ĐHSPHN ngày 18/4/2017); 2) Báo cáo năng lực và nhu cầu đào tạo trình độ tiến sĩ/thạc sĩ (Số 39/BC-ĐHSPHN-TCCB, 12/06/2019); 3) CV về việc Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2023 và kế hoạch đào tạo, BD năm 2024 (Số 511/ĐHSPHN-TCCB ngày 06/12/2023) [H6.06.05.01]. Ngoài ra, dựa vào nhu cầu được đào tạo bồi dưỡng của khoa và kế hoạch đào tạo của khoa [H6.06.05.02; H6.06.05.03].

Giai đoạn 2019 - 2024, Khoa LLCT - GDCT đã khảo sát 34 GV trong Khoa, kết quả khảo sát cho thấy hầu hết các GV đều có nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy, NCKH và quản lí của mình. Trong đó nhu cầu về đào tạo lên trình độ tiến sĩ, trình độ ngoại ngữ, lí luận, nhu cầu được tập huấn, nâng cao trình độ, chuyên môn [H6.06.05.03]. Nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV trong Khoa được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 6.5.1. Thống kê nhu cầu đào tạo phát triển chuyên môn GV Khoa LLCT – GDCT

TT	Nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Học nâng cao trình độ (Thạc sĩ, Tiến sĩ)	11	32,3
2	Học tiếng anh	15	44,1
3	Học tiếng tin học	18	52,9
4	Đào tạo, bồi dưỡng về dạy học nói chung	13	38,2
5	Phát triển chuyên môn sâu về GDCT	22	64,7
6	Chuyên môn về lí luận chính trị	2	5,8

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ giảng viên và kết quả đào tạo, bồi dưỡng của của Khoa LLCT - GDCT trong giai đoạn từ 2018 - 2024 được thể hiện trong 2 bảng dưới đây và minh chứng số hóa chi tiết [H6.06.05.04].

Bảng 6.5.2. Kế hoạch tham gia đào tạo phát triển chuyên môn của GV Khoa LLCT – GDCT giai đoạn 2018 - 2024

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Văn bằng 2	7	1	2	1			
Thạc sĩ	1						
Tiến sĩ	2	3		1	3	1	

Các lớp chứng chỉ, bồi dưỡng khác		12		5	2	1	
--	--	----	--	---	---	---	--

Bảng 6.5.3. Kết quả tham gia các lớp đào tạo phát triển chuyên môn của GV Khoa LLCT – GDCD giai đoạn 2018 - 2024

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Văn bằng 2	7 (đã hoàn thành đúng hạn)	1 (đã hoàn thành đúng hạn)	2 (đã hoàn thành đúng hạn)	1 (đã hoàn thành đúng hạn)			
Thạc sĩ	1 (đã hoàn thành đúng hạn)						
Tiến sĩ	2 (1 GV đã hoàn thành và 01	3 (2 GV đã hoàn thành và 01 GV		1 (1 GV đã hoàn thành)	3 (03 GV chưa hoàn thành)	1 (01 GV chưa hoàn thành)	

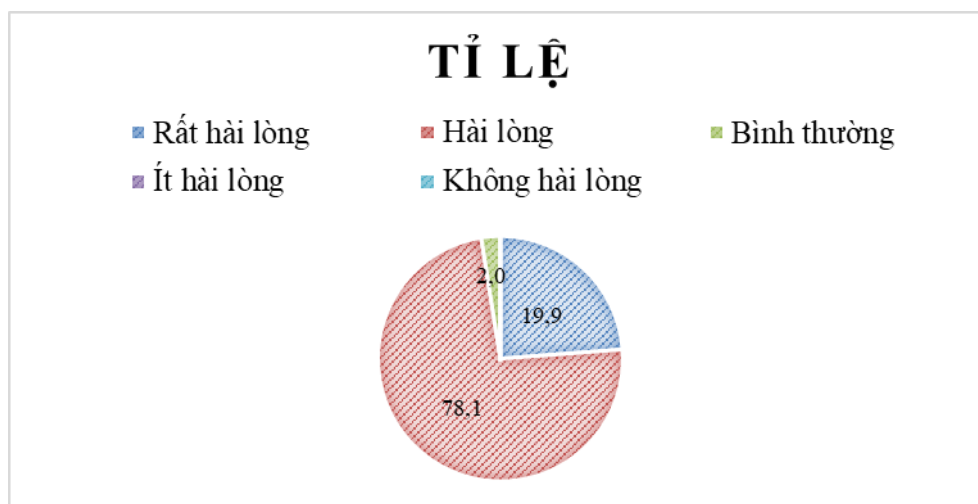
	GV chưa hoàn hoàn thành)	chưa hoàn thành)					
Các lớp chứng chỉ, bồi dưỡng khác		12 (đã hoàn thành đúng hạn)		5 (đã hoàn thành đúng hạn)	2 (đã hoàn thành đúng hạn)	1 (đã hoàn thành đúng hạn)	

Khoa LLCT – GDCD đã xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV trong Khoa gửi lên phòng Tổ chức cán bộ. Phòng Tổ chức cán bộ dựa trên các chính sách về nhân sự và kế hoạch của Khoa đã tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của GV trong toàn trường, lập Kế hoạch và kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV. Kinh phí chi cho đào tạo, bồi dưỡng được chi theo quy chế chi tiêu nội bộ Theo QĐ số 2817/ĐHSPHN - PQT, ban hành ngày 22/5/2017 và một loạt các quyết định khác của trường [H6.06.05.05; H6.06.05.06].

Để có căn cứ xác định ra quyết định cử đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển đội ngũ theo các hướng dẫn công tác nhân sự của Trường, hàng năm Khoa đã tiến hành khảo sát, mô tả vị trí việc làm và xác định hồ sơ năng lực của cán bộ, giảng viên [H6.06.05.07; H6.06.05.08]. Khảo sát về ý kiến của 33 GV trong về việc Trường và Khoa đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV cho thấy: có 78,1% GV đánh giá ở mức độ “hài lòng”, 19,9% ở mức độ “rất hài lòng” còn lại là 2,0%

ở mức độ “bình thường”, không có ý kiến nào cho là “không hài lòng” và “ít hài lòng” Kết quả thể hiện ở biểu đồ sau:

Biểu đồ 6.5.4. Kết quả khảo sát GV khoa LLCT – GDCTD về việc Trường và Khoa đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của GV



Qua khảo sát GV trong Khoa cho thấy hầu hết các GV đều có nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn nhằm phục vụ cho hoạt động giảng dạy, NCKH và quản lý của mình. Trong đó nhu cầu đào tạo cao nhất đó là được tập huấn, nâng cao trình độ, chuyên môn sâu về lĩnh vực GDCT.

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, Nhà trường, Khoa có các hoạt động để triển khai đáp ứng nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. Giai đoạn 2019 – 2024, Nhà trường, Khoa thường xuyên tổ chức cũng như cử GV đi học các khóa đào tạo, các Chương trình tập huấn, hội thảo... nâng cao trình độ chuyên môn [H6.06.05.09]. Theo đó, trong giai đoạn này, 100% giảng viên được tham gia các khóa đào tạo về các modul liên quan đến chương trình giáo dục công dân 2018 như: giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục kỹ năng sống... Trong đó có 08 giảng viên tham gia các khóa tập huấn các modul 1,2,3,4,5,9 của chương trình dự án ETEP, trở thành giảng viên sư phạm chủ chốt của nhà trường và báo cáo viên của Bộ giáo dục trong chương trình ETEP. Kinh phí cho các hoạt động này được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và của Ban quản lý dự án

ETEP trường cũng như Ban quản lý ETEP trung ương. Ngoài ra có 08 giảng viên được cử đi bồi dưỡng tập huấn chuyên đề về Nội dung và phương pháp giáo dục quyền con người do học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ GD và ĐT và Ủy ban Quyền con người Australia tổ chức.

Khoa LLCT – GDCD luôn coi trọng và ưu tiên việc đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên. Vào đầu mỗi năm học, Khoa đều yêu cầu từng giảng viên lên kế hoạch cụ thể về việc bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của bản thân. Cuối mỗi năm học, việc đánh giá kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được tổng kết, đánh giá để rút kinh nghiệm cho các năm tiếp theo [H6.06.05.10]. Nhà trường luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện để GV tham gia học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ như hỗ trợ kinh phí học tập, đi lại, tạo điều kiện về thời gian...

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đảm bảo cho đội ngũ GV được đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn. Các GV khoa có kế hoạch tự xác định nhu cầu và phát triển chuyên môn của bản thân và không ngừng nỗ lực, phấn đấu.

Kế hoạch đào tạo, phát triển chuyên môn được xây dựng phù hợp đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo, qui hoạch chiến lược phát triển Nhà trường và được triển khai nghiêm túc

3. Điểm tồn tại

Trong khoa hiện còn 02 giảng viên chưa hoàn thành nghiên cứu sinh mặc dù đã đăng kí học từ năm 2018 và 2019.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Hỗ trợ, tạo điều kiện về thời gian, công việc và kinh phí để giảng viên thực hiện nghiên cứu sinh.	Trường, Khoa, Tổ bộ môn	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xác định và tạo điều kiện để GV được bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ để có 2 GV đạt chức danh Phó Giáo sư	Trường, Khoa, Tổ bộ môn, cá nhân liên quan	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	Ít nhất có 02 GV đạt chức danh Phó Giáo sư
		Triển khai hợp tác với các tổ chức quốc tế, có nhiều hoạt động, chuyên đề...bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV	Trường, Khoa, Tổ bộ môn, cá nhân liên quan	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	Mỗi năm có ít nhất 2 chuyên đề, lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Căn cứ vào công văn hướng dẫn xác định vị trí việc làm trong các trường công lập, căn cứ vào các quy định về tiêu chuẩn nhiệm vụ, chế độ làm việc của viên chức hành chính, người lao động của trường Đại học Sư phạm Hà Nội, căn cứ vào quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học sư phạm Hà Nội [H6.06.06.01], Ban lãnh đạo khoa đã tiến hành họp và xây dựng kế hoạch về vị trí việc làm của từng giảng viên trong khoa, quy định cụ thể về khối lượng công việc (giảng dạy và NCKH) cho từng đối tượng cán bộ giảng dạy [H6.06.06.02]. Tiếp tục căn cứ vào hồ sơ năng lực của giảng viên [H6.06.05.03], Ban lãnh đạo khoa xây kế hoạch công tác cụ thể đối với giảng viên hằng năm thông qua các báo cáo tổng kết và phương hướng năm học của khoa [H6.06.05.04]. Đây chính là một kênh để đánh giá kết quả thực hiện vào cuối mỗi năm học, khi bình xét danh hiệu thi đua các cá nhân và Tổ bộ môn.

Việc triển khai quản trị theo kết quả công việc và đánh giá kết quả đều công khai minh bạch. Mỗi giảng viên đều nắm rõ quy định về trách nhiệm giảng dạy và NCKH của mình theo chức danh. Theo quy chế trước đây, mỗi giảng viên cần phải đảm nhận giảng dạy đủ 270 giờ chuẩn, 120 giờ NCKH và 20 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng; với chức danh giáo viên dạy nghề, cần phải đảm nhận 270 giờ chuẩn, 170 giờ NCKH và 30% giờ nhiệm vụ khác. Từ năm 2022, Nhà Trường đã điều chỉnh định mức thời gian lao động theo hướng phù hợp với từng chức danh nghề nghiệp của giảng viên. Chẳng hạn như đối với giảng viên hạng I phải đảm bảo 270 giờ chuẩn giảng dạy, 283 giờ NCKH và 34 giờ cho các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng. Tất cả các giảng viên tham gia CTĐT đều có kế hoạch cụ thể để thực hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao và đảm bảo tiến độ công việc theo định mức lao động.

Từ năm học 2017-2018, các cấp quản lý và giảng viên có thể theo dõi kết quả thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy, NCKH, và các nhiệm vụ khác như hướng dẫn sinh viên NCKH, đào tạo sau đại học, vv. trên Hệ thống quản lý giờ giảng

[H6.06.06.05]. Điều này giúp giảng viên tự theo dõi quá trình phấn đấu của mình và cũng chủ động cập nhật (cứ 6 tháng/1 lần) các kết quả công việc lên hệ thống quản lí điện tử của Nhà trường. Đồng thời, điều này cũng giúp cho các cấp quản lí trong Khoa dễ dàng có căn cứ để phân công công việc hợp lí giữa tất cả các giảng viên trong Khoa, tránh người thừa quá nhiều giờ, người lại thiếu quá nhiều giờ; cũng giúp các cấp quản lí theo dõi, sát sao và kịp thời nhắc nhở, khi giảng viên nào đó chưa tự giác với công việc; cuối cùng, các kết quả này sẽ là minh chứng để đánh giá, xếp loại giảng viên theo kì và theo năm học. Từ đó làm cơ sở để trường và Khoa có các biện pháp cụ thể, kịp thời khen thưởng động viên.

Hàng năm, Nhà trường có công văn về việc đánh giá, phân loại đơn vị, công chức, viên chức, người lao động [H6.06.06.06]. Đồng thời căn cứ vào kết quả đóng góp của giảng viên trong quá trình giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng: như viết sách giáo khoa phổ thông, viết tài liệu hướng dẫn cho giáo viên phổ thông, tham gia các hội đồng thẩm định sách giáo khoa, tham gia chấm giáo viên dạy giỏi của phổ thông... [H6.06.06.07] để đánh giá và xếp loại giảng viên. Vào cuối mỗi năm học, các tổ bộ môn tổ chức họp tổng kết dựa trên bản mô tả vị trí việc làm và các chính sách đối với người lao động của Nhà trường để đánh giá xếp loại từng cán bộ GV theo quy định của Nhà trường. Sau khi lấy phiếu bình chọn từ các Tổ, Khoa sẽ tổ chức Hội đồng thi đua của Khoa để xem xét. Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp và bỏ phiếu cho các danh hiệu kể trên theo tỉ lệ quy định của Nhà trường và chuyển biên bản lên Nhà trường để Hội đồng thi đua Nhà trường quyết định. Các hình thức thi đua khen thưởng được công bố công khai theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường. Quyết định của Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường được đưa về Khoa và công khai cho toàn bộ cán bộ của Khoa [H6.06.06.08].

Việc tiến hành đánh giá, bình xét mỗi cá nhân hàng năm được tiến hành qua các cấp: cấp Tổ bộ môn, cấp Khoa là cơ sở để giúp các GV của Khoa tự đánh giá chất lượng công việc cá nhân, từ đó nâng cao ý thức chuyên môn của mỗi cá nhân, góp phần đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của Khoa và Nhà trường. Nhà trường cũng căn cứ vào kết quả xếp loại lao động của các GV, vị trí việc làm đảm nhận để làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ.

Cùng với việc triển khai đánh giá kết quả hoạt động của giảng viên theo đúng quy định, việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên mang tính dân chủ, khách quan. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của giảng viên và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường [H6.06.06.09]. Ngoài ra, ý kiến của cán bộ giảng viên còn được đề cập và thảo luận thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động của Khoa, thông qua bản tổng hợp ý kiến góp ý cho báo cáo tổng kết và Nhà trường. Cho đến nay, công tác quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được đánh giá là tốt. Theo khảo sát trong toàn Khoa LLCT - GDCD năm 2022, phần lớn các giảng viên hài lòng về các tiêu chí đánh giá, phân loại và về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền.

2. Điểm mạnh

Việc giám sát, quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai đúng quy trình, đảm bảo tính minh bạch, công khai trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo được động lực và góp phần hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV Khoa. Các GV của Khoa LLCT – GDCD đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm học.

3. Điểm tồn tại

Số lượng giảng viên đạt chiến sĩ thi đua các cấp còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích giảng viên phấn đấu để nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.	Trường, P.TCCB, Khoa	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc giám sát, quản trị theo kết quả công việc của GV đúng quy trình, đảm bảo tính minh bạch, công khai trong cán bộ, viên chức. Tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV tạo động lực và góp phần hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV.	Trường, P.TCCB, Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Hoạt động Khoa học công nghệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Trường và Khoa chú trọng đối với mỗi GV. Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPHN ngày 02/02/2021 v/v ban hành Quy định hoạt động KH&CN đã nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của GV trong hoạt động NCKH, quy

định số lượng và vấn đề khen thưởng cũng như xử lý vi phạm đối với các GV trong việc thực hiện hoạt động nghiên cứu Khoa học và Công nghệ. Trường coi hoạt động KH&CN có vai trò quyết định chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường, là cơ sở để đánh giá năng lực và lao động của cán bộ, công chức viên chức của Trường (Điều 3 – Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPHN-KHCN). Bên cạnh đưa ra những quy định chung và quy định về quản lý hoạt động KH&CN của Trường thì trong quyết định số 856 cũng đã những yêu cầu đối với hoạt động NCKH của GV. Coi hoạt động NCKH là một trong hai nhiệm vụ bắt buộc của GV, là một tiêu chí để đánh giá năng lực, kết quả công tác và xét thi đua khen thưởng thành tích của GV. Trường đã quy định rõ 11 hoạt động NCKH của GV bao gồm: (1) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức chỉ đạo thực hiện các chương trình, đề án, dự án, đề tài NCKH, phát triển công nghệ; (2) NCKH để phục vụ xây dựng CTĐT, bồi dưỡng biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo, đổi mới PPDH và KTĐG; (3) Công bố kết quả nghiên cứu, các sáng tác và tác phẩm của ngành âm nhạc – mỹ thuật trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, hoặc triển lãm, dự án nghệ thuật theo quy định của pháp luật; (4) Viết chuyên đề, tham luận tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước; (5) Dịch tài liệu chuyên môn theo quy định của pháp luật; (6) Tổ chức và tham gia các hội thảo KH&CN của khoa, bộ môn, hướng dẫn người học NCKH; (7) Thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ phục vụ phát triển KT-XH; (8) Tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn kỹ thuật, kinh tế, xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn của giảng viên; (9) Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN; (10) Tham gia các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KH&CN; (11) Biên soạn tài liệu bồi dưỡng giảng viên, giáo viên phổ thông được trường ĐHSPHN cho phép (Điều 29 – Nhiệm vụ NCKH của GV – Quyết định số 432/QĐ-ĐHSPHN-KHCN). [H6.06.07.01].

Ngoài ra, phòng KHCN cũng soạn các tài liệu hướng dẫn NCKH gồm các mẫu giấy tờ, văn bản, hợp đồng, đề tài nhằm hỗ trợ GV thực hiện công tác NCKH một cách thuận lợi nhất [H6.06.07.02]. Các đề tài cấp trường và cấp bộ, phòng KHCN của trường đã cung cấp các mẫu văn bản, thủ tục, giúp cho việc thực hiện từ khâu đề xuất, thuyết minh, thanh toán.v.v trở nên dễ dàng. Nhà trường đã quy định số giờ chuẩn hoạt động KHCN hàng năm đối với mỗi chức danh, học vị của cán bộ, GV trong Trường và số lượng giờ quy đổi ứng với từng loại hình. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm (tương ứng 586 giờ hành chính) cho nghiên cứu khoa học. Trong đó giờ chuẩn NCKH chiếm tối thiểu 50% định mức. Định mức được quy định theo CV 556 ngày 11/3/2022 như sau: Giảng viên cao cấp (hạng 1):NCKH là 283 giờ, Giảng viên chính (hạng 2) là 250 giờ, giảng viên hạng 3 là 200 giờ [H6.06.07.03]. Các loại hình và số lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát. Đầu mỗi năm học, các GV tham gia họp Bộ môn, họp Khoa để triển khai các công tác trong năm học. Do quy định của Trường về số giờ chuẩn hoạt động NCKH với mỗi chức danh, học vị của GV, Khoa đề xuất phân công nhiệm vụ cho các GV trong đơn vị, từ đó Bộ môn họp bàn và thống nhất phân công mặt bằng lao động. Theo phân công của Khoa và Bộ môn, nhiệm vụ NCKH của mỗi GV là hoàn thành ít nhất 1 bài báo và đó là cơ sở để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ cuối năm học. Đối với các GV làm đề tài, bộ môn, Khoa chủ động đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài của GV và điều chỉnh. Ngoài ra, để kiểm tra đánh giá kết quả đã thực hiện đồng thời rà soát, điều chỉnh kịp thời, Khoa tiến hành sơ kết học kỳ I trong mỗi năm học. Trong báo cáo sơ kết học kỳ I thể hiện rõ kết quả nhiệm vụ của GV đã đạt được trong học kỳ, từ đó GV tiếp tục thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và các chuyên môn khác nếu chưa đủ định mức hoặc chưa hoàn thành khối lượng công việc được giao. Để theo dõi, giám sát và khích lệ hoạt động NCKH, Nhà trường có giải thưởng nhằm tôn vinh các tập thể và cá nhân có thành tích cao trong nghiên cứu khoa

học [H6.06.07.04]. Nhìn chung trong 5 năm qua, số lượng các đề tài NCKH đã tăng lên đáng kể, nhiều GV là chủ nhiệm của đề tài Quỹ Naforted, cấp Bộ. Điều đó chứng tỏ sự nỗ lực phấn đấu của các GV, sự quan tâm động viên kịp thời và sự tạo điều kiện thuận lợi của Nhà trường và Khoa. Những thành tích NCKH của các bộ môn, thành tích về NCKH của cán bộ, về kết quả công bố bài báo quốc tế trong Khoa được Nhà nước và Nhà Trường ghi nhận, kịp thời động viên khuyến khích các cán bộ trong Khoa thông qua việc khen thưởng các bài báo quốc tế, là động lực để cán bộ không ngừng phấn đấu, say mê trong công tác NCKH, góp phần đẩy mạnh công tác NCKH của Trường. Trong giai đoạn 2019 – 2024, Hoạt động NCKH của Khoa LLCT - GDCD đã đạt được nhiều thành tích. Một số đề tài tiêu biểu như: đề tài Nafosted của PGS. TS Nguyễn Thị Thanh Tùng, 02 Đề tài cấp thành phố của PGS.TS Phạm Việt Thắng, ThS. GVC Dương Thị Thúy Nga; 01 đề tài cấp Học viện của TS Trần Thị Thu Huyền; 11 đề tài cấp Bộ; 07 đề tài cấp trường [H6.06.07.05]. Tất cả các đề tài này đã được nghiệm thu và đều đạt kết quả tốt. Kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV được giám sát, đối sánh hàng năm nhằm cải tiến hoạt động NCKH. Trong những năm qua, hoạt động NCKH của Khoa LLCT - GDCD đã đạt được một số thành tựu đáng kể, số lượng đề tài do khoa chủ trì và tham gia đã được nghiệm thu được thể hiện thông qua bảng 6.7.1.

Bảng 6.7.1. Bảng thống kê nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng giai đoạn 2019-2024

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Đề tài cấp NN/ Quỹ	0	1	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ	6	0	3	2	1
3	Đề tài cấp thành phố/cấp tỉnh	2	1	0	0	0

STT	Phân loại đề tài	Số lượng đề tài nghiệm thu				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
4	Đề tài cấp trường	1	0	3	3	0
	Tổng:	9	2	6	5	1
	Phân loại tạp chí	Số lượng tạp chí				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Tạp chí KH Nước ngoài	4	4	5	1	13
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	14	26	23	19	36
3	Hội nghị trong nước và quốc tế	23	11	38	14	19
	Tổng:	41	41	66	34	68
	Phân loại sách	Số lượng sách				
		2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Sách giáo trình	0	0	3	3	0
2	Sách giáo khoa phổ thông	0	0	1	3	6
3	Sách tham khảo ở đại học	1	1	9	3	4
4	Sách chuyên khảo	1	1	0	0	0
5	Sách tham khảo ở phổ thông	26	8	14	10	14
	Tổng:	28	10	27	19	24

2. Điểm mạnh

GV thực hiện CTĐT ngành GDCT đã tham gia nhiều loại hình hoạt động nghiên cứu, có nhiều công trình khoa học như đề tài, bài báo, sách được công bố với số lượng ngày càng tăng. Các hoạt động nghiên cứu được giám sát

thường xuyên, định kỳ để cải tiến chất lượng, đồng thời có các hình thức khen thưởng phù hợp để khuyến khích hoạt động NCKH của đội ngũ GV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng bài báo công bố Quốc tế có chỉ số xếp hạng còn ít so với tiềm năng đội ngũ GV trong Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trường/Khoa đưa định hướng các đề tài NCKH hàng năm để các nhóm nghiên cứu lựa chọn	Trường, Khoa, Tổ bộ môn	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	Khoa có ít nhất 02 đề tài NCKH các cấp
		Trường/Khoa có cơ chế và điều kiện hỗ trợ các nhóm NCKH trẻ	Trường, cá nhân liên quan	Bắt đầu từ năm học 2024-2025	Khoa thành lập được nhóm NCKH mỗi năm, hỗ trợ đăng ký ít nhất 02 đề tài có sự tham gia của nhóm NCKH trẻ của Khoa
2	Phát huy	Tiếp tục đẩy mạnh NCKH, cải tiến chất	Trường, Khoa, Tổ	05 năm	

	điểm mạnh	lượng đào tạo, cải tiến chất lượng nghiên cứu tập trung vào các môn chuyên ngành gắn với Chương trình phổ thông và những vấn đề thực tiễn của đời sống	bộ môn, cá nhân liên quan	(2024-2029)	
		Thành lập nhóm nghiên cứu nòng cốt của Khoa, đứng đầu là những người có các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín của nước ngoài để ngày càng khuyến khích và hỗ trợ các GV khác có bài báo hoặc các công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín của nước ngoài	Khoa, các cá nhân liên quan	Bắt đầu thực hiện từ năm 2024 và duy trì hàng năm	Thành lập nhóm nên có các yêu cầu, nguyên tắc và kế hoạch hoạt động của nhóm.

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 6

Đội ngũ giảng viên của Khoa LLCT - GDCTD hoàn toàn đáp ứng được việc đào tạo ngành GDCT. Các giảng viên của khoa có trình độ chuyên môn cao và có đạo đức nghề nghiệp tốt. Điểm mạnh của đội ngũ giảng viên là năng động, trách nhiệm, luôn có ý thức hoàn thành công việc đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đa dạng của ngành, của Khoa. Công tác đánh giá, khen thưởng đội ngũ giảng viên được quy định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với kế hoạch chiến

lược phát triển chung của Nhà trường và của Khoa. Tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục như việc chưa tích cực, chủ động hơn; các giảng viên vẫn cần tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn thường xuyên hơn.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6:

Tiêu chuẩn 6	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 6.1					5		
Tiêu chí 6.2					5		
Tiêu chí 6.3					5		
Tiêu chí 6.4					5		
Tiêu chí 6.5					5		
Tiêu chí 6.6					5		
Tiêu chí 6.7					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên trong trường đại học là lực lượng quan trọng thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác quản lí giáo dục. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, vấn đề phát triển đội ngũ nhân viên tại các trường đại học cần được quan tâm đặc biệt, vì đội ngũ này đóng vai trò quan trọng trong mọi mặt hoạt động của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên của Khoa LLCT – GDCD có năng lực, có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu đào tạo và hỗ trợ tốt cho hoạt động NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường và Khoa LLCT - GDCD đã có những chủ trương, chính sách cũng như quá trình thực thi, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ

trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Đó là những chiến lược về quy hoạch đội ngũ nhân viên, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng để tuyển được đội ngũ NV giỏi nghề và có phẩm chất đạo đức tốt. Trong quá trình công tác, đội ngũ NV được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ đào tạo, có quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn đối với đội ngũ nhân viên.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN có Thư viện, Trung tâm CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ chung cho các khoa và đơn vị trong toàn Trường. Các chính sách về thu hút đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên phù hợp với chiến lược phát triển trường ĐHSPHN giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 và giai đoạn 2017-2022, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.01]. Để làm tốt công tác này, Nhà trường đưa ra đề án vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, nghị quyết về việc thông qua Đề án vị trí việc làm và quyết định về việc ban hành quy chế tuyển dụng viên chức để làm cơ sở tuyển dụng đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường [H7.07.01.02], [H7.07.01.03], [H7.07.01.04]. Nhà trường cũng ban hành quyết định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ làm việc đối với viên chức hành chính, người lao động [H7.07.01.05]. Bên cạnh đó, Trường cũng có các chính sách đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên được xác định thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ như: thu nhập tăng thêm; hỗ trợ tiền phục vụ đào tạo; học

tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,... [H7.07.01.06].

Chương trình đào tạo Cử nhân GDCT được hỗ trợ về tài liệu, thông tin thông qua đội ngũ nhân viên thư viện Trường; hỗ trợ Công nghệ thông tin và hệ thống mạng từ TTCNTT; hỗ trợ về cơ sở vật chất (các tòa nhà, giảng đường, thực hành,...) từ phòng Quản trị; cũng như được hỗ trợ về công tác tư vấn người học đăng ký tín chỉ, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa... từ Phòng Đào tạo, Phòng CTCT-HSSV và Đoàn thanh niên. Đội ngũ nhân viên này của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc. Tính đến năm 2022, Trung tâm Thông tin – Thư viện trường ĐHSPHN có tổng số 30 người: trong đó có 12 ThS, 16 ĐH, 01 trình độ khác. Trung tâm thông tin – Thư viện trường có vai trò thực hiện chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và quản lý của Nhà trường thông qua việc sử dụng, khai thác các loại tài liệu có trong thư viện (tài liệu chép tay, in, sao chụp, khắc trên mọi chất liệu, tài liệu điện tử, mạng Internet...). Đội ngũ nhân viên phòng đào tạo gồm 15 người: 2 TS, 8 ThS, 5 CN tham mưu giúp Hiệu trưởng, quản lí, tổ chức, triển khai thực hiện công tác đào tạo, bao gồm kế hoạch, chương trình, học liệu, tổ chức giảng dạy và chất lượng giảng dạy theo quy chế đào tạo của Bộ và quy định của Trường đã ban hành. Phòng Hành chính – Đối ngoại gồm 12 người: 1 TS, 2 ThS, 8 ĐH và 1 trình độ khác có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về công tác quản lý hành chính và hợp tác quốc tế của Trường. Phòng Công tác sinh viên gồm 7 người: 5 ThS, 2 ĐH, là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp việc Hiệu trưởng về công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên huấn và công tác quảng bá hình ảnh của trường, công tác học sinh, sinh viên. Trung tâm CNTT gồm 3 người: 2 Ths, 1 ĐH, đây là đơn vị tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong hoạch định chiến lược và quản lý các công tác liên quan đến công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông của Trường. Như vậy, đội ngũ nhân viên trong trường có trình độ

chuyên môn tốt, đáp ứng tốt nhu cầu phục vụ CTĐT cử nhân GDCT. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa đội ngũ chuyên viên của Khoa với các đơn vị trong trường còn hạn chế [H7.07.01.07].

Bảng 7.1. Danh sách đội ngũ nhân viên của trường ĐHSPHN và Khoa LLCT - GDCD phục vụ Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT tính đến tháng 3 năm 2022

Khoa/Phòng ban	Trình độ				Giới tính	
	TS	ThS	ĐH	Khá c	Nam	Nữ
Khoa LLCT – GDCD	0	1	1	0	0	2
Thư viện	0	12	17	1	5	25
Phòng Đào tạo	2	8	5	0	7	8
Phòng Hành chính – Đối ngoại	1	2	8	1	3	9
Phòng Công tác HSSV	0	5	2	0	2	5
Trung tâm CNTT	0	2	1	0	3	0

Ở cấp khoa, Khoa LLCT – GDCD cũng đã xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ GV và nhân viên giai đoạn 2019- 2024 trên cơ sở định hướng phát triển của Nhà trường và Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa giai đoạn 2019-2024 [H7.07.01.08], [H7.07.01.09]. Theo đó, ở giai đoạn quy hoạch này, Khoa giữ ổn định số lượng nhân viên 02 người. Cùng với đó, việc phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV, nhân viên của Khoa giai đoạn 2019- 2024 cũng được thực hiện nhằm lập kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ này [H7.07.01.010]. Hiện tại, Khoa có 1 nhân viên tốt nghiệp Đại học Sư phạm Hà Nội làm công tác quản lí sinh viên của Khoa và 1 nhân viên làm công tác hành chính có bằng thạc sĩ Giáo dục học, Đại học Sư phạm Hà Nội. [H7.07.01.11], [H7.07.01.12], [H7.07.01.13].

Các nhân viên làm việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ và theo sự phân công của lãnh đạo Khoa LLCT – GDCTD [H7.07.01.14]. Phòng Tư liệu của Khoa LLCT – GDCTD, ngoài các đầu sách phục vụ chuyên ngành, có đầy đủ các bản luận văn của học viên Sau đại học các khóa, phục vụ cho việc tham khảo tài liệu chuyên môn cho độc giả tại Khoa. Cùng với đó, cán bộ, GV, SV mã ngành Cử nhân GDCT cũng được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên của Trường từ các đơn vị khác nhau như Phòng Hành chính đối ngoại, Thư viện Trường, Trung tâm CNTT và các đơn vị chức năng khác. Đội ngũ nhân viên này của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp đáp ứng tốt cho công việc [H7.07.01.15], [H7.07.01.07]. (Xem thêm Bảng 7.1)

Sự đáp ứng của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng nhận được những phản hồi tích cực từ các bên liên quan. Năm 2019, TTĐBCL thực hiện Báo cáo đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính các khoa Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Báo cáo được thực hiện trên mẫu 44 GV và 4394 SV tại 23 khoa; trong đó có ý kiến phản hồi của 2 GV và 177 SV khoa LLCT – GDCTD. Kết quả khảo sát cho thấy 84,1% ý kiến đánh giá chất lượng nhân viên hành chính ở mức Tốt và 11,4% đánh giá ở mức Xuất sắc, trong khi chỉ có 4,5% đánh giá mức Khá và không có ý kiến đánh giá Đạt hay mức Cần cải thiện [H7.07.01.16]. Với 2 nhân viên của Khoa LLCT – GDCTD, việc triển khai lấy ý kiến thông qua phiếu khảo sát của các bên liên quan chưa được Khoa thiết kế điều tra thường xuyên, định kỳ.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa đã có quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên, với trình độ đào tạo và chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường và Khoa, góp phần phục vụ việc thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát ý kiến phản hồi của NH đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện một cách rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Khoa LLCT – GDCD	2022-2027	
2	Phát huy điểm mạnh	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. - Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng. 	Tất cả GV Khoa LLCT – GDCD	Hàng năm	

4. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên thể hiện qua hệ thống văn bản: Quy định về tuyển dụng viên chức Trường ĐHSPHN, QĐ về tiêu chuẩn, chế độ và nhiệm vụ của viên chức hành chính người lao động, QĐ về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, luân chuyển viên chức giữ chức vụ quản lý. Tất cả các vị trí tuyển dụng, bổ nhiệm cần đáp ứng các yêu cầu trong đề án vị trí việc làm của Trường, Bản mô tả vị trí việc làm của Khoa [H7.07.01.01], [H7.07.01.03], [H7.07.01.05], [H7.07.02.01]. Tiêu chí tuyển dụng nhân viên được quy định cụ thể ở từng tiêu chuẩn đối với các vị trí công việc như chức danh chuyên viên, chức danh kỹ sư, chức danh kiến trúc sư, chức danh thư viện viên, chức danh kế toán viên, chức danh biên tập viên, chức danh bác sĩ, chức danh y sĩ, chức danh y tá điều dưỡng, chức danh kỹ thuật viên, chức danh cán sự, chức danh kỹ thuật viên, chức danh lưu trữ viên, chức danh nhân viên; thể hiện ở quy định chế độ làm việc cụ thể về thời gian làm việc và giờ chuẩn, chế độ làm việc, thời gian làm việc ngoài giờ, cách tính tiền thu nhập tăng thêm và làm việc ngoài giờ; quy định về cách tổ chức thực hiện; trách nhiệm thực hiện đối với từng đơn vị.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các đơn vị trong toàn trường. Trước khi ban hành các văn bản để thực hiện, Nhà trường luôn có công văn để lấy ý kiến đóng góp của GV và được tổng hợp theo đơn vị để gửi các phòng chức năng tập hợp, sau đó Hội đồng Trường họp, thảo luận, thống nhất và ban hành sử dụng trong toàn trường, điển hình là góp ý Dự thảo

Quy định về công tác đánh giá cán bộ của Trường, góp ý Dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường [H7.07.02.02; H7.07.02.03].

Các tiêu chí tuyển dụng, kế hoạch, thời gian thi tuyển và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và điều chuyển được phổ biến công khai. Đối với ngạch cán sự và ngạch nhân viên ngoài điều kiện chung cần có: bằng tốt nghiệp phổ thông trở lên, văn bằng chứng chỉ phù hợp với công việc tuyển dụng đạt loại Khá trở lên, tuổi đời dự tuyển không quá 35, trình độ ngoại ngữ và tin học do Hội đồng tuyển dụng quyết định với từng vị trí việc làm [H7.07.02.04; H7.07.02.05; H7.07.01.02]. Công tác tuyển dụng nhân sự được thực hiện đúng theo quy định và quy trình tuyển dụng viên chức. Các tiêu chí bổ nhiệm được quy định đầy đủ rõ ràng, minh bạch: các cán bộ được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn chung về: chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, trình độ chuyên môn, năng lực và uy tín; và thỏa mãn những tiêu chuẩn cụ thể đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý như trưởng phòng đào tạo, giám đốc trung tâm thông tin thư viện... [H7.07.02.06, H7.07.02.07].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức. Đối với công tác tuyển dụng: Thông báo tuyển dụng được đăng trên trang thông tin điện tử của Trường, Trên Báo Hà Nội mới và dán tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ. Thông báo trúng tuyển cũng được đăng tải trên Website Trường và niêm yết tại Bảng tin Phòng Tổ chức cán bộ [H6.06.01.11]. Đối với việc bổ nhiệm, điều chuyển, Nhà trường phổ biến tới cá nhân, đơn vị và công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [<http://docs.hnue.edu.vn/Vanbanden.aspx>].

Với Khoa LLCT-GDCD, trong giai đoạn 2019-2024, luôn giữ ổn định nhân sự về đội ngũ này. Hai cán bộ là nhân viên đảm nhận các nhiệm vụ: quản lý SV, giáo vụ Khoa, 124 hành chính, thư viện, có chuyên môn vững vàng, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định chung của nhà trường và đồng thời đáp ứng tốt những yêu cầu đặc thù của Khoa [H7.07.01.10], [H7.07.01.11].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có văn bản quy định đầy đủ các tiêu chí về tuyển dụng, lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Công tác tuyển dụng đều có quy trình rõ ràng, công khai, minh bạch và phù hợp.

3. Điểm tồn tại

- Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm.

- Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá để tăng chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên chưa rõ ràng, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể cho đội ngũ nhân viên về chất lượng phục vụ đối với SV. Ví dụ như sự tích cực của đội ngũ nhân viên trong các hoạt động phong trào của SV hay việc nắm bắt tâm lý tình cảm và hoàn cảnh của SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường. - Đề xuất bổ sung các tiêu chí đánh giá cụ thể để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên	Nhà trường Khoa LLCT – GDCD	Giai đoạn 2022- 2027	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế.	Trường ĐHSPHN; P. TCCB; Khoa LLCT – GDCD	Giai đoạn 2022- 2027	

		- Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường được xác định. Nhà trường có Quy định xếp loại cán bộ, viên chức theo vị trí việc làm, trong đó có quy định rõ ràng về quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.01]. Đội ngũ chuyên viên thuộc các phòng ban chức năng của Nhà trường và chuyên viên thực hiện Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục chính trị được tuyển dụng dựa theo nhu cầu công việc và các tiêu chí được xác định cụ thể. Năng lực của đội ngũ nhân viên được đảm bảo phù hợp với các nhiệm vụ được giao. Đội ngũ nhân viên làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà nước và đảm bảo các yêu cầu về năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo các hoạt động hành chính của Khoa được tiến hành một cách bài bản, thuận lợi [H7.07.03.01], [H7.07.03.02].

Bên cạnh việc xác định, năng lực của đội ngũ nhân viên thường xuyên được đánh giá. Hàng năm, vào đầu năm học, theo quy định của Trường, các nhân viên lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và đăng kí danh hiệu thi đua của mình cho năm học mới [H7.07.03.03], [H7.07.03.04]. Trong năm học, nhân viên được đánh giá thường xuyên và định kì (hàng quý) với các tiêu chí rõ ràng, công khai theo mẫu phiếu đánh giá. Theo đó, viên chức hành chính tự

đánh giá phân loại hàng quý và Hội đồng đánh giá (bao gồm Ban chủ nhiệm khoa và người lao động được đánh giá) sẽ họp, đưa ra nhận xét về quá trình thực hiện công việc của viên chức hành chính trong quý và gửi bảng tổng hợp lên Phòng TCCB [H7.07.03.05], [H7.07.03.06]. Cuối năm học, mỗi nhân viên tự nhận xét, tự đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học của mình theo các tiêu chí đã quy định của Nhà trường căn cứ trên kết quả thực hiện công việc hàng tháng [H7.07.03.01], [H7.07.03.05]. Dựa trên kế hoạch năm học và kết quả thực hiện các công việc được giao, Tổ văn phòng tổ chức đánh giá, bình xét năng lực của các nhân viên và nộp biên bản cho Khoa. Trưởng Khoa, Hội đồng thi đua của Khoa sẽ họp để quyết định danh sách đề xuất khen thưởng lên Trường [H7.07.03.07]. Kết quả về phân loại viên chức và Kết quả thi đua của mỗi năm học sau khi được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường họp và quyết định đều được công khai trên hệ thống văn bản của trường. Giai đoạn 2019-2024, đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa xếp loại cuối năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Kết quả này còn được sử dụng xét nâng bậc lương trước thời hạn tạo động lực thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.01], [H7.07.03.08].

Bảng 7.3.1. Thống kê kết quả đánh giá hàng năm đội ngũ nhân viên (2019-2024)

STT	Họ và tên	Danh hiệu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Phạm Ngọc Trang	LĐTT	X	X	X	X	X
2	Tô Thị Dinh Trang	LĐTT	X	X	X	X	X

Bên cạnh đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng Trường ĐHSPHN cũng thực hiện đánh giá về việc thực hiện quy định về thời gian, tác phong làm việc, thái

độ ứng xử, hiệu quả giải quyết công việc của các cán bộ hành chính các khoa thông qua phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với cán bộ hành chính. Kết quả khảo sát năm 2019,2022, tỉ lệ cán bộ hành chính của Nhà trường được sinh viên phản hồi đánh giá tổng thể ở mức tốt và xuất sắc trên 95% [H7.07.03.09].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định. Nhân viên được đánh giá thường xuyên và định kỳ với các tiêu chí rõ ràng, công khai.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ đội ngũ nhân viên của Khoa đạt các danh hiệu thi đua cấp cao còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động khác như trợ lý, cố vấn học tập và các hoạt động phục vụ cộng đồng,... để nâng cao thành tích thi đua.	Khoa	Hàng năm	Thông qua các cuộc họp Khoa để phổ biến và các buổi tổng kết bình xét Khoa về các tiêu chí bổ sung
2	Phát huy	Tiếp tục xác định năng lực và đánh	Khoa	Hàng năm	

	điểm mạnh	giá năng lực của đội ngũ nhân viên thường xuyên, định kì với các tiêu chí rõ ràng, công khai			
--	--------------	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định rõ thông qua yêu cầu về chất lượng đào tạo của Nhà trường cũng như yêu cầu công việc cụ thể của Khoa [H7.07.04.01]. Đặc biệt, vấn đề phát triển chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên trong Khoa được thể hiện rõ trong bản quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên của Khoa giai đoạn 2019-2024 [H7.07.01.02]; Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa LLCT - GDGD giai đoạn 2019- 2024 và tầm nhìn đến năm 2025. Qua báo cáo phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ GV, NV Khoa LLCT – GDGD giai đoạn 2019-2024, nhu cầu đào tạo của NV trong Khoa được xác định dựa trên ba yếu tố: (1) Chiến lược phát triển và chính sách nhân sự của Trường ĐHSPHN; (2) Kế hoạch chiến lược phát triển của Khoa; (3) Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của đội ngũ giảng viên, nhân viên của Khoa. Dựa trên nhu cầu cá nhân và chiến lược phát triển của Khoa, Trường nên từ năm 2019-2024 Khoa đã tạo điều kiện cho 01 NV của Khoa học nâng cao chuyên môn. Từ năm 2019 - 2024, trên cơ sở thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ thông qua các bản đăng ký của nhân viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, Khoa xem xét, phân tích,

tổng hợp kết quả nhu cầu đào tạo của nhân viên trong Khoa theo mẫu đăng ký nhu cầu đào tạo nhân viên của khoa [H7.07.04.01].

Như vậy, so sánh nhu cầu của nhân viên với các khoá đào tạo mà nhân viên đã được tham gia do Trường tổ chức thì gần như các nhu cầu của nhân viên đều được đáp ứng. Trong đó có các khoá đào tạo bài bản, chuyên sâu, có các buổi chia sẻ, tập huấn hướng dẫn nhân viên các kỹ năng phục vụ cho công tác quản lý đào tạo tín chỉ và làm việc với SV.. Trong số 2 cán bộ nhân viên của Khoa, đã có 01 nhân viên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mặc dù không bắt buộc (02 nhân viên đã có bằng ThS) [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Bảng 7.4.1. Thống kê nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng/Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng NV giai đoạn 2019-2024

S T T	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Đào tạo									Các lớp bồi dưỡng (Cụ thể tên lớp, nơi học, thời gian học)	G hi ch ú
				Đại học			Thạc sĩ			Tiến sĩ				
				Ngày tháng năm	Cơ sở đào tạo	Loại hình học tập	Ngày tháng năm	Cơ sở đào tạo	Loại hình học tập	Ngày tháng năm	Cơ sở đào tạo	Loại hình học tập		
1	Phạm Ngọc Mai	Nữ	19 76										Bồi dưỡng chuyên viên chính	

Kết quả đạt được : Nhân viên Phạm Ngọc Mai đã tham gia học tập lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính từ ngày 3/11/2019 đến 2/2/2020 tại Trường cán bộ quản lý văn hóa, thể thao và du lịch.

[H7.07.04.05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa luôn coi trọng và xác định rõ nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên. Nhà trường và Khoa đã triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên; luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo nhu cầu của bản thân.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế, việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc.	Trường, Khoa	Bắt đầu từ năm học 2022-2024	Thực hiện hàng năm
2	Phát huy	Tiếp tục rà soát và khảo sát nhu cầu	Trường, Khoa	Bắt đầu từ năm học	Thực hiện hàng năm

điểm mạnh	bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn của đội ngũ nhân viên		2022- 2024	
	Tiếp tục thực hiện các chính sách, quy định rõ ràng (khen thưởng, xử phạt) để khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học bồi dưỡng	Trường, Khoa	Bắt đầu từ năm học 2022- 2024	Thực hiện hàng năm

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường ban hành hệ thống văn bản quy định Quy định Công tác thi đua khen thưởng. [H7.07.05.01] . Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện công việc của tập thể và các cá nhân với các tiêu chí phân loại cụ thể và rõ ràng trong Quy định đánh giá, phân loại đối với đơn vị, công chức, viên chức và người lao động của trường ĐHSPTH. Theo đó, các nhân viên được đánh giá định kỳ hàng quý. Mỗi nhân viên tự đánh giá công việc cá nhân, sau đó được Trường Khoa đánh giá xác nhận và cuối cùng kết quả đánh giá đó được gửi về Phòng Tổ chức cán bộ. Kết quả đánh giá mỗi quý này sẽ là cơ sở đánh giá cuối năm của mỗi nhân viên, đồng thời là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Cuối năm học, Khoa

tổ chức cuộc họp sơ kết và tổng kết, trong đó đánh giá những kết quả của từng nhân viên, so sánh đối chiếu với kế hoạch đầu năm, từ đó có cơ sở đề xuất danh hiệu thi đua phù hợp với từng nhân viên. Nhân viên chuyên trách của Khoa luôn hoàn thành công việc được giao, nhiều năm liền liên tục được Nhà trường ghi nhận và xét danh hiệu Lao động tiên tiến [H7.07.05.02] (xem thêm bảng 7.5.1).

Bảng 7.5.1. Bảng thống kê kết quả đánh giá hàng năm đội ngũ nhân viên (2019-2024)

STT	Họ và tên	Danh hiệu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Phạm Ngọc Mai	LĐTT	X	X	X	X	X
2	Tô Thị Dinh Trang	LĐTT	X	X	X	X	X

Các bước thực hiện và hình thức khen thưởng cho cán bộ, nhân viên được quy định rõ trong văn bản Quy định công tác thi đua khen thưởng của trường ĐHSPHN và công văn về việc bình xét danh hiệu thi đua và công tác khen thưởng cuối năm học [H7.07.05.03]. Trường còn thành lập Tổ kiểm sát hành chính kiểm tra việc thực hiện thời gian làm việc và các hoạt động liên quan đối với đội ngũ nhân viên của Trường và các Khoa để kịp thời báo cáo Ban giám hiệu và Ban chủ nhiệm Khoa chấn chỉnh hoạt động của nhân viên phục vụ cho công tác đào tạo và giảng dạy đạt kết quả tốt [H7.07.05.04].

Trước khi ra quyết định ban hành Quy định về đánh giá, Nhà trường luôn xây dựng bản dự thảo, sau đó có công văn yêu cầu các CCVC tại các đơn vị góp ý cho Dự thảo. Tất cả các cán bộ GV và nhân viên của Nhà trường được tham gia góp ý một cách dân chủ. Biên bản góp ý của Bộ môn được gửi lên Khoa, Khoa tập hợp gửi lên Trường. Nhà trường căn cứ vào các ý kiến đóng góp của toàn thể cán bộ, GV, nhân viên của Trường để điều chỉnh, sửa đổi trước khi ban hành các quyết định chính thức [H7.07.05.05], [H7.07.05.06].

Các kết quả thi đua khen thưởng của Nhà trường luôn được các nhân viên ghi nhận. Giai đoạn 2019-2024, Nhà trường và Khoa không nhận được bất kỳ khiếu nại nào về kết quả đánh giá phân loại cán bộ viên chức.

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được thực hiện một cách có kế hoạch, công khai và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí đánh giá nhiệm vụ của nhân viên chưa đảm bảo tính đặc thù của Khoa, chưa rõ vai trò của hệ thống các nhân viên hỗ trợ của Khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung các tiêu chí đánh giá đặc thù nhân viên của Khoa khi đánh giá để bình xét cuối năm	Khoa	Hàng năm, trong cuộc họp bình xét cuối năm	Là cơ sở để đánh giá, xếp loại chính xác hơn việc hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ NV
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên theo kế hoạch, công khai và minh bạch	Khoa, các cá nhân liên quan	Định kỳ hàng quý, hàng năm	Là cơ sở để đánh giá, xếp loại chính xác hơn việc hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 7:

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu công việc. Điểm mạnh của đội ngũ là năng động, trách nhiệm, luôn có ý thức hoàn thành công việc phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đa dạng của ngành, của Khoa. Công tác đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển chung của nhà trường và của Khoa. Tuy nhiên, còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục như việc chưa tích cực, chủ động ở một số nhân viên trong việc nâng cao trình độ chuyên môn; chưa có các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng hơn để thúc đẩy nhân viên tương tác nhiều hơn với SV để góp phần cải thiện chế độ học tập; chưa rõ được vai trò của hệ thống các nhân viên hỗ trợ.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 7:

Tiêu chuẩn 7	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 7.1					5		
Tiêu chí 7.2					5		
Tiêu chí 7.3					5		
Tiêu chí 7.4					5		
Tiêu chí 7.5				4			
Điểm tiêu chuẩn	4.8						

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Trong 5 năm học qua, Trường ĐHSPHN đã xây dựng một chính sách tuyển sinh ngành GDCT rõ ràng, cụ thể; phương pháp xét tuyển công khai, hệ

thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH được thực hiện một cách kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xung quanh đẹp, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung.

Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật

1. Mô tả

Ngành GDCT tuyển sinh theo Đề án tuyển sinh của ĐHSPTN và theo quy chế chung của Bộ GD&ĐT. Đề tuyển sinh NH, nhà trường và khoa đã có chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường, của khoa. Từ đó, NH có được thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ngay từ khi xác định đăng ký và chính thức trở thành sinh viên của nhà trường.

Hàng năm, trong Đề án tuyển sinh nhà trường đều xác định rất rõ ràng, đầy đủ và chi tiết về chính sách và quy định tuyển sinh đối với ngành GDCT như sau [H8.08.01.01]:

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm các kỳ loại khá trở lên.

Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa theo kết quả thi TN THPT năm 2023; Xét tuyển thẳng; Xét học bạ THPT; Thi tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Năm học	Chỉ tiêu	Ghi chú
----	---------	----------	---------

1	2019 – 2020	50	
2	2020 – 2021	116	
3	2021 – 2022	164	
4	2022 – 2023	25	
5	2023 - 2024	20	

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng kí xét tuyển:
Tốt nghiệp THPT và có hạnh kiểm các kỳ loại khá trở lên.

Các tiêu chí xét tuyển chính và tiêu chí xét tuyển phụ.

Tổ chức thi tuyển: thời gian, hình thức thi tuyển/ xét tuyển: Theo quy định của Bộ GDĐT.

Chính sách ưu tiên: Thứ nhất, tuyển thẳng các đối tượng theo quy định Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của bộ GDĐT. Thứ hai, tuyển thẳng đối tượng là học sinh tốt nghiệp THPT có thời gian học tập 3 năm tại các trường THPT chuyên của cả nước và các trường THPT trực thuộc trường ĐHSPhn, ĐHSPTP.Hồ Chí Minh, các trường chuyên của các trường ĐH tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia. (Kèm theo: Điều kiện đăng ký xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển, quy định về hồ sơ, hình thức đăng ký, thời gian nộp hồ sơ và công bố kết quả xét tuyển thẳng...).

Hàng năm, hình thức, chỉ tiêu, quy trình xét tuyển được xác định và ghi trong thông báo tuyển sinh/xét tuyển và được công bố công khai trên website của trường hay giới thiệu cho học sinh trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.02]. Phương thức tuyển sinh là dựa vào kết quả kì thi PTTH Quốc gia không thay đổi nhưng tổ hợp các môn xét tuyển có thay đổi: từ 3 tổ hợp năm 2019 (Ngữ văn, Toán, Giáo dục công dân (C14); Ngữ văn, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân (D66, D68, D70)) sang 3 tổ hợp năm 2023 (Ngữ văn, Lịch sử, GDCD (C19); Ngữ văn, Địa lí, GDCD (C20)). Môn ngoại ngữ là

Tiếng Anh, Nga, Pháp xét tuyển cho 3 năm 2019, 2020; 2021 từ năm 2023 đến nay có sự thay đổi trong tổ hợp xét tuyển. Sự thay đổi theo hướng thu gọn giúp cho thí sinh xác định được rõ ràng và xét thấy cơ hội trúng tuyển cao hơn. Sự thay đổi này được cập nhật hàng năm trong thông tin tuyển sinh ngành GDCD và đã được công bố rộng rãi trên cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.03]. Ngoài ra còn có công văn của trường về việc xét tuyển sinh đại học. [H8.08.01.04].

Nhà trường đề nghị các khoa nghiên cứu thông báo tuyển sinh, quy chế tuyển sinh của năm trước và dựa trên thực tế tuyển sinh của những năm qua đề xuất phương án tuyển sinh của khoa mình theo các nội dung xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia, xét tuyển thẳng và đề xuất tuyển sinh theo phương thức khác nếu có với những lưu ý cần thiết như số tổ hợp xét tuyển, dự kiến chỉ tiêu cho từng tổ hợp xét tuyển, phương thức xét tuyển và chỉ tiêu xét tuyển thẳng...; Ban chủ nhiệm Khoa thống nhất theo các phương án trong Đề án tuyển sinh của nhà trường. Điểm chuẩn tuyển sinh qua các năm và các quyết định công nhận kết quả trúng tuyển đại học [H8.08.01.05], [H8.08.01.06].

Phòng Đào tạo có tổng kết công tác tuyển sinh từ năm 2019 đến 2023 [H8.08.01.07]. Trường vẫn duy trì phương thức xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT, kết hợp sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021 hoặc kết quả học bạ với kết quả thi năng khiếu tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội đối với thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành SP Âm nhạc, SP Mỹ thuật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Mầm non – SP Tiếng Anh. Duy trì hình thức xét tuyển thẳng thông qua việc đánh giá bài luận tốt và phỏng vấn đạt kết quả xuất sắc. Ưu tiên xét tuyển thẳng các thí sinh có các chứng chỉ Quốc tế về Ngoại ngữ và Tin học. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021 giảm một chút so với năm 2020 (do nhu cầu đào tạo giáo viên của các tỉnh giảm).

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh của Khoa mang tính lượng hóa (quy định về số điểm trúng tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh) giúp cho Khoa có thể tuyển được thí sinh có kết quả thi tuyển từ cao xuống thấp; chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên từ đó NH có thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

3. Điểm tồn tại

Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo trên Website của Khoa chưa thật hấp dẫn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh thông báo trên trang web của Khoa tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh hơn nữa	Khoa LLCT - GDCD	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Công khai và cập nhật thường xuyên hơn nữa các chính sách tuyển sinh	Khoa LLCT - GDCD Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Điểm xét tuyển ngành GDCT được Nhà trường và Khoa xác định và ghi rõ ràng, công khai. Từ năm học 2019 - 2020, có hai phương thức tuyển sinh: (1) xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi PTTH quốc gia và (2) tuyển thẳng. Tiêu chí xét tuyển chính: xét điểm tổng từ cao xuống thấp theo chỉ tiêu của từng tổ hợp đăng ký xét tuyển và điểm ưu tiên. Trường hợp xét điểm tuyển đến một mức điểm nhất định mà vẫn còn chỉ tiêu nhưng xét đến điểm tiếp theo số thí sinh cùng bằng điểm cao hơn số lượng chỉ tiêu còn lại thì thực hiện xét tuyển theo các tiêu chí phụ: điểm môn thi ưu tiên 1 và điểm môn thi ưu tiên 2 được quy định trong tổ hợp môn xét tuyển. Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm ưu tiên khu vực + Điểm ưu tiên đối tượng. Phương thức và các tiêu chí tuyển sinh được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh các năm và thông tin tuyển sinh hàng năm.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính qui của Nhà trường rà soát đánh giá, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua các buổi họp của ban tuyển sinh và thông báo kịp thời theo từng năm [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05].

Hàng năm tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được ban tuyển sinh Trường rà soát, đánh giá. Điểm xét tuyển ngành GDCT (điểm sàn, điểm chuẩn, điểm xét tuyển đợt 1, điểm xét tuyển bổ sung...) được xác định rõ ràng và công bố kịp thời và công khai [H8.08.01.01], [H8.08.01.02], [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05].

Các thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn được xác định rõ ràng, cụ thể và lưu giữ, cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường <https://www.hnue.edu.vn> tại Chuyên mục Tin tức/Sự kiện và <http://tuyensinh.hnue.edu.vn> giúp cho thí sinh dễ dàng theo dõi và để quyết định lựa chọn ngành dự tuyển.

Ngoài ra, Khoa LLCT-GDCD còn có biên bản họp hội đồng khoa học về công tác tuyển sinh hằng năm để rút ra những bài học kinh nghiệm cho những năm tuyển sinh tiếp theo. [H8.08.02.06]

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH của Trường, khoa rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành GDCT. Kết quả thi tuyển của từng tổ hợp khách quan, chính xác.

3. Điểm tồn tại

Phương thức tuyển sinh chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp tiến tới xây dựng và công bố phương thức tuyển sinh với hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh để đảm bảo chất lượng đầu vào cho chương trình đào tạo ngành GDCT.	BCN Khoa chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể cán bộ, GV của khoa và đề xuất với nhà trường	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật thông tin về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn, đăng tải trên các trang web đặc biệt là trang web của khoa để tạo điều kiện cho thí sinh theo dõi.	BCN Khoa chỉ đạo bộ phận đào tạo và toàn thể cán bộ, GV của khoa và đề xuất với nhà trường.	Từ năm học 2023 – 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH

1. Mô tả

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện NH đã được nhà trường và khoa thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV,

cổ vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH.
Cụ thể:

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH chương trình đào tạo cử nhân GDCT được ghi cụ thể, chi tiết trong từng môn học trong CTĐT của khoa và quy chế đào tạo đại học, quy chế học sinh, SV do ĐHSPHN ban hành. Trong đó quy định rõ quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH và phân công các bộ phận chuyên trách giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH, cảnh báo học vụ. Các bộ phận đó bao gồm: Phòng Đào tạo nhà Trường, Ban chủ nhiệm Khoa và các cán bộ Khoa (giáo vụ khoa, cổ vấn học tập, giáo viên bộ môn...) [H8.08.03.01], [H8.08.03.02].

Trong Quyết định Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSP Hà Nội đã quy định rõ các quy định về tổ chức đào tạo. Quy chế đã thể hiện rõ các quy định nhằm giám sát sự tiến bộ trong học tập của NH: phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần; Học phần và tín chỉ; Thời gian hoạt động giảng dạy; Đánh giá kết quả học tập; quy định về Thời gian và kết quả đào tạo; Đăng ký nhập học; Sắp xếp SV vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo; Tổ chức lớp học; Đăng ký khối lượng học tập; Rút bớt học phần đã đăng ký; Học lại và học cải thiện; Nghỉ ốm; Xếp hạng năm đào tạo và học lực; Nghỉ học tạm thời; Bị buộc thôi học; Học cùng lúc hai chương trình; Chuyển trường; quy định về Đánh giá học phần; Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần; Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi; cách tính điểm, khoá luận tốt nghiệp, học phần chuyên môn thay thế khoá luận tốt nghiệp; chấm khoá luận tốt nghiệp; Thực tập sư phạm và thực tập cuối khoá; Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp; Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào

tạo và chuyên loại hình đào tạo và xử lý vi phạm gồm đối với SV vi phạm các quy định về thi, kiểm tra [H8.08.03.01].

Quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong rèn luyện của NH còn được thể hiện rõ qua 11 điều trong Quyết định về việc ban hành quy định việc đánh giá và rèn luyện của SV Trường ĐHSPHN và trong Sổ tay sinh viên như: quy định về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện; Nội dung đánh giá và thang điểm; Phân loại để đánh giá; Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; Thời gian đánh giá; Sử dụng kết quả rèn luyện; Quyền khiếu nại; Nhiệm vụ của Phòng đào tạo; Nhiệm vụ của các Khoa đào tạo và Điều khoản thi hành [H8.08.03.02], [H8.08.03.03]

Cơ chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV Trường ĐHSPHN được in ấn, đóng quyển thành Sổ tay SV, phát cho từng SV từ năm thứ nhất giúp các em có thể hiểu rõ các quy định liên quan đến việc học tập của cá nhân. [H8.08.03.03]

Nhà trường công khai chương trình đào tạo trên trang web để NH theo dõi, thực hiện, qua đó để quản lí NH. Cụ thể, khối lượng học tập ngành GDCT được phân bổ hợp lý với 136 tín chỉ (chưa kể nội dung môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng) được chia thành 3 khối kiến thức và có cây tín chỉ các môn học theo từng học kỳ được phổ biến cho toàn thể SV của Khoa. Khối lượng học tập được phân bổ cân đối trong mỗi năm học. NH trung bình có thể hoàn tất Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm GDCT trong khoảng thời gian 4 năm, cũng có thể kéo dài 6 năm [H8.08.03.04].

Nhà trường đã triển khai Phần mềm quản lý đào tạo, mỗi SV có một tài khoản riêng để chủ động trong việc đăng ký tín chỉ nhằm tăng tính chủ động và bảo mật của SV toàn trường trong việc học tập theo hệ thống tín chỉ, đồng thời tăng tính giám sát của Nhà trường và Khoa trong việc thực thi các nhiệm vụ học tập của SV. Phần mềm quản lý đào tạo theo dõi được sự tiến bộ của người

học trong học tập và rèn luyện, theo dõi tình trạng chậm tiến độ, thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên [H8.08.03.05], [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]

Nhà trường và Khoa cũng có các cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH chương trình đào tạo cử nhân GDCT trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp thông qua hệ thống phần mềm quản lý điểm của giáo vụ Khoa [H8.08.03.07], qua kết quả và quyết định về điểm học tập [H8.08.03.08], điểm rèn luyện [H8.08.03.9], lên lớp, dừng học, thôi học [H8.08.03.10], tốt nghiệp của SV [H8.08.03.11] qua các năm học, thời khóa biểu của sinh viên ngành GDCT qua các năm [H8.08.03.12].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý tín chỉ đôi lúc còn đáp ứng chưa kịp thời khi có lượng SV đông cùng đăng kí thông tin, còn có hiện tượng số ít SV học năm đầu chưa thành thạo sử dụng phần mềm đăng ký tín chỉ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1		Cải thiện phần mềm quản lý tín chỉ	Khoa đề xuất với nhà trường	Từ năm học 2023- 2024	

	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn SV sử dụng thành thạo trang thông tin học tập cá nhân ngay thời gian đầu nhập học thông qua nhiều hình thức đa dạng. Tăng cường sự hỗ trợ của cố vấn học tập nhằm nâng cao được nhận thức của SV về việc chủ động trong học tập và theo dõi thông tin liên quan đến việc học tập cá nhân	Khoa tiếp tục chỉ đạo cố vấn học tập	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Duy trì nhiều hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, thông báo kịp thời cho NH	Khoa tiếp tục chỉ đạo bộ phận đào tạo	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.4. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng làm việc của NH

1. Mô tả

Hàng năm Ban chủ nhiệm khoa phân công giáo viên chủ nhiệm lớp/ cố vấn học tập cho từng lớp học [H8.08.04.01]. Căn cứ vào sự phân công này của

BCN Khoa, Nhà trường ra Quyết định về việc phân công cán bộ, giảng viên làm công tác cố vấn học tập. [H8.08.04.02]. Các giáo viên chủ nhiệm lớp/ cố vấn học tập là những GV có kinh nghiệm, am hiểu nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nhiệt tình với công tác học sinh SV; hiểu rõ quy chế đào tạo tín chỉ, quy chế học sinh SV; quy định đánh giá kết quả rèn luyện SV... Quy định về công tác cố vấn học tập trong đào tạo hệ chính quy được nêu rất rõ trong các quy định do nhà trường ban hành [H8.08.04.03].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy cũng như công tác cố vấn học tập cho sinh viên, nhất là sinh viên năm thứ nhất, tại Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm cũng thảo luận vấn đề này để giúp cố vấn học tập cũng như giảng viên có những cách thức giúp sinh viên học tập và hoạt động có hiệu quả hơn. [H8.08.04.04] Ngoài ra, cố vấn học tập còn lập kế hoạch cụ thể cho từng học kỳ đối với lớp mình phụ trách. [H8.08.04.05] để có nội dung cố vấn thiết thực, hiệu quả.

GDCT là một ngành rất đặc thù, trong thực tiễn nhu cầu giáo viên GDCT rất cao tuy nhiên chỉ tiêu biên chế cho Giáo viên GDCT ở trường phổ thông không nhiều. Điều này đã ảnh hưởng phần nào đến việc làm của SV tốt nghiệp ngành GDCT. Ý thức được điều này, Khoa LLCT - GDCD trường ĐHSPHN luôn quan tâm đến việc tư vấn việc làm cho SV. Khoa đã giao cho Tổ bộ môn Phương pháp giảng dạy GDCT, ngoài nhiệm vụ chính là nòng cốt xây dựng chương trình thực hành, thực tập của chương trình cử nhân GDCT; Đào tạo các học phần thực hành; Xây dựng và phát triển mạng lưới cơ sở thực hành phục vụ đào tạo; Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV [H8.08.04.06] còn có thêm nhiệm vụ phối hợp với các tổ bộ môn, tổ chức đoàn thể trong khoa thực hiện tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp qua các năm [H8.08.04.07]; lập kế hoạch và thực hiện chương trình tư vấn việc làm cho SV thông qua Ngày hội việc làm [H8.08.04.08], [H8.08.04.09]; thông qua chương trình Chào tân sinh viên [H8.08.04.10].

Với sự chỉ đạo của nhà trường và ban chủ nhiệm khoa, các giáo viên chủ nhiệm lớp/ cố vấn học tập và bộ phận tư vấn việc làm đã thực hiện tốt các chức năng và nhiệm vụ được giao. NH được tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập và việc làm. Cụ thể:

- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo và tình hình cụ thể của nhóm SV được phân công, các giáo viên chủ nhiệm/ cố vấn học tập lên kế hoạch chủ nhiệm/ cố vấn cả năm gửi về Khoa và thông báo cho SV, cuối mỗi học kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch chủ nhiệm/ cố vấn về Khoa. Ban chủ nhiệm khoa, cụ thể là Phó trưởng khoa phụ trách đào tạo trực tiếp theo dõi, quản lý, kiểm tra, giám sát và đôn đốc đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp/ cố vấn học tập thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao.

- Vào đầu năm học, Khoa LLCT - GDGD có kế hoạch triển khai các hoạt động thực tập, thực hành, thực tế cho SV. GV hướng dẫn SV đi thực hành, thực tập, thực tế là những cán bộ có kinh nghiệm thực hành, quản lý SV. Trong các kì thực hành, thực tập, SV được trực tiếp lên lớp giảng dạy hoặc làm công tác chủ nhiệm lớp. Sau mỗi đợt thực hành, thực tập các em đều có những buổi trao đổi cùng GV, giáo viên cả lý thuyết lẫn thực hành để một lần nữa nhìn lại những điều đã học và cách thức áp dụng vào thực tế sao cho hiệu quả nhất. Ngoài ra, các em cũng được các giáo viên truyền cảm hứng, bồi dưỡng lòng yêu nghề, sẵn sàng đối mặt với những khó khăn thử thách của nghề nghiệp.

- Với đặc trưng là SV khối ngành sư phạm, SV Khoa LLCT - GDGD có Chương trình rèn luyện NVSP hàng năm [H8.08.04.06]. Đây là chương trình chung của toàn Trường nhưng mỗi ngành học đều xây dựng các hoạt động đặc thù của chuyên ngành. Để các hoạt động rèn luyện NVSP mang tính chất xuyên suốt năm học, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp của SV ngành GDGD, Khoa LLCT – GDGD đã tổ chức các hoạt động như: Viết chữ đẹp, giảng dạy, đồ

dùng học tập, xử lý tình huống, hùng biện... luôn thu hút sự tham gia của các em SV. Nhiều em trưởng thành về phong cách giảng dạy, về cách thức làm việc với học sinh thông qua những hoạt động này.

Trường và Khoa rất quan tâm tới triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV nói chung và SV ngành GDCT nói riêng:

Trước hết, để nắm bắt thực trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Trường và khoa coi trọng các nghiên cứu thực tiễn về việc làm của SV sau khi ra trường. Trường đã chỉ đạo khoa khảo sát tình hình việc làm của SV tốt nghiệp qua các năm [H8.08.04.07].

Từ năm 2019 đến nay, Nhà trường đã tổ chức Ngày hội việc làm và Khoa LLCT - GDCT cũng tham gia để giới thiệu với các đơn vị tuyển dụng. Các đơn vị sử dụng nhân lực đã có cơ hội tìm hiểu và xác tín niềm tin về chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời truyền thông về đơn vị cũng như các vị trí việc làm cần tuyển dụng và kết nối, phỏng vấn trực tiếp với SV của Trường [H8.08.04.08]. Nhiều gian hàng được trưng bày và hoạt động hấp dẫn được tổ chức. Đây là cơ hội tốt giúp SV, đặc biệt là SV năm cuối tiếp cận trực tiếp với nhà tuyển dụng, nắm bắt được cơ hội nghề nghiệp, đồng thời có được những hiểu biết bổ ích cho việc làm trong tương lai. Khoa GDCT tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH [H8.08.04.9].

Để hỗ trợ SV có những cơ hội việc làm từ rất sớm, các thông tin tuyển dụng của các cơ sở gửi tới khoa, hoặc bằng các nguồn khác nhau mà cán bộ GV trong khoa có được đều thông tin tới SV trên bảng thông báo, Facebook của khoa, của liên chi đoàn khoa

Đối với những SV mới nhập học, sau một tháng học tập, Lãnh đạo Khoa chỉ đạo liên chi Đoàn, cố vấn học tập, ban cán sự lớp... tổ chức Chương trình Chào tân SV, mỗi năm sẽ có những chủ đề và cách thức tổ chức khác nhau

[H8.08.04.10]. Đây là cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ GV, chương trình đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học và một số lưu ý trong quá trình học. Trong buổi gặp mặt với SV khóa mới, luôn có mặt đại diện BCN Khoa, giáo vụ, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, các trợ lý khác và cán bộ GV của khoa để giải đáp và tư vấn cho SV.

Để khuyến khích SV học tập và nghiên cứu, hàng năm nhà trường/ khoa có các chính sách học bổng, trợ cấp xã hội và học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng động viên kịp thời trong những dịp đặc biệt: khen thủ khoa đầu vào, khen thực tập sư phạm, khen NCKH, khen các cá nhân và tập thể, khen tốt nghiệp (thủ khoa, xuất sắc, giỏi) [H8.08.04.11].

2. Điểm mạnh

Khoa LLCT – GDCD có quy trình/ kế hoạch và các nguồn lực triển khai tốt các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa mang tính đặc thù của ngành giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

Khoa LLCT – GDCD tổ chức rất nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ để cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát tìm hiểu phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm đã thực hiện nhưng chưa thực hiện được hàng năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khảo sát tìm hiểu phản hồi của NH, người tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm,	Khoa chỉ đạo liên chi đoàn, cố vấn học tập phối hợp với giáo vụ, cán bộ phụ trách học sinh SV của khoa	Hàng năm	
		Nâng cao chất lượng hướng dẫn và tư vấn của cố vấn học tập, tư vấn hỗ trợ việc làm cho SV.	Khoa chỉ đạo bộ phận cố vấn học tập và tư vấn việc làm.	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì các hoạt động đặc thù của SV ngành GDCT	Khoa chỉ đạo liên chi đoàn.	Từ năm học 2023 - 2024	
		Tiếp tục duy trì nghiên cứu, khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp	Khoa chỉ đạo bộ phận phụ trách SV và khuyến khích GV làm nghiên cứu.	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lí, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. Mô tả

Trường ĐHSP Hà Nội có môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho NH.

Khoa LLCT – GDCD được nhà trường sắp xếp các không gian học tập hợp lý, thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho cán bộ, giáo viên và SV của khoa LLCT – GDCD. Đặc biệt, Nhà trường đã bố trí các khu văn phòng/làm việc (nhà A4), khu giảng đường tòa nhà K1 đã tạo điều kiện thuận lợi cho NH theo học Chương trình đào tạo trình độ đại học, sau ĐH. Việc bố trí như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CTĐT; đồng thời dễ dàng cho SV gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi với GV, cán bộ hỗ trợ khi cần thiết [H08.08.05.01]. Trường có khu Nhà Hiệu bộ để điều hành các hoạt động Nhà trường; hệ thống các hội trường với quy mô khác nhau để tổ chức các hoạt động chung, trong đó các Hội trường K1 đặt tại giảng đường là nơi tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, sinh hoạt đoàn thể, Hội trường 11/10 dành cho các hoạt động lễ/hội trang trọng cho cán bộ/GV và NH tại trường. Bên cạnh đó sân vận động quy chuẩn, nhà thi đấu đa năng là nơi dành cho NH học tập, rèn luyện, tổ chức các hoạt động thể thao [H08.08.05.01].

Nhà trường luôn coi trọng vấn đề vệ sinh môi trường học đường: Hàng năm nhà trường đều có báo cáo công tác vệ sinh trường học của nhà trường. Nhà trường luôn có phương án về việc cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường tại trường và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ vệ sinh với các đơn vị có uy tín, chất lượng. Trường có sự lựa chọn cẩn thận & theo đúng quy định để chọn lựa các đơn vị cung cấp vệ sinh môi trường/trường học uy tín, có đội ngũ vệ sinh chung cho toàn trường và thường xuyên có giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh để giữ cảnh quan luôn sạch sẽ, an toàn cho mọi hoạt động trong toàn trường. Công tác vệ sinh trường học luôn được coi trọng và được giám sát thường xuyên, giúp cảnh quan sư phạm của Trường và

của Khoa luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả cán bộ, giáo viên, GV và SV [H08.08.05.02].

Các khu vực trong trường đều đảm bảo an toàn, thoải mái và dễ dàng sử dụng: có biển báo/chỉ dẫn để đảm bảo dễ thấy, dễ tìm và an toàn. Đặc biệt các khu vực giảng đường có bảng/biểu phổ biến nội quy/quy tắc ứng xử và sử dụng phòng tạo môi trường hoạt động văn minh, an toàn và thoải mái cho người sử dụng [H8.08.05.03], [H8.08.05.04].

Môi trường học tập và làm việc tại khoa: trong giảng dạy và khi tham gia các hoạt động cùng SV, trong và ngoài giờ lên lớp, các cán bộ, giáo viên và GV của khoa luôn tạo mối quan hệ nhân ái, gần gũi và chia sẻ với SV, sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ SV trong học tập và cuộc sống; luôn tận tâm, tin tưởng, gần gũi với SV để SV luôn có tâm lý tự tin, thoải mái, nhiệt tình khi tham gia các hoạt động học tập và nghiên cứu; tạo điều kiện cho SV quyền chủ động, tích cực, sáng tạo trong mọi hoạt động, xây dựng khối đoàn kết vững mạnh trong các tập thể SV. SV trong Khoa được cùng tham gia hoạt động chung, chia sẻ kinh nghiệm trong học tập, cuộc sống; Khoa thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa như tham quan thực tế ở các trường tiểu học, tổ chức hoạt động văn nghệ, thể thao, NCKH... và thi đua khen thưởng kịp thời nhằm khích lệ SV trong học tập, NCKH và tham gia các hoạt động tập thể/hoạt động phong trào. Các nội dung này được thể hiện rõ trong các hình ảnh không khí các Hội nghị NCKH của SV, khoa và hình ảnh các hoạt động của LCD [H8.08.05.05], [H8.08.05.06].

Nhà trường cũng như Khoa LLCT – GDGD đã chú trọng tạo môi trường học thuật lành mạnh: cung cấp các tài liệu cập nhật để phục vụ cho việc đào tạo, học tập và NCKH tại Phòng tư liệu của Khoa và Trung tâm Thông tin thư viện của Trường (được bố trí tại tòa nhà 4 tầng có diện tích sử dụng khoảng 5.881m² và gần 1000 chỗ ngồi với đầy đủ trang thiết bị) [H8.08.05.07], [H8.08.05.08].

Bên cạnh không gian học tập, Nhà trường cũng như Khoa LLCT – GDCD luôn xây dựng tốt sự đoàn kết, nhất trí trong tập thể cán bộ, GV, tạo tâm lý thoải mái, thân thiện, gắn kết, sẵn sàng vì nhiệm vụ chung của tập thể, phát triển tối đa tiềm năng của NH. NH hài lòng về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu điều này được thể hiện trong kết quả nghiên cứu “Báo cáo kết quả khảo sát về môi trường và cơ sở vật chất phục vụ học tập, giảng dạy và NCKH của trường ĐHSPHN” [H8.08.05.09] cho thấy: ở mức độ “hài lòng” và “rất hài lòng” với môi trường tâm lý xã hội hiện nay của trường ĐHSPHN ở SV được khảo sát là 45% và ở cán bộ, giáo viên khoa 50%. Trong nghiên cứu khảo sát/lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong CSGD [H8.08.05.09] cho thấy: SV, cán bộ GV đánh giá: môi trường tâm lý, xã hội của nhà trường an toàn, thân thiện, hợp tác, tôn trọng, phát huy điểm mạnh của các cá nhân, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH. Đặc biệt SV đánh giá cao sự nhiệt tình, tâm lý với SV, phong cách và phương pháp giảng dạy hấp dẫn và những ảnh hưởng tích cực của CB, GV của Khoa LLCT – GDCD đối với sự phát triển của bản thân, tạo sự thoải mái cho NH. Cũng qua bảng trên cho thấy mức độ “chưa hài lòng” và “rất không hài lòng” có tỉ lệ (0%) nhưng vẫn còn tỉ lệ nhất định về mức độ “Hài lòng nhưng vẫn còn những điều cần điều chỉnh để tốt hơn”. Các ý kiến của sinh cho thấy vẫn còn một vài CB, GV đôi khi còn chưa thực sự lắng nghe ý kiến của SV để đáp ứng nguyện vọng một cách kịp thời, chưa có nhiều hoạt động giúp SV hiểu nhau hơn và tạo ra được môi trường đoàn kết thân ái hơn. Ý kiến của GV cũng phản ánh là còn thiếu tự tương tác tâm lý giữa người dạy và NH.

2. Điểm mạnh

NH được học tập, NCKH và sinh hoạt trong môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan thuận lợi về an ninh, an toàn, sạch sẽ, tạo tâm lý thoải mái, thuận lợi cho cả từng cá nhân NH và cán bộ/GV.

3. Điểm tồn tại

Môi trường, cảnh quan của trường và khoa còn có những chỗ chưa thật sự đẹp, khang trang để đáp ứng tốt mong đợi của NH và môi trường sư phạm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại quy hoạch trồng cây xanh, đặt thêm ghế đá... cải thiện môi trường cảnh quan đẹp hơn, khang trang hơn.	Khoa đề xuất với nhà trường	Từ năm học 2023 – 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và phát triển tốt môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan thông qua việc tổ chức thêm nhiều hoạt động gắn kết tâm lý giữa CB, GV và SV	Khoa giao cho liên chi đoàn khoa lập kế hoạch cụ thể và thực hiện hàng năm	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Kết luận chung về tiêu chuẩn 8

Chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH là yếu tố chính để đánh giá chất lượng đào tạo của ngành GD&ĐT. Chất lượng NH thể hiện trước hết ở điểm đầu vào của ngành từ khâu Nhà trường tổ chức tuyển sinh cho đến kết quả học tập và rèn luyện trong suốt thời gian đào tạo tại trường của NH được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của khoa và Nhà trường. NH được hỗ trợ thường

xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập và NCKH, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động học tập và nghiên cứu.

Bên cạnh những điểm mạnh vẫn còn một số những tồn tại cơ bản như: ý kiến của NH về chính sách tuyển sinh chưa được thực hiện. Vẫn còn một số SV còn chưa chủ động theo dõi kết quả học tập hay kế hoạch NCKH hoặc chưa chủ động đề nghị hỗ trợ hướng dẫn kịp thời nên phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch học tập.

Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được trong tiêu chuẩn 8 và các giải pháp mang tính đồng bộ giải quyết những vấn đề còn tồn đọng, chất lượng NH và hoạt động hỗ trợ NH được nâng cao, góp phần vào sự lớn mạnh của khoa LLCT - GDCD.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 8

Tiêu chuẩn 8	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 8.1					5		
Tiêu chí 8.2					5		
Tiêu chí 8.3					5		
Tiêu chí 8.4					5		
Tiêu chí 8.5					5		
Điểm tiêu chuẩn	5.0						

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Cơ sở vật chất gắn bó chặt chẽ và là điều kiện hết sức quan trọng để hỗ trợ các hoạt động học tập và nghiên cứu. Hiện nay, với nguồn lực hiện có, Nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện qua hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thực nghiệm và các phòng chức năng có các trang thiết bị phù hợp; Thư viện có các nguồn học liệu chuyên ngành GDCT phong phú; Hệ thống CNTT được nâng cấp đáp ứng như cầu đào tạo trực tuyến; Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được quan tâm chú ý.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Tính đến 31/12/2021 hai cơ sở tại Hà Nội và Hà Nam, với 7.900 m² tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, NCKH Trường ĐHSPHN có đầy đủ hệ thống phòng làm việc và các phòng chức năng phù hợp phục vụ đào tạo và NCKH của NH. Số chỗ ở KTX cho Sv là 719 phòng. Diện tích sàn xây dựng phục vụ cho Sv là 6,12m²/1 SV. Nhà trường có các khu giảng đường rộng với hơn 319 phòng học, có đầy đủ các trang thiết bị cần thiết. Có 82 phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập và tổng diện tích xây dựng hơn 13414 m² nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu thực hành, nghiên cứu KH của cán bộ và SV [H9.09.01.01], [H9.09.01.02].

Kí túc xá trường ĐHSPHN gồm 5 dãy nhà cao tầng và 2 dãy cấp 4 với 320 phòng (trong đó 150 phòng được trang bị tivi truyền hình cáp), với công

trình khép kín, điện nước đầy đủ, phục vụ học sinh, SV, học viên toàn trường. Với các tổ chức quản lý hợp lý, kí túc xá Trường ĐHSPTN thực sự là mái nhà chung ấm áp của SV trong suốt quá trình học tập [H9.09.01.03]. Sân vận động của Trường được đánh giá là một trong những sân vận động có quy mô và hiện đại nhất trong các trường đại học trên cả nước. Không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo thể chất cho SV mà còn là nơi diễn ra các hoạt động văn hóa - thể thao của Nhà trường [H9.09.01.04]. Trung tâm Thông tin Thư viện là một tòa nhà độc lập 4 tầng, có diện tích sử dụng khoảng 5.881m² và 1.200 chỗ ngồi với đầy đủ các phòng chức năng và trang thiết bị và bàn ghế chuyên dụng, phù hợp [H9.09.01.05]. Các phòng học, phòng chức năng có đầy đủ Cơ sở vật chất, trang thiết bị, và luôn được quản lý, theo dõi. Ngoài ra Trường ĐHSPTN còn có nhà thi đấu, hội trường 11/10 và các hội trường với các quy mô khác nhau phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường.

Hàng năm nhà trường có kinh phí đầu tư cho CSVC, trang thiết bị, được mua mới, nâng cấp theo qui chế chi tiêu nội bộ [H9.09.01.06], [H9.09.01.08], kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí của Trường, và quyết định phân bổ dự toán cho mảng CSVC và trang thiết bị [H9.09.01.10], [H9.09.01.11]; CSVC, trang thiết bị của Trường mua sắm, bàn giao cho khoa sử dụng và quản lý [H9.09.01.12].

Khoa LLCT – GDCD có hệ thống 15 phòng làm việc với tổng diện tích hơn 150m² và các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Khoa sử dụng tòa nhà A4 và một số phòng của nhà K1 (6 phòng học) [H9.09.01.07].

Hàng năm khoa được nhà trường phân bổ kinh phí cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoảng 200 triệu đồng/năm [H9.09.01.09].

Hệ thống phòng học được Nhà trường sắp xếp thay đổi theo từng kỳ học và thường tập trung ở giảng đường nhà K1 của Trường: với các trang thiết bị

cơ bản phục vụ đào tạo cử nhân GDGD gồm: bàn ghế, quạt trần, điều hòa không khí, bảng viết phấn, màn chiếu, máy chiếu, loa, micro, cổng kết nối internet.

Kết quả khảo sát tháng 2/2023 về Mức độ hài lòng của SV, CB-GV khoa LLCT - GDGD về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng cho thấy [H9.09.01.13]: 78% SV và CB-GV rất hài lòng và hài lòng về hệ thống phòng làm việc hiện nay của trường ĐHSPHN và khoa LLCT - GDGD. Đa số các giảng đường rộng và thoáng mát, các phòng học có các thiết bị cần thiết. Nhiều phòng học mới bàn ghế tốt cùng các trang thiết bị hiện đại như máy chiếu, loa, điều hoà... ánh sáng và vệ sinh sạch sẽ. Tuy nhiên còn một vài phòng học của những giảng đường lâu năm, cơ sở vật chất có phần xuống cấp, thiết bị dạy học cũ, đôi khi còn trục trặc, một số có máy chiếu tốt nhưng không có rèm để che ánh sáng hay không có hệ thống âm thanh tốt nên còn gặp khó khăn khi chiếu bài giảng điện tử. Bàn ghế trong các phòng học theo kiểu truyền thống, số lượng bàn ghế nhiều so với diện tích lớp học nên khó đi chuyển để tổ chức các hoạt động theo phương pháp dạy học hiện đại. **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng, phòng học và trang thiết bị cơ sở vật chất phục vụ tốt các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của NH và cán bộ. Các phòng làm việc và phòng học của khoa LLCT – GDGD được trang bị các thiết bị, công cụ cơ bản phù hợp với yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

3. Điểm tồn tại

Số lượng phòng làm việc vẫn còn chưa đủ rộng rãi để bộ môn GDGD làm việc một cách chuyên biệt. Các phòng học bàn ghế còn nhiều, khó sắp xếp khi áp dụng các phương pháp dạy học mới.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với trường tăng cường, cải thiện bàn ghế trang thiết bị trong các phòng học đáp ứng các phương pháp dạy học mới.	Ban chủ nhiệm khoa phân công bộ phận phụ trách CSVC của khoa đánh giá lại và lập kế hoạch đề xuất với nhà trường.	Từ năm học 2023 - 2024	
		Các bộ môn có kế hoạch cụ thể cho các hoạt động để sắp xếp việc sử dụng phòng (đặc biệt là phòng làm việc chung) cho hợp lý. Mặt khác, đề xuất với nhà trường xem xét bố trí thêm phòng làm việc cho bộ môn.	Các tổ bộ môn. Ban chủ nhiệm khoa	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị đã có ở khoa.	Ban chủ nhiệm khoa	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động học tập và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHSPHN có trung tâm thông tin thư viện là một tòa nhà 04 tầng nằm trong khuôn viên của Nhà trường với hơn 5.881 m² sử dụng. Thư viện có hệ thống các phòng chuyên môn như: Phòng Nghiệp vụ, phòng Mượn, phòng Đọc, phòng Tin học [H9.09.02.01]. Các phòng này được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết gồm bàn ghế, máy tính với phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, photocopy, có hệ thống máy tính được nối mạng nội bộ, internet và khai thác online từ năm 2002 GV và SV có thể tra cứu và khai thác tài liệu một cách thuận lợi. Trung tâm thông tin thư viện có đầy đủ các văn bản thông báo công khai quy định, thời gian phục vụ, nội quy của từng phòng chức năng và hướng dẫn tra cứu tài liệu trực tiếp hoặc online [H9.09.02.02], [H9.09.02.03]. [H9.09.02.04]. Ngoài hệ thống tra cứu thư viện điện tử, hệ thống học liệu điện tử mở phục vụ công tác đào tạo và NCKH. [H9.09.02.05], [H9.09.02.06].

Thư viện nhà trường có hệ thống hướng dẫn, quy định riêng và cụ thể cho các phòng làm việc, các hoạt động phục vụ của trung tâm Hiện nay TT TT-TV đang sử dụng phần mềm Libol 8.0 hỗ trợ công tác nghiệp vụ và phục vụ của trung tâm. Qua các phân hệ trong phần mềm, trung tâm có thể theo dõi việc sử dụng tài liệu của bạn đọc và công tác nghiệp vụ. Trung tâm thông tin thư viện có website tại địa chỉ <http://lib.hnue.edu.vn/>, qua trang web bạn đọc cập nhật những hướng dẫn của trung tâm và có thể tra cứu tài liệu online [H9.09.02.04]. Để nâng cao công tác quản lý và chất lượng tài liệu, TT TT-TV còn được nhà trường đầu tư phần mềm chống đạo văn Turnitin. Bên cạnh đó để phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu, hàng năm các cán bộ quản lý từ cấp bộ môn được cấp quyền sử dụng dịch vụ “Bạn đọc đặc biệt” (Dịch vụ truy cập vào cơ sở dữ liệu trực tuyến) tại Cục Thông tin khoa học và Công nghệ

Quốc gia). Ngoài ra, để tạo điều kiện cho thư viện quản lý người đọc và SV dễ tra cứu tư liệu, nhà trường đã cung cấp thẻ bạn đọc và cập nhật số lượng những ấn phẩm đã được mượn [H9.09.02.07].

SV chuyên ngành GDCT được sử dụng nguồn tài liệu phong phú tại Trung tâm Thư viện trường, đặc biệt từ năm 2017 đến 2022 số lượng đầu sách đã tăng từ 80 lên hơn 100 đầu sách. Để thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu online, đội ngũ GV của khoa đã phối hợp với Trung tâm thư viện để số hóa bài giảng đối với các học phần chuyên ngành GDCT. Các tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết học phần được đảm bảo có trong TT thông tin thư viện Trường đảm bảo cho GV, NH có thể tham khảo trong quá trình học tập và nghiên cứu. Các tài liệu chuyên ngành được cập nhật, bổ sung vào danh mục tài liệu tham khảo không chỉ cho cán bộ GV và SV trong khoa mà còn là nguồn tài liệu tham khảo cho NH, nghiên cứu ở các khoa và cơ sở khác. Tuy nhiên do hạn chế về nguồn kinh phí nên nhà trường hiện chưa có khả năng để truy cập và mua các sách chuyên ngành do các tác giả nước ngoài viết. [H9.09.02.08] [H9.09.02.09].

Hàng năm, trung tâm thông tin thư viện Trường được quan tâm bổ sung giáo trình tài liệu truyền thống cũng như những tài liệu điện tử nhằm tăng nguồn học liệu cũng như đa dạng phong phú hơn các nguồn tài liệu. [H9.09.02.10]

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của trung tâm thông tin thư viện, hàng năm nhà trường đều triển khai thực hiện điều tra về mức độ đáp ứng tài liệu của thư viện/thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV, SV nhà trường. Kết quả khảo sát từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2023 cho thấy mức độ bạn đọc đến thư viện chiếm 53,1%, theo dõi qua fanpage chiếm 49%, tăng 8% so với năm 2022. Bạn đọc tự tra cứu tài liệu chiếm 87,1%. Điều đó cho thấy thư viện đã cập nhật, số hóa đáp ứng tư liệu phục vụ đào tạo và NCKH [H9.09.02.11].

2. Điểm mạnh

Trung tâm thông tin thư viện của Trường có cơ sở vật chất phù hợp với môi trường học tập, nghiên cứu và đa dạng các loại hình tài liệu, sản phẩm thông tin giúp GV và SV có thể tra cứu và khai thác tài liệu mọi lúc, mọi nơi với các kênh khác nhau.

Khoa LLCT – GDCD trường ĐHSPHN luôn là đơn vị đi đầu trong đào tạo GV GDCT trong cả nước cũng như cung cấp các nguồn học liệu mới (thể hiện qua các sách chuyên khảo hay giáo trình do các GV của Khoa biên soạn được sử dụng như sách và giáo trình giảng dạy chính thống cho ngành GDCT không chỉ ở Trường ĐHSPHN mà còn ở rất nhiều cơ sở đào tạo trên cả nước).

3. Điểm tồn tại

Tuy nhiên, Trung tâm thông tin thư viện trường vẫn có những tồn tại: Số lượng Tài liệu số chưa nhiều, do còn cản trở các luật bản quyền; Các tài liệu điện tử chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí; Các kết nối, chia sẻ tài liệu chưa có hệ thống do kỹ thuật và yêu cầu của phần mềm chưa tương thích; Cần tăng cường bổ sung các giáo trình điện tử để thuận tiện cho việc nghiên cứu, học tập của sinh viên; Tăng cường kết nối với giảng viên trong việc cung cấp các bài giảng môn học khi chưa có giáo trình điện tử.

Khoa chưa cập nhật thường xuyên các tài liệu tham khảo phục vụ cho chuyên ngành sâu do các tác giả nước ngoài viết.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Đề xuất với trường và trung tâm thông tin thư viện tăng cường kinh phí để bổ sung sách chuyên ngành, ưu tiên các đầu sách trong đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo	Khoa LLCT – GDCD Trung tâm thông tin thư viện Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2023 - 2024	
		Khuyến khích và đẩy mạnh việc viết giáo trình, sách tham khảo chuyên ngành để bổ sung phong phú nguồn tư liệu đặc thù của ngành GDCD.	Ban chủ nhiệm khoa Trường ĐHSPHN		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật các tài liệu chuyên ngành bằng nhiều hình thức.	Ban chủ nhiệm khoa	Từ năm học 2023 - 2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trong chương trình đào tạo ngành GDCT, các môn chung bao gồm 136 tín chỉ của toàn bộ chương trình. Để phục vụ cho việc học các môn chung và một số môn chuyên ngành, trường ĐHSPHN đã đầu tư cho các phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị như sau:

- Trường ĐHSPHN có bảng phân bổ kinh phí thường xuyên cho khoa về cơ sở vật chất và trang thiết bị [H9.09.03.01]; báo cáo tài sản cố định và đơn đề nghị sửa chữa và mua sắm trang thiết bị [H9.09.03.02]; từ đó khoa LLCT-GDCD có báo cáo khảo sát về môi trường và cơ sở vật chất phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. [H9.09.03.03].

- Đối với các môn chung có thực hành (học phần Tin học đại cương và Ngoại ngữ) của sinh viên năm thứ nhất và thứ hai (trong đó có sinh viên Khoa Lí luận chính trị - Giáo dục công dân), Nhà trường đã đầu tư các phòng thực hành tin học (14 phòng tại tầng 5,6 và tầng 8 nhà K1) và các phòng thực hành ngoại ngữ (5 phòng từ tầng 8 đến tầng 11 nhà K1). Các phòng thực hành này có trang bị thiết bị phù hợp như hệ thống máy tính có kết nối internet (435 bộ), máy chủ, hệ thống máy chiếu (18 bộ), hệ thống âm thanh, video, loa đài (đủ cho 14 phòng thực hành) và các phần mềm cơ bản phục vụ đào tạo (MS Windows 10, MS Office 2010, Unikey).

Với đặc thù đào tạo giáo viên dạy GDCT cho các trường phổ thông, Trung cấp, Cao đẳng và Đại học, Khoa không trang bị phòng thí nghiệm. Nhà trường và Khoa cũng trang bị một số thiết bị và đồ dùng cần thiết phục vụ cho việc thực hành của sinh viên. Với phòng thực hành, Khoa tích hợp cùng với các phòng học của nhà trường theo yêu cầu của một số bộ môn đặc thù. Các giảng viên giảng dạy các môn học này cũng phụ trách luôn phần thực hành cho sinh viên. Các môn học khác, sinh viên thực hành tại các trường phổ thông. Để thuận tiện trong việc sử dụng các phòng thực hành, tại các phòng này đều có quy định và hướng dẫn cụ thể [H9.09.03.03], [H9.09.03.04].

Hàng năm nhà trường có kinh phí đầu tư cho CSVC, trang thiết bị, mua mới, nâng cấp theo qui chế chi tiêu nội bộ, kế hoạch hoạt động và dự toán kinh phí của Trường, và quyết định phân bổ dự toán cho mảng CSVC và trang thiết bị CSVC, trang thiết bị để mua sắm, bàn giao và quản lý [H9.09.03.01].

Đề cập nhật và bổ sung các trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và NCKH nói chung, phòng NVSP nói riêng, hàng năm Nhà trường có báo cáo tổng hợp về việc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị [H9.09.03.02]. Khoa có báo cáo tài sản cố định và đơn đề nghị sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho quá trình đào tạo và NCKH.

Báo cáo kết quả khảo sát về môi trường và cơ sở vật chất phục vụ học tập, giảng dạy và NCKH của trường ĐHSPHN [H9.09.03.03] đã cho thấy Mức độ hài lòng của CB, GV và SV Khoa LLCT – GDCD về trang thiết bị hiện nay của trường ĐHSPHN: Đa số các ý kiến hài lòng về sự phù hợp và cập nhật để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Có các đồ dùng cho học tập của chuyên ngành, trang thiết bị phục vụ đào tạo khá đa dạng, thực tế và phù hợp với từng chuyên ngành. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng sau:

Mức độ hài lòng của CB, GV và SV Khoa LLCT – GDCD về phòng thực hành, trang thiết bị hiện nay của trường ĐHSPHN

Mức độ hài lòng	SV		CB, GV		Tổng	
	SL	%	SL	%	SL	%
Rất hài lòng	145	34	10	31.25	155	
Hài lòng	130	30.1	15	46.9	145	
Hài lòng nhưng vẫn còn những điều cần điều chỉnh để tốt hơn	156	36.1 9	7	21.8	163	
Chưa hài lòng	0	0	0	0		
Rất không hài lòng	0	0	0	0		

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên khoa LLCT-GDCD đều hài lòng về trang thiết bị, phòng học, cơ sở vật chất phục vụ quá trình đào tạo, giảng dạy và học tập phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Nhà trường cũng luôn tạo điều kiện bố trí phòng học, phòng để sinh viên rèn luyện các hoạt động tập giảng, hoạt động đoàn, hội khác.

3. Điểm tồn tại

Các máy móc, thiết bị đặc thù phục vụ chuyên ngành còn chưa được phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích cán bộ, giảng viên hướng dẫn sinh viên sáng tạo thực hiện các dự án, hình thức đồ dùng trực quan trong dạy học	Bộ môn GDCD chủ trì lập kế hoạch, cán bộ GV thực hiện	Từ năm học 2023 - 2024	
		Xây dựng kế hoạch đào tạo và nghiên cứu trong đó có các trang thiết bị phù hợp và được cập nhật được cập nhật.	Khoa và nhà trường	Từ năm học 2023 - 2024	
2	Phát huy	Cán bộ của mỗi tổ bộ môn sẽ chịu trách nhiệm thu thập thêm các tư liệu nghiên cứu đặc thù cho chuyên ngành nhằm phục	Khoa khuyến khích các bộ môn thực hiện	Từ năm học	

	điểm mạnh	vụ công tác nghiên cứu và đào tạo và tăng cường nguồn tư liệu cho phòng để sinh viên thực hành giảng dạy		2023 - 2024	
--	--------------	--	--	----------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Nhà trường có trang thông tin điện tử luôn được cập nhật những thông tin mới nhất về các hoạt động của trường cũng như có những thông báo, hướng dẫn, công bố về chương trình đào tạo, thông tin tuyển sinh.... Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả dịch vụ mạng, nhà trường đã ban hành các quy chế hoạt động của cổng thông tin điện tử, quy chế quản lý hệ thống mạng và sử dụng dịch vụ mạng của trường [H9.09.04.01], [H9.09.04.02].

Để đáp ứng nhu cầu học tập của NH, Nhà trường có Phòng học, phòng học trực tuyến được đầu tư đầy đủ những trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ hoạt động đào tạo và bồi dưỡng online [H9.09.04.03].

Để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của cán bộ và SV toàn trường, Trường ĐHSP Hà Nội đã thành lập Trung tâm CNTT với các chứng năng - nhiệm vụ chính là: Quản lý hệ thống mạng máy tính chung của toàn trường, quản lý hệ thống thông tin của trường ĐHSPHN, Tư vấn và hỗ trợ thông tin trong lĩnh vực CNTT và nghiên cứu công nghệ đào tạo nhằm hỗ trợ kịp thời các hoạt động liên quan đến đào tạo và nghiên cứu cho các cán bộ trong nhà Trường [H9.09.04.04], [H9.09.04.05].

Nhằm hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu, Nhà trường đã đầu tư sử dụng các phần mềm có bản quyền, và ứng dụng các phần mềm vào phục vụ công tác quản lý đào tạo, hỗ trợ công tác đào tạo sau đại học, các công tác khoa học công nghệ.... của nhà trường [H9.09.04.06].

Mạng lưới cơ sở thông tin của trường ĐHSPHN được đầu tư đồng bộ. Cơ sở hạ tầng mạng và phòng máy chủ được liên kết tới tất cả các tòa nhà, đảm bảo kết nối internet/ mạng không dây được lắp đặt đến các phòng chức năng, giảng đường phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu của cán bộ GV, SV của toàn trường. Tuy nhiên Chất lượng mạng internet đôi lúc chưa ổn định, còn có sự cố ngắt mạng, dung lượng mạng chưa cao [H9.09.04.07].

Hiện tại Nhà trường có 1023 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó có 140 máy tính ở các phòng ban và ban quản lý kí túc xá nhằm phục vụ công tác quản lý. Tại trung tâm thông tin thư viện có 120 máy phục vụ tra cứu, học tập của bạn đọc. Nhà trường có 15 phòng máy đặt tại nhà K1 với tổng số 396 máy tính phục vụ đào tạo tập trung các môn như tiếng Anh, tin học và học trực tuyến [H9.09.04.08].

TT CNTT, cán bộ quản lý thiết bị tại các phòng, ban luôn theo dõi, duy tu, bảo dưỡng, cập nhật thường hệ thống CNTT nhằm giúp hệ thống CNTT của trường được vận hành ổn định. [H9.09.04.09].

Hệ thống đào tạo trực tuyến (e-Learning) của Trường ĐHSPHN được phát triển trên nền tảng Moodle. Hệ thống đáp ứng được khoảng 1000 NH tại một thời điểm. Các bài giảng được tổ chức ở dạng Video lecture và có tương tác qua hệ thống kiểm tra trắc nghiệm. NH có thể học online tại các địa chỉ lms.hnue.edu.vn và fitel.hnue.edu.vn, cts.hnue.edu.vn. Thông qua hệ thống đào tạo và bồi dưỡng trực tuyến này, nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý các tỉnh và phục vụ công tác đào tạo cho SV chính quy trong trường [H9.09.04.11], [H9.09.04.12], [H9.09.04.13],

Nhà trường đã trang bị cho Khoa LLCT – GDGD khá đầy đủ máy tính, máy in để phục vụ cho GV, SV học tập, giảng dạy và NCKH. Số máy tính để phục vụ cho nhu cầu NCKH của GV và phục vụ công tác điều hành quản lý tại Khoa hiện nay là 09 máy, trong đó có 2 máy tính xách tay được giao cho các Trưởng, Phó đơn vị. Các máy móc được sử dụng phục vụ tốt công tác đào tạo và nghiên cứu và có bộ phận phụ trách cơ sở của khoa theo dõi báo cáo hàng năm. Để cập nhật những thông tin nhanh nhất về các hoạt động, kế hoạch, Khoa đã xây dựng trang thông tin điện tử tại địa chỉ <http://fpe.hnue.edu.vn/>.

Việc này cũng để hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của trường. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và thực hiện các nhiệm vụ trong giai đoạn mới đặc biệt là cách mạng 4.0 nhà trường luôn quan tâm đến việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và đã xây dựng đề án “Nâng cao cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT trong khuôn khổ chương trình ETEP tại trường ĐHSPhN”, và đã được Bộ GDĐT phê duyệt với tổng kinh phí là 53 tỷ đồng [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

Cán bộ GV của khoa được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ đào tạo trực tuyến đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục và đặc biệt phát huy tác dụng trong đợt dịch Covid-19. [H9.09.04.13].

Hoạt động khảo sát ý kiến của cán bộ GV, NH mới được triển khai trong năm học 2023- 2024 nhằm tăng cường phản hồi của cán bộ GV và SV trong Khoa về mức độ hài lòng với hệ thống CNTT hiện nay của Nhà Trường cũng như các đề xuất nhằm cải tiến chất lượng hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.14]. Kết quả khảo sát cho thấy:

Bảng 9.4.1. Mức độ hài lòng của CB, GV và SV Khoa LLCT - GDGD về mức độ đáp ứng nhu cầu về hệ thống CNTT hiện nay của Trường ĐHSPhN

Mức độ hài lòng	SV	CB, GV	Tổng
-----------------	----	--------	------

	SL	%	SL	%	SL	%
Rất hài lòng	145	34	10	31.25	155	
Hài lòng	130	30.1	15	46.9	145	
Hài lòng nhưng vẫn còn những điều cần điều chỉnh để tốt hơn	156	36.19	7	21.8	163	
Chưa hài lòng	0	0	0	0		
Rất không hài lòng	0	0	0	0		

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống CNTT phù hợp để hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống CNTT được đầu tư nâng cấp thường xuyên đảm bảo triển khai các hoạt động học tập và nghiên cứu. Các các trang web của trường và của khoa có các thông tin cần thiết, nội dung được cập nhật thường xuyên.

3. Điểm tồn tại

Chất lượng mạng internet chưa ổn định, còn có sự cố ngắt mạng, dung lượng chưa cao khi số lượng SV truy cập đột ngột tăng lên vào 1 thời điểm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cấp mạng internet, cơ sở hạ tầng CNTT	Khoa LLCT – GDCD Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2023- 2024	

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tận dụng tối đa hệ thống CNTT của nhà trường phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH	BCN khoa	Từ năm học 2023 - 2024	
---	--------------------	---	----------	------------------------	--

5. Tựu đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

Nghị định của Chính phủ (số 80/2017/NĐCP, 17/7/2017) đã quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường [H9.09.05.01]... Trường ĐHSPHN cũng luôn chú trọng đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn cho người sử dụng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

Tại các giảng đường và các khu vực làm việc của Trường đều có các qui định, nội quy và hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự. Sự phân công chức năng nhiệm vụ và nguyên tắc làm việc rõ ràng của Ban Giám hiệu và các đơn vị, phòng Bảo vệ trong việc triển khai thực hiện các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn tạo sự thuận lợi cho việc triển khai thực hiện đảm bảo các vấn đề tiêu chuẩn môi trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03]

Nhà trường có phòng bảo vệ chịu trách nhiệm đảm bảo an ninh trong trường, duy trì trật tự an toàn giao thông, trật tự cảnh quan môi trường sư phạm trong trường. [H9.09.05.04]. Công tác đảm bảo an ninh trong trường được duy trì thường xuyên, trong 5 năm gần đây, công tác bảo vệ của Trường ĐHSPHN

được thực hiện tốt, tình trạng mất cắp tài sản, mất an ninh trật tự xảy ra rất ít nhà trường không xảy ra các trường hợp trộm cắp tài sản lớn. Phòng Bảo vệ luôn có lịch trực rõ ràng [H9.09.05.05] và công tác bảo vệ được kiểm tra thường xuyên. Phòng Bảo vệ của trường ĐHSPHN được nhận nhiều khen thưởng của Công an TP. Hà Nội về việc thành tích tập thể và cá nhân tiêu biểu trong bảo vệ an ninh, an toàn tổ quốc [H9.09.05.06]. Các dịp lễ, tết hay các kì thi quan trọng, nhà trường luôn có sự phối hợp công tác bảo vệ với lực lượng bảo vệ của phường Dịch Vọng hậu hoặc với các lực lượng công an thành phố HN. [H9.09.05.07]

Vấn đề về an toàn – vệ sinh lao động luôn được nhà trường quan tâm và triển khai những hoạt động tích cực. Để xác định rõ những tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh lao động cũng như để có bộ phận chuyên trách giám sát thực hiện các công tác về công tác an toàn – vệ sinh lao động, Nhà trường đã thành lập Ban An toàn - Vệ sinh lao động và Quy định về An toàn – Vệ sinh lao động [H9.09.05.08].

Nhà trường đã thành lập ban PCCC, ban hành các qui định về PCCC. Đặc biệt, tại các giảng đường đều có nội quy hướng dẫn việc đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ, có thiết bị cứu hỏa và treo tiêu lệnh, phương án PCCC và thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) như bình bột MFZ4, MFZ35, bình khí CO₂, lăng vòi, máy bơm chữa cháy, họng nước vách tường, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn thoát nạn. Các thiết bị PCCC được lắp đặt phù hợp với quy mô của các tòa nhà [H9.09.05.09].

Vấn đề an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể của trường ĐHSPHN cũng được nhà trường chú ý thực hiện theo Tài liệu hướng dẫn quản lý an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể trường học. Việc thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn về chất lượng nước ...được kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kì để đảm bảo an toàn trong công tác phòng chống dịch bệnh trong nhà trường. Theo

định kỳ, các giảng đường, các khu vực làm việc của cán bộ đều được giám sát vệ sinh phòng chống dịch bệnh. Việc làm vệ sinh tại phòng học được thực hiện sau mỗi buổi học và công tác vệ sinh môi trường của nhà trường luôn được giám sát, kiểm tra thường xuyên. Công tác phòng chống dịch bệnh được thực hiện thường xuyên qua các đợt tham gia tập huấn, hội nghị ... về giám sát và phòng chống các dịch bệnh. Nhà trường luôn đảm bảo các điều kiện ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm hoặc xử lý các tình huống về môi trường, sức khỏe, phối hợp kiểm soát các vấn đề bệnh dịch để đảm bảo an toàn trong nhà trường [H9.09.05.09], [H9.09.05.10].

Dữ liệu phản hồi của cán bộ, GV và SV của Khoa LLCT – GDCD đa số là tích cực về việc thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn của nhà trường [H9.09.05.11]. Ví dụ qua khảo sát ý kiến của CB, GV và SV khoa LLCT – GDCD về môi trường tâm lý, xã hội hiện nay của trường ĐHSPHN năm 2023 cho thấy:

Bảng 9.5.1. Mức độ hài lòng của CB, GV và SV khoa LLCT – GDCD đối với môi trường tâm lý, xã hội hiện nay của trường ĐHSP Hà Nội

Mức độ hài lòng	SV		CB, GV		Tổng		X H
	SL	%	S L	%	SL	%	
Rất hài lòng	14	34	10	31.2	15		
	5			5	5		
Hài lòng	13	30.1	15	46.9	14		
	0				5		
Hài lòng nhưng vẫn còn những điều cần điều chỉnh để tốt hơn	15	36.1	7	21.8	16		
	6	9			3		

Chưa hài lòng	0	0	0	0			
Rất không hài lòng	0	0	0	0			

* Ý kiến:

Ý kiến chung: Đa số ý kiến hài lòng với môi trường tâm lý, xã hội của nhà trường thân thiện, thoải mái, tạo bầu không khí vui vẻ để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, giữa các khoa chưa có nhiều hoạt động chung để tạo sự gắn kết hơn.

Ý kiến CB, GV: Môi trường thân thiện, hợp tác, tôn trọng, giao tiếp văn minh, lịch sự giữ truyền thống mô phạm. Tuy nhiên, một số Gv còn thiếu sự tương tác giữa người dạy với người học.

Ý kiến của SV: Môi trường gần gũi, thoải mái, an toàn, sạch sẽ. Tuy nhiên, sinh viên chưa năng động, sôi nổi, một số SV còn chưa có ý thức khi tham gia các hoạt động tập thể.

* Một số góp ý:

- Tạo nhiều hoạt động đoàn, hội giữa GV và SV.
- Cần có thêm không gian như căng tin, ghế đá, ...
- Đầu tư thêm loa đài, ánh sáng, trang thiết bị cho các phòng học.
- Tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên.

* Về môi trường, cảnh quan hiện nay

* Về đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng giao diện của thiết bị trong hệ thống công nghệ thông tin hiện nay

Bảng 9.5.2. Mức độ hài lòng của CB, GV và SV khoa LLCT – GDCD về mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng giao diện của thiết bị trong hệ thống CNTT hiện nay

Mức độ hài lòng	SV		CB, GV		Tổng		X H
	SL	%	S L	%	S L	%	
Rất hài lòng	175	40. 6	15	46. 9			
Hài lòng	137	31. 7	9	28. 1			
Hài lòng nhưng vẫn còn những điều cần điều chỉnh để tốt hơn	119	27. 6	8	25			
Chưa hài lòng	0	0	0	0			
Rất không hài lòng	0	0	0	0			

*** Ý kiến:**

Ý kiến chung: Đa số ý kiến hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu sử dụng giao diện của thiết bị trong hệ thống CNTT hiện nay của nhà trường: phù hợp, dễ truy cập, thông tin của trường được cập nhật trên web. Trang web của trường và khoa thường xuyên cập nhật thông tin. Tuy nhiên, giao diện web còn chưa rõ ràng, cần hiện đại hơn.

Ý kiến CB, GV: Dễ dàng truy cập web của trường và khoa, có mạng phủ khắp toàn trường, đủ sử dụng, đáp ứng cơ bản. Tuy nhiên, giao diện web còn chưa rõ ràng, cần hiện đại hơn. Kết nối thông tin giữa các khoa, cá nhân, đơn vị còn chưa có.

Ý kiến của SV: SV được tạo điều kiện hết mức để sử dụng các thiết bị công nghệ của nhà trường. Tuy nhiên khi đông người sử dụng có hiện tượng nghẽn.

* Một số góp ý:

- Các mục của trang web trường và khoa cần cập nhật thông tin kịp thời.
- Thiết kế giao diện rộng hơn, thông tin sắp xếp khoa học dễ tìm hơn.
- Cá nhân tự update kiến thức chuyên môn và được tập huấn.
- Bổ sung các thông tin theo link liên kết.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và được triển khai chi tiết cụ thể. Nhà Trường luôn quan tâm đến bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự, an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ GV và NH; Môi trường thiết kế đã có đáp ứng được phần nào các nhu cầu sử dụng của NH..

3. Điểm tồn tại

Một số phòng làm việc/phòng học cần được lưu ý về công tác vệ sinh kịp thời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
0	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác về sinh trong các phòng làm việc và phòng học.	Khoa LLCT – GDCD Trường ĐHSPHN	Từ năm học 2023 – 20024	

	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác an toàn vệ sinh môi trường	Khoa LLCT – GDCD Trường ĐHSPHN	Hàng năm	
--	--------------------	---	-----------------------------------	----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận chung về tiêu chuẩn 9

Là một trong những ngành khoa học giáo dục đang được sự quan tâm của xã hội cũng như thị trường lao động, khoa LLCT – GDCD được nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Bên cạnh đó, khoa cũng nỗ lực trong việc đầu tư cho hệ thống cơ sở vật chất, môi trường làm việc và học tập trong khoa. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại về cơ sở vật chất và trang thiết bị mà Nhà trường và Khoa cần khắc phục trong những năm học tới.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 9:

Tiêu chuẩn 9	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 9.1				4			
Tiêu chí 9.2					5		
Tiêu chí 9.3				4			
Tiêu chí 9.4					5		
Tiêu chí 9.5				4			

Điểm tiêu chuẩn	4.4
-----------------	-----

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường ĐHSPHN là một trong những cơ sở đầu ngành của cả nước về đào tạo cử nhân sư phạm ngành GDCT. Ngay từ khi bắt đầu mở mã ngành đào tạo, nhà trường và khoa LLCT-GDCD đã rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Công tác đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện chặt chẽ, thường xuyên và có hệ thống, từ việc thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, chuyên gia) để thiết kế và phát triển, cải tiến chương trình dạy học đến việc thường xuyên rà soát để đảm bảo chất lượng quá trình dạy-học phù hợp với chuẩn đầu ra, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như phòng thí nghiệm, thư viện, trung tâm công nghệ thông tin..., xây dựng quy trình, cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, ngay từ năm 2005, Trường ĐHSP Hà Nội đã thành lập Trung tâm đảm bảo chất lượng và khảo thí theo quyết định số 437/QĐ-ĐHSPHN-TCCB ngày 21 tháng 3 năm 2005 và sau đó được đổi tên thành Trung tâm đảm bảo chất lượng theo quyết định số 4573/QĐ-ĐHSPHN ngày 09 tháng 07 năm 2018. [H10.10.01.01]. Nhà trường giao cho Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối để thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan (cựu sv, nhà khoa học chuyên môn, GV, cán bộ quản lý, đại diện

của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động...) để làm cơ sở tham mưu cho Nhà trường trong công tác ĐBCL.

Trường và Khoa đã và đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống, từ việc thu nhận thông tin phản hồi về nhu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu SV, nhà tuyển dụng) để thiết kế và phát triển chương trình dạy học (CTDH) đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Từ năm 2019 đến 2024, TT ĐBCL đã ban hành nhiều công văn, thông báo, hướng dẫn về việc lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở tham mưu cho ban giám hiệu trong hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường [H10.10.01.02] được bổ sung, phát triển liên tục và hoàn thiện nhất ở Hướng dẫn số 578/HD-ĐHSPHN ngày 10/12/2021 với 7 bước sau:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch khảo sát – Các đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết theo kế hoạch của Nhà trường và gửi lên TTĐBCL.

- Bước 2: Thu thập thông tin phản hồi – Tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch.

- Bước 3: Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu – Các đơn vị thống kê, tổng hợp dữ liệu và chuyển dữ liệu khảo sát gốc cho TTĐBCL.

- Bước 4: Viết báo cáo tổng hợp – Xử lý dữ liệu khảo sát của các đơn vị, viết báo cáo tổng hợp.

- Bước 5: Công bố báo cáo tổng hợp – Công bố báo cáo tổng hợp, gửi kết quả đến Hiệu trưởng; Gửi dữ liệu tách riêng đến các đơn vị liên quan.

- Bước 6: Cải tiến và thực hiện cải tiến – Họp thảo luận về kết quả đánh giá và lập kế hoạch cải tiến và gửi kế hoạch cải tiến cho TTĐBCL.

- Bước 7: Lưu trữ - Lưu trữ dữ liệu và minh chứng; Báo cáo kết quả khảo sát; Dữ liệu gốc kết quả đánh giá.

Hằng năm, Trung tâm thực hiện xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo chất lượng cho năm học; lấy ý kiến của SV về chất lượng giảng dạy học phần cuối mỗi kỳ, lấy ý kiến của SV năm cuối về chất lượng khóa/ngành đào tạo, định kỳ lấy ý kiến của nhà khoa học chuyên môn, GV, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về CTĐT và lấy ý kiến của người học đối với đội ngũ phục vụ (cán bộ hành chính) ..., [H10.10.01.03], [H10.10.01.04].

Khoa có vai trò phối hợp thực hiện công tác lấy ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo khối ngành KHXH; ý kiến người học về các học phần chung [H10.10.01.03], [H10.10.01.04].

Khoa cũng chủ động lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình đào tạo [H10.10.01.5] cụ thể: Năm 2019 và 2021 Khoa đã tiến hành lấy ý kiến của đại diện giảng viên Lí luận chính trị trường Cao đẳng, Đại học và cựu người học trong cuộc họp lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình đại học ngành GDCT. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bên liên quan, Khoa LLCT – GDCD đã có những điều chỉnh trong chương trình đào tạo năm 2020 và 2022. So với chương trình đào tạo năm 2015, chương trình năm 2020 đã có những thay đổi rõ rệt khi thay đổi mục tiêu, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm, từ đó làm thay đổi khung nội dung chương trình, bỏ đi nhiều môn học phục vụ cho việc giảng dạy ở phổ thông, chú trọng nhiều hơn vào các môn học đáp ứng việc thay đổi trong công văn dạy các môn LLCT năm 2018. Đây là 1 sự thay đổi lớn của chương trình đào tạo so với trước đó. Vì thế, đến chương trình năm 2022 chỉ còn một chút điều chỉnh so với trước đó về mục tiêu, phương pháp kiểm tra, đánh giá. Những minh chứng này là những căn cứ xác đáng để khẳng định rằng khoa

LLCT – GDCD đã có những điều chỉnh chương trình đào tạo qua các năm, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội và tăng khả năng tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. [H10.10.01.06].

Ngoài ra, trong quá trình đưa sinh viên đi thực tập sư phạm tại các cơ sở giáo dục, cán bộ trưởng đoàn TTSP của Khoa thường xuyên bám sát đoàn thực tập, lắng nghe những phản hồi của cơ sở giáo dục về chất lượng SV thực tập, đề xuất những mong muốn của cơ sở giáo dục để từ đó báo cáo với hội đồng khoa học Khoa để điều chỉnh, thay đổi chương trình đào tạo sao cho phù hợp với nhu cầu của thực tiễn. [H10.10.01.04]

Khoa còn thường xuyên liên hệ với các trường THPT, cựu người học các khóa qua nhiều phương tiện khác nhau như Facebook, Zalo, Trang fanpage của Khoa... để nắm bắt nhu cầu của các trường THPT, tình hình công việc của cựu người học và lấy ý kiến đề xuất của họ để nâng cao chất lượng sinh viên sau khi ra trường, đáp ứng những yêu cầu của thực tiễn xã hội.

2. Điểm mạnh

Có hệ thống thu thập thông tin từ Trường đến Khoa về những phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (sinh viên, cựu sinh viên, người sử dụng lao động, giảng viên, nhà quản lý). Những ý kiến đã được sử dụng để làm cơ sở thiết kế và phát triển chương trình.

3. Điểm tồn tại

- Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được thực hiện với số lượng đông đảo;

- Về thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kỳ đánh giá: Đã tiến hành lấy ý kiến nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	<p>- Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhiều sinh viên đã tốt nghiệp và nhiều nhà tuyển dụng hơn để có thêm thông tin về việc đánh giá chất lượng sản phẩm đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động để có hướng cải tiến chương trình đào tạo phù hợp.</p> <p>- Khoa sẽ tiến hành thống kê nhu cầu của các bên liên quan, họp hội đồng khoa học để xem xét các ý kiến và điều chỉnh, bổ sung cho CTDH và CTĐT nếu thấy cần thiết.</p>	<p>Khoa LLCT – GDCD</p> <p>Khoa LLCT - GDCD</p>	Từ năm học 2024 – 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	<p>- Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV và cựu SV</p> <p>- Duy trì họp HĐKH Trường và Khoa thường xuyên để rà soát CTDH</p> <p>- Thường xuyên rà soát CTĐT</p>	<p>TTĐBL C</p> <p>Phòng đào tạo</p> <p>Khoa LLCT - GDCD</p>	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

CTDH, CTĐT cử nhân GDCT theo học chế tín chỉ được ban hành theo quyết định Số 9779/QĐ-ĐHSPHN-ĐT ngày 7/12/2017 của trường ĐHSPHN, chương trình được thiết kế căn cứ vào CĐR được ban hành năm 2019, theo một qui trình chặt chẽ gắn liền với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và nhiệm vụ được giao và đảm bảo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H10.10.02.01], [H10.10.02.02]. Cụ thể là:

- Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo.
- Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của CTĐT, XD CTĐT đảm bảo mục tiêu ĐT và CĐR.
- Bước 4: Đối chiếu, so sánh với CTĐT cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài.
- Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo.
- Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, CBQL, các nhà KH, người sử dụng lao động, cựu SV...
- Bước 7: Hoàn thiện dự thảo CTĐT trên cơ sở góp ý và phản hồi của các bên liên quan.

Từ năm 2019 đến 2021, Trường ĐHSPHN đã ban hành nhiều CV quy định CĐR của CTĐT, ban hành CTĐT và nhiều hướng dẫn về Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và chương trình bồi dưỡng của trường ĐHSPHN, bước đầu tạo hành

lang pháp lý và hướng dẫn thực hiện có hiệu quả việc ban hành cũng như điều chỉnh, bổ sung các CTĐT trong đó có CTĐT cử nhân ngành GDCT.

Với những hướng dẫn chi tiết và cụ thể đó, TTĐBCL phối hợp với Khoa LLCT-GDCD đã tiến hành đánh giá về chương trình ĐT thông qua các cuộc họp lấy ý kiến của các bên liên quan và các cuộc họp của hội đồng khoa học Khoa [H10.10.02.03]. Đây chính là những căn cứ xác đáng để Khoa đưa ra những cải tiến, thay đổi, điều chỉnh trong chương trình ĐT của Khoa ngành GDCT, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của thị trường lao động, tạo cơ hội việc làm cho SV sau khi ra trường [H10.10.02.04].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến theo quy trình chặt chẽ, hợp lý và đúng quy định. Việc đánh giá và cải tiến CTĐT được thực hiện năm 2019 và 2021 theo thông tin phản hồi các bên liên quan về CTDH. Các ý kiến hoạt động đánh giá có sự tham gia đồng đẳng của các chuyên gia đầu ngành về GDCT, cán bộ quản lý các cấp, GV, SV đang học, cựu SV và nhà tuyển dụng. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Các học phần còn nặng tính lý thuyết, cần tăng thời lượng thực hành và chú trọng rèn luyện kỹ năng trong các học phần phương pháp dạy học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Định kỳ rà soát và điều chỉnh việc phân bố thời lượng thực hành ở tất cả các học phần - Định kỳ rà soát để điều chỉnh tài liệu tham khảo mới, có tính cập nhật 	Phòng ĐT Khoa	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	Tích cực tham vấn ý kiến các bên liên quan về CTDH	Phòng ĐT Khoa	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích với CDR. Quá trình dạy và học, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần mà GV phải thực hiện. Đề cương học phần thể hiện rõ phương pháp kiểm tra đánh giá bao gồm đánh giá thường xuyên, đánh giá qua các bài thực hành, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tự luận, trắc nghiệm, bài thực hành, dự án. [H10.10.03.01].

Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Hệ thống các PPDH, kiểm tra đánh giá thường xuyên được rà soát. So với các phiên bản CTĐT trước đó, CTĐT năm 2022 đã có những cải tiến, cụ thể:

Về phương pháp giảng dạy, trong CTĐT năm 2022, các PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá được xây dựng dựa trên CĐR và nội dung học tập. Toàn bộ các môn học/ học phần trong CTDH đã xác định được rõ ràng tổ hợp PPDH, phương pháp học tập và phương pháp kiểm tra đánh giá người học một cách phù hợp, góp phần đạt được CĐR và ma trận kỹ năng [H10.10.03.02], [H10.10.03.03], [H10.10.03.04]. Trong ma trận các PPDH và KTĐG, CTDH ngành GDCT sử dụng 13 phương pháp dạy học, 8 phương pháp kiểm tra đánh giá cho thi giữa kỳ và 9 phương pháp kiểm tra đánh giá cho thi cuối kỳ.

Mỗi môn học đều sử dụng kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp dạy học hiện đại, trong đó nhấn mạnh sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của người học như: Thảo luận nhóm, tình huống, dạy học theo dự án, động não, đóng vai, thực hành trải nghiệm. Những nội dung lý thuyết sẽ sử dụng các PPDH như: thuyết trình, vấn đáp; các phương pháp học tập như: nghe giảng và ghi chép, nêu vấn đề, làm báo cáo và thuyết trình; các phương pháp kiểm tra đánh giá như trắc nghiệm với câu hỏi đúng/sai, câu hỏi ngắn. Những nội dung thực hành sẽ sử dụng các PPDH như: dạy học dự án, tình huống, đóng vai; các phương pháp học tập như: thực hành, làm tiểu luận, làm báo cáo và thuyết trình..... Sự đa dạng phương pháp dạy học giúp tăng khả năng tiếp thu kiến thức, cải thiện về kỹ năng và hình thành mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm cho SV trong quá trình học tập, qua đó SV đạt được CĐR của CTĐT. Các phương pháp học tập của người học cũng được xác định rõ ràng, các phương pháp học tập thúc đẩy

sự chủ động của người học như: tự đọc và nghiên cứu tài liệu, làm báo cáo, tiểu luận, thảo luận, thực hiện dự án nghiên cứu....

Nếu như các năm trước đó hình thức kiểm tra, đánh giá chủ yếu là thi viết tự luận thì từ năm 2022 căn cứ vào *Chương trình đào tạo* [H10.10.03.01] và *Ma trận kiểm tra đánh giá* [H10.10.03.04], các GV xây dựng các kế hoạch kiểm tra đánh giá với các phương pháp đánh giá khác nhau tùy theo tính chất và đặc điểm của các học phần. qua bài thi cuối kì về cơ bản các học phần của chuyên ngành GDCT vẫn sử dụng hình thức thi viết.

Về phương pháp kiểm tra đánh giá bài thi kết thúc học phần, theo *Thống kê các phương pháp kiểm tra đánh giá ngành GDCT* [H10.10.03.04], hiện nay chỉ có 03 học phần được đánh giá thông qua thi viết kết hợp với hình thức bán trắc nghiệm, còn lại các học phần khác vẫn áp dụng phương pháp kiểm tra đánh giá viết dưới dạng bài tự luận.

Về phương pháp kiểm tra đánh giá bài kiểm tra giữa kì, hầu hết các giáo viên đều áp dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết hợp để đánh giá sinh viên: chỉ có 01 học phần sử dụng 1 cách đánh giá, nhiều học phần sử dụng 3 - 4 phương pháp đánh giá. Điều này cho thấy, các GV đã chủ động sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá trong việc đánh giá giữa kì.

Quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. Kết thúc mỗi kì học, khoa LLCT – GDCD phối hợp với TT ĐBCL của Nhà trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan đến chất lượng hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động kiểm tra đánh giá [H10.10.03.05],[H10.10.03.06],[H10.10.03.07]. Hoạt động kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy của GV thông qua các học phần và học phần chung trên các tiêu chí: việc thực hiện nội quy của GV, sự quan tâm của GV đối với SV, tổ chức quản lí lớp học, sự hài lòng của người học với GV. Các học phần trong CTĐT trình độ đại học ngành GDCT đều được lấy ý kiến trong báo cáo về kết quả khảo sát SV đánh giá kết quả giảng dạy học phần

[H10.10.02.08]. Việc đánh giá quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập của người học thông qua các số liệu đánh giá về CTĐT, việc tổ chức thực hiện hoạt động dạy học, đánh giá phương pháp giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và kết quả đạt được so với mục tiêu đào tạo.

Từ những ý kiến phản hồi từ NH và người dạy, Nhà trường Khoa và bộ môn sẽ rà soát việc dạy học và đánh giá NH có phù hợp với chuẩn đầu ra hay không và những tồn tại để khắc phục được những điểm tồn tại đó, cụ thể: Khoa thường xuyên tổ chức các buổi dự giờ đối với những giảng viên trẻ nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho sinh viên. Việc làm này được tiến hành ở cấp bộ môn đối với các học phần do bộ môn quản lý. Việc triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học; phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR thông qua các buổi dự giờ và kết quả đánh giá định kì và đánh giá cuối mỗi học phần. Kết thúc mỗi học kì, trung tâm đảm bảo chất lượng của Trường đều phối hợp với Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan đến chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Bên cạnh đó, Khoa thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban chủ nhiệm Khoa, Trợ lí học phần và các cố vấn học tập, Bí thư liên chi đoàn, Chi đoàn cán bộ nhằm kịp thời nắm bắt về tình hình chung của sinh viên. Các ý kiến phản hồi là căn cứ để Khoa điều chỉnh quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy – học và đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên, nghiêm túc. Các ý kiến phản hồi được thu thập khách quan, minh bạch nhằm đưa ra những điểm mạnh, điểm hạn chế nhằm tìm hướng cải tiến, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Các hình thức kiểm tra

đánh giá đa dạng, linh hoạt phù hợp với đào tạo tín chỉ. Kết quả học tập của SV được công khai, minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động dạy và học các phương pháp kiểm tra đánh giá còn chưa đa dạng, vẫn chủ yếu đánh giá thông qua hình thức tự luận là chủ yếu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động để đánh giá dạy và học của GV thường xuyên hơn; tích cực dự giờ chuyên môn; GV có kinh nghiệm chuyên môn bồi dưỡng cho GV trẻ...	Khoa đề xuất với nhà trường	Từ năm học 2024-2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện Đánh giá chất lượng của NH thông qua nhiều hình thức, hoạt động khác nhau.	Khoa đề xuất với nhà trường	Từ năm học 2024-2025	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

2018- 2019	0	2	3	2019	28	3	13	2	23
2019- 2020	1	4	0	2020	10	3	26	5	7
2020- 2021	1		01	2021	26	4	22	4	33
2021- 2022	3	3	0	2022	17	0	21	1	14
2022- 2023	3	2	0	2023	17	3	31	3	15
				4/2024	6	2	5	1	1

Những đề tài NCKH của khoa đều có mối liên quan với việc dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Khoa. Ví dụ, đề tài cấp thành phố năm 2018-2020 “*Hiệu quả giáo dục lý tưởng cách mạng cho sinh viên Khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội trong giai đoạn hiện nay*” do PGS.TS. Phạm Việt Thắng thực hiện có liên quan trực tiếp đến học phần Triết học Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy lý thuyết và giáo dục, hình thành lý tưởng cách mạng cho sinh viên; đề tài cấp trường năm 2019 “*Các phương pháp giáo dục chính trị của Hồ Chí Minh và sự vận dụng vào giáo dục chính trị cho sinh viên các trường đại học hiện nay*” của TS. Lê Hoàng Nam hoặc năm 2020 của TS. Tiêu Thị Mỹ Hồng “*Sử dụng mô hình lớp học đảo ngược trong dạy học các môn lý luận chính trị nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên trường Đại học sư phạm Hà Nội*” đã góp phần nâng cao chất lượng dạy và học các học phần lý luận chính trị; cung cấp thêm cho sinh viên ngành giáo dục chính trị những hình thức và phương pháp

học tập hiệu quả. Đặc biệt, nhiệm vụ cấp trường “*Xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi theo định hướng phát triển năng lực của người học cho sinh viên trường DHSP Hà Nội*” sẽ phục vụ rất hiệu quả cho công tác giảng dạy và học tập các học phần liên quan đến kiểm tra đánh giá theo năng lực cho sinh viên ngành GDCT.

Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học là sách, báo đã được chuyển tải thành các nội dung giảng dạy trong các học phần của chương trình đào tạo. Ví dụ: sách “*Những vấn đề cơ bản của Logic hình thức*” của nhóm tác giả là giảng viên của khoa đã được vận dụng rất hiệu quả vào học phần “Logic học” cho sinh viên ngành GDCT. Các bộ sách như “Nâng cao chất lượng giảng dạy tác phẩm chính trị Hồ Chí Minh”, “Nâng cao chất lượng dạy học tác phẩm Hồ Chí Minh” ,; đã được chuyển tải thành các nội dung giảng dạy trong các học phần chuyên ngành của sinh viên ngành GDCT và chuyên ban Lịch sử Đảng- Tư tưởng Hồ Chí Minh như: Tác phẩm Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tác phẩm Hồ Chí Minh về chính trị. Các bộ sách hệ thống câu hỏi ôn tập, trắc nghiệm cũng được giảng viên của khoa sử dụng là công cụ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong các học phần Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Kinh tế chính trị,...

Công tác xuất bản sách, giáo trình cũng được các GV trong khoa đặc biệt quan tâm, đã có rất nhiều cuốn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên ngành được xuất bản. Những tài liệu này là tâm huyết của các giảng viên khoa LLCT – GDCD nhằm mang lại cho người học những tài liệu học tập có sự đầu tư chín chu về chất lượng, mang tính chuyên môn cao, dựa trên những nhu cầu cũng như tình hình thực tế của sinh viên và gắn liền với đòi hỏi của thực tiễn xã hội và các nhà tuyển dụng, phục vụ cho hoạt động đào tạo của khoa [H10.10.04.04]. Bên cạnh đó, các giảng viên của Khoa cũng tích cực tham gia viết bài cho các hội thảo, hội nghị, tạp chí trong nước và quốc tế về nâng cao chất lượng, phương pháp giảng dạy để phục vụ cho quá trình dạy và học của khoa [H10.10.04.05].

Kết quả thống kê từ 2019 đến 5/2024, Khoa có 250 bài báo nghiên cứu của cán bộ, giảng viên công bố trên các tạp chí, hội thảo quốc tế, trong đó có những công bố trên các tạp chí uy tín trong danh mục Scopus (9 bài); 108 sách chuyên khảo, tham khảo, sách hướng dẫn và sách giáo khoa phục vụ đào tạo và bồi dưỡng ở các bậc học. Tuy nhiên, các công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín còn khiêm tốn.

Khoa LLCT – GDCD được sự hỗ trợ, tạo điều kiện của nhà trường, phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể đã thường xuyên tổ chức các xemina, hội nghị, hội thảo cấp quốc gia, mời các chuyên gia đầu ngành đến báo cáo nhằm tạo cơ hội cho GV, SV toàn khoa được giao lưu, học hỏi [H10.10.04.06]. Từ năm 2019 đến nay, hàng năm, nhóm nghiên cứu về Trung Quốc của khoa (do PGS.TS Phạm Việt Thắng đại diện) đã báo cáo tham luận tại Hội thảo khoa học Quốc tế thường niên “Dương Minh học Đông Á với các phái Dương Minh học khu vực” tổ chức tại Trung Quốc. Cuối năm 2019, Khoa đã cùng với Trường mời đoàn đại biểu khoa Triết học Mác của Đại học Cát Lâm (Trung Quốc) sang toạ đàm, trao đổi về giảng dạy và nghiên cứu lý luận chính trị. Hiện nay, khoa đang tiếp tục làm việc với trường Đại học Quảng Tây (Trung Quốc).

Hàng năm, hội nghị sinh viên NCKH cũng được khoa tổ chức định kỳ [H10.10.04.07]. SV tham gia NCKH được vận dụng các kiến thức lý thuyết đã học vào giải quyết một tình huống, vấn đề phát sinh trong thực tiễn. Từ đó, giúp sinh viên hiểu cặn kẽ về kiến thức lý thuyết cũng như bồi dưỡng lòng đam mê và năng lực nghiên cứu khoa học. Trong các năm học từ 2019 đến 2024, Khoa đều có các báo cáo tham dự hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Trường và giành giải Ba, giải Khuyến khích. Đặc biệt, trong năm học 2019-2020, Khoa có 3 đề tài tranh giải cấp Trường (1 đề tài giành giải Nhì, 2 đề tài giành giải Ba) trong đó 1 đề tài được cử tham dự sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ. [H10.10.04.08]

Khoa cũng đã lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về việc áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học thông qua nhiều hình thức khác nhau như: phỏng vấn trực tiếp hoặc qua các diễn đàn đầu năm giữa cán bộ, giảng viên của khoa với sinh viên hoặc qua các toạ đàm chuyên đề như: Toạ đàm về phương pháp học tập ở đại học; Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học do Ban chủ nhiệm khoa hoặc Liên chi đoàn tổ chức [H10.10.04.09]. Các đề tài nghiên cứu được sinh viên đánh giá mang tính khả thi cao, là nguồn tài liệu tham khảo tốt cho các học phần trong chương trình đào tạo. Sinh viên cũng rất quan tâm và nhận thấy sự hữu ích của các đề tài có hướng nghiên cứu liên quan các vấn đề lý tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tôn giáo; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Thông qua các hoạt động trên, khoa cũng nhận được những phản hồi tích cực của sinh viên về việc áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học, từ đó có những điều chỉnh cho phù hợp. Tuy nhiên, cũng cần xây dựng một công cụ hoàn chỉnh hơn để có thể khảo sát phản hồi của sinh viên một cách hiệu quả hơn.

Như vậy, các sản phẩm, các công trình NCKH của Khoa đã được ứng dụng trong quá trình dạy và học, các kết quả NCKH đã góp phần cải tiến hoạt động giảng dạy của GV, giúp gắn lý thuyết với thực hành, đồng thời những sản phẩm đó cũng góp phần nâng cao hoạt động học của người học.

2. Điểm mạnh

GV, SV tích cực tham gia NCKH, các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ cộng đồng, kết quả NCKH được áp dụng vào hoạt động dạy và học. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước ngày càng tăng.

3. Điểm tồn tại

Do tính đặc thù của ngành đào tạo nên các công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa LLCT – GDGD được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn ít, chưa có nhiều bài đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI, SCOPUS. Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực viết bài công bố quốc tế Xây dựng công cụ hiệu quả để khảo sát ý kiến phản hồi của người học về áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học	Cán bộ Khoa LLCT – GDGD	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn	Cán bộ Khoa LLCT - GDGD	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giảng dạy, học tập và NCKH vì vậy Nhà trường luôn giám sát, đánh giá và cải tiến của các dịch vụ này.

TT ĐBCL được giao làm nhiệm vụ đầu mối thực hiện các công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi các BLQ theo quyết định của Nhà trường năm 2020. Năm 2018, TT ĐBCL Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Quy trình này được cải tiến năm 2020 và 2021. [H10.10.05.01].

Nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi từ SV hàng năm thể hiện ở nội dung các “Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN” hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV đều hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường. Để đánh giá độ tin cậy của bộ công cụ đánh giá, các báo cáo đều thỏa mãn điều kiện tiên quyết để có thể tính điểm trung bình, phương sai... và các phép kiểm định khác trong thống kê là: phân phối điểm của các thang đo trên mẫu nghiên cứu sinh viên vừa tốt nghiệp có dạng phân phối chuẩn. Theo như các báo cáo này, thì Kết quả SV tốt nghiệp năm 2019- 2024 phản hồi ở các câu hỏi liên quan “Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích” đều đánh giá trên 75% ở mức đáp ứng tốt (mức 4 và mức 5). Chẳng hạn như đánh giá của SV tốt nghiệp năm 2021 về cơ sở vật chất, tài liệu đáp ứng các yêu cầu đào tạo được khảo sát qua 6 câu hỏi, từ câu 34 đến câu 39, về Hoạt động hỗ trợ học tập được khảo sát qua 13 câu hỏi, từ câu 40 đến câu 52, về môi trường giáo dục được khảo sát qua 7 câu hỏi, từ câu 53 đến câu 59, cho thấy SV đánh giá khá tích cực về nội dung này, các câu đều có trên 90% các ý kiến đánh giá tích cực (mức 3 trở lên). Điểm

trung bình kết quả đánh giá của SV tốt nghiệp năm 2021 của tổng 49 sinh viên khoa LLCT-GDCD được điều tra về sự hài lòng của người học về các nội dung này trung bình mỗi câu đạt trên 3,70 điểm, [H10.10.05.02].

Thông tin về kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác ở số liệu khảo sát ở các báo cáo “Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN” cho thấy xu hướng chung là mức đánh giá của sinh viên về tiêu chí này năm sau thường cao hơn năm trước cho thấy chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được cải thiện qua các năm. [H10.10.05.02].

Ngoài các báo cáo thường xuyên hàng năm, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích còn được thể hiện ở các báo cáo không thường xuyên. Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về chương trình đào tạo – khối các ngành khoa học xã hội [H10.10.05.03] năm 2019 và năm 2022. Báo cáo năm 2019 khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2015-2018, giảng viên, và nhà tuyển dụng lao động. Trong báo cáo này có nội dung hỏi về Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, sinh viên, giảng viên đều đánh giá trên 75% ở mức đáp ứng tốt (mức 4 và mức 5). Báo cáo năm 2022 khảo sát toàn bộ giảng viên tham gia giảng dạy các Chương trình đào tạo hiện hành, sinh viên ĐHSPHN tốt nghiệp năm 2022, nhà tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp năm 2022. Trong báo cáo này có nội dung hỏi về Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, sinh viên, giảng viên đều đánh giá trên 75% ở mức đáp ứng tốt (mức 4 và mức 5).

Báo cáo triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2020, [H10.10.05.04], tuy báo cáo chỉ khảo sát ngẫu nhiên sinh viên năm 2020 của khoa Địa lý, Hóa học, Tiếng Pháp, nhưng báo cáo cũng chỉ ra được phần nào thực trạng hài lòng của sinh viên về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chung của trường. Các câu hỏi về Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích,

sinh viên đều đánh giá trên 75% ở mức đáp ứng tốt (mức 4 và mức 5). Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động hỗ trợ, phục vụ trong nhà trường năm học 2022-2023 [H10.10.05.04], thực hiện tháng 9 năm 2022 khảo sát trên sinh viên cả 23 khoa, tuy không nhận được kết quả trả lời của tất cả sinh viên nhưng số lượng cũng đủ lớn đủ độ tin cậy, nội dung bao quát nhiều hoạt động hỗ trợ gồm cả hoạt động nghiên cứu khoa học.

Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính các khoa trường Đại học sư phạm Hà Nội [H10.10.05.05] năm 2019 khảo sát hơn 4000 sinh viên về chất lượng phục vụ của tất cả 45 cán bộ hành chính của tất cả 23 khoa trong trường. Điểm cán bộ hành chính bị đánh giá thấp nhất ở mức trung bình là 3, 47 điểm mỗi câu hỏi, nghĩa là phần lớn sinh viên đánh giá cho thấy Chất lượng các dịch vụ được sinh viên đánh giá khá tốt.

Báo cáo kết quả khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, giảng viên về một số lĩnh vực hoạt động của trường Đại học sư phạm Hà Nội [H10.10.05.06] năm 2021 khảo sát giảng viên, cán bộ trong trường về nhiều nội dung. Ở các câu hỏi về Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này, giảng viên, cán bộ đều đánh giá trên 80% ở mức hài lòng (mức 4 và mức 5).

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích luôn được nhà trường, khoa LLCT-GDCD cải tiến.

Đối với TT TT-TV: Hệ thống phòng được bố trí khoa học, thuận tiện cho SV, GV đọc và mượn tài liệu. Do ảnh hưởng của dịch covid 19, năm 2021, trung tâm Thông tin - Thư viện có các thông báo Hướng dẫn sử dụng thư viện số [H10.10.05.07]. Để nâng cao chất lượng phục vụ của Thư viện, năm 2019 Thư viện Trường điều tra về mức độ đáp ứng tài liệu của Thư viện/ Thư viện điện tử phục vụ công tác đào tạo và NCKH của GV và SV. [H10.10.05.08]. Xuất phát từ yêu cầu thực tế về bổ sung tài liệu dạy - học, Thư viện có các hợp đồng mua bán sách, báo, tạp chí hàng năm [H10.10.05.09]. Thư viện cũng thực

hiện việc rà soát, thống kê các tài liệu hiện có và thông báo đến các Khoa về việc mua bổ sung tài liệu mới. [H10.10.05.10].

SV ngành GDCT còn có thể tham khảo các tài liệu môn học của ngành GDCT trên thư viện. [H10.10.05.11].

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức giao lưu, đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với đại biểu sinh viên, học viên Sau đại học về công tác đào tạo, NCKH và công tác học sinh-SV khác cũng như cơ sở vật chất phục vụ học tập, sinh hoạt [H10.10.05.12]. Thông qua các hoạt động trên, nhà trường nắm bắt được tình hình thực tế các dịch vụ hỗ trợ cũng như nhu cầu, nguyện vọng cần hỗ trợ của NH để cải tiến chất lượng các dịch vụ.

Nhà trường cũng tổ chức ngày hội việc làm hàng năm để kết nối sinh viên với các cơ sở giáo dục đào tạo có nhu cầu tuyển dụng giáo viên. [H10.10.05.13]. Bên cạnh đó, trường cũng có trang web cụ thể người học để sinh viên có thêm hiểu biết về định hướng tương lai nghề nghiệp. [H10.10.05.14].

Về công tác Cố vấn học tập: Nhà trường có văn bản quy định về công tác cố vấn học tập được cải tiến, chẳng hạn như mở rộng số lượng cố vấn học tập tùy theo số lượng SV của từng khoa. Từ năm học 2018-2019 Khoa LLCT-GDCD có 15 cố vấn học tập phụ trách các lớp. Trong năm học 2019-2020 và năm học 2020-2021, Khoa LLCT-GDCD có 3 cố vấn học tập theo 3 mã ngành của khoa là Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân và Chính trị học. Năm học 2021-2022, Khoa LLCT-GDCD có 5 cố vấn học tập. [H10.10.05.15].

Nhà trường ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị vào 2016 và cải tiến vào 2020 để các hoạt động dịch vụ hỗ trợ được quy định rõ ràng hơn. [H10.10.05.16]. Cuối năm 2018, trường ban hành quy định quy tắc ứng xử trong nhà trường của công chức, viên chức và người lao động [H10.10.05.17] để nâng cao chất lượng dịch vụ.

Nhà trường có hệ thống giảng đường, lớp học được trang bị đầy đủ bàn ghế, bảng viết, ánh sáng, quạt mát, điều hòa, máy chiếu, các phòng học ghép, phòng học lớn được trang bị các thiết bị âm thanh trợ giảng. Ngoài ra, trường còn có ký túc xá phục vụ nơi ăn ở cho học sinh, sinh viên, học viên của trường. [H10.10.05.18]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng ban hành quy định quản lý và sử dụng tài sản công của trường Đại học sư phạm Hà Nội để tạo điều kiện cho việc sử dụng các dịch vụ của sinh viên diễn ra thuận lợi hơn [H10.10.05.19].

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch dự toán kinh phí cơ sở vật chất [H10.10.05.20], và các thông báo về việc triển khai thi công cải tạo, sửa chữa nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất [H10.10.05.21], [H10.10.05.22], để cải thiện cơ sở vật chất của nhà trường, đáp ứng tốt hơn nhu cầu người học.

Trường cũng quan tâm cải thiện dịch vụ CNTT thông qua dự án trong khuôn khổ chương trình ETEP tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội [H10.10.05.23], thông qua hội nghị xây dựng hệ thống thông tin tổng của nhà trường [H10.10.05.24]. Thêm vào đó, trường đầu tư mua các phần mềm có bản quyền CNTT [H10.10.05.25] để nâng cao chất lượng dịch vụ CNTT của trường.

Dưới tác động của dịch bệnh covid 19 vào đầu năm 2020, trường trang bị hệ thống mạng Internet rộng khắp khuôn viên Trường. Trường tổ chức tập huấn giảng viên sử dụng hệ thống quản lý học tập qua mạng [H10.10.05.26]. Khoa LLCT- GDGD cũng cử giảng viên trong khoa đi học sử dụng phần mềm CNTT trong dạy học Fitel. [H10.10.05.27].

Trường có website và các trang facebook của trường cập nhật thông tin thường xuyên cho sinh viên. [H10.10.05.28].

Các dịch vụ hỗ trợ khác ở khoa: Bên cạnh website và các trang facebook của trường, thông qua website khoa LLCT-GDGD: <http://fpe.hnue.edu.vn/>, và Fanpage khoa: Tuyển sinh Khoa Lý luận chính trị & Giáo dục công dân Đại

học Sư phạm Hà Nội, sinh viên ngành GDCT có thể có thêm nhiều thông tin hữu ích về các hoạt động của khoa, cũng như được tư vấn, giao lưu để hỗ trợ những khó khăn trong quá trình học tập ở khoa, ở trường để liên tục nâng cao chất lượng các dịch vụ [H10.10.05.29].

Như vậy, trên cơ sở thông qua phiếu khảo sát, các báo cáo khảo sát, ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị, nhà trường và khoa LLCT- GDCD cần tiến hành cải tiến hệ thống TT thông tin-thư viện, hệ thống CNTT... nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

2. Điểm mạnh

Hệ thống các dịch vụ và tiện ích phục vụ cho việc dạy học và nghiên cứu đã được nhà trường và khoa đánh giá, bổ sung, cải tiến để đáp ứng nhu cầu làm việc của giảng viên và sinh viên. Khoa LLCT- GDCD liên tục cập nhật thông tin và nâng cao chất lượng các dịch vụ thông qua các hoạt động của sinh viên như: cử giảng viên hướng dẫn nghiệp vụ sư phạm, chào tân sinh viên, nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, tham gia đại hội chi đoàn các lớp, Khoa LLCT- GDCD.

3. Điểm tồn tại

Một số dịch vụ hỗ trợ của nhà trường chưa được hỗ trợ kịp thời, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm tiến hành đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên khảo sát thông qua phối hợp cán bộ hành chính các khoa để cải tiến chất lượng dịch vụ.	Phòng Quản trị, TT. ĐBCL, TT. TT-TV Khoa LLCT-GDCD	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với CLC như thư viện, CNTT, trang thiết bị NCKH	Phòng KH-CN, Phòng Quản trị, TT. TT-TV, TT. CNTT Khoa LLCT-GDCD	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: **Đạt 5/7**

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống được đánh giá và cải tiến thông qua: Các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng - là đơn vị thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan; Các văn bản của Trung tâm Đảm bảo chất lượng hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi

của các bên liên quan; các văn bản thông tin về đánh giá và cải tiến về cơ chế phản hồi.

Về các thành phần trong mạng lưới ĐBCL bên trong của Trường ĐHSPHN, năm 2005, Nhà trường đã thành lập TT. ĐBCL và khảo thí. Năm 2018, Trung tâm được đổi tên thành Trung tâm Đảm bảo chất lượng. TT. ĐBCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, kiểm định, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường; đồng thời nghiên cứu, tư vấn về tổ chức Tự đánh giá định kì, theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT, của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc gia, khu vực. Trung tâm là đầu mối thu thập các thông tin phản hồi của các bên liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H10.10.06.01].

Việc thu thập thông tin được tiến hành một cách có hệ thống dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Năm 2018, TT ĐBCL Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác thông qua chức năng, nhiệm vụ của TT ĐBCL. Quy trình này tiếp tục được cải tiến năm 2020 và 2021. [H10.10.06.02]. Các văn bản về quy trình năm 2018, 2020 và 2021 này chính là các quy định/hướng dẫn chung của Trường về quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của từng bên liên quan (nhà tuyển dụng lao động, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cựu người học, người học, cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên hỗ trợ); các hoạt động khảo sát, công cụ và phương pháp khảo sát, cách thức tiến hành, yêu cầu về số lượng và kết quả khảo sát thu được, cơ chế sử dụng kết quả thu thập thông tin phản hồi của từng bên liên quan này để điều chỉnh CTĐT, điều chỉnh hoạt động dạy - học, các hoạt động hỗ trợ và các hoạt động cải tiến chất lượng khác cho CTĐT. Qua quy trình đó cho thấy tính hệ thống, tính liên tục của hệ thống này.

Đối sánh văn bản hướng dẫn của năm 2021 với năm 2020 có thể thấy quy trình thực hiện khảo sát đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn. [H10.10.06.02].

Bảng 10.6.1. So sánh quy trình thực hiện khảo sát năm 2020 và 2021

Quy trình khảo sát	Hướng dẫn số 84b (2020)	Hướng dẫn số 578 (2021)
Bước 1	Xây dựng kế hoạch và thiết kế phiếu khảo sát	Xây dựng kế hoạch khảo sát
Bước 2	Báo cáo kế hoạch khảo sát	Thu thập thông tin phản hồi
Bước 3	Thu thập thông tin phản hồi	Hoàn thành khảo sát, xử lý kết quả, thống kê dữ liệu
Bước 4	Hiệu chỉnh, nhập, xử lý dữ liệu và tổng hợp kết quả	Viết báo cáo tổng hợp
Bước 5	Viết báo cáo tổng hợp	Công bố báo cáo tổng hợp
Bước 6	Công bố báo cáo tổng hợp	Cải tiến và thực hiện cải tiến
Bước 7	Lưu trữ (dữ liệu, minh chứng, báo cáo)	Lưu trữ (dữ liệu, minh chứng, báo cáo)

Thông qua bảng thống kê có thể thấy, cả hai hướng dẫn có số lượng các bước thực hiện giống nhau, nhưng công việc thực hiện không hoàn toàn giống nhau. Quy trình năm 2021 hợp lý và khoa học hơn, đồng thời có thêm bước cải tiến và thực hiện cải tiến, tức là các đơn vị họp thảo luận về kết quả đánh giá, xác định các tiêu chí cần điều chỉnh, cải tiến và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, các biện pháp, giải pháp, chính sách cần cải tiến.

Cơ chế sử dụng kết quả thu thập thông tin phản hồi của từng bên liên quan này để điều chỉnh CTĐT và các hoạt động cải tiến chất lượng khác cho CTĐT đề cập ở sơ sài ở “bước 5: Phổ biến cho các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng” ở cuối quy trình năm 2018, ở “mục III.Tổ chức thực hiện” trong Quy trình năm 2020 và 2021 được nêu cụ thể hơn như phải đưa ra giải pháp cải tiến chất lượng. [H10.10.06.02].

Công tác lấy ý kiến phản hồi của từng bên liên quan được đề cập trong các quy trình các năm, qui định khá cụ thể ở “mục 3.2. Kế hoạch thực hiện” của quy trình năm 2021 [H10.10.06.02] như hình bên dưới.

Hình 10.10.06.1: “Mục 3.2. Kế hoạch thực hiện” của quy trình năm 2021

3.2. Kế hoạch thực hiện

Các đơn vị được giao nhiệm vụ lập kế hoạch khảo sát chi tiết cho năm học và gửi lên TT ĐBCL dựa vào bảng kế hoạch thực hiện dưới đây:

TT	Đối tượng	Hoạt động khảo sát	Thời gian lấy ý kiến	Công cụ khảo sát
Khảo sát thường xuyên				
1	Sinh viên	Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với Giảng viên	03 lần/ năm; Sau khi kết thúc học kỳ I, II, III	KS_SV_01
2	Sinh viên vừa tốt nghiệp	Phiếu khảo sát chất lượng ngành/khóa đào tạo (<i>Dành cho SV DHSP vừa tốt nghiệp</i>)	Tháng 06-07	KS_SVTN_02
3	Cựu sinh viên	Phiếu khảo sát tình hình sinh viên sau tốt nghiệp	Tháng 11-12	KS_VLSV_03
Khảo sát định kỳ				

4

4	Cựu sinh viên	Phiếu khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo (<i>dành cho cựu sinh viên</i>)	02 năm/ lần	KSSV_CTĐT_04
5	Giảng viên	Phiếu khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo (<i>dành cho giảng viên</i>)	02 năm/ lần	KS_GV_05
6	Nhà tuyển dụng	Phiếu khảo sát ý kiến về chương trình đào tạo (<i>dành cho nhà tuyển dụng lao động</i>)	02 năm/ lần	ĐBCL-KSCTĐT03
Các khảo sát lấy ý kiến phản hồi khác				
7	Phù hợp với nội dung cần lấy ý kiến	Lấy ý kiến về nội dung khác	Thực hiện khi có yêu cầu	

IV. Chế độ lưu trữ

Và tùy điều kiện cụ thể, các khoa, các đơn vị được giao trách nhiệm chủ trì áp dụng phương pháp thu thập điều tra xã hội học như: điều tra trên giấy (bằng giấy hoặc trực tuyến) hoặc phỏng vấn trực tiếp hoặc qua phần mềm lấy ý kiến. Năm học 2023 - 2024, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kỳ bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lý tổng thể PSC tại địa chỉ: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx> [H10.10.06.02]. TT ĐBCL phối hợp cùng Khoa thực hiện công tác định kỳ lấy ý kiến phản hồi của SV năm cuối về chất lượng ngành/ khóa đào tạo tiến hành 1 lần/năm sau khi SV năm cuối kết thúc thi tốt nghiệp cuối khóa [H10.10.06.03]; Khảo sát tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp tiến hành 1 lần/năm [H10.10.06.04]; Lấy ý kiến phản hồi của SV về công tác giảng dạy của GV tiến hành 2 lần/năm học sau khi thi kết thúc học phần [H10.10.06.05];

Các hoạt động khảo sát, công cụ và phương pháp khảo sát, cách thức tiến hành, yêu cầu về số lượng và kết quả khảo sát thu được được thể hiện rõ hơn trong các báo cáo cụ thể. [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.06], [H10.10.06.07], [H10.10.06.08], [H10.10.06.09]. Các báo cáo khảo sát do TT ĐBCL đều đảm bảo về số lượng mẫu, độ tin cậy và độ hiệu lực ở mức cao. Chẳng hạn, ở nội dung các “Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN” hàng năm. [H10.10.06.03]. Kết quả khảo sát cho thấy đa số SV đều hài lòng về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Nhà trường. Để đánh giá độ tin cậy của bộ công cụ đánh giá, TT ĐBCL sử dụng mô hình tương quan Alpha Cronbach và hệ số tin cậy Alpha của bộ công cụ đều cao đến rất cao (hệ số tin cậy Alpha các năm 2019 -2021 từ 0,83 đến 0,98, trong đó năm 2021 từ 0,95 đến 0,98). Ngôn ngữ diễn đạt trong các phiếu khảo sát được sử dụng chuẩn xác. Các nội dung phiếu được cải tiến phù hợp, và các mẫu phiếu đều có trong phụ lục của báo

cáo kết quả để tiện việc theo dõi báo cáo. Các phiếu khảo sát và báo cáo được trình bày theo nhóm nội dung dễ hiểu, khoa học và thuyết phục. Các báo cáo đều sử dụng thang đo 5 mức độ nhưng tên các mức độ đã được điều chỉnh phù hợp nội dung từng báo cáo. Chẳng hạn, “Báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính các khoa trường Đại học sư phạm Hà Nội năm 2019”, [H10.10.06.07], khảo sát hơn 4000 sinh viên về chất lượng phục vụ của tất cả 45 cán bộ hành chính của tất cả 23 khoa trong trường. Với thang đo 5 mức độ (1= Cần cải thiện; 2= Đạt; 3= Khá; 4= Tốt; 5= Xuất sắc).

Hệ thống phiếu khảo sát chất lượng ngành/ khóa đào tạo trong Phụ lục “Báo cáo kết quả khảo sát: Hiệu quả, chất lượng đào tạo – sinh viên vừa tốt nghiệp trường ĐHSPHN” hàng năm có cải tiến. Năm 2019 và 2020: phiếu khảo sát ghép các nội dung 4 phụ lục của phiếu khảo sát các năm trước thành vào chỉ có 1 phụ lục: 40 nội dung về mục tiêu, chương trình, phương pháp, kết quả đào tạo, 8 nội dung về kỹ năng, 22 nội dung về năng lực, Tình hình việc làm, câu hỏi mở về ý kiến khác. Năm 2021 và hiện nay phiếu khảo sát tăng về số lượng nội dung và chia thành nhóm nội dung để chi tiết hơn về các nội dung liên quan cơ sở vật chất và môi trường đào tạo, có 74 nội dung và hỏi tình hình việc làm thành vào chỉ có 1 phụ lục. [H10.10.06.03].

Để thực hiện “Báo cáo Kết quả đánh giá chất lượng giảng dạy học phần trường Đại học sư phạm Hà Nội (dựa trên ý kiến phản hồi của sv) theo từng học kỳ của từng năm học” [H10.10.06.05], hệ thống phiếu khảo sát cũng đều có sự điều chỉnh cho phù hợp nhằm thu thập thông tin chuẩn xác nhất. Năm học 2018-2019 và đến hết học kỳ 1 năm học 2019-2020 mẫu phiếu tên là Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với GV với 16 câu hỏi ở 5 mức độ đánh giá. Do tình hình dịch covid 19, học kỳ 2 năm học 2019-2020 mẫu phiếu đã được thay thế bằng mẫu phiếu mới là Mẫu phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với GV với 16 câu hỏi như trước, nhưng được bổ sung thêm 8 câu hỏi liên quan đến việc học online, vẫn đánh giá ở 5 mức độ đánh giá. Trong

năm học 2020-2021 mẫu phiếu có thêm một nội dung so với trước 17 nội dung (16 nội dung cũ và thêm nội dung số 2: Phổ biến tài liệu tham khảo, giáo trình, phương pháp đánh giá của môn học) và 8 nội dung online cũ. [H10.10.06.05].

Ngoài các báo cáo thường xuyên hàng năm, Trung tâm còn thực hiện khảo sát không thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) về CTĐT [H10.10.06.06] năm 2019 và năm 2022; Lấy ý kiến của người học về cán bộ hành chính [H10.10.06.07] năm 2019; Lấy ý kiến của người học về các dịch vụ công [H10.10.06.08] năm 2020 với sinh viên 3 khoa; và năm 2022 với sự mở rộng đối tượng sinh viên của cả 23 khoa và mở rộng lĩnh vực khảo sát năm 2022; Khảo sát mức độ hài lòng của CB, GV về cơ sở vật chất, trang thiết bị, chính sách Tài chính, chính sách nhân sự của trường ĐHSPTHN [H10.10.06.09] năm 2021. Có báo cáo còn mở rộng đối tượng bị khảo sát, không chỉ giảng viên, mà còn cán bộ hành chính [H10.10.06.07]. Có báo cáo đã mở rộng lĩnh vực khảo sát không chỉ về hoạt động giáo dục mà còn chế độ chính sách [H10.10.06.09]. Điều này cho thấy đánh giá để nâng cao chất lượng mang tính toàn diện hơn.

Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức giao lưu, đối thoại giữa Lãnh đạo nhà trường với đại biểu sinh viên, học viên Sau đại học [H10.10.06.10]. Thông qua hoạt động trên, nhà trường nắm bắt được tình hình thực tế các nhu cầu, nguyện vọng cần hỗ trợ của NH và các bên liên quan, để cải tiến chất lượng nội dung khảo sát.

Để đánh giá và cải tiến về cơ chế phản hồi, TT ĐBCL cũng có công văn 569/ĐHSPTHN-ĐBCL ngày 22/10/2018 Lấy ý kiến đóng góp về mẫu phiếu khảo sát đối với mẫu phiếu “phiếu lấy ý kiến phản hồi của người học đối với GV” và “phiếu lấy ý kiến phản hồi đối với cán bộ, viên chức hành chính” để nâng cao chất lượng khảo sát, đánh giá [H10.10.06.11] để tăng chất lượng phiếu khảo sát.

Hàng năm, TT ĐBCL tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập. [H10.10.06.12].

Đặc biệt, trong năm 2021, TT ĐBCL có Kế hoạch cải tiến HĐ khảo sát năm học 2021-2022 và Báo cáo cải tiến hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan năm học 2021-2022 [H10.10.06.13].

Năm học 2023 - 2024, công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với các khảo sát thường xuyên và khảo sát định kỳ bước đầu được thực hiện thông qua phân hệ khảo sát E-survey trong phần mềm quản lí tổng thể PSC tại địa chỉ: <http://esurvey.hnue.edu.vn/Systems/Security/Login.aspx> [H10.10.06.14]. Trong học kì 1, năm học 2023 - 2024, TT ĐBCL đã triển khai khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần chung được thực hiện khảo sát thí điểm qua phần mềm E – survey (đối với SV k73). Sang học kì 2, TT đã triển khai khảo sát hoàn toàn trên phần mềm E-survey đối với khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy và khảo sát chất lượng ngành/khoá đào tạo. [H10.10.06.14].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và có qui trình và qui trình được cải tiến. Ngoài các báo cáo thường xuyên hàng năm, Trung tâm còn thực hiện khảo sát không thường xuyên, điều chỉnh đối tượng và thời gian khảo sát khiến kết quả khách quan và đa chiều, toàn diện hơn.

Hệ thống phiếu khảo sát hàng năm có cải tiến.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa

dạng hình thức lấy ý kiến. Có những báo cáo như “Báo cáo triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công, 2020 (chỉ khảo sát sinh viên khoa Địa lý, Hóa học, tiếng Pháp)”, chỉ thực hiện năm 2020 và đối tượng khảo sát cũng hạn chế là chỉ sinh viên ở ba khoa chứ không đầy đủ tất cả các khoa.

4. Kế hoạch hành động

T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thời gian và phương pháp lấy ý kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn.	TT ĐBCL, Khoa LLCT-GDCD	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện khảo sát về chất lượng giảng dạy học phần trên phạm vi toàn bộ các học phần đang giảng	TT ĐBCL, Khoa LLCT-GDCD, Phòng ĐT	Từ 2024 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: **Đạt 5/7**

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Đánh giá kết quả đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Kết quả đầu ra là tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo. Công tác đánh giá kết quả đầu ra của người học ngành GDCT được thực hiện bám sát các quy định của Bộ GDĐT

và Trường ĐHSPHN. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp thông qua tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Bên cạnh đó, loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học cũng được xác lập, giám sát, đối sánh; Khoa cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của người học, cựu người học, thị trường lao động để cải tiến CTĐT và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm.

Nhà trường có bộ phận chuyên trách phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV là Phòng đào tạo; Khoa cũng có bộ phận chuyên trách phụ trách việc theo dõi, giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV là giáo vụ, quản lý SV [H11.11.01.01]. Phòng đào tạo có phần mềm riêng để quản lý cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT mà qua đó có thể theo dõi về thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.01.02]. Bên cạnh đó, các quy định chung về đào tạo cũng như quy trình xét tốt nghiệp hay thôi học đã được quy định rõ trong Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường ĐHSPHN [H11.11.01.03].

Tại Khoa, CVHT, trợ lý đào tạo, quản lý SV luôn cập nhật tình hình học tập của SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp hàng tháng và thông tin phản hồi từ Ban cán sự lớp, Ban chấp hành chi đoàn, qua đó có những báo cáo kịp thời lên BCNK để có những hướng giải quyết phù hợp khi có tình hình phát

sinh. Quản lý sinh viên cung cấp danh sách sinh viên đầu vào [H11.11.01.04] và danh sách sinh viên thôi học các năm [H11.11.01.05].

Tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp được giám sát

Hàng năm, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của SV ngành LLCT - GDCD được xác lập và giám sát chặt chẽ dựa trên các Quy định về điều kiện tốt nghiệp, Quy định về thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý SV thôi học, bỏ học hàng năm. Đồng thời, Khoa thường xuyên cập nhật về tình hình tốt nghiệp, thôi học của sinh viên qua các năm [H11.11.01.06].

Với những SV thôi học, chậm tốt nghiệp cán bộ quản lý SV, trợ lý đào tạo, CVHT đều có sự trao đổi để nắm tình hình, qua đó hiểu được những khó khăn vướng mắc của SV để có những tư vấn phù hợp cho SV, cũng như có những đề xuất kịp thời với Khoa và Nhà trường [H11.11.01.07]. CVHT; Ban cán sự lớp và Ban chấp hành chi đoàn đều nắm được tình hình SV thôi học [H11.11.01.08], [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, SV tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường. Điều này thuận tiện cho việc giám sát tình hình SV trong quá trình đào tạo.

Khi SV hoàn thành CTĐT, đủ điều kiện tốt nghiệp, SV đăng kí và viết đơn xin xét tốt nghiệp, Khoa sẽ thành lập hội đồng họp và xét tốt nghiệp, gửi kết quả lên Nhà trường [H11.11.01.10], [H11.11.01.11]. Dựa trên kết quả xét tại Khoa, Nhà trường sẽ thành lập hội đồng xét tốt nghiệp và ra quyết định công nhận và cấp bằng tốt nghiệp kèm theo danh sách SV tốt nghiệp [H11.11.01.12]. Quyết định này được công bố công khai và gửi về Khoa để lưu trữ. Hàng năm, nhà trường tiến hành xét tốt nghiệp theo 3 đợt, đợt 1 được tiến hành vào tháng 1 dành cho sinh viên tốt nghiệp sớm, đợt 2 vào tháng 5 dành cho các SV đủ điều kiện tốt nghiệp sau 4 năm học tập và đợt 3 được thực hiện vào khoảng tháng 7 đến tháng 9, dành cho các SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm khi tích lũy đủ tín chỉ

của chương trình đào tạo. Dựa trên quyết định này, Khoa tiến hành lập danh sách và theo dõi tỉ lệ SV tốt nghiệp của từng khóa học.

Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ SV bỏ học của 5 khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất :

Bảng 11.1.1. Tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành GDCT

Năm học	Khóa	Số lượng SV toàn khóa	Số lượng SV tốt nghiệp	Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp (%)
2019-2020	66	64	56	87,5
2020-2021	67	37	31	83,7
2021 -2022	68	17	13	76,5
2022 -2023	69	34	29	85,3
2023 -2024 (tính đến tháng 5/ tính đến tháng 5/2024	70	85	31	36,5

Về tỉ lệ tốt nghiệp của SV, số liệu thống kê cho thấy đa số SV ngành GDCT hoàn thành CTĐT đúng thời hạn với tỉ lệ SV tốt nghiệp (trên tổng số sinh viên đầu vào) cao đều chiếm trên 80%. Trong đó, có năm 2019-2020 tỷ lệ SV tốt nghiệp đạt 87,5%

Bảng 11.1.2: Tình hình sinh viên thôi học CTĐT ngành Giáo dục chính trị

TT	Khóa học/Năm	Số SV	Số SV thôi học toàn khóa		Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
			Số lượng (1)	Tỉ lệ (%) (2)	Số lượng (3)	Tỉ lệ (%) (4)	Số lượng (5)	Tỉ lệ (%) (6)	Số lượng (7)	Tỉ lệ (%) (8)	Số lượng (9)	Tỉ lệ (%) (10)
1	K69/2019-2020	34	3	8,82	0	0	1	2,9	2	5,8	0	0
2	K70/2020-2021	92	7	7,6	1	1,1	2	2,17	4	4,35	0	0
3	K71/2021-2022	16	1	6,25	0	0	0	0	1	6,25	0	0
4	K72/2022-2023	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	K73/2023-2024	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: - Cột (3) = Cột (2)/cột (1); Cột (5) = Cột (4)/cột (1); ...

- Số liệu kê khai theo 5 năm trong chu kỳ đánh giá.

Số liệu thống kê cho thấy, tỉ lệ SV bị buộc thôi học của ngành GDCT hàng năm chiếm tỉ lệ nhỏ so với tổng SV toàn khóa. K72,73 không có sv bị buộc thôi học. K69 có 3/34 sinh viên thôi học chiếm 2,9% vào năm thứ 2, chiếm 5,8% vào năm thứ 3. Tương tự con số này là K70 có 7/92 sinh viên thuộc diện này chiếm 1,1% tập trung vào năm thứ nhất, 2,17% vào năm thứ 2 và 4,35% vào năm thứ 3. Đến K71 có 1/16 sinh viên thôi học chiếm 6,25% ở năm thứ 3. Những sinh viên bị buộc thôi học đều có chung một lí do không tích lũy được số tín chỉ tối thiểu theo quy định. Sinh viên bảo lưu chủ yếu do hoàn cảnh gia đình, hoặc chuyển trường phù hợp hơn với nguyện vọng.

Đối sánh hằng năm về tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp để cải tiến chất lượng

Khoa LLCT - GDCT đã tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp học đối với ngành Giáo dục đặc biệt, Giáo dục Mầm non và Sư phạm Sinh học trong trường [H11.11.01.13]. Kết quả đối sánh được tổng hợp trong bảng dưới đây.

Bảng 11.1.3. Bảng đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành GDCT với các ngành khác trong trường giai đoạn 2019-2024 (tỉ lệ %)

Năm học	Tỷ lệ SV tốt nghiệp			
	GDCT	GD Đặc biệt	GD Mầm non	Sư phạm Sinh học
2019-2020	87,5	98	90,4	96,6
2020-2021	83,7	97,1	84,5	80
2021 -2022	76,5	70,3	92	81,2
2022 -2023	85,3	86	87,2	87,9
2023 -2024	36,5	35,3	67,4	76,5

Nhìn vào bảng đối sánh trên ta thấy năm học 2019– 2020 đánh dấu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp cao nhất trong chu kỳ, trong đó ngành giáo dục đặc biệt cao đến 98%, ngành GDCT và ngành GD sinh học có tỷ lệ tương đương nhau. Tuy nhiên, đến năm học 2023- 2024 tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp các ngành đều có sự sụt giảm, sở dĩ có sự thay đổi này vì yêu cầu của trường đối với sinh viên tốt nghiệp phải hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ, dẫn tới có một số lượng sinh viên nhất định chưa tốt nghiệp đúng hạn do nợ điều kiện về chứng chỉ ngoại ngữ, trong đó ngành GD đặc biệt có tỷ lệ tốt nghiệp là thấp nhất 35,3%.

Bảng 11.1.4. Bảng đối sánh tỉ lệ người học bảo lưu hoặc bị buộc thôi học ngành GDCT với các CTĐT khác trong trường giai đoạn 2019-2024

Năm học	Tỷ lệ % người học thôi học			
	CTĐT ngành GDCT	CTĐT ngành GD Đặc biệt	CTĐT ngành GD Mầm non	CTĐT ngành Sư phạm Sinh học
2019-2020	0	0	0	14,3
2020-2021	1,92	0	0	12,5
2021 -2022	11,1	0	0,32	20,6
2022 -2023	5,9	2	0,92	9,4
2023 -2024	15,2	2,9	0	12,7

Kết quả đối sánh về tỉ lệ thôi học (bảng 11.3) cho thấy tỉ lệ thôi học của ngành GDCT thấp hơn ngành Sư phạm Sinh học và cao hơn ngành Giáo dục Mầm non và Giáo dục đặc biệt. Kết quả này có thể liên quan đến số lượng SV và khả năng tìm kiếm việc làm của các ngành đào tạo khác nhau.

Căn cứ vào kết quả đối sánh cũng như việc trao đổi, thảo luận tìm hiểu nguyên nhân thôi học, chậm tốt nghiệp của SV tại các cuộc họp, Khoa sẽ đề

xuất các giải pháp để giảm tỉ lệ SV thôi học, tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp của ngành GDCT [H11.11.01.14]. Phân tích cho thấy, bản khoản về cơ hội việc làm sau tốt nghiệp, dao động trong việc chọn trường, chọn nghề là những nguyên nhân chính dẫn đến việc thôi học của SV. Để giảm tỉ lệ thôi học của ngành GDCT, Khoa đưa ra các giải pháp như: Tăng cường vai trò của CVHT trong việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của SV, giúp các em ổn định tinh thần và yên tâm học tập; Chỉ đạo Liên chi đoàn tổ chức thêm các buổi ngoại khóa, tọa đàm về phương pháp học tập, cơ hội nghề nghiệp hay kỹ năng sống để tận tâm SV có thể hòa đồng và nhận thêm sự giúp đỡ của các SV khóa trên... Để tăng tỉ lệ SV tốt nghiệp, Khoa cũng đề ra giải pháp như: Giáo vụ Khoa phối hợp cùng các CVHT thường xuyên theo dõi việc tích lũy tín chỉ của SV để đưa ra các cảnh báo sớm cũng như những tư vấn về kế hoạch học tập cho SV.

Bên cạnh việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của ngành GDCT với các CTĐT khác trong trường, Khoa LLCT – GDCD cũng đã tiến hành đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với ngành GDCT trường ĐHSP Đà Nẵng).

Bảng 11.1.5. Bảng đối sánh tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và số lượng sinh viên thôi học ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội với ngành GDCT trường ĐHSP Đà Nẵng giai đoạn 2019-2024

Năm học	Tỷ lệ SV tốt nghiệp		Tỷ lệ sinh viên thôi học	
	GDCT ĐHSP Hà Nội	GDCT ĐHSP Đà Nẵng	GDCT ĐHSP Hà Nội	GDCT ĐHSP Đà Nẵng
2019-2020	87,5	96,49	0	0
2020-2021	83,7	93,87	1,92	15,5
2021 -2022	76,5	91,3	11,1	8,3

2022 -2023	85,3	93,93	5,9	8,7
2023 -2024	36,5	71,42	15,2	19,2

Tiến hành đối sánh, ta thấy tỉ lệ tốt nghiệp ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội và ngành GDCT trường ĐHSP Đà Nẵng khá cao đều trên 80 % sinh viên tốt nghiệp đúng hạn. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn của ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng qua các năm đều cao hơn so với ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội. có năm 2021-2022 số lượng sinh viên tốt nghiệp của ngành GDCT ĐHSP Hà Nội và ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng đều thấp hơn bởi vì theo quy định sinh viên để tốt nghiệp ra trường đòi hỏi phải hoàn thành chứng chỉ ngoại ngữ. Đối với tỷ lệ % SV thôi học, tỷ lệ SV thôi học của ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng có 1 năm 2019 -2020 là không có sinh viên thôi học còn lại các năm khác đều có tỷ lệ thôi học cao hơn so với tỉ lệ thôi học của ngành GDCT ĐHSP Hà Nội. Trong đó, lý do thôi học của sinh viên ngành GDCT ĐHSP Hà Nội là chưa tích lũy đủ tín chỉ hoặc sinh viên bảo lưu chủ yếu do hoàn cảnh gia đình, hoặc chuyển trường phù hợp hơn với nguyện vọng, còn đối với SV ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng là do sinh viên không đăng ký học phần, đăng ký nhưng không học hoặc bị cảnh báo học vụ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường và khoa có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ, từ cấp Khoa với đội ngũ CVHT, Cán bộ quản lí SV, Giáo vụ Khoa đến cấp Trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm đào tạo của trường.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ SV thôi học, chậm tốt nghiệp của ngành GDCT dù chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng nếu quy ra số liệu tuyệt đối (số lượng sinh viên) vẫn là con số đáng lưu ý. Việc phân tích nguyên nhân và tìm ra giải pháp khắc phục có hiệu quả hiện tượng này chưa thực hiện được một cách triệt để.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Giảm tỉ lệ thôi học, chậm tốt nghiệp thông qua các biện pháp nâng cao tính hấp dẫn của CTĐT và tăng cường cảnh báo sớm cũng như những tư vấn về kế hoạch học tập cho SV	BCN Khoa, Phòng Đào tạo của Trường ĐHSP Hà Nội	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo	Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo vụ, Quản lý SV của Khoa	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	

		việc tốt nghiệp đúng thời hạn.			
--	--	--------------------------------	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập

Trong quá trình học tập của SV, thông qua phần mềm quản lý đào tạo, Phòng Đào tạo phối hợp cùng Giáo vụ và Cố vấn học tập chịu trách nhiệm trong việc theo dõi, thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của người học [H11.11.02.01], Khoa cũng có bộ phận chuyên trách phụ trách việc theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của SV là giáo vụ, quản lý SV [H11.11.02.02]. Nhà trường và khoa có cơ sở dữ liệu về người học tham gia CTĐT mà qua đó có thể theo dõi về thời gian tốt nghiệp của SV [H11.11.02.03]; [H11.11.02.04]; [H11.11.02.05].

Từ năm 2015, trường ĐHSPHN bắt đầu thực hiện quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo tín chỉ. Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong trường đại học kéo dài trung bình 4 năm [H 11.11.02 .06].

Căn cứ vào quy chế đào tạo của nhà trường; khoa đã xây dựng kế hoạch, chiến lược đào tạo trong đó xác lập được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tham gia CTĐT. Theo đó, SV học ngành GDCT sẽ phải hoàn thành 135 tín chỉ theo chương trình đại học thường là trong 4 năm với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 7 năm, thời gian tối thiểu là 3 năm [H11.11.02.07].

Quá trình học tập của người học được Nhà trường và khoa giám sát thông qua hệ thống quản lý đào tạo trong đó có cơ sở dữ liệu về người học tham gia

CTĐT [H11.11.02.08] qua đó có thể giám sát chặt chẽ quá trình học tập của SV từ đó nhắc nhở, cảnh báo học tập để thúc đẩy SV hoàn thành CTĐT.

Bên cạnh đó, mỗi SV đều tự theo dõi được quá trình học tập của mình (như kiểm tra được số tín chỉ đã tích lũy, kết quả học tập các môn...) thông qua tài khoản riêng của mỗi SV đã được nhà trường cung cấp trên phần mềm quản lý đào tạo của trường. Nhà trường, Phòng Đào tạo luôn nhắc nhở SV kịp thời, cập nhật trên trang tài khoản cá nhân của SV, gửi email thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, chưa hoàn thành học phần, chưa hoàn thành chương trình học... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học. Việc tìm hiểu, phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV ngành GDCT được thực hiện đầy đủ thông qua đội ngũ CVHT, từ đó hỗ trợ, nhắc nhở SV kịp thời, cảnh báo học tập để thúc đẩy SV hoàn thành CTĐT, nhất là trong việc phê duyệt các môn học chuyển đổi, học thay thế (với những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu kết quả học tập) để SV được hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Bảng 11.2.1. Thời gian tốt nghiệp và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDCT giai đoạn 2019 – 2024

TT	Năm nhập học	Tổng số SV nhập học (1)	Tổng số SV thôi học (2)	Tổng số SV tốt nghiệp		SVTN đúng hạn		SVTN năm 5		SVTN năm 6		Thời gian TN trung bình (7)
				Số lượng (3a)	Tỷ lệ (3b)	Số lượng (4a)	Tỷ lệ (4b)	Số lượng (5a)	Tỷ lệ (5b)	Số lượng (6a)	Tỷ lệ (6b)	
1	2019-2020	64	8	56	87,5	55	98,2	0	0	1	1,78	4,03
2	2020-	37	6	31	83,7	29	93,5	2	6,45	0	0	4,06

	2021											
3	2021 -2022	17	4	13	76,5	12	92,3	0	0	1	7,69	4,5
4	2022 -2023	34	5	29	85,3	27	93,1	0	0	2	6,9	4,1
5	2023 -2024 (tính đến tháng 5/202 4	85	7	31	36,5	31	100					

Ghi chú:

- Tổng số sinh viên tốt nghiệp: (cột 3a) = (cột 4a) + (cột 5a) + (cột 6a)
 - Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp: (cột 3b) = (cột 3a)/(cột 1)*100%
 - Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (cột 4b) = (cột 4a)/(cột 3a)*100%
 - Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp chậm 1 năm (cột 5b) = (cột 5a)/(cột 3a)*100%
 - Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp chậm 2 năm (cột 6b) = (cột 6a)/(cột 3a)*100%
 - Thời gian tốt nghiệp trung bình (cột 7) = $(4\text{năm}*\text{cột } 4a + 5\text{năm}*\text{cột } 5a + 6\text{năm}*\text{cột } 6a)/(\text{cột } 4a + \text{cột } 5a + \text{cột } 6a)$
- Số liệu kê khai theo 5 năm trong chu kỳ đánh giá.

Khoa và Nhà trường đã có những kế hoạch để thông báo cho SV nắm thông tin, chủ động hoàn thành chương trình học, để tốt nghiệp đúng tiến độ. Việc theo dõi, giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của người học từ phía nhà trường và khoa đã giúp SV tốt nghiệp đúng thời hạn. [H11.11.02.09], [H11.11.02.10].

Số liệu bảng 11.2.1 ở trên cho thấy, ít SV tốt nghiệp sớm, phần lớn SV ngành GDCT tốt nghiệp đúng hạn, chiếm trên 85%, và thời gian tốt nghiệp trung bình từ 4,0 đến 4,5. Năm học 2021– 2022 có số sinh viên tốt nghiệp đúng thời điểm 4 năm còn ít, chiếm dưới 50%, thời gian tốt nghiệp trung bình lên tới 4,5 năm là do thời gian học bị ảnh hưởng do dịch COVID - 19.

Kết quả về tỉ lệ SV tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp được thống kê, phân tích trong các báo cáo tổng kết hằng năm của Khoa GDCT hay các cuộc họp xét tốt nghiệp nhằm thảo luận các giải pháp để SV tốt nghiệp đúng hạn hoặc rút ngắn thời gian tốt nghiệp của [H11.11.02.11].

Qua đó cho thấy tỷ lệ này là chấp nhận được và thời gian trung bình để một sinh viên tốt nghiệp là 4 năm đến 4,5 năm. Thời gian này phù hợp với thời gian theo kế hoạch học tập của chương trình đào tạo trong sổ tay sinh viên, kế

hoạch học tập công bố trong CTĐT. Việc tốt nghiệp đúng tiến độ chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố như: thực hiện việc đăng ký môn học theo học chế tín chỉ, thực hiện đúng kế hoạch học tập của năm học do phòng đào tạo lên kế hoạch đầu mỗi năm học. Bên cạnh đó, vẫn còn tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trễ hơn so với thời gian yêu cầu, nguyên nhân có thể là do có một số môn học khó, các em phần lớn là sinh viên ở tỉnh, phải làm thêm để trang trải cuộc sống.

Bảng 11.2.2. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành GDCT với các CTĐT khác trong trường giai đoạn 2019 - 2024

Khoá	Giáo dục chính trị	Thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm)		
		Giáo dục Đặc biệt	Giáo dục Mầm non	SP Tin học
K67 (TN năm 2021)	4,03	4,04	4,2	4,2
K68 (TN năm 2022)	4,06	4,0	4,4	4,3
K69 (TN năm 2023)	4,5	4,87	4,3	4,65
K70 (TN năm 2024)	4,1	4,37	4,3	4,6

Kết quả đối sánh về thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDCT với các ngành Giáo dục đặc biệt, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Tin học (bảng 11.2.2) cho thấy thời gian tốt nghiệp của SV ngành GDCT K67,68 tương đương với ngành GD đặc biệt, thấp hơn so với ngành Giáo dục mầm non và Sư phạm

Tin học; K67 thời gian tốt nghiệp trung bình thấp nhất so với các ngành. Riêng K70 ngành GDCT thấp hơn Sư phạm Tin học, GD đặc biệt và GD mầm non

Sau quá trình khảo sát khoa tiến hành báo cáo đánh giá và dự báo xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên [H11.11.02.12]. Đồng thời, để cải thiện chất lượng đào tạo, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn, Khoa LLCT – GDCD đã tiến hành họp và đề xuất một số biện pháp cải thiện chất lượng đào tạo, hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp [H11.11.02.13] cụ thể như: khoa và nhà trường khuyến khích và có chế độ khen thưởng sinh viên hoàn tất khóa học và tốt nghiệp trước thời hạn [H11.11.02.14] đồng thời thực hiện nghiêm túc và triệt để việc học theo học chế tín chỉ giúp sinh viên linh hoạt lựa chọn các môn học để đảm bảo học đúng tiến độ hoặc học vượt trước thời hạn [H11.11.02.15]. Ngoài ra, Khoa LLCT - GDCD và nhà trường còn xây dựng thêm các môn học tương đương để giúp sinh viên có thể linh hoạt lựa chọn các môn học.

Bên cạnh việc đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành GDCT với các CTĐT khác trong trường, Khoa LLCT – GDCD cũng đã tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với ngành GDCT trường ĐHSP Đà Nẵng.

Bảng 11.2.2. Bảng đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình ngành GDCT ĐHSP Hà Nội với ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng giai đoạn 2019– 2024

Khoá	Thời gian tốt nghiệp trung bình (tính theo năm)	
	Ngành GDCT ĐHSP Hà Nội	Ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng
2020-2021	4,03	4,0
2021-2022	4,06	3,5

2022-2023	4,5	3,5
2023-2024	4,1	4,0

Tiến hành đối sánh, ta thấy thời gian tốt nghiệp trung bình ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng thấp hơn so với ngành GDCT ĐHSP Hà Nội, ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng có nhiều sv tốt nghiệp đúng hạn 4 năm, còn SV ngành GDCT ĐHSP Hà Nội có thời gian tốt nghiệp trên 4 năm, như vậy ta thấy SV ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng sẽ tốt nghiệp ra trường sớm hơn ngành GDCT ĐHSP Hà Nội. Bên cạnh đó, ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng còn có nhiều khóa sinh viên tốt nghiệp sớm hơn so với CTĐT (3,5 năm) còn ngành GDCT ĐHSP Hà Nội không có SV tốt nghiệp sớm.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDCT được xác lập và giám sát. Khoa có hệ thống CVHT sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân. Thời gian tốt nghiệp của SV được xác lập, giám sát chặt chẽ để có căn cứ đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Đã có SV tốt nghiệp sớm nhưng chỉ là một tỉ lệ nhỏ, chưa tận dụng được ưu thế của đào tạo tín chỉ với 3 kì học/năm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	---------------------	---------

1	Khắc phục tồn tại	Thiết kế kế hoạch đào tạo toàn khóa một cách tối ưu hơn để nhưng sinh viên có năng lực, có quyết tâm có khả năng tốt nghiệp sớm.	BCNK, Phòng Đào tạo của Trường ĐHSP HN	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra đặc biệt là chứng chỉ ngoại ngữ.	Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo vụ, Quản lý SV của Khoa	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập

Nhà trường và khoa đều có bộ phận chuyên trách phụ trách việc theo dõi, giám sát về tình trạng việc làm của người học sau khi tốt nghiệp là TT ĐBCL [H11.11.03.01]. TT đã tiến hành điều tra khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ cựu NH về tình hình việc làm từ đó có cơ sở dữ liệu về tình trạng việc làm của người học sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.02]. Khi thực hiện khảo sát, khoa có bộ phận hỗ trợ thực hiện và nhân sự phối hợp là Quản lý SV, sau khi điều tra thu thập số liệu Khoa sẽ tập hợp và gửi TT ĐBCL để phân tích kết quả. Căn cứ trên kết quả tổng hợp được, Trung tâm lập Báo cáo tình hình việc làm của SV sau 1 năm tốt nghiệp. Báo cáo này là cơ sở để Nhà trường điều chỉnh chỉ tiêu

tuyển sinh của các ngành, để các Khoa cải tiến chương trình đào tạo và có các biện pháp hỗ trợ SV tìm việc làm.

Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được giám sát

Bộ phận chuyên trách phụ trách việc theo dõi, giám sát về tình trạng việc làm của người học sau khi tốt nghiệp thường xuyên liên hệ với sinh viên sau khi tốt nghiệp và cập nhật dữ liệu về vị trí việc làm của sinh viên [H11.11.03.03]. Đồng thời khoa GDCT cũng tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người tốt nghiệp chưa có việc làm được thực hiện đầy đủ thông qua đội ngũ CVHT [H11.11.03.04] từ đó tư vấn sinh viên kịp thời và có sự hỗ trợ qua các kênh thông tin để người tốt nghiệp có việc làm [H11.11.03.05].

Bảng 11.3.1. Tỉ lệ có việc làm của sinh khoa GDCT từ năm 2019 - 2024

(đơn vị %)

NỘI DUNG KHẢO SÁT	Tốt nghiệp năm 2020	Tốt nghiệp năm 2021	Tốt nghiệp năm 2022	Tốt nghiệp năm 2023	Tốt nghiệp năm 2024
1. Tổng số SV tốt nghiệp	19	67	53	40	-
2. Tổng số SV khảo sát	19	67	53	40	-
3. Tổng số SV phản hồi	19	67	53	40	-
4. Tình trạng việc làm của SV có phản hồi					-
- <i>Tỉ lệ có việc làm (%)</i>	100	100	86,8	95	-

- Tỷ lệ có việc làm đúng và gần ngành đào tạo (%)	68,4	56,7	62,3	37,5	-
- Tỷ lệ đang học tiếp (%)	0	0	7,5	0	-
- Tỷ lệ làm việc trong khu vực Nhà nước	21,05	26,8	45,3	37,5	-
- Tỷ lệ làm việc trong khu vực ngoài Nhà nước	52,6	43,3	30,1	2,5	-
- Tỷ lệ làm việc trong khu vực có yếu tố nước ngoài (tổ chức nước ngoài/tổ chức liên doanh với nước ngoài tại Việt Nam)	26,3	14,9	0	0	-
Tỷ lệ tự tạo được việc làm có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo.	0	14,9	3,8	55	-
- Thu nhập bình quân/tháng (Triệu đồng)	3,5-4 triệu/tháng	4-5 triệu/tháng	5-6 triệu/tháng	5-7 triệu/tháng	-

Thống kê SV có việc làm trong 4 năm (2019 - 2024) cho thấy tỷ lệ SV của ngành GDCT có việc làm sau khi tốt nghiệp tương đối cao, đều trên 80 %, trong đó năm học 2020,2021 tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp lên đến

100%. Đồng thời, Khoa cũng tiến hành liên hệ với các đơn vị sử dụng lao động để khảo sát về số lượng, chất lượng của SV sau khi tốt nghiệp công tác tại các đơn vị [H11.11.03.06]. Tỷ lệ SV có việc làm liên quan đến ngành đào tạo từ 37,5 đến 68,4 %. Năm 2021 tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm đúng ngành cao nhất, đưa ra yêu cầu tuyển dụng giáo viên giáo dục công dân đúng chuyên ngành đào tạo. SV của khoa sau tốt nghiệp có những thuận lợi trong tìm việc làm do yêu cầu của đổi mới giáo dục. SV có việc làm sau khi tốt nghiệp. Theo bảng cho thấy, SV sau khi tốt nghiệp làm tư nhân có tỷ lệ cao nhất (là 52,6 %) sau đó đến lần lượt là làm trong Nhà nước và liên doanh, còn tự tạo việc làm và tiếp tục học chiếm tỷ lệ thấp .

Ngoài ra để tăng cơ hội có việc làm cho SV, hàng năm trường đều tổ chức ngày hội việc làm để SV có thể lắng nghe, tìm hiểu những nhu cầu của nhà tuyển dụng, từ đó hoàn thiện bản thân [H11.11.03.07].

Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được đối sánh để cải tiến chất lượng

Hàng năm, dựa trên Báo cáo tổng kết về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp của Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Khoa đã tiến hành đối sánh với kết quả điều tra của các ngành đào tạo khác trong Trường nhằm đưa ra các biện pháp nâng cao tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp [H11.11.03.08] Kết quả đối sánh tổng hợp ở bảng 11.3.2. dưới đây cho thấy, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành GDCT.

Trong đối sánh với ngành GD đặc biệt, Sư phạm Sinh học, tỷ lệ sinh viên có việc làm ngành GDCT là tương đương, tỷ lệ này thấp hơn so với khoa Tiếng Anh. Sự chênh lệch này có thể giải thích từ nhu cầu của xã hội về ngành nghề đào tạo.

Bảng 11.3.2. Bảng đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành GDCT với các ngành đào tạo khác trong trường giai đoạn 2019-2024

Năm học	Tỉ lệ % SV tốt nghiệp có việc làm			
	Ngành GDCT	Ngành GD Đặc biệt	Ngành Sư phạm Sinh học	Ngành Sư phạm Tiếng Anh
2020-2021	100	100	86,8	95
2021-2022	100	97,8	76,1	100
2022-2023	86,8	100	90,9	96,4
2013-2024	95	82,14	75	100

Từ việc phân tích, đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên ngành GDCT, khoa tiến hành báo cáo đánh giá đối sánh về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của khoa và dự báo về xu thế của sinh viên sau khi tốt nghiệp của ngành GDCT [H11.11.03.09]. Khoa đề xuất 1 số biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy cơ hội tìm kiếm việc làm của sinh viên thông qua việc Khoa đã tiến hành trao đổi, làm việc với các đơn vị sử dụng lao động để lắng nghe và tìm giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên, đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng [H11.11.03.10], liên hệ với các cựu sinh viên, đăng tin tuyển dụng trên các fanpage (hội cựu sinh viên – website mạng lưới cựu NH: allumni.hnue.edu.vn) [H11.11.03.11]

Bên cạnh việc tiến hành so sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành GDCT với các ngành đào tạo khác trong trường, khoa LLCT –GDCD còn tiến hành đối sánh tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của ngành GDCT với ngành GDCT trường ĐHSP Đà Nẵng

Tiến hành đối sánh tỷ lệ sinh viên có việc làm ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội (bảng 11.3.2) với ngành GDCT trường ĐHSP Đà Nẵng ta thấy

ngành GDCT ĐHSP Hà Nội có tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp khá cao, xấp xỉ 90% có việc làm sau khi tốt nghiệp, có năm 2020-2021, 2021-2022 có tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm đạt 100%. Trong khi đó tỷ lệ SV có việc làm của ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng chỉ từ 10% đến hơn 15%, trong đó khoảng 4% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành trong 6 tháng sau khi tốt nghiệp và khoảng hơn 10% sinh viên có việc làm đúng chuyên ngành trong 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Qua đó cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm của ngành GDCT ĐHSP Hà Nội cao hơn rất nhiều so với ngành GDCT ĐHSP Đà Nẵng.

2. Điểm mạnh

Khoa có liên hệ khá thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện hằng năm, với số lượng SV phản hồi tương đối đồng đều.

Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp của ngành GDCT đã bước đầu được xác lập và giám sát. Tỉ lệ SV tốt nghiệp ngành GDCT có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp tương đối cao; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp mới chỉ là bước đầu, chưa có những phân tích có tính dự báo. Khoa cần xây dựng dự báo từ đó đưa ra kế hoạch hành động để có thể xây dựng lộ trình theo dõi, đánh giá chính xác về số lượng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp hàng năm cũng như nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chương trình đào tạo của khoa.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khoa cần xây dựng dự báo, kế hoạch hành động để có thể xây dựng lộ trình theo dõi, đánh giá về số lượng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp	BCN Khoa, BGH, Phòng Đào tạo của Trường ĐHSP Hà Nội	Bắt đầu từ năm học 2023 -2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện thống kê thường xuyên, đầy đủ về tỉ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.	Khoa LLCT – GDCD	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.4. Loại hình, số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập

NCKH được xác định là một trong những hoạt động góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Vì thế, nhà trường đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của Ban Giám hiệu và các đơn vị, quy định về hoạt động khoa học và công nghệ, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường quy định về kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu khoa học [H11.11.04.01]. Mục đích nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên là tạo

điều kiện cho sinh viên vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Hoạt động NCKH của sinh viên được nhà trường khuyến khích và hỗ trợ với nhiều quyền lợi. Hằng năm, nhà trường và khoa đều có thông báo đến toàn bộ SV và cán bộ giảng dạy về việc đăng ký thực hiện đề tài NCKH [H11.11.04.02]

Căn cứ vào kế hoạch tổ chức sinh viên nghiên cứu của nhà trường [H11.11.04.03], hàng năm khoa đều xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học [H11.11.04.04] và dự trù kinh phí theo quy định của nhà trường. BCNK trong đó Phó chủ nhiệm khoa phụ trách hoạt động NCKH và trợ lí NCKH của khoa kết hợp với Liên chi đoàn, các bộ môn và GV hướng dẫn trực tiếp giám sát hoạt động NCKH của người học thông qua các hoạt động hướng dẫn đăng kí đề tài, góp ý đề cương, xây dựng kế hoạch và triển khai nghiên cứu. Các hướng nghiên cứu của sinh viên được các giảng viên trong khoa tư vấn, hỗ trợ giúp NH dễ dàng xác định, lựa chọn đề tài nghiên cứu. Qua các đề tài khoa học hàng năm của sinh viên cho thấy SV có xu hướng lựa chọn các đề tài NCKH giáo dục cao hơn các loại hình còn lại. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được giám sát.

Dựa trên kế hoạch của nhà trường, của khoa được công bố, Khoa tổ chức Hội nghị SVNCKH hằng năm vào tháng 3. Dựa trên báo cáo NCKH của SV tham gia Hội nghị, Hội đồng KH&ĐT khoa sẽ lựa chọn các SV có kết quả nghiên cứu tốt tham gia Hội nghị NCKH cấp Khoa, cấp Trường. Các báo cáo khoa học này được in trong Kỉ yếu của Hội nghị [H11.11.04.05].

Hằng năm, đối với hoạt động NCKH, Khoa thường xuyên tổ chức thống kê, đánh giá các hoạt động NCKH của người học [H11.11.04.06]. Đồng thời,

khoa và nhà trường cũng đưa ra những hỗ trợ về kinh phí của hoạt động NCKH [H11.11.04.07].

Bảng 11.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên CTĐT ngành GDCT

TT	Nội dung	Số lượng sinh viên tham gia				
		Năm 2019-2020	Năm 2020-2021	Năm 2021-2022	Năm 2022-2023	Năm 2023-2024
1	Tổng số SV toàn ngành GDCT	160	154	143	214	277
2	Tổng số sinh viên tham gia NCKHSV	10	20	13	5	29
3	Tổng số đề tài NCKHSV	12	13	7	1	13
4	Tỷ lệ SV tham gia NCKH/Tổng số SV toàn ngành	6,2	13	9,1	2,3	10,5
5	Kinh phí hoạt động TB/năm (triệu đồng)	4,8	4,8	4,8	7,2	7,2

Bảng trên cho thấy, sinh viên đã có ý thức tham gia sinh viên nghiên cứu khoa học. Tỷ lệ SV tham gia NCKH/Tổng số SV dao động từ 6,2% đến 13%, riêng năm 2022-2023 chỉ đạt 2,3%. Số lượng đề tài của năm 2021 – 2022, đặc biệt là năm 2022 – 2023 thấp, chỉ đạt lần lượt là 7 và 1 đề tài. Đây là hai năm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19. Năm 2024 tình hình đã trở nên ổn

định hơn số lượng đề tài tăng trở lại. Đồng thời, qua bảng ta cũng thấy kinh phí hoạt động TB hàng năm cho NCKH của SV năm 2023 -2024 cũng bắt đầu tăng từ 4,8 triệu lên 7,2 triệu.

Bảng 11.4.2. Thống kê tổng số đề tài phân theo lĩnh vực nghiên cứu của SV ngành GDCT tham gia NCKH (đơn vị: đề tài)

Năm học	Tổng đề tài	Lĩnh vực	
		Khoa học cơ bản	Khoa học giáo dục
202019-2020	12	0	12
2020-2021	13	0	13
2021-2022	7	0	7
2022 – 2023	1	0	1
2023 – 2024	13	0	13

Tất cả các đề tài của sinh viên ngành GDCT đều làm về lĩnh vực khoa học giáo dục. Điều này có thể giải thích bởi rõ tính chất sự phạm của ngành đào tạo.

Bảng 11.4.3. Số đề tài khoa học của SV ngành GDCT đạt giải các cấp từ năm 2019 – 2024 (đơn vị: đề tài)

Giải thưởng các cấp	2019– 2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023 - 2024
Cấp Khoa	02	02	02	01	02
Cấp Trường	01	01	01	01	0

Bảng thống kê trên cho thấy 5 năm gần đây năm nào khoa cũng triển khai Hội nghị SV NCKH, đề tài nghiên cứu của người học đều đạt giải cấp khoa, trường, và được gửi đi dự thi cấp Bộ. [H11.11.04.08]

Loại hình và số lượng các hoạt động NC của NH được đối sánh để cải tiến chất lượng

Để nhìn nhận một cách khách quan và chính xác hơn đồng thời làm cơ sở để nâng cao chất lượng NCKH của người học, Khoa đã tiến hành nghiên cứu đối sánh về hoạt động NCKH của người học với các khoa khác trong trường ở các năm từ 2017 – 2020 [H11.11.04.09].

Bảng 11.4.4. Đối sánh tỉ lệ sinh viên tham gia NCKH cấp khoa giữa ngành GDCT với một số ngành khác trong trường giai đoạn 2019-2024 (đơn vị: %)

Năm		Giáo dục Chính trị	Giáo dục Đặc biệt	SP Sinh học	Sư phạm Tin học	Giáo dục Mầm non	Sư phạm Tiếng Anh
2021 – 2020		6.2	43.33	17.19	17.86	3.75	17.1
2022 – 2023		13.0	45.00	23.33	18.2	6.13	36.7
2023 – 2024		9.1	36.36	16.67	18.8	9.40	8.3

Bảng trên cho thấy tỉ lệ sinh viên ngành GDCT tham gia nghiên cứu khoa học thấp hơn nhiều so với ngành GD đặc biệt, thấp hơn ngành Sư phạm Sinh học, Sư phạm Tin học, Sư phạm Tiếng Anh và tương đương ngành Giáo dục Mầm non. Đây là được xác định là mặt còn hạn chế của khoa.

Trên cơ sở giám sát và đánh giá chất lượng các đề tài NCKH của SV, Hội đồng khoa học của Khoa đã tiến hành họp và đề xuất các biện pháp để nâng cao chất lượng đề tài NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại [H11.11.04.10]. Song song với đó, Liên chi Đoàn và Chi đoàn cán bộ cũng tổ chức Tọa đàm SVNCKH để phổ biến, hướng dẫn SV về phương pháp nghiên cứu.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có sự quan tâm và có những chính sách cụ thể, thiết thực tạo động lực cho người học tích cực tham gia hoạt động NCKH.

Hàng năm, khoa có kế hoạch và cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động. Người học ý thức được vai trò của hoạt động NCKH đối với quá trình học tập và làm việc trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa cao.

Tất cả các đề tài đều tập trung vào khoa học giáo dục, chưa có chú ý đúng mức đến khoa học cơ bản.

Số lượng đề tài đạt giải thưởng còn hạn chế, giải thưởng mới chỉ dừng lại ở cấp trường.

Chưa cập nhật được dữ liệu mới nhất của một số ngành đào tạo để có sự đối sánh cụ thể, cập nhật hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo của khoa các biện pháp cải tiến chất lượng NCKH của người học. - Thay đổi cách thức quản lí, tổ chức hoạt động NCKH của SV; khuyến khích SV tham gia các đề tài KHCN các cấp, hướng tới nghiên cứu ứng dụng và công bố công trình nghiên cứu. 	BCNK, Hội đồng KHĐT của Khoa, Phòng KHCN của Trường ĐHSP Hà Nội	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH trong khoa, cập nhật các hướng nghiên cứu mới cho SV, xây dựng các cơ chế khuyến khích người học tham gia hoạt động NCKH.	BCNK, Trợ lý NCKH, Cố vấn học tập, Quản lý SV của Khoa	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

TT ĐBCL – Trường ĐHSPHN được thành lập theo quyết định số 437/QĐ-ĐHSPHN, ngày 21/3/2005. Trung tâm có nhiệm vụ khảo sát, tiếp nhận thông tin phản hồi từ các bên liên quan gồm, SV, cựu người học, nhà tuyển

dụng. Đồng thời, chủ trì và làm nòng cốt trong việc xây dựng các công cụ và tổ chức thực hiện các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong Nhà trường. Trung tâm đã xây dựng và ban hành Hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan [H11.11.05.01].

Hàng năm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng sử dụng các công cụ khảo sát là phỏng vấn, bảng hỏi và phiếu khảo sát (online/offline), thông qua phần mềm khảo sát Trung tâm đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về 5 vấn đề bao gồm: (1) Ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy; (2) Ý kiến SV về cán bộ hành chính tại Khoa đào tạo; (3) Ý kiến của SV về chất lượng Khóa/ngành đào tạo; (4) Khảo sát tình hình việc làm của cựu SV; (5) Phản hồi của người học đối với dịch vụ giáo dục của Nhà trường. Các ý kiến sau khi thu thập sẽ được Trung tâm Đảm bảo chất lượng xử lý, phân tích kết quả, báo cáo tổng hợp và cuối cùng là phổ biến đến các bên liên quan để thực hiện cải tiến chất lượng. [H11.11.05.02]

Trường ĐHSP HN giao nhiệm vụ cho các đơn vị khác trong trường hỗ trợ công tác giám sát, thu thập, lựa chọn, xử lý thông tin. Khoa cũng có bàn giao cho văn phòng khoa thu thập ý kiến phản hồi của người học [H11.11.05.03] và đã tiến hành khảo sát SV đã tốt nghiệp cũng như các đơn vị sử dụng lao động.

Về mức độ hài lòng của các bên liên quan được giám sát, Trung tâm đảm bảo chất lượng của Trường đã tiến hành thông báo khảo sát [H11.11.05.04] và xây dựng phiếu khảo sát [H11.11.05.05], tiến hành khảo sát và lập báo cáo khảo sát dành cho SV vừa tốt nghiệp về chương trình đào tạo, đánh giá về chất lượng giảng dạy, chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính khoa, cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường [H11.11.05.06]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng cũng triển khai khảo sát GV, cựu SV và Nhà tuyển dụng về chất lượng CTĐT

cũng như chất lượng của người lao động là SV tốt nghiệp từ Nhà trường để đánh giá kết quả phản hồi của SV tốt nghiệp các chương trình đào tạo và được đặt trong đối sánh với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Khoa học tự nhiên khác với nhau. [H11.11.05.07]

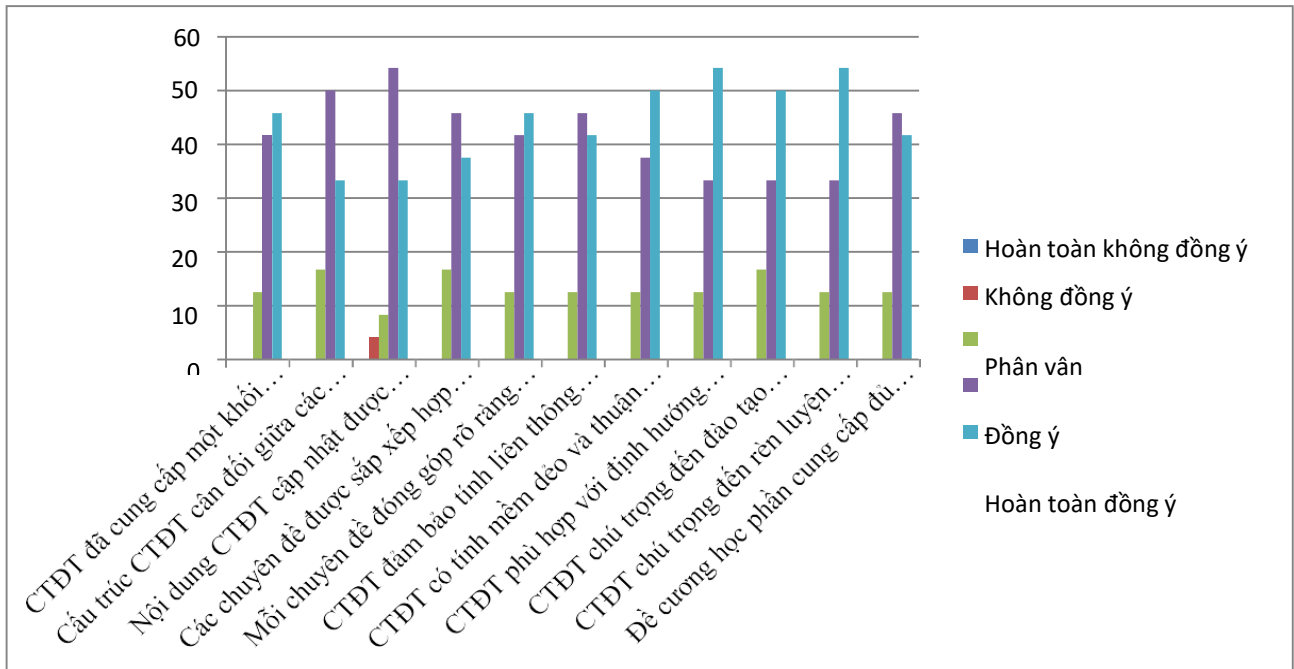
Về mức độ hài lòng của các bên liên quan được đối sánh để cải tiến chất lượng, trên cơ sở thu thập ý kiến sau khảo sát, Khoa đã tiến hành phân tích, đánh giá số liệu thu thập được từ báo cáo tình trạng việc làm của sinh viên sau khi ra trường [H11.11.05.08], báo cáo kết quả khảo sát hiệu quả, chất lượng đào tạo sinh viên sau tốt nghiệp [H11.11.05.09] để thảo luận đánh giá, điều chỉnh nội dung và cách thức đào tạo của khoa đồng thời đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn, nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo, chất lượng đào tạo [H11.11.05.10] như tăng cường đáng giá thực tiễn, kiểm kê để mua sắm học liệu, thiết bị, giáo trình kịp thời...

Đánh giá về nội dung và cấu trúc của CTDH được rút ra trên cơ sở khảo sát 48 cựu sinh viên qua bảng sau:

Bảng 11.5.1 Đánh giá của cựu sinh viên ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội về nội dung và cấu trúc của CTDH ngành GDCT

Câu	Nội dung và cấu trúc của CTDH	Mức độ đánh giá (%)				
		1	2	3	4	5
1	CTDH đã cung cấp một khối lượng kiến thức hợp lý	0	0	12.5	41.7	45.8
2	Cấu trúc CTDH cân đối giữa các khối học vấn chung, học vấn ngành và	0	0	16.7	50	33.3

	chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành					
3	Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học	0	4.2	8.3	54.2	33.3
4	Các chuyên đề được sắp xếp hợp lý, có tính hệ thống	0	0	16.7	45.8	37.5
5	Mỗi chuyên đề đóng góp rõ ràng vào việc đạt được chuẩn đầu ra của CTDH	0	0	12.5	41.7	45.8
6	CTDH đảm bảo tính liên thông ngang và liên thông dọc	0	0	12.5	45.8	41.7
7	CTDH có tính mềm dẻo và thuận lợi	0	0	12.5	37.5	50
8	CTDH phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục phổ thông	0	0	12.5	33.3	54.2
9	CTDH chú trọng đến đào tạo năng lực nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cho sinh viên	0	0	16.7	33.3	50
10	CTDH chú trọng đến rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức cho sinh viên	0	0	12.5	33.3	54.2
11	Đề cương học phần cung cấp đủ thông tin giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra học phần	0	0	12.5	45.8	41.7

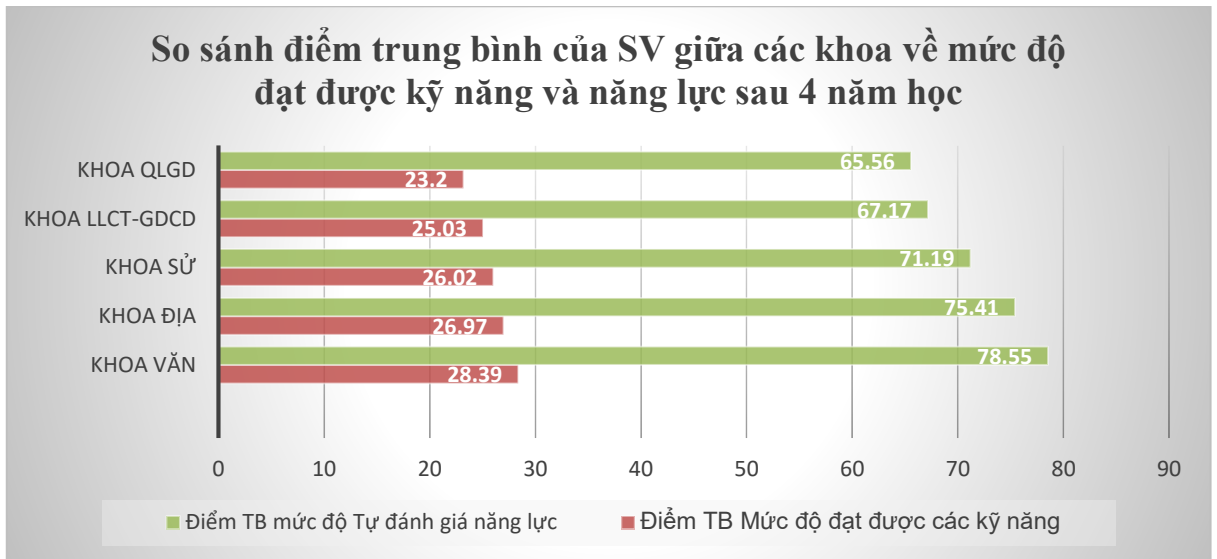


Biểu đồ 11.5.1 Đánh giá của cựu sinh viên ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội về nội dung và cấu trúc của CTDH ngành GDCT

Từ số liệu cho thấy, 80% cựu sinh viên có phản hồi tích cực về nội dung, cấu trúc, tổ chức và thực hiện CTDH ở các mức độ đồng ý và hòa toàn đồng ý. Riêng câu số 3 “Nội dung CTDH cập nhật được những tri thức mới, hiện đại của ngành học”, có 4,2% sinh viên không đồng ý với nội dung này. Kết quả khảo sát phản ánh sự đánh giá tương đối tích cực của cựu người học về nội dung và cấu trúc của CTDH.

Khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2022 để đánh giá về mục tiêu và chuẩn đầu ra, mức độ đạt được của các kỹ năng và năng lực nghề nghiệp của nhà trường đều được sinh viên đánh giá mức độ hài lòng về đồng ý với mục tiêu, chuẩn đầu ra trên 88% số sinh viên được hỏi, các kỹ năng và năng lực đầu ra của chương trình đều nhận được sự hài lòng cao. Đối sánh với các khoa thuộc lĩnh vực đào tạo nhóm ngành khoa học xã hội trong nhà trường thì mức độ hài lòng của sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra, kỹ năng và năng lực đạt được đều

thể hiện ở mức tương đối hơn so với các chương trình Ngữ Văn, Lịch Sử, Địa lí, Quản lý giáo dục như biểu diễn trong sơ đồ dưới đây.



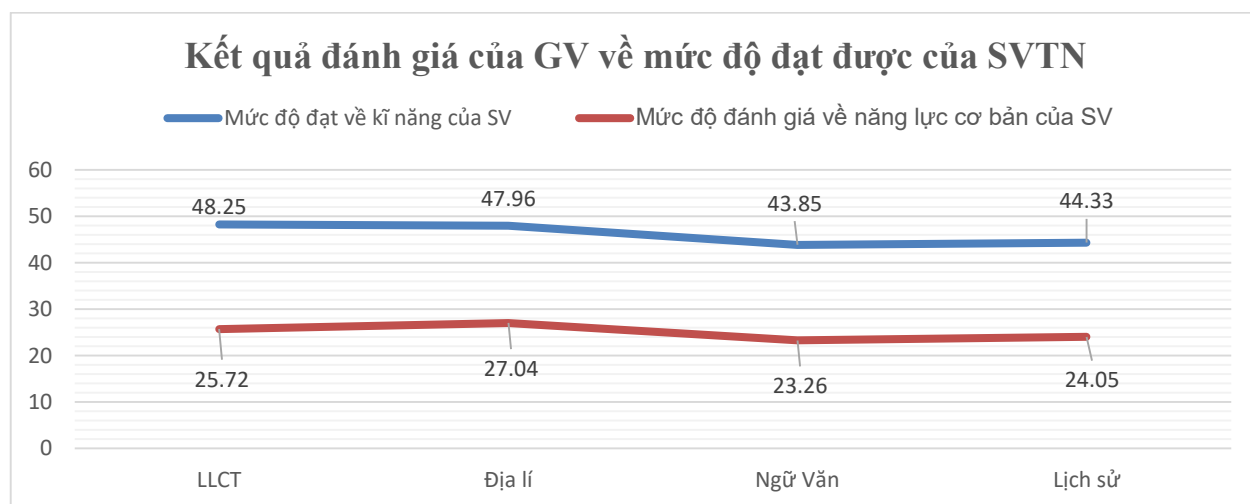
Biểu đồ 11.5.2. Sơ đồ về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo với nhu cầu của sinh viên theo đánh giá của sinh viên tốt nghiệp ngành GDCT trường ĐHSP Hà Nội năm 2022 theo Điểm trung bình

Sơ đồ trên cho thấy: về mức độ làm chủ các kỹ năng cơ bản sau 4 năm học đại học của SV K68 vừa tốt nghiệp năm 2022 tự đánh giá 8 kỹ năng cơ bản mong muốn theo bốn mức họ đạt được: yếu, trung bình, khá tốt cũng như về mức độ đạt được năng lực khi đối sánh với điểm trung bình giữa các khoa Địa lí, Ngữ văn, Lịch sử thì SV ngành GDCD còn có sự chênh lệch đáng kể. SV ngành GDCD mới được đánh giá cao hơn SV ngành QLGD.

Sinh viên khi được hỏi cho rằng cần tăng thời lượng các học phần: nghiệp vụ sư phạm, pháp luật, kỹ năng mềm. Đồng thời sinh viên có mong muốn được bổ sung các học phần vào chương trình đào tạo như: dạy học phân hóa, dạy học tích hợp, trải nghiệm sáng tạo. Điều này đã được Khoa LLCT – GDCD ghi nhận và điều chỉnh trong xây dựng chương trình đào tạo năm 2023

Kết quả hỏi giảng viên về kỹ năng và năng lực đầu ra của sinh viên tốt nghiệp năm 2022 cũng thể hiện sự hài lòng của các giảng viên nhất là với các

nhóm kỹ năng kỹ năng nghe, ghi và hiểu bài giảng tại lớp, kỹ năng sử dụng máy tính, kỹ năng thuyết trình các vấn đề, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm. Đối chiếu với các nhóm ngành khoa học xã hội, chương trình đào tạo có sự tương đồng cao và thể hiện được mức độ phù hợp với các chương trình đã được kiểm định là sư phạm Địa lý, lịch sử, ngữ văn như thể hiện trong sơ đồ sau.



Biểu đồ 11.5.3. Biểu đồ kết quả hỏi giảng viên về mức độ đạt được các kỹ năng của sinh viên về chương trình đào tạo sau tốt nghiệp

Các giảng viên khi được hỏi đều mong muốn bổ sung các học phần về Kỹ năng mềm, các môn học về Tổ chức hoạt động Đoàn, hội, Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tăng cường những môn thực hành để sinh viên có thể được bồi dưỡng, phát triển hơn nữa về kỹ năng mềm, giao tiếp ứng xử với học sinh và phụ huynh, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. Đồng thời giảng viên cũng mong muốn việc đào tạo sinh viên cần gắn với thực tiễn phổ thông hơn nữa, cũng như bồi dưỡng SV về giảng dạy theo chương trình phổ thông mới, tăng thời gian thực tập cũng như các môn NVSP.

Kết quả hỏi về mức độ hài lòng của chương trình đào tạo với sinh viên tốt nghiệp năm 2022 đối với các nhà tuyển dụng của nhà trường thể hiện mức độ hài lòng từ cao xuống thấp theo bảng sau:

Bảng 11.5.2. Mô tả mức độ hài lòng về các kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp

của nhà tuyển dụng

Nội dung các kỹ năng/năng lực được nhà tuyển dụng đánh giá	Mức độ hài lòng
Kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo	1
Năng lực tự học/tự nghiên cứu/tự bồi dưỡng	2
Khả năng người lao động giải quyết công việc tốt	3
Kiến thức nền tảng xã hội liên quan	4
Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc	5
Năng lực tư duy logic	7
Kỹ năng khai thác, phân loại, xử lý dữ liệu/thông tin	8
Kỹ năng sử dụng tin học	9
Năng lực sử dụng ngoại ngữ	10

Kết quả hỏi về mức độ hài lòng của kỹ năng mềm với sinh viên tốt nghiệp năm 2022 đối với các nhà tuyển dụng của nhà trường thể hiện mức độ hài lòng từ cao xuống thấp theo bảng sau:

Các nhà tuyển dụng hài lòng nhất là kỹ năng tổ chức và thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, kỹ năng thuyết trình:

Nội dung các kỹ năng/năng lực được nhà tuyển dụng đánh giá	Mức độ hài lòng
Kỹ năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch	1
Kỹ năng thuyết trình	2

Kĩ năng làm việc nhóm	3
Kĩ năng giao tiếp	4
Kĩ năng lập kế hoạch công việc hiệu quả	5
Kĩ năng xác định vấn đề	7
Kĩ năng xử lý/ giải quyết vấn đề	8

Bảng 11.5.3. Mô tả mức độ hài lòng về các kỹ năng mềm của sinh viên tốt nghiệp của nhà tuyển dụng

TT	Kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ	Mức độ đạt được (%)					Điểm TB	Xếp loại
		0	0	0	35	65		
1	Kiến thức ngành/chuyên ngành được đào tạo	0	0	0	35	65	4.65	2
2	Kiến thức nền tảng xã hội liên quan	0	0	0	35	65	4.65	2
3	Khả năng người lao động giải quyết công việc tốt	0	0	0	35	65	4.65	2
4	Năng lực vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn công việc	0	0	0	35	65	4.65	2
5	Năng lực tự học/tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng	0	0	0	30	70	4.7	1
6	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	0	0	5	40	55	4.5	5
7	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	0	0	0	40	60	4.6	3

8	Kỹ năng nghiệp vụ	0	0	0	35	65	4.65	2
9	Năng lực tư duy logic	0	0	0	35	65	4.65	2
10	Kỹ năng khai thác, phân loại, xử lý dữ liệu/thông tin	0	0	0	35	65	4.65	2
11	Kỹ năng giảng dạy và phổ biến kiến thức kỹ năng GDCT ở các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác.	0	0	0	30	70	4.7	1

Bảng 11.5.4. Nhận xét của Đơn vị sử dụng lao động về Kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của Cựu sinh viên

Với kết quả phân tích qua khảo sát, Khoa đã đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. [H11.11.05.10]. Đặc biệt để cải thiện một số kỹ năng mềm cho SV như các kỹ năng sử dụng tin học, ngoại ngữ... hay việc đưa SV tiếp cận gần hơn với chương trình giáo dục phổ thông, đáp ứng nhu cầu của Nhà tuyển dụng, Khoa giao cho các Bộ môn, tổ chức Đoàn thanh niên thiết kế các nội dung tọa đàm, seminar hay một số cuộc thi liên quan đến chương trình giáo dục phổ thông như kì thi rung chuông vàng, tuần nghiệp vụ sư phạm, các hoạt động phân tích video tiết dạy minh học của giáo viên giỏi....

Khoa LLCT –GDCT trường ĐHSPT Hà Nội đã thực hiện đối sánh mức độ hài lòng của sinh viên tốt nghiệp về CTĐT, đánh giá về chất lượng giảng dạy, chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ hành chính khoa, cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng với sinh viên của khoa ra trường được tuyển dụng với ngành GDCT ĐHSPT Đà Nẵng.

Qua thực hiện đối sánh giữa ngành GDCT ĐHSPT Hà Nội và ngành GDCT ĐHSPT Đà Nẵng cho thấy cả hai đều tập trung làm rõ mức hài lòng của

các bên liên quan về CTĐT và khảo sát của sinh viên về mức độ hài lòng đối với giảng viên sau khi kết thúc học phần, lấy ý kiến phản hồi các nhà tuyển dụng về năng lực chuyên môn, các kỹ năng và phẩm chất của sinh viên được tuyển dụng.

Như vậy, có thể thấy việc xác lập, giám sát kết quả điều tra mức độ hài lòng của các bên liên quan có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, giúp các nhà trường, các khoa cải tiến chất lượng CTĐT cho phù hợp, hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống các đơn vị chuyên trách, có quy trình, công cụ và phương pháp để tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan. Vì vậy mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh.

Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ cải tiến CTĐT và NCKH được thực hiện thường niên, có cải tiến kịp thời dựa trên phản hồi của SV, GV.

3. Điểm tồn tại

Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế về địa lí và chưa có khảo sát trên quy mô rộng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo.	Phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo Chất lượng,	Hằng năm	

		Lấy phản hồi của người tuyển dụng, sử dụng lao động trên diện rộng	Khoa và các bộ môn		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CĐR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.	Phòng Đào tạo, Phòng Đảm bảo Chất lượng, Khoa và các bộ môn	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt 4/7

Kết luận về tiêu chuẩn 11

Trường ĐHSP Hà Nội và khoa LLCT - GDGD đã xây dựng hệ thống giám sát tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV có việc làm sau khi ra trường, hoạt động NCKH và mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan. Bên cạnh đó nhà trường và khoa còn tiến hành nghiên cứu đối sánh giữa các khoa trong trường và với cơ sở giáo dục khác. Từ việc phân tích các ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan nhà trường và khoa đã có những thay đổi qua từng năm như xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, điều chỉnh chương trình, cải tiến phương pháp dạy học, cải tiến các dịch vụ phục vụ các hoạt động nghiên cứu và học tập...

Nhà trường phối hợp cùng Khoa liên hệ thường xuyên với người tốt nghiệp, hoạt động điều tra tỉ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp được thực hiện

hàng năm, với số lượng SV phản hồi đông đảo. Tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành GDCT có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp rất cao; lĩnh vực nghề nghiệp và môi trường làm việc gắn kết chặt chẽ với CTĐT ngành; Nhà Trường và Khoa coi trọng năng lực thực hành thực tế, giúp SV có nhiều cơ hội được trải nghiệm thực hành nghề nghiệp và có nhiều cơ hội có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp. Thông tin giới thiệu việc làm được cập nhật thường xuyên trên các phương tiện như Website của Khoa, của Trường hay các kênh thông tin của Liên chi đoàn nhằm hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm.

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát chặt chẽ kế hoạch học tập của SV, do đó thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Cử nhân sư phạm LLCT - GDCT được xác lập và giám sát. Khoa có hệ thống Cố vấn học tập sát sao và luôn sẵn sàng hỗ trợ cho SV trong việc lên kế hoạch học tập phù hợp với năng lực và hoàn cảnh cá nhân.

Thời gian tốt nghiệp của SV được xác lập, giám sát chặt chẽ để có căn cứ đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo. Nhà trường và khoa có công cụ và hệ thống quản lý, giám sát tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của SV một cách chặt chẽ, từ cấp Khoa với đội ngũ CVHT, Cán bộ quản lý SV, Giáo vụ Khoa đến cấp Trường với đơn vị chịu trách nhiệm chính là Phòng Đào tạo thông qua công cụ giám sát là phần mềm đào tạo của trường. Từ đây, số SV thôi học, tốt nghiệp được cập nhật chính xác. Mặt khác, việc phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các biện pháp hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm thiểu tỷ lệ SV thôi học cũng đã được triển khai khá hiệu quả thông qua đội ngũ CVHT. Tỷ lệ người học của ngành LLCT - GDCT bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

Nhà trường có sự quan tâm và có những chính sách cụ thể, thiết thực tạo động lực cho người học tích cực tham gia hoạt động NCKH. Đa số GV trong

khoa có chuyên môn sâu và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn người học NCKH. Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, cung cấp cho SV các hướng nghiên cứu của các GV trong khoa giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng. Người học ý thức rất rõ vai trò của hoạt động NCKH đối với quá trình học tập và làm việc trong tương lai vì vậy rất tích cực tham gia NCKH. Số lượng và loại hình nghiên cứu của người học đa dạng, phong phú.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được nhà trường và khoa xác lập và giám sát thường xuyên. Mức độ hài lòng của GV, người học về cơ sở vật chất, môi trường tâm lí, phương pháp giảng dạy... được nhà trường và khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi với nhiều hình thức thực chất. Đại đa số (trên 80%) các bên liên quan hài lòng về CTĐT, cơ sở vật chất, hoạt động NCKH và môi trường làm việc, học tập. Các dịch vụ hỗ trợ người dạy và người học dần được cải thiện nhưng vẫn có trên 30% ý kiến không hài lòng. Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được khoa và trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT của ngành.

Bên cạnh những điểm mạnh kể trên, chương trình đào tạo của Khoa LLCT - GDCD còn tồn tại một số hạn chế: Do một số nguyên nhân khách quan và thay đổi về yêu cầu ngoại ngữ trong tiêu chí xét tốt nghiệp, tỉ lệ SV thôi học, chậm tốt nghiệp của ngành GDCD trong hai năm gần đây có xu hướng tăng so với các năm trước đó. Chưa có SV tốt nghiệp sớm và vẫn còn một tỉ lệ nhỏ SV tốt nghiệp sau hơn 4 năm; Việc thu thập thông tin về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp còn gặp khó khăn; Mức thu nhập của SV tốt nghiệp ngành LLCT – GDCD chưa được cao; Số lượng và loại hình hoạt động NCKH của người

học còn hạn chế, chưa phong phú; Số SV tham gia đề tài KHCN các cấp còn rất ít, hình thức và đối tượng khảo sát chưa phong phú.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 11

Tiêu chuẩn 11	Thang đánh giá						
	Chưa đạt			Đạt			
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 11.1					5		
Tiêu chí 11.2					5		
Tiêu chí 11.3				4			
Tiêu chí 11.4				4			
Tiêu chí 11.5				4			
Tổng điểm tiêu chuẩn	4.4						

PHẦN III. KẾT LUẬN

3.1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo trình độ đại học ngành GDCT

Với những chính sách bao quát và toàn diện để thực hiện sứ mệnh và tâm nhin và đảm bảo chất lượng giáo dục, từ khi thành lập cho tới nay, Khoa LLCT - GDCD luôn là địa chỉ đi đầu trong việc đào tạo cử nhân ngành GDCT của cả nước.

Mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành GDCT được xác định rõ ràng, thể hiện được sứ mạng của trường ĐHSPhN, đáp ứng đòi hỏi đổi mới thực tiễn, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học. Mục tiêu được cụ thể hóa trên các khía cạnh phẩm chất và năng lực của sinh viên, hướng tới

việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai và phát triển toàn diện sinh viên ngành GDCT

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của khoa LLCT - GDCD đã thể hiện được đầy đủ các thông tin cần thiết cho các bên liên quan tiếp cận, đã công khai để các bên liên quan có thể tiếp cận dễ dàng. Các đề cương học phần có mô tả tiếp cận theo hướng năng lực một cách cụ thể thông qua các ma trận liên hệ giữa CTĐT, mục tiêu đào tạo với từng mục tiêu, nội dung trong học phần.

CTDH của hệ Cử nhân GDCT được xây dựng dựa trên CĐR. Mỗi học phần trong CTDH đều đóng góp để đạt được CĐR. CTDH có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

Triết lý giáo dục của Trường đã được công bố rõ ràng, được cán bộ, GV và nhân viên trong toàn trường cũng như toàn khoa hiểu rõ và bước đầu thực hiện và bước đầu giới thiệu tới các bên liên quan. Các PPGD/học tập trong CTĐT được thiết kế phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm cho người học, nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu/tự học, khả năng học tập suốt đời cho người học.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Tùy vào việc đáp ứng CĐR học phần mà mỗi học phần quy định phương pháp đánh giá kết quả học tập. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời trên trang quản lý học tập nên người học có thể chủ động theo dõi và đưa ra quyết định cải thiện việc học tập. Khi có bất cứ khiếu nại gì về kết quả đánh giá, người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập thông qua hướng dẫn cụ thể theo các bước rõ ràng được quy định bằng văn bản.

Đội ngũ GV thực hiện CTĐT trình độ ĐH ngành GDCT được đào tạo đúng chuyên môn, có trình độ ngày càng cao, năng động, nhiệt huyết, có trách

nhiệm, đảm bảo tốt khối lượng công tác đào tạo giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Việc quy hoạch và phát triển đội ngũ GV của Khoa phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường, góp phần vào sự phát triển chung về đội ngũ nhân lực của Nhà trường. Các GV có ý thức cao trong việc tự trau dồi khả năng nghiên cứu và đào tạo, nhiều sản phẩm được ghi nhận. Chế độ đánh giá đội ngũ cán bộ của Nhà trường về cơ bản đã khích lệ, động viên được cán bộ và được công khai trong toàn Khoa.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành GDCT có trình độ chuyên môn đáp ứng được nhu cầu công việc, năng động, trách nhiệm. Công tác đánh giá, khen thưởng đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng, cụ thể, phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển chung của Nhà trường và của Khoa.

Người học được hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả của Khoa và Nhà trường về hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp, được tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển năng lực học tập và NCKH, đồng thời được đưa ra ý kiến phản hồi về chất lượng dịch vụ giáo dục nhằm giúp cải tiến các hoạt động học tập và nghiên cứu.

CSVC và trang thiết bị luôn được đảm bảo. Là một trong những ngành khoa học giáo dục đang được sự quan tâm của xã hội cũng như thị trường lao động, khoa LLCT - GDCT được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Môi trường làm việc và học tập trong khoa có chất lượng tốt.

Khoa LLCT - GDCT đang thực hiện các quy trình quản lý nâng cao chất lượng một cách chặt chẽ và có hệ thống. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo đúng quy trình quy định của Bộ và Trường. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được TT ĐBCL và khoa thiết lập có hệ thống và được

thực hiện đa dạng. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được thực hiện đầy đủ theo đúng quy và được tiến hành định kỳ hàng năm.

Trường ĐHSP HN và khoa LLCT - GDCD đã xây dựng hệ thống giám sát tỉ lệ SV tốt nghiệp, tỉ lệ SV có việc làm sau khi ra trường, hoạt động NCKH và mức độ hài lòng của người học và các bên liên quan.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan được Nhà trường và khoa xác lập và giám sát thường xuyên. Mức độ hài lòng của GV, người học về cơ sở vật chất, môi trường tâm lí, phương pháp giảng dạy... được Nhà trường và Khoa tiến hành lấy ý kiến phản hồi với nhiều hình thức.

3.2. Một số điểm tồn tại

CTĐT trình độ ĐH vẫn còn những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT của cơ sở giáo dục:

Việc khảo sát các bên liên quan để xem xét điều chỉnh và cập nhật mục tiêu của CTĐT chưa được thực hiện trên phạm vi rộng; các nhà tuyển dụng chưa tích cực trong việc phản hồi về mục tiêu của CTĐT. Trong quá trình xây dựng CTĐT, CĐR được lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan về yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành khoá học, tuy nhiên sự phản hồi của các bên liên quan chưa tích cực. Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR chưa đa dạng, tập trung nhiều vào khảo sát định lượng.

Các hình thức quảng bá về CTĐT ngành GDCT chưa phong phú; Việc lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan đến bản mô tả CTĐT chưa đa dạng. Các đề cương chi tiết học phần được chỉnh sửa, cập nhật định kì, tuy nhiên do đặc thù của ngành GDCT nên còn gặp nhiều khó khăn khi so sánh, tham chiếu với chương trình quốc tế. Hình thức công bố CTĐT ngành GDCT tới các bên liên quan chưa đa dạng, phong phú.

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan như cơ sở giáo dục đào tạo, đơn vị tuyển dụng về CTDH chưa đa dạng, phong phú. Nội dung các môn học/học phần trong CTDH đạt được CDR và định kỳ được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan nhưng sự phản hồi của các bên liên quan còn chưa được thường xuyên. Chưa tham khảo nhiều các chương trình dạy học trong nước trong quá trình xây dựng chương trình dạy học.

Mục tiêu đào tạo chưa được chú trọng phổ biến thường xuyên tới các nhà tuyển dụng, với xã hội. Một số học phần chưa thiết kế được các hoạt động gắn với phương pháp dạy học đa dạng, tích cực. Một số học phần chưa có sự đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá, chưa chú trọng nhiều vào đánh giá quá trình. Hầu hết các học phần vẫn sử dụng phương pháp đánh giá là bài thi viết với các công cụ đánh giá là các câu hỏi tự luận...

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu người học về công tác phản hồi kết quả chưa được thực hiện đầy đủ. Chưa lấy ý kiến phản hồi của SV về tiếp nhận đơn khiếu nại về kết quả học tập. Các kênh thông tin tới người học về các quy định liên quan tới khiếu nại kết quả học tập còn chưa đa dạng.

Số lượng giảng viên giữa các bộ môn chưa đồng đều, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ tuy có tăng nhưng vẫn còn thiếu. Nhiều giảng viên đảm đương công việc ở nhiều bộ môn. Việc quy đổi tính giờ giảng dạy, giờ nghiên cứu và các công việc khác phục vụ cộng đồng ở trong và ngoài Trường vẫn còn một số chỗ chưa hợp lý. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV được xác định và phổ biến công khai, rộng rãi nhưng chưa nhận được nhiều ý kiến phản hồi về hệ các tiêu chí này. Số lượng các NCKH được công bố trên các tạp chí uy tín (có chỉ số ISI, Scopus...) chưa nhiều. Số lượng giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài còn hạn chế. Thời gian tổ chức một số khóa học chưa phù hợp. Số lượng giảng viên đạt chiến sĩ thi đua các cấp còn hạn chế.

Số lượng bài báo công bố Quốc tế có chỉ số xếp hạng còn ít so với tiềm năng đội ngũ GV trong Khoa. Việc khảo sát ý kiến phản hồi của NH đã tốt nghiệp về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện một cách rộng rãi.

Thông tin về tuyển dụng và lựa chọn nhân viên trên hệ thống thông tin của trường chưa được sắp xếp một cách khoa học, khó cho người tìm kiếm. Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá để tăng chất lượng phục vụ của đội ngũ nhân viên chưa rõ ràng, chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể cho đội ngũ nhân viên về chất lượng phục vụ đối với SV. Ví dụ như sự tích cực của đội ngũ nhân viên trong các hoạt động phong trào của SV hay việc nắm bắt tâm lý tình cảm và hoàn cảnh của SV.

Kinh phí dành cho hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ nhân viên còn hạn chế, việc bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ của cá nhân trong đội ngũ nhân viên, nếu không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc, các cá nhân sẽ phải tự túc kinh phí. Các tiêu chí đánh giá nhiệm vụ của nhân viên chưa đảm bảo tính đặc thù của Khoa, chưa rõ vai trò của hệ thống các nhân viên hỗ trợ của Khoa. Hình ảnh và thông tin về ngành học, về đơn vị đào tạo trên Website của Khoa chưa thật hấp dẫn.

Phương thức tuyển sinh chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh. Phần mềm quản lý tín chỉ đôi lúc còn đáp ứng chưa kịp thời khi có lượng SV đông cùng đăng kí thông tin, còn có hiện tượng số ít SV học năm đầu chưa thành thạo sử dụng phần mềm đăng ký tín chỉ. Việc khảo sát tìm hiểu phản hồi của NH về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn hoạt tập và hỗ trợ việc làm đã thực hiện nhưng chưa thực hiện được hàng năm. Môi trường, cảnh quan của trường và khoa còn có những chỗ chưa thật sự đẹp, khang trang để đáp ứng tốt mong đợi của NH và môi trường sư phạm. Số lượng phòng làm việc vẫn còn chưa đủ rộng rãi để các

bộ môn làm việc một cách chuyên biệt. Các phòng học bàn ghế còn nhiều, khó sắp xếp khi áp dụng các phương pháp dạy học mới. Thư viện trường vẫn có những tồn tại: Số lượng Tài liệu số chưa nhiều, do còn cản trở các luật bản quyền; Các tài liệu điện tử chưa được bổ sung đều đặn do hạn chế về nguồn kinh phí; Các kết nối, chia sẻ tài liệu chưa có hệ thống do kỹ thuật và yêu cầu của phần mềm chưa tương thích;

Khoa chưa cập nhật thường xuyên các tài liệu tham khảo phục vụ cho chuyên ngành sâu do các tác giả nước ngoài viết. Các máy móc, thiết bị đặc thù phục vụ chuyên ngành còn chưa được phong phú. Chất lượng mạng internet chưa ổn định, còn có sự cố ngắt mạng, dung lượng chưa cao khi số lượng SV truy cập đột ngột tăng lên vào 1 thời điểm. Một số phòng làm việc/phòng học cần được lưu ý về công tác vệ sinh kịp thời.

Việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đã tốt nghiệp và nhà tuyển dụng về CTĐT chưa được thực hiện với số lượng đông đảo. Về thống kê nhu cầu của các bên liên quan trong chu kỳ đánh giá: Đã tiến hành lấy ý kiến nhưng còn rời rạc, chưa hệ thống. Các học phần còn nặng tính lý thuyết, cần tăng thời lượng thực hành và chú trọng rèn luyện kỹ năng trong các học phần phương pháp dạy học. Hoạt động dạy và học, các phương pháp kiểm tra đánh giá còn chưa đa dạng, vẫn chủ yếu đánh giá thông qua hình thức tự luận là chủ yếu. Do tính đặc thù của ngành đào tạo nên các công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên khoa LLCT – GDCD được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn ít, chưa có nhiều bài đăng trên các tạp chí có chỉ số ISI, SCOPUS. Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học chưa thực sự hiệu quả. Một số dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường chưa được hỗ trợ kịp thời, việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích chưa được tiến hành thường xuyên trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan. Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng về CTĐT gặp khó khăn và chưa đa dạng

hình thức lấy ý kiến. Các khảo sát nhà tuyển dụng lao động còn chưa thường xuyên.

Tỉ lệ SV thôi học, chậm tốt nghiệp của ngành GDCT dù chiếm tỉ lệ nhỏ nhưng nếu quy ra số liệu tuyệt đối (số lượng sinh viên) vẫn là con số đáng lưu ý. Việc phân tích nguyên nhân và tìm ra giải pháp khắc phục có hiệu quả hiện tượng này chưa thực hiện được một cách triệt để. Đã có SV tốt nghiệp sớm nhưng chỉ là một tỉ lệ nhỏ, chưa tận dụng được ưu thế của đào tạo tín chỉ với 3 kì học/năm. Việc thu thập thông tin về tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp mới chỉ là bước đầu, chưa có những phân tích có tính dự báo. Khoa chưa có dữ liệu của sinh viên tốt nghiệp năm 2021. Khoa chưa có thông tin về thu nhập bình quân của sinh viên các khóa tốt nghiệp từ 2019 – 2024. Số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa cao. Tất cả các đề tài đều tập trung vào khoa học giáo dục, chưa có chú ý đúng mức đến khoa học cơ bản. Số lượng đề tài đạt giải thưởng còn hạn chế, giải thưởng mới chỉ dừng lại ở cấp trường. Chưa cập nhật được dữ liệu mới nhất của một số ngành đào tạo để có sự đối sánh cụ thể, cập nhật hơn. Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan còn hạn chế về địa lí và chưa có khảo sát trên quy mô rộng.

3.3. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT:

Để cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDCT, Hội đồng khoa học và đào tạo, BCN Khoa, các tổ bộ môn và giảng viên cần thực hiện đồng bộ nhiều kế hoạch, cụ thể:

Cần tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo các môn học thuộc các khối kiến thức chung, ngành và chuyên ngành. Các đề xuất điều chỉnh, thay đổi mới được thông qua sẽ được đưa vào bản mô tả. Bổ sung việc tìm kiếm tham khảo các CTĐT liên quan đến ngành GDCT trên thế giới để cập nhật vào đề cương chi tiết học phần và mời các chuyên gia toạ đàm, trao đổi về chương trình GDCT ở khu vực và thế giới. Hội đồng KH&ĐT Khoa

tiếp tục và thường xuyên chỉ đạo GV toàn khoa và tổ bộ môn rà soát đề cương chi tiết, cập nhật và điều chỉnh các nội dung đào tạo theo CTĐT mới. GV tham gia đào tạo cử nhân ngành GDCT thường xuyên rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung mới liên quan tới học phần giảng dạy. Nếu thấy hợp lý, cần thiết thì đề xuất chỉnh sửa học phần.

Mở rộng đa dạng hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan về đề cương chi tiết học phần, trung cầu ý kiến phản hồi của sinh viên sau khi kết thúc học phần. Tiếp tục công bố, phổ biến rộng rãi CTĐT và đề cương học phần đến những bên liên quan, với hình thức đa dạng. Tham gia chương trình tư vấn tuyển sinh, ngày hội việc làm, giới thiệu quảng bá về Khoa và CTĐT cho những học sinh và các bên liên quan. Thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan về CTDH bằng nhiều hình thức hơn. Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa chỉ đạo các Bộ môn và GV tiếp tục rà soát và điều chỉnh để CTDH đáp ứng CĐR tốt hơn nữa. Tăng cường liên hệ, đổi mới hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung học phần trong CTDH. Tiếp tục phát huy đóng góp của các môn học/ học phần đáp ứng yêu cầu CĐR. Tham khảo thêm các chương trình dạy học trong nước để có những bổ sung, chỉnh sửa phù hợp. Cấu trúc, trình tự logic, nội dung của CTDH hợp lý, liền mạch và tham chiếu với các cơ sở giáo dục khác.

Phổ biến mục tiêu giáo dục tới các nhà tuyển dụng và xã hội bao gồm cả phụ huynh, cựu người học một cách thường xuyên. Ban hành và tuyên truyền văn bản về triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục tới các bên liên quan một cách rõ ràng. Tăng cường trao đổi, thảo luận đổi mới phương pháp dạy học. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các phương pháp dạy học đảm bảo tính đa dạng, phong phú, tích cực đối với những học phần còn hạn chế. Cách thức thiết kế khoa học, logic các học phần nhằm hướng đến CLO, từ đó góp phần đạt được PLO. Xây dựng các tổ hợp PPDH tích cực, đa dạng.

Giới thiệu, quảng bá thư viện bộ môn tới người học và khai thác được các nguồn lực cho thư viện bộ môn. Xây dựng và thực hiện các PPDH tích cực và đa dạng, đồng thời cần thiết kế đa dạng về phương pháp đánh giá người học ở tất cả các học phần, phối hợp ít nhất 2 phương pháp kiểm tra đánh giá. Khảo sát ý kiến NH về các phương pháp kiểm tra đánh giá của học phần. Rà soát các phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CDR và tập huấn sử dụng cho toàn bộ cán bộ giảng viên. Lấy ý kiến của SV hàng năm về quy định kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Kiểm tra rà soát và cập nhật về đánh giá kết quả học tập người học. Tăng cường phối hợp đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập với các học phần chung. Tiếp tục duy trì quy trình đánh giá đảm bảo sự tin cậy, công bằng. Tiến hành lấy ý kiến người học về công tác phản hồi kết quả đánh giá. Sử dụng hiệu quả hơn nữa hệ thống quản lý đào tạo để kịp thời phản hồi kết quả tới người học. Lấy ý kiến phản hồi của SV về tiếp nhận đơn khiếu nại về kết quả học tập. Đa dạng các kênh thông tin tới người học các quy định liên quan tới khiếu nại kết quả học tập. Tiếp tục đảm bảo các quy định về thời gian, kết quả khiếu nại để đảm bảo công bằng với người học.

Ưu tiên tuyển dụng GV nam, tạo điều kiện số GV là ThS tiếp tục đào tạo NCS. Tạo điều kiện tăng số lượng TS đủ tiêu chuẩn làm PGS. Tiếp tục thực hiện quy hoạch đội ngũ GV, NCV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ trẻ nâng cao trình độ. Rà soát, sửa đổi cách tính giờ dạy, giờ nghiên cứu và công việc khác phục vụ tập thể, đơn vị phù hợp để phát huy năng lực và động viên kịp thời từng cá nhân GV. Tiếp tục phát huy điểm mạnh tỷ lệ GV/NH để tăng phù hợp khối lượng công việc của đội ngũ GV, cán bộ của Khoa, nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Mở thêm các diễn đàn trao đổi thông tin phản hồi về chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Tiếp tục xác định

các tiêu chí tuyển dụng và thực hiện lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển minh bạch, công khai. Tạo điều kiện và động lực cho các GV tham gia học hỏi nhiều khóa đào tạo, đăng tải bài báo khoa học có chỉ số ISI. Tiếp tục thực hiện xác định và đánh giá năng lực đội ngũ GV, NCV, phát huy năng lực trong giảng dạy, vận dụng các PP dạy học hiện đại trong công tác giảng dạy của GV. Tạo điều kiện cho nhiều giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn ở nước ngoài và xác định thời gian tổ chức các khóa học phù hợp. Tiếp tục xác định và tạo điều kiện để GV được bồi dưỡng, phát triển chuyên môn nghiệp vụ để có 2 GV đạt chức danh Phó Giáo sư. Triển khai hợp tác với các tổ chức quốc tế, có nhiều hoạt động, chuyên đề...bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV. Khuyến khích giảng viên phấn đấu để nhiều giảng viên đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Tiếp tục thực hiện việc giám sát, quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên đúng quy trình, đảm bảo tính minh bạch, công khai trong cán bộ, viên chức. Tiếp tục duy trì chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên tạo động lực và góp phần hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV. Trường/Khoa đưa định hướng các đề tài NCKH hàng năm để các nhóm nghiên cứu lựa chọn. Trường/Khoa có cơ chế và điều kiện hỗ trợ các nhóm NCKH trẻ. Tiếp tục đẩy mạnh NCKH, cải tiến chất lượng đào tạo, cải tiến chất lượng nghiên cứu tập trung vào các môn chuyên ngành gắn với Chương trình phổ thông và những vấn đề thực tiễn của đời sống. Thành lập nhóm nghiên cứu nòng cốt của Khoa, đứng đầu là những người có các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín của nước ngoài để ngày càng khuyến khích và hỗ trợ các GV khác có bài báo hoặc các công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín của nước ngoài.

Khảo sát phản hồi định kỳ các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên trong việc thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tiếp tục hoàn thiện

chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác. Nhân viên làm việc tại Khoa có đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng cần được tiếp tục tập trung bồi dưỡng. Nâng cấp hệ thống thông tin, sắp xếp lại các mục để tiện theo dõi trên trang Web của trường. Đề xuất bổ sung các tiêu chí đánh giá cụ thể để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên. Tiếp tục rà soát hoàn thiện văn bản quy định về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên phù hợp tình hình thực tế. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và được công khai rõ ràng trang thông tin điện tử của CSGD. Động viên đội ngũ nhân viên tích cực, chủ động tham gia các hoạt động khác như trợ lý, cố vấn học tập và các hoạt động phục vụ cộng đồng,... để nâng cao thành tích thi đua. Tiếp tục xác định năng lực và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên thường xuyên, định kỳ với các tiêu chí rõ ràng, công khai. Dành thêm một phần kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên nếu nhân viên tự ý thức đi học dù không thuộc yêu cầu cấp thiết, bắt buộc. Tiếp tục thực hiện các chính sách, quy định rõ ràng (khen thưởng, xử phạt) để khuyến khích đội ngũ nhân viên tham gia các khóa học bồi dưỡng. Bổ sung các tiêu chí đánh giá đặc thù nhân viên của Khoa khi đánh giá để bình xét cuối năm. Tiếp tục thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên theo kế hoạch, công khai và minh bạch.

Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh thông báo trên trang web của Khoa tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh hơn nữa. Công khai và cập nhật thường xuyên hơn nữa các chính sách tuyển sinh. Xây dựng chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp tiến tới xây dựng và công bố phương thức tuyển sinh với hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh để đảm bảo chất lượng đầu vào cho chương trình đào tạo ngành GDCT. Tiếp tục cập nhật thông tin về tiêu chí và phương

pháp tuyển chọn, đăng tải trên các trang web đặc biệt là trang web của khoa để tạo điều kiện cho thí sinh theo dõi. Cải thiện phần mềm quản lý tín chỉ. Hướng dẫn SV sử dụng thành thạo trang thông tin học tập cá nhân ngay thời gian đầu nhập học thông qua nhiều hình thức đa dạng. Tăng cường sự hỗ trợ của cố vấn học tập nhằm nâng cao được nhận thức của SV về việc chủ động trong học tập và theo dõi thông tin liên quan đến việc học tập cá nhân. Duy trì nhiều hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, thông báo kịp thời cho NH. Khảo sát tìm hiểu phản hồi của NH, người tốt nghiệp về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. Nâng cao chất lượng hướng dẫn và tư vấn của cố vấn học tập, tư vấn hỗ trợ việc làm cho SV. Tiếp tục duy trì các hoạt động đặc thù của SV ngành GDCT. Tiếp tục duy trì nghiên cứu, khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Rà soát lại quy hoạch trồng cây xanh, đặt thêm ghế đá... cải thiện môi trường cảnh quan đẹp hơn, khang trang hơn. Tiếp tục duy trì và phát triển tốt môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan thông qua việc tổ chức thêm nhiều hoạt động gắn kết tâm lý giữa CB, GV và SV.

Đề xuất với trường tăng cường, cải thiện bàn ghế trang thiết bị trong các phòng học đáp ứng các phương pháp dạy học mới. Các bộ môn có kế hoạch cụ thể cho các hoạt động để sắp xếp việc sử dụng phòng (đặc biệt là phòng làm việc chung) cho hợp lý. Mặt khác, đề xuất với Nhà trường xem xét bố trí thêm phòng làm việc cho bộ môn. Tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị đã có ở khoa. Đề xuất với trường và trung tâm thông tin thư viện tăng cường kinh phí để bổ sung sách chuyên ngành, ưu tiên các đầu sách trong đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo. Khuyến khích và đẩy mạnh việc viết giáo trình, sách tham khảo chuyên ngành để bổ sung phong phú nguồn tư liệu đặc thù của ngành GDCT. Tiếp tục cập nhật các tài liệu chuyên ngành bằng nhiều hình thức. Tăng cường việc trao đổi học thuật giữa các nhóm GV và giữa GV với nghiên cứu sinh của bộ môn tại phòng họp khoa. Xây dựng công tác đào

tạo và nghiên cứu trong đó có các trang thiết bị phù hợp và được cập nhật được cập nhật. Cán bộ của mỗi tổ bộ môn sẽ chịu trách nhiệm thu thập thêm các tư liệu nghiên cứu đặc thù cho chuyên ngành nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo và tăng cường nguồn tư liệu cho phòng thực hành. Nâng cấp hệ thống CNTT, nâng cấp mạng internet, cơ sở hạ tầng CNTT. Tiếp tục tận dụng tối đa hệ thống CNTT của Nhà trường phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Tăng cường công tác về sinh trong các phòng làm việc và phòng học. Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, công tác an toàn vệ sinh môi trường.

Khoa sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của nhiều sinh viên đã tốt nghiệp và nhiều nhà tuyển dụng hơn để có thêm thông tin về việc đánh giá chất lượng sản phẩm đào tạo và nhu cầu của thị trường lao động để có hướng cải tiến chương trình đào tạo phù hợp. Khoa sẽ tiến hành thống kê nhu cầu của các bên liên quan, họp hội đồng khoa học để xem xét các ý kiến và điều chỉnh, bổ sung cho CTDH và CTĐT nếu thấy cần thiết. Tiếp tục thu thập thông tin phản hồi từ SV và cựu SV, duy trì họp HĐKH Trường và Khoa thường xuyên về rà soát CTDH, thường xuyên rà soát CTĐT. Định kỳ rà soát và điều chỉnh việc phân bố thời lượng thực hành ở tất cả các học phần. Tích cực tham vấn ý kiến các bên liên quan về CTDH, Tổ chức các hoạt động để đánh giá dạy và học của GV thường xuyên hơn; tích cực dự giờ chuyên môn; GV có kinh nghiệm chuyên môn bồi dưỡng cho GV trẻ... Tiếp tục thực hiện Đánh giá chất lượng của NH thông qua nhiều hình thức, hoạt động khác nhau. Nâng cao năng lực ngoại ngữ và năng lực viết bài công bố quốc tế. Xây dựng công cụ hiệu quả để khảo sát ý kiến phản hồi của người học về áp dụng kết quả NCKH trong dạy và học. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ chuyên môn. Hàng năm tiến hành đánh giá về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dựa trên khảo sát thông qua phối hợp cán bộ hành chính các khoa để cải tiến chất lượng dịch vụ. Tiếp tục cung cấp các dịch vụ với CLC như thư viện, CNTT,

trang thiết bị NCKH. Thời gian và phương pháp lấy ý kiến lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng cần linh hoạt hơn. Tiếp tục thực hiện khảo sát về chất lượng giảng dạy học phần trên phạm vi toàn bộ các học phần đang giảng.

Giảm tỉ lệ thôi học, chậm tốt nghiệp thông qua các biện pháp nâng cao tính hấp dẫn của CTĐT và tăng cường cảnh báo sớm cũng như những tư vấn về kế hoạch học tập cho SV. Tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng kịp thời cho SV, đồng thời có phân tích, báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở, tư vấn cho SV hoàn thành các điều kiện chuẩn đầu ra, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Thiết kế kế hoạch đào tạo toàn khóa một cách tối ưu hơn để nhưng sinh viên có năng lực, có quyết tâm có khả năng tốt nghiệp sớm. Tiếp tục tiến hành rà soát, nhắc nhở SV thường xuyên, kịp thời hoàn thành các điều kiện đầu ra đặc biệt là chứng chỉ ngoại ngữ. Khảo sát về thu nhập của sinh viên sau tốt nghiệp. Tiếp tục thực hiện thống kê thường xuyên, đầy đủ về tỉ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Đưa vào kế hoạch, chiến lược đào tạo của khoa các biện pháp cải tiến chất lượng NCKH của người học. Thay đổi cách thức quản lí, tổ chức hoạt động NCKH của SV; khuyến khích SV tham gia các đề tài KHCN các cấp, hướng tới nghiên cứu ứng dụng và công bố công trình nghiên cứu. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào NCKH trong khoa, cập nhật các hướng nghiên cứu mới cho SV, xây dựng các cơ chế khuyến khích người học tham gia hoạt động NCKH. Liên kết chặt chẽ với các cơ sở sử dụng lao động là các SV sau tốt nghiệp để thu thập ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo. Lấy phản hồi của người tuyển dụng, sử dụng lao động trên diện rộng. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, CĐR của SV, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Duy trì việc lấy ý kiến phản hồi của SV, GV, nhà tuyển dụng về các vấn đề liên quan đến CTĐT; hoàn thiện phiếu lấy ý kiến, mở rộng hình thức lấy ý kiến.

3.4. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo theo Thông tư 04/2016

PHẦN IV. PHỤ LỤC

4.1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
 - Tiếng Anh: HANOI NATIONAL UNIVERSITY OF EDUCATION
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: ĐHSPHN
 - Tiếng Anh: HNUE
3. Tên trước đây (nếu có):
.....
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 136 Xuân Thủy, P. Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, Tp Hà Nội
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: 024-37547823 Số fax: 024-37547971
7. E-mail: p.hcdn@hnue.edu.vn Website: www.hnue.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1951
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa: 1951
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1955
11. Loại hình cơ sở giáo dục:
 Công lập Bán công Dân lập Tư thục

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Lý luận chính trị – Giáo dục công dân
 - Tiếng Anh: Faculty of Politic theory – Civic education
13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:
 - Tiếng Việt: K. LLCT – GDCD
 - Tiếng Anh: FPE
14. Tên trước đây (nếu có): Giáo dục chính trị
15. Tên CTĐT
 - Tiếng Việt: Chương trình đào tạo cử nhân ngành GDCT
 - Tiếng Anh: Bachelor's Program in Political Education

16. Mã CTĐT: 7140205

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Nhà A4 - Trường ĐHSP Hà Nội

19. Số điện thoại liên hệ: 0985097468 Số fax:

20. E-mail: tuyensinhkhoallctgdcd1976@gmail.com Website:
www.fpe.hnue.edu.vn

21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 1976 theo Quyết định số 2332/QĐ của Bộ Giáo dục ngày 9/11/1976.

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1980

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2013

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

Khoa LLCT - GDCD của trường ĐHSP Hà Nội được thành lập ngày 9 tháng 11 năm 1976 theo quyết định số 2332/QĐ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngay từ khi trường ĐHSP Hà Nội được thành lập, các môn khoa học Mác - Lênin đã được đưa vào giảng dạy, lúc đầu do các nhà giáo danh tiếng như: Đào Duy Anh, Đặng Thai Mai, Trần Văn Giàu, Hà Huy Giáp, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, tiếp theo các thầy, cô giáo của các tổ chức tiền thân của Khoa LLCT – GDCD ngày nay như: tổ Chính trị (1956 – 1966), tổ bộ môn Mác – Lênin (1967 – 1976). Lịch sử ra đời, phát triển của khoa LLCT – GDCD (khoa Giáo dục chính trị trước đây) gắn liền với lịch sử trường ĐHSP Hà Nội, gắn liền với lịch sử của nền giáo dục đại học mới.

Hơn 45 năm đã qua kể từ khi được thành lập, dù trải qua muôn vàn khó khăn, các thế hệ thầy và trò của khoa vẫn không ngừng nỗ lực phấn đấu, tâm huyết, sáng tạo và sâu sắc nghĩa tình, để hôm nay, khoa LLCT – GDCD của trường ĐHSP Hà Nội tiếp nối truyền thống lịch sử rất đỗi tự hào của khoa, vẫn xứng đáng với vị trí là cơ sở nghiên cứu, đào tạo hàng đầu trong hệ thống các khoa LLCT – GDCD của các trường Sư phạm trong cả nước. Từ giảng đường của khoa, hàng ngàn các thầy, cô giáo, các nhà quản lý giáo dục đều đã và đang phát huy tốt truyền thống quý báu đó, trở thành những thầy, cô giáo tâm huyết với nghề, những nhà quản lý có uy tín, những nhà khoa học đáng tin cậy, những chiến sĩ kiên trung trên mặt trận tư tưởng của Đảng.

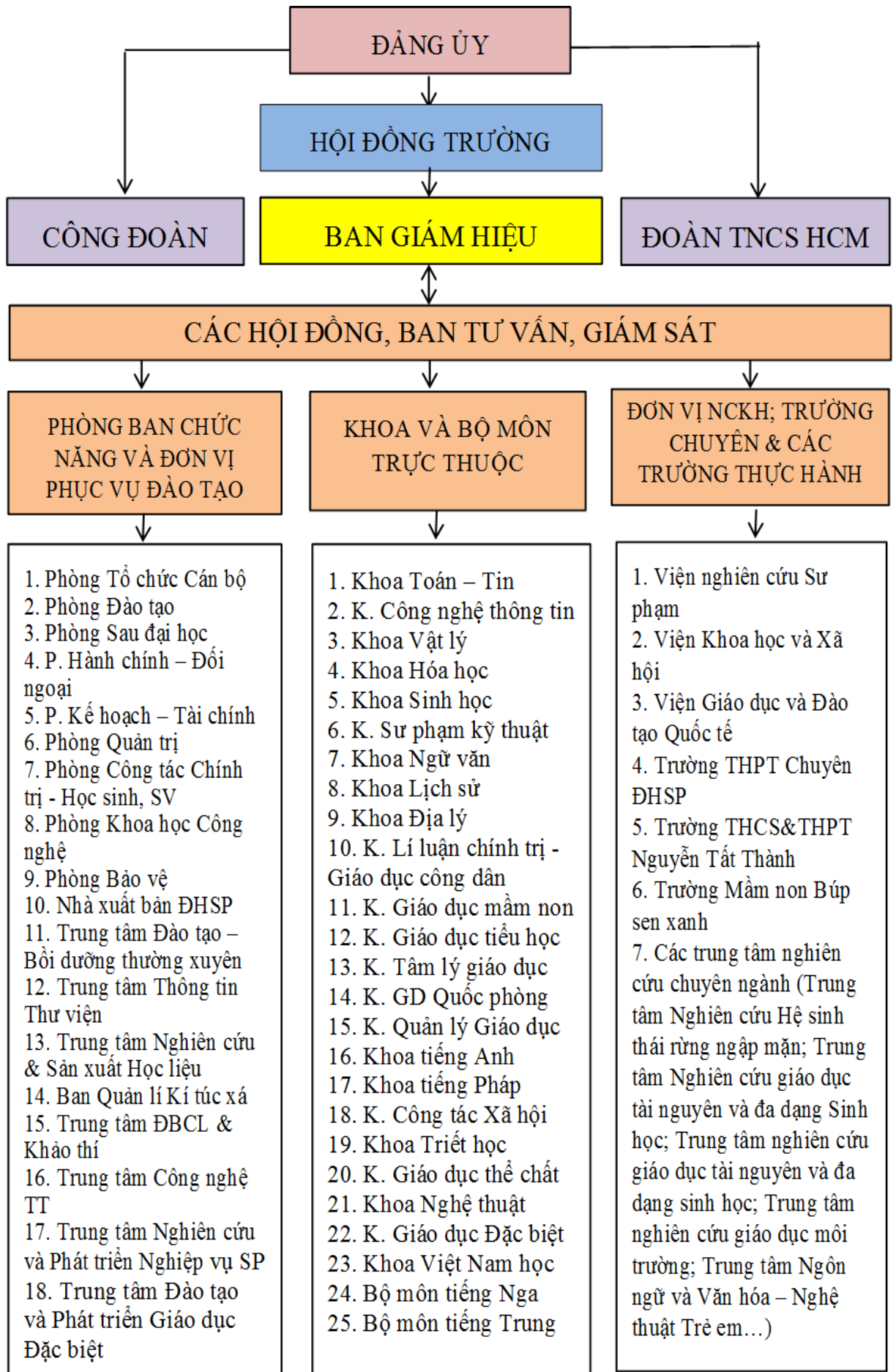
Ngày nay, các hệ đào tạo của khoa đang ngày càng phong phú với nhiều mã ngành; các bậc đào tạo của khoa từ Cử nhân đến Thạc sĩ, Tiến sĩ đang ngày càng có uy tín. Với truyền thống nỗ lực phấn đấu, tâm huyết, sáng tạo và sâu sắc nghĩa tình, khoa LLCT – GDCD quyết tâm phấn đấu học tập, nghiên cứu, rèn luyện hơn nữa để viết tiếp trang sử vẻ vang của khoa và chắc chắn sẽ không ngừng phát triển, đáp ứng tốt yêu cầu của thực tiễn đời sống và mong mỏi của các thế hệ thầy, trò.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

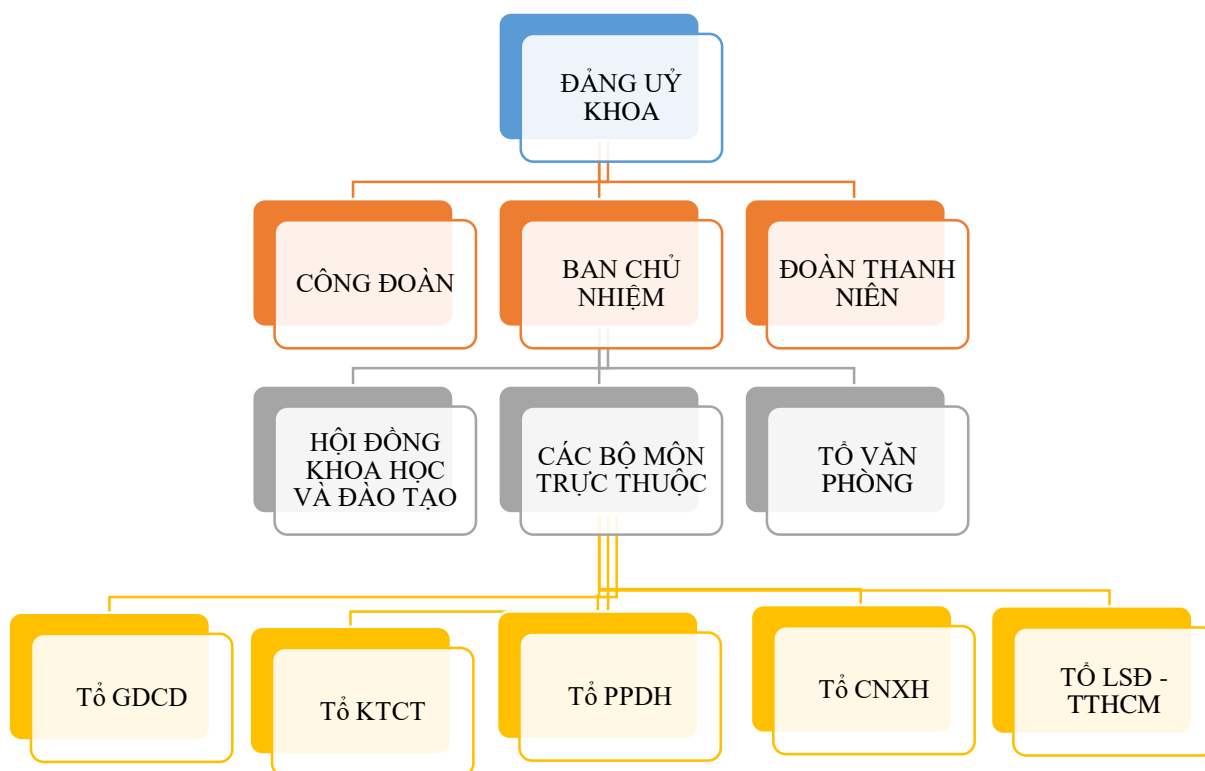
a) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục đại học:

Trường ĐHSPHN chính thức được thành lập ngày 11/10/1951 theo Nghị định của Bộ Quốc gia Giáo dục. Trong quá trình phát triển, Trường mang nhiều tên khác nhau như Trường Sư phạm Cao cấp, Trường ĐHSPHN I, Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và Trường ĐHSPHN như ngày nay.

Sơ đồ tổ chức Nhà trường như sau:



b) Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở thực hiện chương trình đào tạo:



26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

T	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Hội đồng Trường					
1	Chủ tịch HĐT	Nguyễn Văn Hiền		PGS.TS	0913363623	Hiennv@hnue.edu.vn
II	Ban lãnh đạo Trường					
1	Hiệu trưởng	Nguyễn Đức Sơn	1963	PGS.TS, Phó	0913303387	nguyenducson@hnu.edu.vn

				Hiệu trưởng		
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Văn Trào	1973	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0983755460	traonv@hnue.edu.vn
Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị						
1.	Trưởng Khoa	Phạm Việt Thắng	1977	PGS.TS, Trưởng khoa	0985097468	thangpv@hnue.edu.vn
2.	Phó Trưởng Khoa	Tiêu Thị Mỹ Hồng	1967	TS, Phó trưởng khoa	0983832528	tieu.my.hong@gmail.com
3	Phó Trưởng Khoa	Trần Thị Thu Huyền	1981	TS, Phó trưởng khoa	0948881181	Huyendhsphn81@gmail.com
II Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
I.						
1.	Bí thư Đảng uỷ	Nguyễn Văn Hiền	1967	GS.TS, Bí thư Đảng uỷ	0912922288	hungdv@hnue.edu.vn
2.	Chủ tịch công đoàn	Cao Tuấn Anh		TS, Chủ tịch công đoàn	0913063434	
3.	Bí thư Đoàn trường	Bùi Thị Hà Giang		TS, Bí thư	0983057005	giangbth@hnue.edu.vn

				đoàn trường		
4.	Chủ tịch Hội SV	Nguyễn Hà My		Ths, Chủ tịch Hội SV	0966883110	nhmy@hnue.edu.vn
IV Các phòng, ban						
1.	Trưởng phòng TCCB	Kiều Văn Hoan	197 6	PGS.T S	09123414 64	<u>hoankv@hnue.edu.v n</u>
2.	Trưởng phòng Đào tạo	Trần Bá Trình	198 5	TS	0946828147	
3.	Trưởng phòng SDH	Lê Đức Ánh	198 0	PGS.T S, Trưởng phòng	024.375471 98	<u>anhld@hnue.edu.vn</u>
4.	Trưởng phòng KHCN	Dương Minh Lam		PGS.T S	0987864770	<u>lamdm@hnue.edu.vn</u>
5.	Trưởng phòng HC - ĐN	Định Minh Hằng		TS	0907996866	hangdm@hnue.edu.v n
6.	Trưởng phòng Công tác chính trị	Nguyễn Nhật Tân	197 3	Ths	0912222664	nhattan@hnue.edu.vn
7.	Trưởng phòng KHTC	Bùi Đức Nam	197 9	Ths	0913580058	Nambd@hnue.edu.vn

8.	Trưởng ban Quản lý KTX	Nguyễn Văn Thoả	198 5 TB	TS	0913063434	0987909409
9.	Phụ trách phòng Quản trị	Nguyễn Xuân Tuyển	197 0	ThS	09045858 99	tuyennx@hnue.edu.vn
10	Trưởng phòng Bảo vệ	Bùi Công Khoảng	196 6	ThS	09135729 25	Khoangbc@hnue.edu.vn
11	Giám đốc Trung tâm TTTTV	Phạm Công Chi		ThS	09129728 30	chipc@hnue.edu.vn
12	Giám đốc TT ĐT BDTX	Vương Huy Thọ		TS	0913317569	thovh@hnue.edu.vn
13	Giám đốc Trung tâm CNTT	Nguyễn Duy Hải		Ths	0978486885	Haind@hnue.edu.vn
14	GD TT NC và PT NVSP	Nguyễn Văn Biên		PGS. TS	09835283 99	biennv@hnue.edu.vn
15	Giám đốc NXB	Nguyễn Bá Cường	197 6	PGS.T S	0983221671	Cuongnb@hnue.edu.vn

16	GD phụ trách Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Dương Giáng Thiên Hương	197 5	PGS.T S	0912892288	huongdgt@hnue.edu. vn
17	Viện trưởng Viện KHXH	Nguyễn Tường Huy		TS	09483424 82	Tuonghuy@hnue.ed u.vn
18	Viện trưởng Viện GDĐTQ T	Lê Huy Bắc	196 9	GS.TS	09135131 12	Baclh@hnue.edu.vn
19	Viện Khoa học tự nhiên	Lục Huy Hoàng	197 2	GS. TS	09032000 23	hoanglhsp@hnue.ed u.vn
V	Các bộ môn					
1.	Tổ Giáo dục công dân	Lê Hoàng Nam	198 0	TS Tổ trưởng	0353768828	Lehoangnam.th@gm ail.com
2	Tổ Kinh tế chính trị	Ngô Thái Hà	198 1	TS, TBM	0967224689	hangothai81@gmail. com
3	Tổ Phương	Đào Thị Hà	198 3	ThS. TBM	0392966099	hagdct@gmail.com

	pháp dạy học					
4	Tổ CNXH KH	Nguyễn Lê Thu	198 5	TS. Tổ trưởng	09173381 36	lethusphn@gmail.com
5	Tổ LSD	Dương Văn Khoa	197 8	TS. Tổ trưởng	0988086893	duongvankhoagdct@gmail.com

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 01

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

.....

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa		<input checked="" type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài		<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

29. Tổng số các ngành đào tạo: 03

IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
----	-----------	-----	----	---------

I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	05	27	32
1.1	Cán bộ trong biên chế	05	27	32
1.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	05	27	32
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV và thỉnh giảng ²)	01	0	01
	Tổng số	06	27	33

31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

² Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khóa học ngắn hạn hoặc theo các lớp học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

				trực tiếp giảng đ dạy	hạn ⁴	quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	4	04	0	01	0	0	12,9
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	18	18	0	07	0	0	60,3
5	Thạc sĩ	1	8	8	0	0	0	0	24
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		30	30	0	08	0	0	97,2

Cách tính: Cột 10 = cột 3 * (cột 5 + cột 6 + 0,3 * cột 7 + 0,2 * cột 9 + 0,2 *
cột 9)

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

T	Trình độ/ học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (ng)	Phân loại theo tuổi (người)
T					

⁴ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

				Na m	N ữ	<30	30- 40	41- 51	51- 60	>60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	04	13	02	02	0	01	01	0	02
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	18	60	02	16	0	08	10	0	0
5	Thạc sĩ	8	27	1	7	0	6	01	01	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	30	100	5	25	0	15	12	1	2

34.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 35-45 tuổi

34.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $18/30 \text{ GV} = 73\%$

34.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: $8/30 \text{ GV} = 27\%$

35. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20	60
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50	20

	công việc)		
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

36. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh
 Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2017 - 2018		39	0	39	23.5 21.25 24 17	0	0
2018 - 2019		27	0	27	21.05 (C14) 17.25 (D66, D68,	0	0

					D70) 17.1 (D01, D02, D03)		
2019 - 2020		41	0	41	24.05 (C14) 18.1 (D66, D68, D70) 19.5	0	0
2020 - 2021		107	0	107	19.75 (C19) 25.25 (C20)	0	0
2021 - 2022		102	0	102	26.5 (C19) 27.75 (C20)	0	0

37. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy

Các tiêu chí	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1. Nghiên cứu sinh	02	0	02	0	01

2. Học viên cao học		35	29	31	19
3. Sinh viên đại học	39	27	60	107	123
Trong đó:					
Hệ chính quy	39	27	41	107	102
Hệ không chính quy	0	0	19	0	21
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác....	0	0	0	0	0

38. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
Số lượng (người)	0	0	0	0	0

Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0
----------------------------------	---	---	---	---	---

39. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	17289	17289	17289	17289	17289
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	-	-	-	-	-
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	12	17	25	7	23
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	6,12	6,12	6,12	6,12	6,12

40. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
Số lượng (người)	10/160	20/154	13/143	5/214	29/277
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	6,2%	13%	9,1%	2,3%	10,5%

41. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	04	03	03	02	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	-	26	33	27	29
3. SV tốt nghiệp đại học	60	50	36	37	46
Trong đó:					
Hệ chính quy	60	50	36	37	46
Hệ không chính quy					
4. Sv tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác....	0	0	0	0	0

(Tính cả những NH đã đủ ĐK tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

42. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022

1. Số lượng người học tốt nghiệp (người)	60	50	36	37	46
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào	96,8	96,1	100	95,1	-
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây	-	-	-	-	-
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	-	-	-	-	-
3.3. Tỷ lệ người học <i>không học</i> được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-

<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>	79%	100%	81,1%	73%	-
<p>4.1. Tỷ lệ người học có việc làm liên quan đến ngành đào tạo (%)</p> <p>- Sau 6 tháng tốt nghiệp.</p> <p>- Sau 12 tháng tốt nghiệp</p>	79%	56,7%	81,1%	73,2%	-
<p>4.2. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm</p>	3,5	3,5	4,0	4,5	-
<p>5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra</p>	-	-	-	-	-

về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	-	-	-	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm %	-	-	-	-	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

43. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng

			2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	1	2	1	1	1	6,0
3	Đề tài cấp trường	0,5	5	3	2	2	2	7,0
4	Tổng		6	5	3	1	3	13,0

Cách tính: Cột 9 = cột 3 * (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số đề tài quy đổi: 13,0

Tỷ số đề tài NCKH và chuyên giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyên giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyên giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyên giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2017	0	0	0
2	2018	0	0	0

3	2019	0	0	0
4	2020	0	0	0
5	2021	0	0	0

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	12	8	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	2	2	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	14	10	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Sách chuyên khảo	2,0	2	3	2	1	0	16
2	Sách giáo trình	1,5	1	0	0	0	2	4,5
3	Sách tham khảo	1,0	8	3	10	4	14	39
4	Sách hướng dẫn	0,5	1	5	6	6	5	11,5
5	Tổng		12	11	18	11	21	71

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng

chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số sách (quy đổi): 71

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,37

46.Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	8	6	12	15
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	2	6
Trên 6 cuốn sách	0	0	5	1
Tổng số cán bộ tham gia	8	6	17	22

47.Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	5	3	3	5	22,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	19	31	9	24	20	104
3	Tạp chí/tập san	0.5	0	0	0	0	0	0

1	Hội thảo quốc tế	1,0	8	5	6	3	1	22
2	Hội thảo trong nước	0,5	13	28	32	7	33	58
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		21	33	38	9	34	80

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

** Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh)

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 80

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,7

50.Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước (báo cáo hội trường, poster Hội thảo của Khoa và các trường khác)	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	12	30	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	27	0
Từ 11 đến 15 báo	0	2	0

cáo			
Trên 15 báo cáo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	30	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017- 2018	0
2018- 2019	0
2019- 2020	0
2020- 2021	0
2021- 2022	0

52. NCKH của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	5	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia	0	0	11	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của SV

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

T	Thành tích NCKH	Số lượng
T		

		2017 - 2018	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022
1	Số giải thưởng NCKH (cấp khoa)	02	02	02	01	02
2	Số giải thưởng NCKH (cấp trường)	01	01	01	01	01
3	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 7.900m²

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²):
7.900m²

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 1.700m² Nơi học: 3.700 Nơi vui chơi giải trí: 2.500

56. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 2.200

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,23m²/người học

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 93 (đầu tài liệu)

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT: 7 máy tính (trong đó có 3 máy hỏng và 4 máy đang ở trong tình trạng sử dụng kém)

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 03 (1 máy hỏng)

- Dùng cho người học học tập: 0

Tỷ số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: (-)

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây

1. Tính đến tháng 6/2022

Tổng số GV cơ hữu (người): 30

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 93,75%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 50%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 40%

2. Người học: 2021 - 2022

Tổng số người học chính quy (người): 277

Tỷ số người học chính quy trên:

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 95,1%

3. Đánh giá của người học về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): (-)

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): (-)

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: tính trung bình của năm 2017 và 2018

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 68,6%; 56,9%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 31,6%, 43,3%.

Thu nhập bình quân/ tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 4,0

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): (-)

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc nhưng phải đào tạo thêm (%): (-)

6. NCKH và chuyển giao công nghệ

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 13,0

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,37

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,2

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,7

7. Cơ sở vật chất

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 0

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 6,12m²/sv

